CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam

Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020;

Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm năm 2021.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

Căn cứ Luật Quản lý, Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 14/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Pháp lệnh Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia số 32/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007;

Nghị định số 03/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ;

Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

Căn cứ Quyết định số 16/2017/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam[1].

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về an ninh hàng không dân dụng, bao gồm:

1. Biện pháp kiểm soát an ninh phòng ngừa, xử lý vụ việc vi phạm an ninh hàng không và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp.

2. Hệ thống tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của ngành hàng không dân dụng.

3. Công trình, trang bị, thiết bị, phương tiện và vũ khí, công cụ hỗ trợ phục vụ bảo đảm an ninh hàng không.

---

[1] Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không."

- Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021 có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam."

4. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không; quản lý rủi ro an ninh hàng không.

5. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam hoặc hoạt động hàng không dân dụng trong vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động hàng không dân dụng ở nước ngoài nếu pháp luật của nước ngoài không có quy định khác.

3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng tàu bay công vụ nhằm mục đích dân dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bưu gửi bao gồm thư, gói, kiện hàng hóa được chấp nhận, vận chuyển và phát hợp pháp qua mạng bưu chính.

2.[2] Điểm kiểm tra an ninh hàng không là vị trí làm việc của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được thiết lập tại các cổng, cửa, lối đi giữa các khu vực hạn chế hoặc giữa khu vực hạn chế với khu vực khác, nhằm kiểm tra an ninh hàng không người, phương tiện, đồ vật, duy trì an ninh trật tự khu vực điểm kiểm tra an ninh hàng không.

3. Điểm kiểm soát an ninh hàng không là vị trí làm việc của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được thiết lập tại khu vực công cộng hoặc khu vực hạn chế nhằm kiểm soát hoạt động của người, phương tiện, duy trì an ninh, trật tự trong phạm vi được giới hạn quanh điểm kiểm soát.

4. Đồ vật phục vụ trên tàu bay là vật phẩm để hành khách, tổ bay sử dụng, bán trên tàu bay, trừ suất ăn; các vật phẩm phục vụ cho khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.

5. Đồ vật, hành lý không xác nhận được chủ là đồ vật bị bỏ tại cảng hàng không, sân bay mà không có căn cứ xác định được chủ của đồ vật, hành lý đó.

6. Giám sát an ninh hàng không là việc sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp con người, động vật, thiết bị kỹ thuật để quản lý, theo dõi nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm về an ninh hàng không.

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

7. Giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không là giấy tờ do Cục Hàng không Việt Nam cấp cho cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để có thể hành nghề nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

8. Hàng hóa là tài sản được chuyên chở bằng tàu bay trừ bưu gửi, hành lý, đồ vật phục vụ trên tàu bay và suất ăn.

9. Hàng hóa, bưu gửi trung chuyển là hàng hóa, bưu gửi được vận chuyển tiếp nối trên 02 chuyến bay khác nhau trở lên hoặc bằng 02 loại hình vận chuyển khác nhau trở lên, trong đó có loại hình vận chuyển bằng đường hàng không.

10. Hành lý là tài sản của hành khách hoặc tổ bay được chuyên chở bằng tàu bay.

11. Hành lý xách tay là hành lý được hành khách, thành viên tổ bay mang theo người lên tàu bay và do hành khách, thành viên tổ bay bảo quản trong quá trình vận chuyển.

12. Hành lý ký gửi là hành lý của hành khách, thành viên tổ bay được chuyên chở trong khoang hàng của tàu bay và do người vận chuyển bảo quản trong quá trình vận chuyển.

13. Hành lý không có người nhận là hành lý đến một cảng hàng không, sân bay mà không được hành khách, tổ bay lấy hoặc nhận.

14. Hành lý thất lạc là hành lý của hành khách, tổ bay bị tách rời khỏi hành khách, tổ bay trong quá trình vận chuyển.

15. Hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, tạm dừng nội địa là hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi lên lại cùng một chuyến bay tại một cảng hàng không mà hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi đã đến trước đó.

16. Hành khách, hành lý nối chuyến là hành khách, hành lý tham gia trực tiếp vào hai chuyến bay khác nhau trở lên trong một hành trình.

17.[3] Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không là việc thực hiện các kỹ thuật nghiệp vụ và biện pháp giám sát để đánh giá hiện trạng công tác bảo đảm an ninh hàng không, khắc phục các hạn chế trong công tác bảo đảm an ninh hàng không được phát hiện. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không bao gồm các hoạt động: giám sát thường xuyên, thanh tra, kiểm tra chất lượng, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không, thống kê, phân tích số liệu và các biện pháp khác.

a) Kiểm tra chất lượng an ninh hàng không là việc kiểm tra sự tuân thủ các quy định trong chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không của người

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt, chấp thuận;

b) Thử nghiệm an ninh hàng không là việc thực hiện hành vi giả định can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng bằng hình thức công khai hoặc bí mật nhằm sát hạch hiệu quả của biện pháp bảo đảm an ninh hàng không;

c) Điều tra an ninh hàng không là việc tiến hành làm rõ hành vi can thiệp bất hợp pháp, hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm an ninh hàng không;

d) Đánh giá an ninh hàng không là việc thẩm định sự tuân thủ một số hoặc toàn bộ các tiêu chuẩn, quy định về an ninh hàng không do Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế, nhà chức trách hàng không, hãng hàng không tiến hành.

18. Khu vực bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay là khu vực phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, bao gồm: sân đỗ tàu bay, công trình, nhà xưởng, bãi đỗ phương tiện và hệ thống đường giao thông nội bộ.

19. Khu vực cách ly là một phần của khu vực hạn chế, được xác định từ sau điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý xách tay của nhà ga đến cửa khởi hành.

20. Khu vực hạn chế sử dụng riêng là khu vực hạn chế có một trong các đặc điểm sau:

a) Khu vực hạn chế không thuộc nhà ga, sân bay;

b) Khu vực hạn chế thuộc nhà ga hoặc sân bay có hoạt động khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng mà trong thời gian khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng không có hoạt động cung cấp dịch vụ hàng không và ranh giới khu vực khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng có hàng rào hoặc vật kiến trúc ngăn cách, bảo đảm cách biệt với các khu vực hạn chế khác, người, phương tiện trong khu vực thi công không thể xâm nhập vào khu vực hạn chế khác trái phép;

c) Khu vực hạn chế thuộc nhà ga hoặc sân bay do duy nhất một đơn vị quản lý, khai thác và không trực tiếp phục vụ hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, có hàng rào hoặc vật kiến trúc ngăn cách, bảo đảm cách biệt với các khu vực hạn chế khác.

20a.[4] Khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay là khu vực do chủ thể có quyền tổ chức khai thác khu vực đó xác định cụ thể trong chương trình, quy chế an ninh hàng không mà hành khách đi tàu bay, phương tiện, người đón, tiễn, gửi, nhận hàng hóa, bưu gửi có thể tiếp cận mà chưa qua kiểm tra an ninh hàng không. Khu vực công cộng là một trong các khu vực cụ thể sau:

---

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

a) Khu vực thuộc nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa mà không phải khu vực hạn chế và không phải các khu vực sử dụng riêng của các cơ quan, đơn vị;

b) Khu vực đường giao thông, bãi đỗ xe dành cho hành khách đi tàu bay;

c) Các cửa hàng, trung tâm thương mại, khu vui chơi, giải trí công cộng dành cho hành khách, người đón, tiễn, gửi, nhận hàng hóa, bưu gửi ở liền kề sân bay, nhà ga, đường giao thông, bãi đỗ xe dành cho hành khách đi tàu bay.

21. Khu vực lưu giữ hành lý là nơi lưu giữ hành lý ký gửi chờ chuyển lên tàu bay, lưu giữ hành lý thất lạc hoặc hành lý không có người nhận.

22. Kiểm soát an ninh nội bộ là biện pháp an ninh phòng ngừa nhằm loại trừ các nguyên nhân, điều kiện để đối tượng khủng bố, tội phạm có thể lợi dụng, móc nối, lôi kéo nhân viên hàng không tiếp tay hoặc trực tiếp thực hiện hành vi khủng bố, phạm tội và các hành vi vi phạm khác.

23. Kiểm tra an ninh hàng không tàu bay là việc kiểm tra bên trong và bên ngoài tàu bay theo danh mục nhằm phát hiện vật đáng ngờ, vật phẩm nguy hiểm;

24. Kiểm tra trực quan là việc nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trực tiếp sử dụng tay, mắt và các giác quan khác để kiểm tra người, phương tiện, đồ vật nhằm nhận biết và phát hiện vật đáng ngờ, vật phẩm nguy hiểm.

25. Kiểm tra lý lịch là việc thẩm tra, xác minh nhân thân của một người để đánh giá sự thích hợp với vai trò nhân viên hàng không, cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

26. Nhân viên an ninh trên không là người được Chính phủ của quốc gia khai thác tàu bay và Chính phủ của quốc gia đăng ký tàu bay ủy quyền, bố trí làm nhiệm vụ trên tàu bay với mục đích bảo vệ tàu bay và hành khách chống lại hành vi can thiệp bất hợp pháp.

27. Niêm phong an ninh là sự xác nhận hàng hóa, đồ vật, phương tiện đã qua kiểm tra an ninh hàng không hoặc xác nhận tình trạng nguyên vẹn của đồ vật, phương tiện hoặc đồng thời xác nhận hàng hóa, đồ vật, phương tiện đã qua kiểm tra an ninh hàng không và tình trạng nguyên vẹn của đồ vật, phương tiện được niêm phong. Niêm phong an ninh hàng không được thực hiện bằng sử dụng tem niêm phong, dây niêm phong.

27a.[5] Phương tiện tự hành là phương tiện kỹ thuật khu bay tự di chuyển được.

28. Sân đỗ tàu bay là khu vực được xác định trong khu bay dành cho tàu bay đỗ để đón, trả hành khách, hành lý, bưu gửi, hàng hóa, tiếp nhiên liệu hoặc bảo dưỡng.

---

[5] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

29. Suất ăn là đồ ăn, đồ uống, các dụng cụ sử dụng cho bữa ăn trên tàu bay.

30. Tàu bay đang bay là tàu bay theo quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

31. Tàu bay đang khai thác là tàu bay mang quốc tịch của Việt Nam hoặc nước ngoài đang đỗ tại sân đỗ, bãi đậu tàu bay để chuẩn bị thực hiện hoạt động bay và có sự giám sát an ninh hàng không liên tục bằng biện pháp thích hợp nhằm phát hiện việc tiếp cận, xâm nhập tàu bay trái phép.

32. Tàu bay không khai thác là tàu bay mang quốc tịch của Việt Nam hoặc nước ngoài đỗ tại sân đỗ, bãi đậu tàu bay trên 12 giờ hoặc không có sự giám sát an ninh hàng không liên tục.

33. Tia X là một dạng của sóng điện từ, có bước sóng trong khoảng từ 0,01 na-nô-mét đến 10 na-nô-mét tương ứng với dãy tần số từ 30 pe-ta-héc đến 30 e-xa-héc và năng lượng từ 120 eV đến 120 keV.

34. Túi nhựa an ninh là túi nhựa chuyên biệt, trong suốt, có thể nhìn và đọc dễ dàng phiếu mua hàng mà không cần mở túi, dùng để đựng đồ vật có chứa chất lỏng, các chất đặc sánh, dung dịch xịt mua tại cửa hàng trong khu vực cách ly quốc tế, mua trên chuyến bay quốc tế, có quy cách theo Phụ lục XXV ban hành kèm theo Thông tư này.

35. Vị trí đỗ biệt lập là khu vực trong sân bay dành cho tàu bay đỗ trong trường hợp bị can thiệp bất hợp pháp nhằm cách ly với các tàu bay khác và các công trình của cảng hàng không, sân bay kể cả các công trình, thiết bị ngầm dưới mặt đất để triển khai phương án khẩn nguy.

36. Bốt, vọng, chốt gác là vật kiến trúc phục vụ cho công tác kiểm soát an ninh hàng không tại điểm kiểm tra an ninh hàng không, điểm kiểm soát an ninh hàng không.

37. Vụ việc vi phạm an ninh hàng không là hành vi vi phạm an ninh hàng không nhưng chưa đến mức là hành vi can thiệp bất hợp pháp.

38. ICAO là tên viết tắt của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

Điều 4. Chương trình an ninh hàng không, quy chế an ninh hàng không

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với Cảng vụ hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan tại cảng hàng không, sân bay xây dựng chương trình an ninh hàng không trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt; cung cấp phần phù hợp của chương trình an ninh hàng không theo danh mục trong chương trình an ninh hàng không đã được phê duyệt.

2. Người khai thác sân bay chuyên dùng xây dựng chương trình an ninh hàng không trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt; cung cấp phần phù hợp

của chương trình an ninh hàng không theo danh mục trong chương trình an ninh hàng không đã được phê duyệt.

3. Hãng hàng không Việt Nam xây dựng chương trình an ninh hàng không; đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay xây dựng quy chế an ninh hàng không trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt theo quy định; cung cấp phần phù hợp của chương trình an ninh hàng không, quy chế an ninh hàng không theo danh mục trong chương trình an ninh hàng không, quy chế an ninh hàng không đã được phê duyệt.

4. Hãng hàng không nước ngoài thực hiện vận chuyển thường lệ đến và đi từ Việt Nam phải trình chương trình an ninh hàng không dân dụng đối với hoạt động của hãng tại Việt Nam để Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận theo quy định; cung cấp phần phù hợp của chương trình an ninh hàng không cho Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay và bộ phận kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay mà hãng có đường bay thường lệ.

5. Chương trình, quy chế an ninh hàng không của các đơn vị, doanh nghiệp hàng không tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này quy định chi tiết trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan trong công tác bảo đảm an ninh hàng không, quy trình, thủ tục, biện pháp bảo đảm an ninh hàng không được quy định tại Thông tư này. Nội dung trong chương trình, quy chế an ninh hàng không của các hãng hàng không, người khai thác tàu bay Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không liên quan đến hoạt động tại cảng hàng không phải đúng quy định của pháp luật và phù hợp với chương trình an ninh hàng không, kế hoạch khẩn nguy của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

6. Nội dung chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không của các đơn vị, doanh nghiệp nêu tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này phải được xây dựng theo đề cương quy định tại các Phụ lục I, II, III, IV và V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Thủ tục phê duyệt chương trình, quy chế an ninh hàng không, chấp thuận chương trình an ninh hàng không hãng hàng không nước ngoài

1.[6] Doanh nghiệp, đơn vị có chương trình, quy chế an ninh hàng không gửi 01 bộ hồ sơ (hồ sơ bằng tiếng Việt đối với doanh nghiệp Việt Nam, hồ sơ bằng tiếng Anh đối với hãng hàng không nước ngoài) trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chương trình, quy chế an ninh hàng không;

c) Bảng đánh giá nội dung khác biệt của chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không với quy định của pháp luật Việt Nam và các biện pháp nhằm khắc phục các khác biệt đối với hồ sơ trình chấp thuận chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu doanh nghiệp, đơn vị đề nghị phê duyệt bổ sung hồ sơ.

3.[7] Trường hợp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 10 ngày làm việc (đối với thủ tục phê duyệt, chấp thuận chương trình, quy chế an ninh hàng không) hoặc 05 ngày làm việc (đối với thủ tục phê duyệt, chấp thuận sửa đổi, bổ sung chương trình, quy chế an ninh hàng không) tính từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, xem xét tổ chức kiểm tra thực tế nếu cần:

a) Nếu chương trình, quy chế an ninh hàng không đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư này: ra quyết định phê duyệt hoặc chấp thuận (đối với chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài);

b) Nếu chương trình, quy chế an ninh hàng không chưa đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư này: có văn bản yêu cầu doanh nghiệp, đơn vị đề nghị phê duyệt bổ sung, sửa đổi chương trình, quy chế.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không

1. Đơn vị, doanh nghiệp có chương trình, quy chế an ninh hàng không phải tổ chức rà soát, đánh giá thường xuyên chương trình, quy chế an ninh hàng không để kịp thời sửa đổi, bổ sung nếu cần thiết.

2. Chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không phải được kịp thời sửa đổi, bổ sung khi không còn phù hợp với quy định hiện hành hoặc không đáp ứng yêu cầu trong quá trình triển khai, thực hiện.

3. Thủ tục phê duyệt, chấp thuận sửa đổi, bổ sung chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

---

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Điều 7. Kiểm soát tài liệu an ninh hàng không

1. Việc xác định độ mật của tài liệu an ninh hàng không được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Danh mục tài liệu an ninh hàng không hạn chế bao gồm:

a) Các chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt, chấp thuận;

b) Khuyến cáo, thông báo, kiểm tra, thử nghiệm, điều tra, khảo sát, các đánh giá nguy cơ về an ninh hàng không và hồ sơ các vụ việc vi phạm về an ninh hàng không chưa được công bố công khai;

c) Các quy chế phối hợp, văn bản hiệp đồng về an ninh hàng không giữa các cơ quan, đơn vị ngành hàng không với các cơ quan đơn vị liên quan;

d) Tài liệu về an ninh hàng không của ICAO hoặc do nước ngoài cung cấp được ICAO và phía nước ngoài xác định là tài liệu hạn chế;

đ) Các văn bản, tài liệu về an ninh hàng không khác mà Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam xác định là tài liệu hạn chế.

3. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tài liệu an ninh hạn chế đúng mục đích.

4. Tài liệu an ninh hàng không hạn chế chỉ cung cấp cho nơi nhận có ghi trong tài liệu. Việc cung cấp tài liệu cho đầu mối ngoài danh mục nơi nhận tài liệu phải được sự đồng ý bằng văn bản của thủ trưởng đơn vị ban hành tài liệu và có ký giao, nhận. Đồ vật cất giữ tài liệu an ninh hàng không hạn chế phải có dòng chữ "tài liệu hạn chế" tại nơi dễ dàng quan sát. Việc dự thảo, phát hành, quản lý, sử dụng, tiêu hủy tài liệu an ninh hàng không hạn chế được quy định cụ thể trong chương trình, quy chế an ninh hàng không của các cơ quan, đơn vị có chương trình, quy chế an ninh hàng không.

Điều 8. Nhiệm vụ của Ủy ban An ninh cảng hàng không, sân bay

1. Xem xét các mối đe dọa, rủi ro an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay.

2. Phối hợp giữa các bên liên quan trong công tác bảo đảm an ninh cảng hàng không, sân bay; trao đổi thông tin về các vấn đề an ninh hàng không.

3. Tham gia đóng góp ý kiến khi xây dựng chương trình, kế hoạch, phương án bảo đảm an ninh hàng không.

4. Xem xét kết quả của hoạt động kiểm soát chất lượng nội bộ và kiểm soát chất lượng của cơ quan có thẩm quyền tại cảng hàng không, sân bay hoặc đánh giá của các hãng hàng không, tổ chức quốc tế.

5. Đánh giá tính liên tục và hiệu quả của chương trình an ninh hàng không.

Chương II

BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT AN NINH PHÒNG NGỪA

Mục 1

HỆ THỐNG THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG VÀO VÀ HOẠT ĐỘNG TẠI KHU VỰC HẠN CHẾ

Điều 9. Hệ thống thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Hệ thống thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không bao gồm:

a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay loại có giá trị sử dụng dài hạn và loại có giá trị sử dụng ngắn hạn cấp cho người, phương tiện được phép vào và hoạt động tại các khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay;

b) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ loại có giá trị sử dụng dài hạn và loại có giá trị sử dụng ngắn hạn được phép vào và hoạt động tại các khu vực hạn chế riêng của doanh nghiệp;

c) Thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không được phép vào và hoạt động tại các khu vực hạn chế có liên quan đến nhiệm vụ của tổ bay.

2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải được bảo mật, chống làm giả. Cục Hàng không Việt Nam thống nhất cách thức, biện pháp bảo mật đối với từng loại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không.

3.[8] Các quy định về giấy phép kiểm soát an ninh hàng không cấp cho phương tiện trong Thông tư này chỉ áp dụng đối với phương tiện tự hành và phương tiện giao thông đường bộ.

Điều 10. Thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam thực hiện cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn tại các cảng hàng không sân bay thuộc quyền quản lý của từ 02 Cảng vụ hàng không trở lên cho các đối tượng đủ điều kiện cấp thẻ.

2. Cảng vụ hàng không thực hiện cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay cho các đối tượng đủ điều kiện được cấp thẻ, giấy phép như sau:

a) Cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn tại một hoặc nhiều cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi

---

[8] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

quản lý của Cảng vụ hàng không cho các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 14 của Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

b)[9] Cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn tại 01 cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng không cho các đối tượng quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 14 Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay thực hiện cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn và ngắn hạn thuộc phạm vi quản lý cho các đối tượng đủ điều kiện được cấp thẻ, giấy phép sau:

a) Cán bộ, nhân viên, phương tiện của doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay, người khai thác cảng hàng không, sân bay, đơn vị cung cấp dịch vụ đảm bảo an ninh hàng không;

b) Người, phương tiện mà doanh nghiệp cảng hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, đơn vị cung cấp dịch vụ đảm bảo an ninh hàng không thuê làm nhiệm vụ khảo sát, thi công, xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, công trình của mình.

4. Hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài cấp thẻ nhận dạng tổ bay cho tổ bay để thực hiện nhiệm vụ trong chuyến bay.

5. Doanh nghiệp chủ quản khu vực hạn chế sử dụng riêng cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng tại các khu vực hạn chế sử dụng riêng của doanh nghiệp.

Điều 11. Thời hạn, hiệu lực và mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1.[10] Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn có thời hạn hiệu lực tối đa không quá 02 năm kể từ thời điểm thẻ, giấy phép được cấp có hiệu lực.

2. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn có thời hạn hiệu lực căn cứ vào yêu cầu của người đề nghị cấp và kết quả thẩm định hồ sơ, bao gồm thẻ được sử dụng 01 lần trong vòng 01 ngày (24 giờ) kể từ thời điểm thẻ được cấp có hiệu lực và thẻ được sử dụng nhiều lần nhưng có thời hạn tối đa không quá 30 ngày kể từ thời điểm thẻ được cấp có hiệu lực.

---

[9] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

3.[11] Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay loại có giá trị sử dụng ngắn hạn có thời hạn hiệu lực căn cứ vào yêu cầu của người đề nghị cấp và kết quả thẩm định hồ sơ, bao gồm giấy phép được sử dụng 01 lần trong vòng 01 ngày (24 giờ) kể từ thời điểm giấy phép được cấp có hiệu lực và giấy phép được sử dụng nhiều lần nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ thời điểm giấy phép được cấp có hiệu lực.

4. Thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không Việt Nam; thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ loại có giá trị sử dụng dài hạn có thời hạn hiệu lực tối đa không quá 02 năm kể từ ngày cấp; thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ loại có giá trị sử dụng ngắn hạn có thời hạn hiệu lực như quy định về thời hạn hiệu lực của thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay loại có giá trị sử dụng ngắn hạn quy định tại khoản 2, 3 Điều này.

5. Mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Phụ lục XXVII ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Hãng hàng không Việt Nam ban hành mẫu thẻ nhận dạng tổ bay; doanh nghiệp chủ quản khu vực hạn chế sử dụng riêng ban hành mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ. Các mẫu này không được giống với mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay và phải được thông báo cho Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nơi hãng hàng không khai thác, doanh nghiệp hoạt động để giám sát.

7. Hãng hàng không nước ngoài phải thông báo mẫu thẻ nhận dạng tổ bay cho Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nơi hãng hàng không khai thác để giám sát.

8. Đối tượng được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay phải chịu chi phí cấp thẻ, giấy phép theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nội dung của thẻ kiểm soát an ninh hàng không

1. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn phải có các thông tin cơ bản sau đây:

a) Số thẻ; ký hiệu cảng hàng không, sân bay được phép vào và hoạt động;

b) Thời hạn hiệu lực của thẻ;

c) Họ và tên của người được cấp thẻ;

d) Chức danh của người được cấp thẻ;

đ) Tên cơ quan, đơn vị của người được cấp thẻ;

e) Ảnh của người được cấp thẻ;

---

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

g) Khu vực hạn chế được phép vào và hoạt động;

h) Quy định về sử dụng thẻ.

2. Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn phải có các thông tin cơ bản sau đây:

a) Số thẻ; ký hiệu của doanh nghiệp;

b) Thông tin theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này.

3. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn phải có các thông tin cơ bản quy định tại các điểm a, b, c, đ, g, h khoản 1 Điều này và số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn hoặc số thẻ kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn của người được cấp thẻ.

Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng ngắn hạn phải có các thông tin cơ bản quy định tại các điểm a, b, c, g và h khoản 1 Điều này.

4. Từng khu vực hạn chế trên thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay, thẻ kiểm soát an ninh nội bộ được phân định tương ứng bằng chữ cái, con số, màu sắc hoặc được mã hóa.

5. Thẻ nhận dạng tổ bay có các thông tin cơ bản sau đây:

a) Số thẻ;

b) Thời hạn hiệu lực của thẻ;

c) Họ và tên của người được cấp thẻ;

d) Chức danh của người được cấp thẻ;

đ) Tên, biểu tượng hãng hàng không;

e) Ảnh của người được cấp thẻ.

Điều 13. Nội dung của giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn; giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn phải có các thông tin cơ bản sau đây:

a) Số giấy phép;

b) Thời hạn hiệu lực của giấy phép;

c) Loại phương tiện;

d) Biển kiểm soát phương tiện;

đ) Khu vực hạn chế được phép vào và hoạt động;

e) Cổng ra, cổng vào;

g) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản phương tiện.

2. Giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng ngắn hạn phải có các thông tin cơ bản quy định tại các điểm a, b và đ khoản 1 Điều này.

3. Từng khu vực hạn chế trên giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ được phân định tương ứng bằng chữ cái, con số hoặc màu sắc.

Điều 14. Đối tượng, điều kiện, phạm vi cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay

1. Đối tượng được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn bao gồm:

a)[12] Cán bộ, nhân viên của các hãng hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, du lịch tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Nhân viên của doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không;

c) Nhân viên của doanh nghiệp thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình, trang thiết bị tại cảng hàng không, sân bay;

d) Cán bộ, nhân viên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội;

đ) Người của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

2. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không có án tích theo quy định của pháp luật;

b) Được cơ quan, tổ chức chủ quản giao nhiệm vụ làm việc theo ca hoặc hàng ngày hoặc định kỳ theo tuần, tháng tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay trong thời gian từ 03 tháng liên tục trở lên hoặc có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực hàng không tại các khu vực hạn chế.

3. Đối tượng quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều này được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không có án tích theo quy định của pháp luật;

---

[12] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

b) Được cơ quan, tổ chức quản lý giao nhiệm vụ làm việc theo ca hoặc hàng ngày hoặc định kỳ theo tuần, tháng tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay trong thời gian từ 03 tháng liên tục trở lên.

4. Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn với điều kiện không có án tích theo quy định của pháp luật và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Có nhiệm vụ thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng liên quan trực tiếp đến hoạt động hàng không dân dụng;

b) Phục vụ chuyên cơ theo quy định của pháp luật về chuyên cơ;

c) Thực hiện nhiệm vụ chuyên trách đón, tiễn các đoàn khách quốc tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội cấp Trung ương; cơ quan Nhà nước cấp Trung ương hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Thường xuyên, chuyên trách đưa, đón các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; người điều khiển phương tiện quy định tại điểm b và c khoản 7 Điều này;

đ) Được cơ quan, tổ chức chủ quản giao nhiệm vụ làm việc theo ca hoặc hàng ngày hoặc định kỳ theo tuần, tháng tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay trong thời gian từ 03 tháng liên tục trở lên hoặc có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực hàng không tại các khu vực hạn chế;

e) Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm.

5. Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn nếu có công việc thường xuyên thuộc lĩnh vực ngoại giao, lãnh sự trong khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay.

6. Đối tượng, điều kiện cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn

a) Các đối tượng có nhiệm vụ, công việc đột xuất tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay hoặc đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều này mà chưa được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn thì được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn;

b)[13] Người đến nhận thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn phải đọc, hiểu quy định về sử dụng thẻ tại Thông tư này và cam kết phổ biến quy định về sử dụng thẻ đến người sử dụng thẻ. Người sử dụng thẻ chịu trách nhiệm tự liên hệ để có người giám sát, hộ tống vào, hoạt động trong khu vực hạn chế theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Thông tư này;

c) Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm.

7. Phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn bao gồm:

a) Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay;

b) Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước có nhiệm vụ phục vụ chuyên cơ;

c) Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước và chuyên phục vụ các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

8. Phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng ngắn hạn gồm:

a) Phương tiện sử dụng để đưa đón khách quốc tế từ cấp Bộ trưởng trở lên;

b) Phương tiện có nhiệm vụ đột xuất để: thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; phục vụ hoạt động của cảng hàng không, sân bay tại khu vực hạn chế;

c) Phương tiện quy định tại khoản 7 Điều này nhưng chưa được cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn;

d) Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm.

9.[14] Phương tiện quy định tại khoản 8 Điều này chỉ được cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn khi người đến nhận giấy phép đọc, hiểu quy định về sử dụng giấy phép tại Thông tư

---

[13] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

này và cam kết phổ biến quy định về sử dụng giấy phép đến người sử dụng giấy phép. Người sử dung giấy phép chịu trách nhiệm tự liên hệ để có người đi cùng hoặc phương tiện dẫn đường theo quy định tại khoản 6 Điều 32 Thông tư này.

10. Phạm vi cấp thẻ, giấy phép cụ thể như sau:

a) Người làm việc tại một cảng hàng không, sân bay chỉ được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn tại cảng hàng không, sân bay nơi làm việc;

b) Người làm việc tại nhiều cảng hàng không được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn tại các cảng hàng không, sân bay nơi làm việc; người, phương tiện có nhiệm vụ tại khu vực hạn chế nào chỉ được cấp thẻ, giấy phép vào khu vực hạn chế đó; người, phương tiện có nhiệm vụ trong khu vực hạn chế thời gian nào chỉ được cấp thẻ, giấy phép có giá trị sử dụng trong thời gian đó;

c) Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này chỉ được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn vào cảng hàng không quốc tế;

d) Thẻ có giá trị sử dụng ngắn hạn, giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn chỉ có giá trị sử dụng tại một cảng hàng không, sân bay.

11. Trong trường hợp áp dụng biện pháp an ninh tăng cường, khẩn nguy sân bay hoặc vì lý do an ninh, người khai thác cảng hàng không, sân bay quyết định việc hạn chế người, phương tiện đã được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh vào các khu vực hạn chế và báo cáo ngay Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không liên quan.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị đề nghị cấp thẻ, giấy phép đối với hồ sơ đề nghị cấp thẻ, giấy phép

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người được đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không chịu trách nhiệm:

1. Bảo đảm người, phương tiện được đề nghị cấp thẻ, giấy phép đúng đối tượng theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này;

2. Bảo đảm tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Điều 16. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không mất giá trị sử dụng và cấp lại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không bị mất giá trị sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Thẻ, giấy phép bị hỏng; nội dung trên thẻ, giấy phép bị mờ; không còn dấu hiệu bảo mật;

b) Thẻ, giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa;

c) Thẻ, giấy phép bị mất;

d) Người được cấp thẻ không còn đáp ứng về đối tượng, điều kiện cấp thẻ;

đ) Phương tiện được cấp giấy phép không còn đáp ứng đối tượng, điều kiện cấp giấy phép;

e) Các trường hợp phải thu hồi thẻ, giấy phép nhưng người, đơn vị được cấp không trả lại thẻ, giấy phép cho đơn vị cấp.

2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh được xem xét cấp lại trong những trường hợp sau:

a) Khi ban hành mẫu thẻ, giấy phép mới;

b) Còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Hết thời hạn sử dụng; bị mất; do thay đổi vị trí công tác.

Điều 17. Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không

1. Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến cơ quan cấp thẻ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo hướng dẫn tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

c) Danh sách trích ngang theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này (trừ trường hợp lực lượng công an, hải quan trực tiếp làm việc tại cảng hàng không) có dán ảnh màu kích thước 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp đến ngày nộp hồ sơ);

đ) 01 ảnh màu theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

2. Cơ quan cấp thẻ thẩm định, cấp hoặc không cấp thẻ như sau:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ thực hiện việc cấp thẻ;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, cơ quan cấp thẻ có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc đề nghị trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

Điều 18. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không

1. Cơ quan đề nghị cấp lại thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến cơ quan cấp thẻ. Hồ sơ bao gồm:

a) Trường hợp cấp lại do thẻ hết thời hạn sử dụng, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 1 Điều 17 Thông tư này;

b) Trường hợp cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, c, đ khoản 1 Điều 17 Thông tư này và nộp lại thẻ bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Trường hợp cấp lại do bị mất thẻ, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, c, đ khoản 1 Điều 17 Thông tư này và văn bản giải trình của người đề nghị cấp về thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất thẻ có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

d) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác cơ quan, đơn vị, hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này; trường hợp thay đổi vị trí công tác trong cùng cơ quan, đơn vị, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

2. Cơ quan cấp thẻ thẩm định, cấp hoặc không cấp thẻ như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ thực hiện việc cấp thẻ;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, cơ quan cấp thẻ có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị cấp lại trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

Điều 19. Thủ tục cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ hàng không

1. Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc nộp bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: chứng minh nhân dân, căn cước công dân; chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư lãnh sự, chứng minh thư

công vụ, chứng minh thư phổ thông; hộ chiếu; thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn;

b) Văn bản đề nghị, trong đó có có các thông tin họ và tên, số điện thoại và thư điện tử của người đại diện làm thủ tục cấp thẻ;

c) Danh sách theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn không quá 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định hồ sơ, cấp thẻ; trường hợp không cấp thẻ, thông báo trực tiếp lý do cho người nộp hồ sơ.

Điều 20. Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay

1. Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến cơ quan cấp thẻ. Hồ sơ bao gồm:

a) Danh sách cán bộ, nhân viên đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này có dán ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

c) 01 ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

2. Trong 05 ngày làm việc kể từ khi cấp thẻ, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay phải gửi danh sách những người được cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này cho Cảng vụ hàng không khu vực.

Điều 21. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay

1. Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến cơ quan cấp thẻ. Hồ sơ bao gồm:

a) Trường hợp cấp lại do thẻ hết thời hạn sử dụng, hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư này;

b) Trường hợp cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 20 của Thông tư này và nộp lại thẻ bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Trường hợp cấp lại do bị mất thẻ, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 20 của Thông tư này và văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mất thẻ;

d) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác, hồ sơ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 20 của Thông tư này.

2. Trong 05 ngày làm việc kể từ khi cấp, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay phải gửi danh sách những người được cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này cho Cảng vụ hàng không khu vực.

Điều 22. Thủ tục cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay

1. Đơn vị đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến cơ quan cấp thẻ. Hồ sơ bao gồm:

a) Danh sách theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu, thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn.

2. Trong thời hạn không quá 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay thẩm định hồ sơ, cấp thẻ; trường hợp không cấp thẻ, thông báo trực tiếp lý do cho người nộp hồ sơ.

Điều 23. Thủ tục cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay

1. Cơ quan đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến cơ quan cấp giấy phép. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này (trừ trường hợp cơ quan cấp giấy phép cho phương tiện của mình);

b) Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục IX kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

2. Cơ quan cấp giấy phép thẩm định, cấp hoặc không cấp giấy phép như sau:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp giấy phép phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép thực hiện việc cấp giấy phép;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp giấy phép không phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, cơ quan cấp giấy phép có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị cấp giấy phép trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

3.[15] Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi cấp, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay phải gửi danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này cho Cảng vụ hàng không khu vực.

Điều 24. Thủ tục cấp lại giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay

1. Cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến cơ quan cấp giấy phép. Hồ sơ bao gồm:

a) Cấp lại do giấy phép hết thời hạn sử dụng, hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư này;

b) Cấp lại do giấy phép còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 23 Thông tư này và nộp lại giấy phép bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Cấp lại do bị mất giấy phép, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 23 Thông tư này; cơ quan đề nghị cấp giấy phép phải có văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mất giấy phép.

2. Cơ quan cấp giấy phép thẩm định, cấp hoặc không cấp giấy phép như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp giấy phép phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép thực hiện việc cấp giấy phép;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp giấy phép không phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, cơ quan cấp giấy phép có công văn

[15] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị cấp giấy phép trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

3. Trong 05 ngày làm việc kể từ khi cấp, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay phải gửi danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này cho Cảng vụ hàng không khu vực.

Điều 25. Thủ tục cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay

1. Cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp đến cho cơ quan cấp giấy phép. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó có có các thông tin họ và tên, số điện thoại và thư điện tử của người đại diện làm thủ tục cấp giấy phép;

b) Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

2. Trong thời hạn tối đa 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép, thông báo trực tiếp lý do cho người nộp hồ sơ.

Điều 26. Thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn cho lực lượng công an và hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế

1. Cơ quan công an, hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế chịu trách nhiệm về hồ sơ, lý lịch, nhân thân, nhiệm vụ của người được đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh sách cán bộ, nhân viên làm việc thường xuyên tại cảng hàng không, sân bay quốc tế, bao gồm các thông tin về họ và tên, chức vụ, đơn vị làm việc, khu vực hoạt động của người đề nghị cấp thẻ;

c) 02 ảnh màu kích thước 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét (ảnh chụp mặc trang phục của ngành trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ) hoặc ảnh chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định hồ sơ và cấp thẻ. Trường hợp không cấp có văn bản trả lời nêu rõ lý do không cấp cho cơ quan đề nghị cấp.

Điều 27. Cấp, quản lý, lưu trữ hồ sơ thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Hồ sơ cấp thẻ, giấy phép phải được lưu trữ, tiêu hủy theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Tại nơi cấp thẻ, giấy phép phải niêm yết quy định về hồ sơ và quy trình cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, phải có sổ giao nhận thẻ, giấy phép; khi cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn phải yêu cầu người nhận thẻ viết và cam kết nội dung như quy định tại khoản 5 và khoản 9 Điều 14 Thông tư này.

Điều 28. Thẩm định, giải trình trong việc cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay

1. Cơ quan cấp thẻ, giấy phép chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ và các nội dung sau đây để cấp thẻ, giấy phép:

a) Đối tượng cấp thẻ, giấy phép;

b) Điều kiện cấp thẻ, giấy phép;

c) Phạm vi cấp thẻ, giấy phép;

d) Thời hạn cấp thẻ, giấy phép;

đ) Cảng hàng không, khu vực hạn chế được cấp trong thẻ, giấy phép.

2. Cơ quan, đơn vị và cá nhân người đề nghị cấp thẻ, giấy phép có trách nhiệm giải trình và cung cấp các tài liệu chứng minh cho cơ quan cấp thẻ, giấy phép để làm rõ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này trong quá trình thẩm định hồ sơ.

3. Cơ quan cấp thẻ, giấy phép có quyền từ chối cấp thẻ, giấy phép nếu đơn vị và cá nhân người đề nghị cấp thẻ, giấy phép từ chối giải trình và cung cấp tài liệu chứng minh hoặc vi phạm các quy định về việc quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép hoặc phát hiện hành vi khai, xác nhận không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Điều 29. Đối tượng, điều kiện, thủ tục cấp và quản lý thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ, thẻ nhận dạng tổ bay

Doanh nghiệp cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ, thẻ nhận dạng tổ bay phải quy định đối tượng, điều kiện được cấp thẻ, giấy phép; mẫu thẻ, giấy phép; hồ sơ, thủ tục cấp thẻ, giấy phép; trách nhiệm, thẩm quyền quản lý, cấp, thu hồi thẻ, giấy phép trong chương trình, quy chế an ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

Điều 30. Quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Người được cấp thẻ, người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép phải bảo quản, giữ gìn thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, không cho người khác sử dụng dưới bất cứ hình thức nào. Trường hợp người, phương tiện được cấp thẻ, giấy phép không còn nhiệm vụ tại khu vực hạn chế, phải nộp lại thẻ cho cơ quan đề nghị cấp thẻ để trả lại thẻ, giấy phép cho đơn vị cấp. Trường hợp bị mất thẻ, giấy phép phải báo ngay cho đơn vị cấp và cơ quan chủ quản của mình.

2. Người sử dụng thẻ, người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép sẽ bị thu hồi thẻ, giấy phép (không áp dụng đối với hành vi vi phạm đã bị xử lý theo quy định tại Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng) trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm quy định về an ninh, an toàn hàng không;

b) Gây rối trật tự tại cảng hàng không, sân bay;

c) Vi phạm quy định về sử dụng thẻ, giấy phép;

d) Không còn đáp ứng điều kiện cấp thẻ, giấy phép.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý người, phương tiện được cấp thẻ, giấy phép chịu trách nhiệm:

a) Quy định việc quản lý và sử dụng thẻ, giấy phép của các cá nhân, phương tiện của đơn vị mình khi được cấp để bảo đảm sử dụng đúng mục đích;

b) Thu hồi và bàn giao cho đơn vị cấp: thẻ, giấy phép mất giá trị sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 16 của Thông tư này; thẻ, giấy phép bị thu hồi theo quy định tại khoản 2 Điều này. Thông báo ngay bằng văn bản các trường hợp mất thẻ, giấy phép cho đơn vị cấp thẻ, giấy phép;

c) Trong vòng 15 ngày sau khi thẻ, giấy phép hết hạn sử dụng phải tiêu hủy thẻ, giấy phép.

4. Cán bộ, nhân viên thuộc các cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không để ra, vào khu vực hạn chế không phải đeo thẻ trong quá trình làm việc.

5.[16] Cơ quan cấp thẻ, giấy phép phải thông báo ngay bằng văn bản hoặc cập nhật vào cơ sở dữ liệu an ninh hàng không danh sách các trường hợp mất thẻ, giấy phép do đơn vị mình cấp cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không làm nhiệm vụ tại khu vực hạn chế ghi trên thẻ, giấy phép bị mất và Cục Hàng không Việt Nam để kịp thời ngăn chặn việc sử dụng thẻ, giấy phép đã mất; trong vòng

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

15 ngày sau khi nhận được thẻ, giấy phép mất giá trị sử dụng cơ quan cấp thẻ, giấy phép phải tiêu hủy thẻ, giấy phép.

Mục 2

KIỂM SOÁT AN NINH KHU VỰC HẠN CHẾ VÀ KHU VỰC CÔNG CỘNG

Điều 31. Thiết lập khu vực hạn chế

1. Căn cứ thực tế cơ sở hạ tầng và hoạt động hàng không dân dụng, các khu vực hạn chế sau đây phải được thiết lập:

a) Khu vực hành khách sau khi đã kiểm tra soi chiếu người và hành lý chờ để đi tàu bay (khu vực cách ly), khu vực từ điểm kiểm tra an ninh đối với nhân viên nội bộ trước khi vào khu vực hạn chế vào bên trong nhà ga;

b) Khu vực sân đỗ tàu bay, đường hạ cất cánh, đường lăn và các khu vực khác trong sân bay (sân bay);

c) Khu vực phục vụ hành lý ký gửi sau khi đã được kiểm tra an ninh hàng không để đưa lên tàu bay (khu vực phân loại hành lý);

d) Khu vực dành cho hành khách quá cảnh, nối chuyến chờ để chuyển tiếp chuyến bay (khu vực quá cảnh);

đ) Khu vực phục vụ hàng hóa, bưu gửi sau khi đã kiểm tra soi chiếu để đưa lên tàu bay (khu vực phân loại, lưu giữ, chất xếp hàng hóa, bưu gửi);

e) Nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay ưu tiên;

g) Khu vực giao nhận hành lý cho hành khách tại nhà ga đến;

h) Khu vực bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt tàu bay;

i) Khu vực sản xuất, chế biến, cung ứng suất ăn;

k) Khu vực kho nhiên liệu cung cấp cho tàu bay;

l) Trung tâm khẩn nguy cảng hàng không; Trung tâm khẩn nguy hàng không quốc gia;

m) Trung tâm kiểm soát đường dài, cơ sở kiểm soát tiếp cận, trung tâm quản lý luồng không lưu;

n) Đài kiểm soát tại sân bay, trạm ra-đa kiểm soát không lưu, trạm thông tin điều hành bay;

o) Trạm cấp điện, cấp nước của cảng hàng không, sân bay (nằm ngoài khu vực hạn chế nhà ga, sân bay);

p) Khu vực từ điểm soi chiếu hành lý ký gửi vào bên trong nhà ga;

q) Khu vực từ điểm soi chiếu hàng hóa, bưu gửi để vận chuyển bằng tàu bay vào bên trong nhà ga, nhà kho;

r) Khu vực lắp đặt các thiết bị điều khiển trung tâm của hệ thống kỹ thuật nhà ga, sân bay, kiểm soát cổng cửa ra vào nhà ga, sân bay, quản lý tòa nhà; phòng giám sát an ninh bằng ca-me-ra; nơi đặt thiết bị điều khiển hệ thống phát thanh, phát hình của cảng hàng không, sân bay; nơi đặt máy chủ hệ thống máy tính phục vụ hoạt động của của cảng hàng không, sân bay.

2. Căn cứ khoản 1 Điều này, người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với Cảng vụ hàng không, bộ phận kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan xác định các khu vực hạn chế và ranh giới cụ thể của từng khu vực hạn chế thuộc nhà ga, sân bay và khu vực hạn chế thuộc quyền quản lý, khai thác riêng của người khai thác cảng hàng không, sân bay khi xây dựng chương trình an ninh hàng không.

3. Căn cứ khoản 1 Điều này, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với Cảng vụ hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan xác định khu vực hạn chế và ranh giới cụ thể của từng khu vực hạn chế thuộc quyền quản lý, khai thác đối với khu vực nằm ngoài nhà ga, sân bay khi xây dựng quy chế an ninh hàng không; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi xác định, thiết lập khu vực hạn chế và ranh giới cụ thể của từng khu vực hạn chế đối với các khu vực không thuộc cảng hàng không, sân bay khi xây dựng quy chế an ninh hàng không.

4. Trong trường hợp phải tăng cường đảm bảo an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay hoặc để bảo vệ hiện trường hoặc để phục vụ hoạt động hàng không dân dụng, xét thấy cần thiết tạm thời thiết lập khu vực hạn chế mới, bộ phận kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay đề xuất với người khai thác cảng hàng không, sân bay thiết lập và thông báo ngay cho Cảng vụ hàng không, các cơ quan, đơn vị hoạt động thường xuyên tại khu vực đó. Việc thiết lập tạm thời khu vực hạn chế phải đảm bảo yêu cầu sau:

a) Có thời hạn;

b) Có hàng rào cứng hoặc mềm làm ranh giới; có biển, tín hiệu cảnh báo phù hợp;

c) Có điểm kiểm tra an ninh hàng không và bố trí nhân viên kiểm soát an ninh hàng không để kiểm tra, giám sát trong thời gian thiết lập;

d) Có biện pháp bảo đảm an ninh hàng không phù hợp;

đ) Nếu thời hạn thiết lập tạm thời khu vực hạn chế trên 24 giờ thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của Cục Hàng không Việt Nam.

5. Việc thiết lập các khu vực hạn chế và áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát an ninh hàng không cho từng khu vực hạn chế phải phù hợp với mục đích bảo đảm an ninh hàng không và không gây cản trở cho người, phương tiện ra, vào, hoạt động bình thường tại khu vực hạn chế. Cơ quan, đơn vị thiết lập

khu vực hạn chế phải có biển cảnh báo "KHU VỰC HẠN CHẾ - RESTRICTED AREA" đặt ở các vị trí thích hợp, dễ quan sát, tiếp giáp giữa khu vực hạn chế và khu vực công cộng.

Điều 32. Quy định về việc ra, vào và hoạt động tại khu vực hạn chế

1. Người, phương tiện khi ra, vào và hoạt động tại khu vực hạn chế phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không được phép ra, vào khu vực đó.

2. Thẻ phải đeo ở vị trí phía trước ngực bảo đảm quan sát được mặt trước của thẻ trong suốt thời gian hoạt động trong khu vực hạn chế, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 30 Thông tư này; giấy phép phải để ở phía trước buồng lái hoặc tại vị trí dễ nhận biết của phương tiện.

3. Người, đồ vật mang theo, phương tiện ra, vào khu vực hạn chế phải đúng cổng, cửa quy định, tuân thủ hướng dẫn và các quy định về an ninh, an toàn, khai thác tại khu vực hạn chế; chịu sự kiểm tra, giám sát an ninh hàng không thích hợp.

4. Người sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn phải được hộ tống khi vào, hoạt động trong khu vực cách ly; phải được giám sát khi vào, hoạt động trong khu vực hạn chế khác. Người giám sát, hộ tống phải có thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn phù hợp và thuộc một trong các đối tượng dưới đây:

a) Người thường xuyên làm việc tại khu vực hạn chế của cơ quan đề nghị cấp thẻ ngắn hạn;

b) Người của cơ quan chủ quản khu vực hạn chế; cơ quan quản lý; đơn vị hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế;

c) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, Cảng vụ hàng không.

5. Người giám sát, hộ tống quy định tại khoản 4 Điều này phải đăng ký vào sổ nhật ký ca trực của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại điểm kiểm tra an ninh trước khi đưa người được giám sát, hộ tống vào, hoạt động trong khu vực hạn chế các thông tin sau: họ tên, số thẻ kiểm soát an ninh hàng không của người giám sát, hộ tống và người được giám sát, hộ tống. Việc giám sát, hộ tống phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Người giám sát phải thường xuyên quan sát hoạt động của người được giám sát; kịp thời hướng dẫn người được giám sát các quy định về an ninh, an toàn; có biện pháp ngăn chặn hoặc thông báo cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không hoặc người của cơ quan chức năng đang làm nhiệm vụ gần đó nếu phát hiện sai phạm của người được giám sát;

b) Người hộ tống phải đi cùng người được hộ tống, thường xuyên quan sát hoạt động của người được hộ tống; kịp thời hướng dẫn người được hộ tống các quy định về an ninh, an toàn; có biện pháp ngăn chặn hoặc thông báo cho lực

lượng kiểm soát an ninh hàng không hoặc người của cơ quan chức năng đang làm nhiệm vụ gần đó nếu phát hiện sai phạm của người được hộ tống.

6.[17] Phương tiện vào, hoạt động trong khu vực hạn chế của sân bay phải có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không hoặc nhân viên có giấy phép khai thác phương tiện mặt đất giám sát hoặc phương tiện của người khai thác cảng hàng không, sân bay dẫn đường trong các trường hợp sau:

a) Người điều khiển phương tiện chỉ được cấp thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng ngắn hạn;

b) Người điều khiển phương tiện không có chứng chỉ đào tạo điều khiển, vận hành phương tiện trong sân đỗ tàu bay do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;

c) Phương tiện hoạt động không thường xuyên trong khu bay.

7. Người giám sát hoặc người điều khiển phương tiện dẫn đường quy định tại khoản 6 Điều này phải đăng ký vào sổ nhật ký ca trực của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại điểm kiểm tra an ninh trước khi giám sát, dẫn đường phương tiện vào khu vực hạn chế thông tin sau: họ tên, số thẻ kiểm soát an ninh hàng không của người giám sát, người điều khiển phương tiện dẫn đường; họ và tên, số thẻ kiểm soát an ninh hàng không của người điều khiển phương tiện được giám sát, dẫn đường; số giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phương tiện được giám sát, dẫn đường. Việc giám sát, dẫn dường phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Người giám sát phải thường xuyên quan sát hoạt động của phương tiện được giám sát; kịp thời hướng dẫn người điều khiển phương tiện được giám sát các quy định về an ninh, an toàn; có biện pháp ngăn chặn hoặc thông báo cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không hoặc người của cơ quan chức năng đang làm nhiệm vụ gần đó nếu phát hiện sai phạm của người điều khiển phương tiện được giám sát;

b) Phương tiện dẫn đường phải đi trước và bảo đảm khoảng cách an toàn đối với phương tiện được dẫn, bảo đảm việc di chuyển, dừng, đỗ theo đúng quy định về an toàn, đặc biệt là khi hoạt động trong khu bay. Kịp thời hướng dẫn người điều khiển phương tiện được dẫn đường các quy định về an ninh, an toàn; có biện pháp ngăn chặn hoặc thông báo cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không hoặc người của cơ quan chức năng đang làm nhiệm vụ gần đó nếu phát hiện sai phạm của người điều khiển phương tiện được dẫn đường.

8. Phương tiện hoạt động trong khu vực hạn chế phải chạy đúng luồng, tuyến, đúng tốc độ, dừng, đỗ đúng vị trí quy định; chịu sự kiểm tra, giám sát và

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

tuân theo sự hướng dẫn của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không đang làm nhiệm vụ.

9.[18] Việc ghi âm, ghi hình trong khu vực hạn chế quy định tại khoản 1 Điều 31 Thông tư này hoặc tại các điểm kiểm tra an ninh hàng không hoặc trong nơi làm việc của cơ quan quản lý Nhà nước tại cảng hàng không phải được đơn vị chủ quản cho phép bằng văn bản, trừ các trường hợp sau đây:

a) Việc ghi âm, ghi hình thông tin, tài liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước thực hiện theo các quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước;

b) Ghi âm, ghi hình tại phòng chờ lên tàu bay, chờ lấy hành lý mà không phải điểm kiểm tra an ninh hàng không;

c) Cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không ghi âm, ghi hình phục vụ công vụ theo thẩm quyền, trách nhiệm được giao.

9a.[19] Những địa điểm không được phép ghi âm, ghi hình mà hành khách, người dân có thể tiếp cận thì đơn vị chủ quản phải có biển cảnh báo đặt ở vị trí có thể dễ dàng quan sát.

10.[20] Trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ khẩn nguy, cứu nạn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ quản của người và phương tiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khẩn nguy, cứu nạn có trách nhiệm phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của đơn vị chủ quản khu vực hạn chế để kiểm soát hoạt động của người và phương tiện mà không cần thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, kiểm soát an ninh nội bộ.

11. Trong khu vực hạn chế, hành lý ký gửi, hàng hóa, bưu gửi phải được bảo đảm nguyên vẹn:

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị hoạt động tại cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống trộm cắp tài sản trong hành lý ký gửi và hàng hóa, bưu gửi thuộc phạm vi trách nhiệm của mình. Cảng vụ hàng không giám sát việc thực hiện quy định này của các đơn vị;

b) Người khai thác cảng hàng không, sân bay, các doanh nghiệp phục vụ hàng hóa, phục vụ mặt đất chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn trong dây chuyền phục vụ hành lý, hàng hóa;

---

[18] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[19] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

c) Người khai thác cảng hàng không, sân bay ban hành quy định cụ thể danh mục người, phương tiện được phép ra, vào cho từng cổng, cửa, lối đi cụ thể; quy định danh mục đồ vật phải đăng ký hoặc khai báo tại điểm kiểm tra an ninh hàng không khi mang theo người vào trong khu vực hạn chế; đồ vật không được mang theo người vào làm việc tại các khu vực hạn chế;

d) Các hãng hàng không thông tin, tuyên truyền cho hành khách biết các quy định về vận chuyển đồ vật có giá trị cao trong hành lý ký gửi; các thủ tục khiếu nại, khiếu kiện và đền bù trong trường hợp bị mất mát, thất lạc hành lý trong quá trình vận chuyển;

đ) Các biện pháp cụ thể về công tác phòng, chống trộm cắp tài sản được quy định cụ thể trong chương trình an ninh hàng không và quy chế an ninh hàng không của các doanh nghiệp.

Điều 33. Quy định về việc mang vật phẩm nguy hiểm vào khu vực hạn chế

1. Việc mang, quản lý, sử dụng vật phẩm nguy hiểm trong khu vực hạn chế phải được quy định cụ thể trong chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không trên cơ sở danh mục các vật phẩm nguy hiểm cấm hoặc hạn chế mang theo người và hành lý lên tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam ban hành.

2. Đơn vị sử dụng vật phẩm nguy hiểm là công cụ phục vụ cho công việc của các cơ quan, đơn vị trong khu vực hạn chế thuộc nhà ga, sân bay phải đăng ký với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát an ninh hàng không khu vực đó.

3. Đơn vị sử dụng vật phẩm nguy hiểm là công cụ phục vụ cho công việc của các cơ quan, đơn vị trong khu vực hạn chế phải tổ chức quản lý và chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng, đảm bảo an ninh, an toàn đối với vật phẩm nguy hiểm quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 34. Điểm kiểm tra an ninh hàng không tại cổng, cửa, lối đi

1. Phải thiết lập điểm kiểm tra an ninh hàng không tại các vị trí sau:

a)[21] Tại các cổng, cửa, lối đi giữa khu vực hạn chế và khu vực khác;

b) Tại các cổng, cửa, lối đi từ khu vực hạn chế sử dụng riêng có lối đi vào từ khu vực công cộng sang các khu vực hạn chế khác.

2. Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không (trừ điểm kiểm tra an ninh hàng không từ khu vực công cộng vào khu vực hạn chế được tạm thời thiết lập) phải có các tài liệu sau đây:

---

[21] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

a) Quy trình kiểm tra người, đồ vật, phương tiện khi ra, vào khu vực hạn chế;

b) Mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không được phép vào khu vực;

c) Danh sách những người, phương tiện bị mất thẻ, giấy phép; bị thu hồi nhưng không nộp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

d) Danh bạ các số điện thoại liên quan và các biểu mẫu, biên bản, phiếu đăng ký vật phẩm nguy hiểm, phương tiện, đồ vật mang vào khu vực hạn chế; danh mục đồ vật phải đăng ký hoặc khai báo tại điểm kiểm tra an ninh hàng không khi mang theo người vào trong khu vực hạn chế; đồ vật không được mang theo người vào làm việc tại các khu vực hạn chế;

đ) Sổ giao ca, ghi chép tình hình và kết quả kiểm tra, giám sát an ninh.

3. Tại điểm kiểm tra an ninh hàng không phải có biển báo, chỉ dẫn thích hợp, bố trí nhân viên, thiết bị an ninh thích hợp để bảo đảm việc kiểm tra an ninh hàng không được duy trì liên tục. Cổng, cửa, hàng rào di động tại điểm kiểm tra an ninh hàng không phải luôn trong trạng thái đóng (khóa) và chỉ được mở khi người, phương tiện đã được kiểm tra, đủ điều kiện ra, vào.

Điều 35. Giám sát an ninh, tuần tra, canh gác tại khu vực hạn chế

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải tổ chức giám sát liên tục đối với hành khách, người, phương tiện hoạt động trong các khu vực hạn chế bằng các biện pháp thích hợp nhằm phát hiện những biểu hiện nghi ngờ, ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm; kiểm tra, xử lý hành lý, đồ vật không xác nhận được chủ và thực hiện các biện pháp an ninh hàng không khác.

2. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải tổ chức tuần tra, canh gác để kịp thời ngăn chặn người, phương tiện, gia súc xâm nhập vào các khu vực hạn chế hoặc vi phạm các quy định bảo đảm an ninh, an toàn hàng không.

3. Tại cảng hàng không, sân bay dùng chung giữa dân dụng và quân sự, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không thỏa thuận bằng văn bản với đơn vị quân đội đóng tại cảng hàng không, sân bay thực hiện tuần tra, canh gác, bảo vệ khu vực giáp ranh giữa khu vực sử dụng cho hoạt động hàng không dân dụng và khu vực sử dụng cho hoạt động quân sự.

4. Việc tổ chức giám sát, tuần tra, canh gác được mô tả chi tiết trong chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không.

Điều 36. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, phương tiện, đồ vật khi vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế mà không phải hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi và đồ vật đưa lên tàu bay

1.[22] Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, phương tiện, đồ vật đưa vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế.

2. Người, phương tiện, đồ vật đưa vào khu vực hạn chế ngoại trừ đối tượng quy định tại khoản 9 Điều này phải được kiểm tra an ninh hàng không các nội dung sau:

a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

b) Người, đồ vật mang theo người và giấy tờ cần thiết (nếu có);

c) Phương tiện và đồ vật trên phương tiện.

3. Người, phương tiện, đồ vật đưa ra ngoài khu vực hạn chế được lực lượng kiểm soát an ninh hàng không kiểm tra khi có biểu hiện nghi ngờ như: trộm cắp tài sản, buôn lậu và gian lận thương mại hoặc trong các trường hợp tăng cường bảo đảm an ninh hàng không hoặc theo chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Nội dung kiểm tra gồm:

a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

b) Người, đồ vật mang theo người và giấy tờ cần thiết (nếu có);

c) Phương tiện và đồ vật trên phương tiện.

4. Quy trình kiểm tra người như sau:

a) Kiểm tra thẻ kiểm soát an ninh hàng không, quan sát đối chiếu thực tế;

b) Kiểm tra người bằng cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay ở những nơi có cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay. Khi cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay báo động thì phải tiếp tục kiểm tra trực quan. Kiểm tra trực quan ngẫu nhiên tối thiểu 5% trong trường hợp cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay không có báo động. Việc kiểm tra trực quan bảo đảm tỷ lệ kiểm tra được phân đều, liên tục trong thời gian hoạt động của điểm kiểm tra an ninh trong ngày;

c) Kiểm tra trực quan tại những điểm không có cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay;

d) Thứ tự, động tác kiểm tra thẻ, quy trình kiểm tra trực quan, sử dụng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay; quy trình kiểm tra bằng cổng từ được quy định cụ thể trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

5. Quy trình kiểm tra đồ vật như sau:

---

[22] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

a) Đưa đồ vật qua máy soi tia X ở những nơi có máy soi tia X. Khi qua máy soi tia X có nghi ngờ thì tiếp tục tiến hành kiểm tra trực quan;

b) Kiểm tra trực quan đồ vật tại những điểm không có máy soi tia X;

c) Thứ tự, động tác kiểm tra trực quan, kiểm tra bằng máy soi tia X được quy định cụ thể trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

6. Quy trình kiểm tra phương tiện như sau:

a) Yêu cầu người điều khiển phương tiện và những người đi cùng rời khỏi phương tiện;

b) Kiểm tra giấy phép của phương tiện;

c) Quan sát, kiểm tra bên ngoài phương tiện;

d) Dùng gương soi kiểm tra gầm, bề mặt phía trên của phương tiện;

đ) Kiểm tra trực quan bên trong buồng lái của phương tiện;

e) Kiểm tra khoang chở người, hàng của phương tiện (trừ các trường hợp khoang chở hàng được niêm phong theo quy định);

g) Kiểm tra các niêm phong của phương tiện, hàng hóa chuyên chở trên phương tiện;

h) Thứ tự, động tác kiểm tra trực quan và sử dụng gương soi gầm, bề mặt phía trên của phương tiện được quy định cụ thể trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

7. Quy định về việc kiểm soát đồ vật mang vào, ra khu vực hạn chế:

a) Tại điểm kiểm tra an ninh hàng không phải lưu giữ tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không kiểm tra đồ vật mang vào, ra khu vực hạn chế tại điểm kiểm tra an ninh hàng không và kiểm tra ngẫu nhiên, đột xuất khi có dấu hiệu bất thường;

b) Trường hợp người mang theo đồ vật nằm trong danh mục đồ vật phải đăng ký hoặc khai báo tại điểm kiểm tra an ninh hàng không, thường xuyên ra, vào khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chủ quản có trách nhiệm cung cấp cho bộ phận kiểm soát an ninh hàng không danh sách nhân viên và đồ vật mang theo người thường xuyên vào, ra để đối chiếu, kiểm soát;

c) Trường hợp người ngoài danh sách quy định tại điểm b khoản này hoặc người có trong danh sách quy định tại điểm b khoản này nhưng mang đồ vật không có trong danh sách đăng ký hoặc đồ vật quá số lượng đăng ký khi đi qua điểm kiểm tra an ninh hàng không phải thực hiện kê khai đồ vật mang vào, ra theo mẫu tại Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này. Việc vào, ra phải được thực hiện tại cùng một cửa. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không tại

điểm kiểm tra an ninh hàng không phải thu tờ khai, đối chiếu với các đồ vật mang vào, ra và ghi nhận sự thay đổi về số lượng sử dụng trong khu vực hạn chế (nếu có);

d) Người khai thác cảng hàng không, sân bay quy định cụ thể danh mục và quy trình đăng ký, kiểm soát đồ vật vào, ra khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay;

đ) Sổ sách, tài liệu về việc kiểm soát đồ vật mang vào, ra khu vực hạn chế phải được quản lý và lưu giữ theo quy định về lưu trữ.

8. Quy trình kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với từng khu vực hạn chế cụ thể phải được mô tả chi tiết trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị, doanh nghiệp.

9. Lực lượng công an cửa khẩu đang làm nhiệm vụ tại cảng hàng không, sân bay khi đi qua điểm kiểm tra an ninh hàng không không phải cởi áo khoác, mũ, giầy, dép, thắt lưng; người, tài liệu, phương tiện nghiệp vụ khi đi qua cổng từ không phải thực hiện kiểm tra trực quan. Nội dung kiểm tra gồm:

a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

b) Đồ vật mang theo, trừ quân phục, tài liệu và phương tiện nghiệp vụ;

c) Phương tiện di chuyển và đồ vật trên phương tiện.

10. Lãnh đạo công an cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm bảo đảm sỹ quan, chiến sỹ của đơn vị không mang vật phẩm nguy hiểm trái quy định vào khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay. Trường hợp sỹ quan, chiến sỹ công an cửa khẩu có biểu hiện bất thường, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải ngăn chặn sỹ quan, chiến sỹ công an đó vào khu vực hạn chế, đồng thời thông báo ngay cho lãnh đạo đơn vị công an cửa khẩu tại cảng hàng không, sân bay; chỉ đồng ý cho sỹ quan, chiến sỹ công an vào khu vực hạn chế khi có ý kiến chấp thuận của lãnh đạo công an cửa khẩu.

Điều 37. Biển báo, chỉ dẫn tại khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay

Người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không và các cơ quan công an, giao thông phân luồng, tuyến và lắp đặt các loại biển báo, biển chỉ dẫn tại các trục đường giao thông công cộng nội cảng, bãi đỗ xe, khu vực đón tiễn dành cho hành khách và các khu vực công cộng khác thuộc trách nhiệm quản lý, khai thác của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 38. Kiểm tra, giám sát an ninh khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay và các công trình liền kề nhà ga, sân bay, công trình hàng không[23]

1. Người, phương tiện đi lại và hoạt động tại các khu vực công cộng phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, các quy định của cảng hàng không, sân bay, chấp hành theo sự hướng dẫn của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, chấp hành quy định về đảm bảo an ninh, an toàn hàng không, trật tự an toàn xã hội, giữ gìn văn minh, lịch sự.

2. Người khai thác cảng hàng không chủ trì, phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng công an (đối với những cảng hàng không có lực lượng công an làm nhiệm vụ thường xuyên tại cảng) và Cảng vụ hàng không quyết định số lượng, vị trí, thời gian hoạt động của các điểm kiểm soát an ninh hàng không; phân luồng, tuyến, thời gian dừng, đỗ phương tiện, các khu vực hoạt động đón, tiễn của hành khách, khu vực cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại khu vực công cộng cảng hàng không.

3. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không bố trí nhân viên kiểm soát an ninh hàng không để kiểm soát an ninh hàng không, hướng dẫn người và phương tiện tham gia giao thông; điều tiết số lượng người, phương tiện vào, hoạt động tại khu vực sân đỗ ô tô, luồng giao thông nội cảng, khu vực làm thủ tục hàng không và các khu vực công cộng khác tại cảng hàng không, sân bay; phối hợp với lực lượng công an duy trì trật tự tại các khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay; phối hợp với Cảng vụ hàng không liên quan, lực lượng công an, quân đội, chính quyền địa phương trong trường hợp cần tăng cường bảo đảm an ninh hàng không, trật tự công cộng, xử lý vi phạm.

4. Việc bố trí lực lượng tuần tra, giám sát, thiết bị chuyên dụng, trình tự kiểm tra, giám sát an ninh phải bảo đảm phát hiện và xử lý kịp thời đồ vật, hành lý, hàng hóa, phương tiện không xác nhận được chủ, hành vi gây rối, vi phạm pháp luật tại khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay và phải được mô tả cụ thể trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.

5. Đồ vật, hành lý, tài sản của hành khách đi tàu bay hoặc người đưa tiễn gửi ở khu vực trông giữ tại khu vực công cộng của nhà ga hành khách phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng các biện pháp thích hợp trước khi tiếp nhận.

6. Đối với nhà ga hàng hóa, nhà kho hàng hóa, đơn vị quản lý khai thác nhà ga, nhà kho chịu trách nhiệm tổ chức phân luồng, tuyến; quy định thời gian dừng, đỗ phương tiện, điều tiết số lượng người, phương tiện vào, hoạt động tại khu vực thuộc nhà ga, nhà kho; quy định các khu vực bốc dỡ, chất xếp, dừng đỗ phương

[23] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

tiện, khu vực cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, khu vực làm thủ tục hàng không và các khu vực công cộng khác thuộc phạm vi trách nhiệm; phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, công an duy trì trật tự chung tại cảng hàng không, sân bay; phối hợp với Cảng vụ hàng không liên quan, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng công an, quân đội, chính quyền địa phương trong trường hợp cần tăng cường bảo đảm an ninh hàng không, trật tự công cộng, xử lý vi phạm.

7. Bố trí, lắp đặt các rào cản thích hợp hoặc thực hiện kiểm soát an ninh bằng biện pháp phù hợp với đánh giá rủi ro an ninh hàng không để ngăn chặn việc người, phương tiện tiếp cận trái phép hoặc ngăn chặn việc đưa, ném đồ vật vào khu vực hạn chế trái phép.

8. Đường giao thông trước cửa nhà ga hành khách, hàng hóa, bãi đỗ xe mô tô, ô tô trước cửa nhà ga hành khách, hàng hóa phải thiết lập điểm kiểm soát để điều tiết xe mô tô, ô tô vào, ra và kiểm tra an ninh hàng không khi cần. Bãi đỗ xe mô tô, ô tô ngắn hạn (cho phép đỗ xe mô tô, ô tô dưới 24 giờ) không được bố trí liền kề nhà ga (trừ trường hợp bãi đỗ phương tiện chở hàng hóa, bưu gửi tiếp cận nhà ga hàng hóa, nhà kho hàng hóa để bốc dỡ, chất xếp hàng hóa, bưu gửi), đài kiểm soát không lưu, trạm cấp điện cho nhà ga, trạm cấp điện cho đài kiểm soát không lưu.

9. Đường giao thông trước cửa nhà ga, đài kiểm soát không lưu phải cách nhà ga tối thiểu 30 mét. Liền kề đường giao thông trước cửa nhà ga hành khách, hàng hóa, bãi đỗ xe mô tô, ô tô trước cửa nhà ga hành khách, hàng hóa phải bố trí các vật cản cố định hoặc di động để ngăn chặn việc dùng phương tiện giao thông tấn công vào nhà ga, sân bay. Quy định này được áp dụng đối với các công trình nhà ga, đài kiểm soát không lưu được phê duyệt thiết kế xây dựng sau ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Điều 39. Bảo đảm an ninh khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay

1. Cảng vụ hàng không chủ trì cùng với người khai thác cảng hàng không, sân bay phối hợp với Ủy ban nhân dân địa phương liên quan thực hiện công tác tuyên truyền các quy định về an ninh, an toàn hàng không cho người dân cư trú trong khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.

2. Cảng vụ hàng không cùng với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương liên quan trong việc bảo đảm thực hiện các quy định về an ninh hàng không; ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật tại khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.

3. Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương tổ chức đánh giá các vị trí có nguy cơ tấn công tàu bay bằng tên lửa phòng không vác vai, thiết bị bay không người lái.

4. Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phối hợp với công an các cấp khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay xây dựng và thực hiện phương án phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay đối với tàu bay, việc sử dụng tên lửa phòng không vác vai và các loại vũ khí khác để tấn công tàu bay trong giai đoạn cất, hạ cánh.

5.[24] Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của các cơ quan, đơn vị phối hợp với công an địa phương liên quan tuần tra khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay, khu vực hạn chế bên ngoài cảng hàng không, sân bay khi có yêu cầu nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

Mục 3

KIỂM TRA, GIÁM SÁT AN NINH TRƯỚC CHUYẾN BAY VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

Điều 40. Niêm phong an ninh

1. Các trường hợp phải được niêm phong an ninh hàng không sau khi kiểm tra

a)[25] Thùng đựng hàng hóa, bưu gửi, thùng hoặc mâm đựng hàng hóa rời, hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận, tủ, túi đựng suất ăn;

b) Thùng, túi đựng đồ vật phục vụ trên tàu bay, trừ đồ vật phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay;

c) Phương tiện tra nạp nhiên liệu cho tàu bay sau khi tiếp nhận nhiên liệu để nạp cho tàu bay phải niêm phong an ninh các cửa nạp, cửa xả; tàu bay không khai thác phải niêm phong an ninh các cửa của tàu bay.

2. Niêm phong an ninh phải bảo đảm không thể bóc, gỡ sau khi niêm phong hoặc nếu bóc, gỡ sẽ bị hỏng, không thể niêm phong lại; kích cỡ, chủng loại tem hoặc dây niêm phong phải phù hợp với vật được niêm phong.

3. Mẫu tem, dây niêm phong an ninh, chế độ quản lý, thống kê, cấp, phát, sử dụng tem, dây niêm phong an ninh phải được quy định cụ thể trong chương trình, quy chế an ninh hàng không của các doanh nghiệp ngành hàng không. Yêu cầu về niêm phong an ninh theo quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[24] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[25] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 của của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Điều 41. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành khách và hành lý xách tay xuất phát

1. Hãng hàng không chỉ được phép chấp nhận vận chuyển và cho hành khách lên tàu bay khi hành khách có thẻ lên tàu bay và giấy tờ về nhân thân theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này và đã được kiểm tra an ninh hàng không; hành lý ký gửi của từng hành khách phải làm thủ tục chấp nhận riêng, không làm chung cho nhiều người. Trước khi cho hành khách lên tàu bay, nhân viên làm thủ tục phải kiểm tra, đối chiếu hành khách với giấy tờ về nhân thân và thẻ lên tàu bay để bảo đảm sự trùng khớp của hành khách với giấy tờ và chuyến bay.

2. Hành khách có hành lý ký gửi, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này phải có mặt tại quầy làm thủ tục hàng không để làm thủ tục. Nhân viên làm thủ tục phải kiểm tra, đối chiếu hành khách với thẻ lên tàu bay hoặc vé đi tàu bay và giấy tờ về nhân thân, phỏng vấn hành khách về hành lý; nếu có nghi vấn phải thông báo cho người phụ trách an ninh tại điểm kiểm tra an ninh hàng không.

3. Hành khách được ủy quyền cho người đại diện thay mình làm thủ tục trong các trường hợp sau:

a) Đoàn công tác có các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;

b) Các trường hợp khẩn cấp do Giám đốc Cảng vụ hàng không quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Hành khách không có hành lý ký gửi được tự làm thủ tục cho mình qua hệ thống làm thủ tục trực tuyến, quầy tự làm thủ tục được hãng hàng không và các cơ quan chức năng có liên quan cho phép mà không cần có mặt tại quầy làm thủ tục hàng không.

5.[26] Hành khách, hành lý xách tay phải được kiểm tra an ninh bằng soi chiếu an ninh hàng không trước khi vào khu vực hạn chế 100%, trừ trường hợp được miễn kiểm tra an ninh hàng không theo quy định; hành khách từ chối soi chiếu an ninh hàng không sẽ bị từ chối vận chuyển.

---

[26] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

6.[27] Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không phải có thiết bị soi chiếu cơ thể (không áp dụng đối với sân bay chuyên dùng), buồng để tiến hành lục soát an ninh hàng không; có máy soi tia X, cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ, thiết bị thông tin liên lạc, các thiết bị, dụng cụ cần thiết khác.

7. Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không phải bố trí đủ nhân viên kiểm soát an ninh hàng không bảo đảm thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra, đối chiếu giấy tờ về nhân thân của hành khách với vé, thẻ lên tàu bay bằng giấy hoặc trên thiết bị điện tử (điện thoại, máy tính…) và hành khách;

b) Hướng dẫn hành khách thực hiện các yêu cầu cởi bỏ vật dụng cá nhân, đặt hành lý, đồ vật lên băng chuyền máy soi tia X;

c) Kiểm tra hành khách bằng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ, kiểm tra trực quan, lục soát hành khách;

d) Giám sát màn hình máy soi tia X; nhiệm vụ này được thực hiện liên tục không quá 30 phút và chỉ quay trở lại thực hiện tối thiểu là 30 phút sau đó;

đ) Tiếp nhận hành lý, đồ vật cần kiểm tra theo yêu cầu của nhân viên quan sát màn hình máy soi tia X và chuyển cho nhân viên làm nhiệm vụ kiểm tra trực quan, lục soát;

e) Kiểm tra trực quan, lục soát hành lý xách tay, đồ vật;

g) Kíp trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và giám sát toàn bộ công việc tại điểm kiểm tra an ninh hàng không; luân chuyển vị trí làm việc của các nhân viên trong ca; xử lý các vướng mắc, vi phạm khi nhân viên báo cáo; không trực tiếp thực hiện các công việc của các nhân viên nêu tại các điểm a, b, c, d, đ và e của khoản này.

8. Hành khách phải tuân thủ mọi hướng dẫn, yêu cầu của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không và chấp hành quy trình soi chiếu an ninh hàng không đối với người và hành lý xách tay như sau:

a) Hành khách cởi bỏ áo khoác, mũ, giầy, dép, thắt lưng, vật dụng cá nhân và các đồ vật khác mang theo người; đặt các đồ vật, chất lỏng, thiết bị điện tử vào khay đưa qua máy soi tia X trước khi đi qua cổng từ;

b)[28] Hành khách đi qua cổng từ hoặc thiết bị soi chiếu cơ thể (nếu có), nếu cổng từ hoặc thiết bị soi chiếu cơ thể báo động hoặc hành khách có biểu hiện

---

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 26 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[28] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 27 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

nghi vấn thì nhân viên kiểm soát an ninh hàng không sử dụng kết hợp thiết bị phát hiện kim loại cầm tay và kiểm tra trực quan;

c) Hành khách đặt hành lý xách tay lên băng chuyền đưa qua máy soi tia X; khi hành lý có nghi vấn, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải tiến hành kiểm tra trực quan hoặc lục soát an ninh hàng không theo quy định.

9. Hành khách, hành lý xách tay đã hoàn tất thủ tục kiểm tra an ninh hàng không phải được giám sát liên tục bằng ca-me-ra giám sát an ninh hoặc do nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trực tiếp giám sát hoặc cả hai biện pháp cho đến khi lên tàu bay.

10. Việc kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách tàn tật, thương binh, bệnh nhân sử dụng xe đẩy, cáng cứu thương, có gắn các thiết bị phụ trợ y tế trên người được thực hiện bằng trực quan hoặc các biện pháp thích hợp khác tại nơi phù hợp.

11. Việc kiểm tra trực quan hành khách, hành lý xách tay được thực hiện tại điểm kiểm tra an ninh hàng không hoặc tại buồng lục soát. Việc kiểm tra trực quan hành khách tại điểm kiểm tra an ninh hàng không do người cùng giới tính thực hiện, trong trường hợp cần thiết, nhân viên nữ có thể kiểm tra hành khách nam. Việc kiểm tra trực quan tại buồng lục soát phải do người cùng giới tính thực hiện, có người thứ ba cùng giới chứng kiến và phải lập biên bản kiểm tra trực quan.

12. Trường hợp phát hiện vật phẩm nguy hiểm không được mang theo người, hành lý xách tay lên tàu bay theo quy định thì nhân viên kiểm soát an ninh hàng không thực hiện theo quy định tại Điều 62 của Thông tư này.

13.[29] Kiểm tra bổ sung ngẫu nhiên tối thiểu 10% (bao gồm kiểm tra trực quan hoặc kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị, động vật phát hiện chất nổ) sau kiểm tra an ninh hàng không lần đầu đối với hành khách, hành lý xách tay. Việc kiểm tra trực quan ngẫu nhiên được thực hiện tại điểm kiểm tra an ninh hàng không hoặc đưa hành khách vào buồng lục soát khi có yêu cầu (của hành khách hoặc cấp có thẩm quyền). Việc kiểm tra trực quan bảo đảm tỷ lệ kiểm tra được phân đều, liên tục trong thời gian hoạt động của điểm kiểm tra an ninh trong ngày. Phương pháp, quy trình kiểm tra trực quan ngẫu nhiên hành khách, hành lý xách tay được quy định trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.

14. Quy trình kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành khách và hành lý xách tay xuất phát phải được quy định chi tiết trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.

---

[29] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 28 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Điều 42. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách và hành lý xách tay quá cảnh, nối chuyến, tạm dừng nội địa

1. Trường hợp hành khách quá cảnh, tạm dừng nội địa ở lại trên tàu bay, tàu bay đó phải được giám sát liên tục bằng ca-me-ra giám sát an ninh hoặc do nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trực tiếp giám sát hoặc cả hai biện pháp cho tới khi xuất phát, không cho phép hành khách xuống khỏi tàu bay.

2. Hành khách nối chuyến, quá cảnh, tạm dừng nội địa xuống khỏi tàu bay phải mang theo đồ vật cá nhân, hành lý xách tay, không được để lại trên tàu bay.

3. Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm kiểm tra để bảo đảm đồ vật cá nhân, hành lý xách tay của hành khách nối chuyến, quá cảnh, tạm dừng nội địa xuống khỏi tàu bay, không để lại trên tàu bay.

4. Hành khách nối chuyến, quá cảnh, tạm dừng nội địa và hành lý xách tay phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng biện pháp soi chiếu như hành khách xuất phát trước khi lên lại tàu bay, trừ trường hợp đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Hành khách được dán thẻ hành khách tạm dừng, nối chuyến, quá cảnh;

b) Từ lúc xuống khỏi tàu bay, hành khách không ra khỏi khu vực hạn chế hoặc được giám sát an ninh liên tục.

5. Quy trình kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành khách và hành lý xách tay quá cảnh, nối chuyến, tạm dừng nội địa phải được quy định chi tiết trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 43. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với thành viên tổ bay

1. Người khai thác tàu bay phải cung cấp danh sách tổ bay cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không trước khi tổ bay làm thủ tục kiểm tra an ninh hàng không. Tổ bay phải mặc trang phục theo quy định, tự đóng gói hành lý và chỉ được phép mang hành lý theo quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Thành viên tổ bay phải xuất trình thẻ nhận dạng tổ bay tại điểm kiểm tra an ninh hàng không. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không kiểm tra, đối chiếu danh sách tổ bay của chuyến bay do người khai thác tàu bay cung cấp với thẻ nhận dạng tổ bay.

3. Việc soi chiếu, giám sát, lục soát an ninh đối với thành viên tổ bay và hành lý của họ được thực hiện như đối với hành khách, hành lý xách tay của hành khách xuất phát.

4. Hãng hàng không quy định chi tiết việc kiểm soát hành lý, đồ vật của tổ bay khi lên tàu bay trong chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

5. Quy trình kiểm tra an ninh đối với tổ bay và hành lý xách tay xuất phát phải được quy định chi tiết trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 44. Kiểm tra an ninh hàng không đối với hành lý ký gửi

1. Nhân viên làm thủ tục vận chuyển phải yêu cầu từng hành khách xác định đúng hành lý ký gửi của mình mới được phép làm thủ tục vận chuyển, không làm thủ tục nhóm trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Thông tư này; trường hợp thấy có dấu hiệu nghi vấn phải thông báo cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không để tăng cường kiểm tra.

2.[30] Hành lý ký gửi của hành khách xuất phát, nối chuyến phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng máy soi tia X; nếu có nghi vấn phải được tiếp tục kiểm tra trực quan hoặc kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ hoặc các biện pháp thích hợp khác. Trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì hành lý ký gửi phải được lục soát an ninh hàng không.

3. Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không phải bố trí đủ nhân viên kiểm soát an ninh hàng không bảo đảm thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ sau:

a) Giám sát màn hình máy soi tia X; nhiệm vụ này được thực hiện liên tục không quá 30 phút và chỉ quay trở lại thực hiện tối thiểu là 15 phút sau đó;

b) Kiểm tra trực quan, lục soát an ninh hàng không;

c) Kíp trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và giám sát toàn bộ công việc tại điểm kiểm tra an ninh hàng không.

4. Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát an ninh hành lý ký gửi được quy định chi tiết tại quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.

5. Kiểm tra trực quan đối với hành lý ký gửi của hành khách được thực hiện với sự có mặt của chủ sở hữu hành lý đó hoặc người đại diện hợp pháp của họ hoặc đại diện hãng hàng không vận chuyển, trừ trường hợp khẩn nguy.

6. Hành lý ký gửi quá cảnh, nối chuyến, đi chuyến bay tạm dừng nội địa đã đưa xuống khỏi tàu bay, trước khi đưa lên tàu bay phải qua kiểm tra an ninh hàng không như hành lý ký gửi xuất phát, trừ các trường hợp đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Hành lý không rời khỏi sân đỗ tàu bay hoặc có sự giám sát an ninh hàng không liên tục từ khi đưa xuống khỏi tàu bay cho đến khi được đưa lại lên tàu bay;

---

[30] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 29 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

b) Hành lý có dán thẻ quá cảnh, nối chuyến, tạm dừng nội địa.

Điều 45. Giám sát an ninh hàng không đối với hành lý ký gửi

1. Hành lý ký gửi của hành khách xuất phát, nối chuyến, quá cảnh sau khi làm thủ tục chấp nhận vận chuyển và kiểm tra an ninh hàng không phải được giám sát liên tục bằng ca-me-ra giám sát an ninh hoặc do nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trực tiếp giám sát hoặc cả hai biện pháp cho đến khi đưa lên tàu bay, không được để những người không có trách nhiệm tiếp cận hành lý ký gửi.

2. Khu vực băng chuyền hành lý ký gửi, khu vực phân loại hành lý ký gửi phải được kiểm soát và giám sát liên tục bằng ca-me-ra giám sát an ninh hoặc do nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trực tiếp giám sát hoặc cả hai biện pháp, người không có trách nhiệm không được phép tiếp cận những khu vực này.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận chuyển hành lý ký gửi từ nhà ga ra tàu bay và ngược lại chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp ngăn ngừa việc mất mát tài sản trong hành lý ký gửi, ngăn chặn việc đưa hành lý ký gửi không được phép vận chuyển lên băng chuyền, xe chở hành lý.

4. Hành lý ký gửi bị rách, vỡ, bung khóa không còn nguyên vẹn trước khi chất xếp lên tàu bay hoặc có dấu hiệu bị can thiệp trái phép phải được tái kiểm tra an ninh hàng không. Việc tái kiểm tra an ninh hàng không phải được lập biên bản. Trách nhiệm cụ thể của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm sự nguyên vẹn của hành lý, quy trình quản lý, giám sát, xử lý cụ thể đối với hành lý không còn nguyên vẹn trước khi chất xếp lên tàu bay hoặc có dấu hiệu bị can thiệp trái phép phải được quy định trong chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp.

Điều 46. Vận chuyển đồng bộ hành khách và hành lý

1. Hành lý của mỗi hành khách phải được vận chuyển cùng với hành khách trên một chuyến bay trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

2. Hãng hàng không hoặc người khai thác tàu bay phải bảo đảm:

a) Mỗi kiện hành lý ký gửi phải có thẻ hành lý ghi rõ số chuyến bay, ngày, tháng, năm và mã số của kiện hành lý;

b) Trước chuyến bay, lập bảng kê hành lý ký gửi và thực hiện đối chiếu hành lý ký gửi với danh sách hành khách của chuyến bay;

c) Ký bảng kê danh mục hành lý ký gửi đã chất xếp lên tàu bay.

3. Trong trường hợp hành khách đã được cấp thẻ lên tàu bay nhưng không có mặt để thực hiện chuyến bay, hãng hàng không có trách nhiệm đảm bảo tất cả hành lý của hành khách đó phải được đưa xuống tàu bay trước khi cho tàu bay khởi hành.

4. Trừ túi ngoại giao, túi lãnh sự, hành lý ký gửi vận chuyển không cùng với hành khách trên chuyến bay theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam phải áp dụng ít nhất một trong các biện pháp kiểm tra an ninh hàng không bổ sung sau đây và phải được lập thành biên bản:

a) Soi chiếu bằng máy soi tia X đối với đồ vật ở các tư thế khác nhau;

b) Kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ.

Điều 47. Lưu giữ hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận; đồ vật, hành lý không xác nhận được chủ

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách chịu trách nhiệm bố trí khu vực để lưu giữ hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận cho đến khi hành lý này được chuyển đi. Khu vực lưu giữ hành lý phải được bảo vệ, người không có trách nhiệm không được vào khu vực này. Phương án bảo vệ phải được quy định cụ thể trong chương trình an ninh cảng hàng không, quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

2. Hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phục vụ hành khách, hành lý có trách nhiệm lưu giữ và lập hồ sơ theo dõi hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận phải ghi rõ số lượng, trọng lượng, chuyến bay, đường bay và các biện pháp giải quyết. Hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng biện pháp soi chiếu và niêm phong an ninh trước khi đưa vào khu vực lưu giữ và trước khi được đưa lên tàu bay.

3. Trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận phải được lục soát an ninh hàng không.

4. Các cơ quan, đơn vị khi phát hiện đồ vật, hành lý không xác nhận được chủ phải thông báo ngay cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để xử lý ban đầu. Trường hợp đồ vật, hành lý không xác nhận được chủ lưu giữ tại khu vực lưu giữ hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận thì thực hiện việc lưu giữ như quy định đối với hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận.

Điều 48. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với túi ngoại giao, túi lãnh sự

1. Túi ngoại giao, túi lãnh sự được miễn soi chiếu tia X, kiểm tra trực quan, lục soát an ninh hàng không trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

2. Việc kiểm tra túi ngoại giao, túi lãnh sự được nhân viên kiểm soát an ninh hàng không thực hiện như sau:

a) Kiểm tra niêm phong, những dấu hiệu nhận biết bên ngoài của túi ngoại giao, túi lãnh sự theo quy định của pháp luật về ngoại giao và lãnh sự;

b) Kiểm tra hộ chiếu, giấy ủy quyền mang túi ngoại giao, túi lãnh sự, văn bản của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự xác nhận số kiện của túi ngoại giao, túi lãnh sự.

3. Trong trường hợp có cơ sở để khẳng định túi ngoại giao, túi lãnh sự có chứa vật phẩm nguy hiểm không được phép vận chuyển trên tàu bay theo quy định thì túi ngoại giao, túi lãnh sự đó bị từ chối chuyên chở.

4. Khi từ chối chuyên chở phải tiến hành lập biên bản nêu rõ lý do, có sự xác nhận của giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự và Cảng vụ hàng không, biên bản phải được gửi cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự.

5. Người có hộ chiếu ngoại giao, giao thông viên ngoại giao, giao thông viên lãnh sự hay đại diện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự và đồ vật mang theo khi vào khu vực hạn chế để gửi hay đi cùng túi ngoại giao, túi lãnh sự phải được kiểm tra an ninh hàng không theo quy định tại các Điều 36 và 41 của Thông tư này.

6. Túi ngoại giao, túi lãnh sự được soi chiếu tia X trong trường hợp hãng hàng không trực tiếp vận chuyển có yêu cầu bằng văn bản gửi người đứng đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay và được sự đồng thuận của giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự. Việc soi chiếu tia X phải được ghi nhận bằng biên bản có sự xác nhận của hãng hàng không, giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không và Cảng vụ hàng không; biên bản phải được gửi cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự.

7. Quy trình kiểm tra an ninh đối với túi ngoại giao, túi lãnh sự phải được quy định chi tiết trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 49. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với thành viên tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hóa của chuyến bay chuyên cơ

1. Việc kiểm tra, giám sát an ninh đối với thành viên tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hóa của chuyến bay chuyên cơ do lực lượng kiểm soát an ninh hàng không thực hiện, tuân thủ theo quy định tại các Điều 41, 43, 44, 45 và 50 của Thông tư này, trừ trường hợp Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an thực hiện kiểm tra, giám sát.

2. Cục Hàng không Việt Nam thống nhất với Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an và các cơ quan liên quan ban hành quy chế kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với thành viên tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hóa của chuyến bay chuyên cơ.

3. Việc miễn kiểm tra an ninh hàng không đối với chuyến bay chuyên cơ được thực hiện theo quy định của pháp luật về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ.

Điều 50. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi vận chuyển trên tàu bay tại cảng hàng không, sân bay

1. Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi phải bố trí đủ nhân viên kiểm soát an ninh hàng không bảo đảm thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra giấy tờ (tờ khai người gửi hàng, hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng gửi của chuyến bay quốc tế), ghi tài liệu về từng lô hàng được kiểm tra; kiểm tra trực quan, lục soát an ninh hàng không; kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ;

b) Giám sát màn hình máy soi tia X; nhiệm vụ này được thực hiện liên tục không quá 30 phút và chỉ quay trở lại thực hiện tối thiểu là 15 phút sau đó;

c) Niêm phong an ninh hàng không;

d) Kíp trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và giám sát toàn bộ công việc tại điểm kiểm tra an ninh hàng không.

2. Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi được quy định chi tiết tại chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không của các doanh nghiệp ngành hàng không.

3. Hàng hóa, bưu gửi xuất phát phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng biện pháp soi chiếu 100%, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này và các trường hợp miễn soi chiếu đối với vật phẩm đặc biệt được quy định tại Điều 52 của Thông tư này. Trường hợp có nghi vấn phải tiếp tục kiểm tra trực quan hoặc các biện pháp thích hợp khác. Việc kiểm tra trực quan được thực hiện với sự có mặt của chủ sở hữu hoặc người đại diện hợp pháp hoặc đại diện hãng hàng không vận chuyển. Trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì hàng hóa, bưu gửi phải được lục soát an ninh hàng không.

4. Hàng hóa, bưu gửi xuất phát sau khi đã được kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được giám sát an ninh liên tục bằng biện pháp thích hợp cho tới khi đưa lên tàu bay. Khi phát hiện hàng hóa, bưu gửi không còn nguyên vẹn hoặc thùng đựng thiếu niêm phong an ninh trước khi chất xếp lên tàu bay, nhân viên phục vụ hàng hóa, bưu gửi có trách nhiệm thông báo kịp thời cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp tái kiểm tra an ninh hàng không thích hợp nhằm phát hiện, ngăn ngừa vật phẩm nguy hiểm theo quy định. Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm bảo đảm kiểm soát hàng hóa, bưu gửi được đưa lên tàu bay đúng quy định.

5.[31] Hàng hóa, bưu gửi xuất phát đã được kiểm tra an ninh hàng không mà phải vận chuyển qua các khu vực không phải khu vực hạn chế để ra tàu bay, phương tiện vận chuyển phải có người hộ tống hoặc có biện pháp giám sát thích hợp liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, bưu gửi.

6. Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển phải được soi chiếu, giám sát an ninh hàng không như hàng hoá, bưu gửi xuất phát, trừ quy định tại khoản 7 Điều này.

7.[32] Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển không phải kiểm tra an ninh hàng không khi có tờ khai an ninh chứng minh việc kiểm tra an ninh hàng không đã được thực hiện 100% đối với hàng hóa, bưu gửi tại điểm xuất phát và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển không rời khỏi tàu bay, sân đỗ tàu bay hoặc không rời khỏi khu vực hạn chế và có sự giám sát an ninh hàng không thích hợp liên tục;

b) Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển được vận chuyển từ sân đỗ tàu bay vào khu vực lưu giữ hàng hóa qua khu vực không phải khu vực hạn chế và ngược lại được niêm phong an ninh và có biện pháp giám sát an ninh thích hợp liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, bưu gửi.

8.[33] Hãng hàng không vận chuyển hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển đến phải cung cấp tờ khai an ninh cho người khai thác cảng hàng không, sân bay quá cảnh, trung chuyền và hãng hàng không vận chuyển lô hàng hóa, bưu gửi đi.

9. Hồ sơ khai thác hàng hóa, bưu gửi, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các biên bản phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 51. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi tại cơ sở nằm ngoài cảng hàng không

1. Chỉ những cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi có lưu lượng hàng hóa, bưu gửi lớn vận chuyển bằng đường hàng không đáp ứng đủ điều kiện về cơ sở vật chất,

---

[31] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 30 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[32] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[33] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 32 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

con người để bảo đảm an ninh hàng không, có quy chế an ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt mới được thiết lập điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi tại cơ sở nằm ngoài cảng hàng không.

2. Trên cơ sở bảo đảm an ninh hàng không và lợi ích của các bên liên quan, Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không cho doanh nghiệp phù hợp thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi tại cơ sở nằm ngoài cảng hàng không.

3. Doanh nghiệp chủ quản cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh, bảo vệ cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi theo quy chế an ninh hàng không được phê duyệt; thực hiện các biện pháp kiểm soát, giám sát an ninh hàng không thích hợp đối với hàng hóa, bưu gửi khi tiếp nhận, lưu giữ, vận chuyển hàng hóa, bưu gửi sau kiểm tra an ninh hàng không đến cảng hàng không, sân bay.

4. Cục Hàng không Việt Nam ban hành quy định cụ thể các biện pháp, quy trình, thủ tục kiểm soát an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi trong toàn bộ chuỗi cung ứng vận chuyển bằng đường hàng không phù hợp với bản chất của từng loại hàng hóa, bưu gửi. Các doanh nghiệp liên quan đến vận chuyển hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không phải thực hiện các biện pháp, quy trình, thủ tục kiểm soát an ninh hàng không do Cục Hàng không Việt Nam ban hành nhằm loại trừ việc vận chuyển vật phẩm nguy hiểm trái phép.

Điều 52. Kiểm tra an ninh hàng không đối với vật phẩm đặc biệt

1. Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với thi thể người vận chuyển bằng tàu bay được đặt trong hòm kẽm gắn kín. Quá trình đóng gói và niêm phong hòm kẽm phải được cơ quan y tế có thẩm quyền giám sát. Hòm kẽm phải còn nguyên niêm phong và có văn bản xác nhận của cơ quan y tế giám sát kèm theo giấy chứng tử.

2. Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với các sản phẩm làm từ máu, bộ phận nội tạng dùng cho việc cấy ghép, vắc-xin, các loại dược phẩm phải duy trì đóng gói kín. Bao bì phải có niêm phong, kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

3. Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với những hàng hóa nguy hiểm mà việc soi chiếu hoặc kiểm tra trực quan sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không như các vật liệu cho nghiên cứu hạt nhân, vật liệu phóng xạ. Bao bì phải có niêm phong, kèm theo văn bản xác nhận tình trạng đóng gói an toàn, văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Đối với hài cốt, tro cốt, việc kiểm tra an ninh hàng không được thực hiện như đối với hàng hóa, hành lý thông thường, trừ trường hợp có đề nghị miễn soi chiếu tia X của cơ quan nhà nước có liên quan, cơ quan đại diện ngoại giao của

nước ngoài và phải được người đứng đầu bộ phận kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay chấp nhận.

5. Đối với động vật sống, vật phẩm dễ bị hỏng không thể kiểm tra bằng soi chiếu tia X thì phải kiểm tra trực quan hoặc biện pháp khác thích hợp.

6. Vận chuyển hàng nguy hiểm phải tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không. Hàng nguy hiểm phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy định và khai báo trước khi chấp nhận để vận chuyển. Hãng hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định sự tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không trước khi chấp nhận vận chuyển hàng nguy hiểm. Khi kiểm tra an ninh hàng không phát hiện hàng nguy hiểm, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải thông báo cho hãng vận chuyển xem xét quyết định.

7. Việc mang theo trang thiết bị y tế là vật phẩm nguy hiểm theo người lên tàu bay để chăm sóc bệnh nhân và đối tượng cảnh vệ phải được đề nghị bằng văn bản, được sự đồng ý của đại diện hãng hàng không và người đứng đầu bộ phận kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

8. Các vật phẩm đặc biệt nêu tại các khoản 1, 2, 4, 5 và 7 của Điều này phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ.

9. Quy trình kiểm tra an ninh đối với vật phẩm đặc biệt phải được quy định chi tiết trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 53. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với suất ăn

1. Các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, cung ứng suất ăn hàng không (sau đây gọi chung là doanh nghiệp suất ăn) có trách nhiệm triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không đối với suất ăn theo quy chế an ninh của doanh nghiệp đã được phê duyệt.

2.[34] Khu vực sản xuất, chế biến, cung ứng suất ăn phải được bảo vệ; việc vào và hoạt động tại các khu vực này phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không. Phương tiện vận chuyển suất ăn từ nơi cung ứng qua khu vực không phải khu vực hạn chế ra tàu bay phải triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh phù hợp.

3. Các mẫu suất ăn phải được lưu giữ ít nhất 24 giờ kể từ khi đưa lên phục vụ trên tàu bay.

4. Tủ hoặc túi đựng suất ăn phục vụ trên tàu bay sau khi được kiểm tra an ninh hàng không phải được niêm phong an ninh. Nhân viên kiểm soát an ninh

[34] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 33 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

hàng không chỉ cho phép vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, tổ bay chỉ được tiếp nhận lên tàu bay nếu tủ, túi đựng suất ăn còn nguyên niêm phong an ninh hàng không của doanh nghiệp suất ăn.

5.[35] Trường hợp tủ, túi đựng suất ăn khi di chuyển từ khu vực khác vào khu vực hạn chế mà không có niêm phong an ninh hoặc niêm phong an ninh hoặc tủ, túi đựng suất ăn không còn nguyên vẹn thì phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng soi chiếu tia X hoặc kiểm tra trực quan trước khi đưa vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không để đưa lên tàu bay và phải được giám sát an ninh hàng không liên tục.

6. Quy trình kiểm tra, giám sát an ninh đối với suất ăn phải được quy định chi tiết trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 54. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với đồ vật phục vụ trên tàu bay

1. Đồ vật phục vụ trên tàu bay phải có thùng hoặc túi đựng, được kiểm tra an ninh hàng không bằng soi chiếu tia X. Thùng, túi đựng đồ vật phục vụ trên tàu bay phải được niêm phong an ninh hàng không sau khi được kiểm tra an ninh hàng không bằng soi chiếu tia X (trừ đồ vật phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay) và được giám sát liên tục bằng ca-me-ra giám sát an ninh hoặc do nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trực tiếp giám sát hoặc cả hai biện pháp cho tới khi đưa lên tàu bay.

2. Khu vực kho chứa các đồ vật phục vụ trên tàu bay phải được bảo vệ; việc vào và hoạt động phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phù hợp.

3. Người khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu số lượng, chủng loại đồ vật phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay khi đưa lên, đưa xuống tàu bay và ghi nhận bằng văn bản; xuất trình cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi vào và ra khỏi khu vực hạn chế.

4. Quy trình kiểm tra, giám sát an ninh đối với đồ vật phục vụ trên tàu bay được quy định chi tiết trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không.

Điều 55. Bảo đảm an ninh hàng không đối với nhiên liệu cho tàu bay

1. Doanh nghiệp cung ứng nhiên liệu có trách nhiệm triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không đối với nhiên liệu theo quy chế an ninh của doanh nghiệp đã được phê duyệt.

---

[35] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 34 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

2. Khu vực kho chứa nhiên liệu, phương tiện vận chuyển phải được bảo vệ; việc vào và hoạt động tại khu vực này phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không.

3.[36] Các cửa nạp, cửa xả của phương tiện tra nạp nhiên liệu hàng không sau khi tiếp nhận nhiên liệu để nạp cho tàu bay phải được niêm phong an ninh; phương tiện phải được áp tải, bảo vệ hoặc có các biện pháp bảo đảm an ninh phù hợp khi lưu thông tại các khu vực không phải khu vực hạn chế.

4. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát phương tiện tra nạp nhiên liệu cho tàu bay trước khi vào sân bay, bảo đảm niêm phong an ninh các cửa xả và cửa nạp của phương tiện tra nạp còn nguyên vẹn.

5. Quy trình kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với nhiên liệu cho tàu bay được quy định trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 56. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách là bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã

1. Khi làm thủ tục hàng không, người áp giải phải xuất trình lệnh hoặc quyết định áp giải của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đại diện hãng hàng không phối hợp với người áp giải đánh giá nguy cơ trong việc vận chuyển hành khách bị áp giải và quyết định các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn phù hợp; thông báo cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và Cảng vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay nơi đi.

3. Người áp giải và người bị áp giải có thể được bố trí kiểm tra an ninh hàng không tại khu vực riêng. Người bị áp giải và hành lý, vật dụng của họ phải được kiểm tra trực quan.

4. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phối hợp với người áp giải quản lý, giám sát chặt chẽ trong quá trình đưa người bị áp giải lên, xuống tàu bay.

5. Đại diện hãng hàng không phải thông báo cho người chỉ huy tàu bay vị trí ngồi của hành khách là bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ và người áp giải cùng với công cụ hỗ trợ họ mang theo. Người chỉ huy tàu bay thông báo cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nơi tàu bay dự định hạ cánh về các yêu cầu trợ giúp cần thiết nếu có.

---

[36] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Điều 57. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách bị từ chối nhập cảnh[37]

1. Hãng hàng không phải chịu trách nhiệm về hành khách do hãng chuyên chở bị Việt Nam từ chối nhập cảnh và có nghĩa vụ sau:

a) Chuyên chở hành khách rời khỏi Việt Nam trong thời gian sớm nhất;

b) Phối hợp với công an cửa khẩu tạm giữ giấy tờ về nhân thân của hành khách và làm thủ tục để có các giấy tờ khác do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp nhằm mục đích vận chuyển hành khách đó rời khỏi Việt Nam nếu hành khách không có giấy tờ về nhân thân hợp lệ;

c) Thông báo cho công an cửa khẩu, Cảng vụ hàng không danh sách hành khách, thời gian, địa điểm quản lý hành khách bị từ chối nhập cảnh và chuyến bay chuyên chở hành khách rời khỏi Việt Nam;

d) Tiếp nhận giấy tờ về nhân thân hoặc các giấy tờ khác do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cung cấp và chỉ giao lại giấy tờ nêu trên khi hành khách đã được bàn giao cho nhà chức trách có thẩm quyền của quốc gia nơi tàu bay đến.

2. Trường hợp hãng hàng không chuyên chở hành khách bị từ chối nhập cảnh tại nước ngoài về Việt Nam, hãng hàng không có trách nhiệm phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của nước sở tại để có giấy tờ về nhân thân của hành khách đó hoặc các giấy tờ khác do nhà chức trách có thẩm quyền của nước sở tại cấp nhằm mục đích vận chuyển hành khách.

3. Trường hợp hành khách bị từ chối nhập cảnh được quản lý, giám sát tại cảng hàng không, sân bay, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không quản lý, giám sát hành khách bị từ chối nhập cảnh. Trường hợp hành khách bị từ chối nhập cảnh không tự nguyện về nước, hãng hàng không phải bố trí nhân viên an ninh áp giải trên chuyến bay, tối thiểu 01 nhân viên áp giải 01 hành khách.

4. Hãng hàng không chịu mọi chi phí liên quan đến hành khách bị từ chối nhập cảnh, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

5. Đại diện hãng hàng không phải thông báo cho người chỉ huy tàu bay vị trí ngồi của hành khách bị từ chối nhập cảnh và người áp giải cùng với công cụ hỗ trợ mang theo. Người chỉ huy tàu bay thông báo cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay hoặc nhà chức trách nước ngoài nơi tàu bay dự định hạ cánh về các yêu cầu trợ giúp cần thiết.

6. Trường hợp hành khách mang quốc tịch nước ngoài đã nhập cảnh Việt Nam, sau đó xuất cảnh để đi nước thứ ba nhưng bị từ chối nhập cảnh và buộc trở lại Việt Nam, hãng hàng không chịu trách nhiệm vận chuyển hành khách này trở

---

[37] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 36 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

lại Việt Nam, bàn giao cho Công an cửa khẩu và hãng hàng không phối hợp với Công an cửa khẩu xác minh hành trình, thông tin nhân thân, quốc tịch của hành khách để cơ quan chức năng có biện pháp xử lý.

Điều 58. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách không làm chủ được hành vi[38]

1. Hành khách không làm chủ được hành vi là hành khách trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc mất khả năng điều khiển hành vi của mình do bị bệnh tâm thần hoặc do sử dụng rượu bia hoặc chất kích thích.

2. Việc chấp nhận chuyên chở hành khách bị bệnh tâm thần do đại diện hãng hàng không đánh giá và quyết định. Trường hợp hãng hàng không chấp nhận chuyên chở phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Hành khách bị bệnh tâm thần phải có bác sĩ hoặc thân nhân đi kèm có khả năng kiềm chế được hành vi bất thường của hành khách. Trong trường hợp cần thiết, hành khách bị bệnh tâm thần cần phải được gây mê trước khi lên tàu bay, thời gian tác dụng của thuốc phải lâu hơn thời gian bay;

b) Hành khách bị bệnh tâm thần và hành lý, vật dụng của họ phải được kiểm tra trực quan; việc kiểm tra có thể được bố trí tại khu vực riêng;

c) Trong trường hợp cần thiết, theo yêu cầu của đại diện hãng hàng không, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải hộ tống hành khách bị bệnh tâm thần lên tàu bay và ngược lại;

d) Đại diện hãng hàng không phải thông báo cho người chỉ huy tàu bay vị trí ngồi của hành khách bị bệnh tâm thần. Người chỉ huy tàu bay thông báo cho người khai thác cảng hàng không, sân bay nơi tàu bay dự định hạ cánh về các yêu cầu trợ giúp nếu xét thấy cần thiết.

3. Việc chấp nhận chuyên chở hành khách đã sử dụng rượu, bia hoặc chất kích thích nhưng chưa đến mức không làm chủ được hành vi do đại diện hãng hàng không đánh giá, quyết định. Khi chuyên chở các đối tượng này, hãng hàng không phải áp dụng biện pháp kiểm soát an ninh hàng không thích hợp.

Điều 59. Quy trình xử lý hành khách gây rối

1. Trường hợp hành khách chưa lên tàu bay, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không ngăn chặn không cho phép hành khách lên tàu bay, tạm giữ người, giấy tờ về nhân thân của hành khách. Các bước xử lý tiếp theo như quy định tại Điều 83, 84 của Thông tư này. Việc xử lý phải đảm bảo hạn chế đến mức tối đa ảnh hưởng hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay.

---

[38] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 37 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

2. Trường hợp hành khách đã lên tàu bay và tàu bay đang ở mặt đất, người chỉ huy tàu bay phải áp dụng biện pháp xử lý thích hợp theo thẩm quyền; quyết định tạm dừng chuyến bay nếu xét thấy cần thiết vì lý do bảo đảm an toàn, an ninh cho chuyến bay; thông báo cho đại diện hãng hàng không; đại diện hãng hàng không thông báo vụ việc cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và Cảng vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay để phối hợp xử lý.

3. Trường hợp tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay phải áp dụng biện pháp xử lý thích hợp theo thẩm quyền; quyết định cho tàu bay hạ cánh nếu xét thấy cần thiết vì lý do bảo đảm an toàn, an ninh cho chuyến bay; thông báo vụ việc cho hãng hàng không hoặc nhà chức trách hàng không tại cảng hàng không (nếu không có đại diện hãng hàng không) nơi tàu bay hạ cánh tùy theo tính chất, mức độ vụ việc, người chỉ huy tàu bay tổ chức lập biên bản vi phạm hành chính hoặc tường trình, báo cáo vụ việc theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng hoặc lập biên bản theo quy định của nước sở tại, bàn giao vụ việc cho nhà chức trách hàng không nơi hạ cánh.

4. Khi nhận được thông báo, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay lên ngay tàu bay để phối hợp với tổ bay, áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết để áp giải hành khách xuống khỏi tàu bay, tạm giữ giấy tờ về nhân thân của hành khách, đồ vật vi phạm; tổ bay lập bản tường trình báo cáo vụ việc chuyển giao cho Cảng vụ hàng không để xử lý theo thẩm quyền và đại diện hãng hàng không phải có mặt chứng kiến, phối hợp trong quá trình xử lý vụ việc.

5. Cảng vụ hàng không liên quan nhận được thông báo phải đến ngay nơi xử lý vụ việc để trực tiếp đánh giá và quyết định việc xử lý theo thẩm quyền; giám sát toàn bộ quá trình xử lý vụ việc, kể cả trên tàu bay; chủ trì phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không đánh giá vụ việc, quyết định áp dụng các biện pháp an ninh cần thiết; yêu cầu chuyển giao hồ sơ vụ việc; đình chỉ hoặc cho phép tiếp tục thực hiện chuyến bay; lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp vượt quá thẩm quyền, chuyển vụ việc cho cơ quan chức năng có đủ thẩm quyền xử lý.

Điều 60. Từ chối, cấm vận chuyển vì lý do an ninh; kiểm tra trực quan bắt buộc đối với hành khách

1. Hãng hàng không có quyền từ chối vận chuyển hành khách vì lý do an ninh trong các trường hợp được pháp luật quy định.

2. Quy trình, thủ tục và thẩm quyền quyết định từ chối vận chuyển hành khách vì lý do an ninh phải được quy định cụ thể, rõ ràng trong chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không. Việc từ chối vận chuyển hành khách phải được thông báo ngay cho Cảng vụ hàng không để giám sát theo thẩm quyền.

3.[39] Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định cấm vận chuyển bằng đường hàng không có thời hạn hoặc vĩnh viễn đối với hành khách có các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; tùy tính chất, mức độ vi phạm, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp kiểm tra trực quan bắt buộc đối với người có hành vi vi phạm về an ninh, trật tự kỷ luật trên tàu bay, tại các cảng hàng không, sân bay.

4. Cục Hàng không Việt Nam thường xuyên cập nhật và thông báo danh sách hành khách bị cấm vận chuyển, hành khách phải kiểm tra trực quan bắt buộc cho các Cảng vụ hàng không, hãng hàng không và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.

5. Hãng hàng không phải có biện pháp thích hợp, hiệu quả để cảnh báo, phát hiện ngay đối tượng bị cấm vận chuyển, đối tượng phải áp dụng các biện pháp kiểm tra trực quan bắt buộc khi đối tượng đặt chỗ, làm thủ tục đi tàu bay để ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

Điều 61. Tái kiểm tra an ninh hàng không[40]

1. Phải tái kiểm tra an ninh hàng không khu vực hạn chế, người, phương tiện, đồ vật trong các trường hợp sau:

a) Hành khách, hành lý xách tay đã kiểm tra an ninh hàng không nhưng ra khỏi khu vực hạn chế khi trở lại phải tái kiểm tra an ninh hàng không.

b) Khu vực, người, phương tiện, đồ vật trong khu vực hạn chế có sự tiếp xúc, trộn lẫn với người, đồ vật chưa qua kiểm tra an ninh hàng không.

c) Khu vực, người, phương tiện, đồ vật trong khu vực hạn chế có sự tiếp xúc, trộn lẫn với người nghi ngờ mang theo vật phẩm nguy hiểm hoặc phương tiện, đồ vật nghi ngờ chứa vật phẩm nguy hiểm.

2. Việc tái kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý xách tay quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Tất cả hành khách, hành lý xách tay phải được chuyển sang một khu vực khác, kiểm tra lại toàn bộ khu vực hạn chế liên quan;

b) Tái kiểm tra an ninh hàng không toàn bộ hành khách, hành lý xách tay trước khi cho lên tàu bay;

c) Trường hợp hành khách đã lên tàu bay, toàn bộ hành khách, hành lý xách tay và khoang hành khách của tàu bay phải được tái kiểm tra an ninh hàng không.

---

[39] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 38 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[40] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 39 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

3. Trường hợp niêm phong an ninh không còn nguyên vẹn hoặc hành lý ký gửi, hàng hóa, bưu gửi, đồ vật phục vụ trên tàu bay, tủ, túi đựng suất ăn bị rách, vỡ phải tái kiểm tra an ninh hàng không trước khi đưa lên tàu bay.

4. Việc tái kiểm tra an ninh hàng không được quy định tại khoản 1 và khoản 3 của Điều này phải được lập thành biên bản.

Điều 62. Biện pháp xử lý vật phẩm nguy hiểm trong quá trình kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi

1. Khi phát hiện hoặc nghi vấn bom, mìn, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, chất cháy, vật liệu phóng xạ, chất độc có nguy cơ gây nguy hiểm, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải lập tức đánh giá nguy cơ để có biện pháp xử lý thích hợp. Trường hợp là bom, mìn, vật liệu nổ nếu không biết rõ về cơ chế nổ thì để nguyên tại chỗ, nhanh chóng phong tỏa khu vực đó, sơ tán hành khách đến nơi an toàn và thông báo ngay cho lực lượng phá dỡ bom mìn của ngành công an, quân đội đến để tháo gỡ.

2. Khi phát hiện vật phẩm nguy hiểm không có giấy phép theo quy định của pháp luật, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV của Thông tư này và chuyển giao người, hồ sơ, vật phẩm nguy hiểm cho cơ quan chức năng có thẩm quyền, đồng thời thông báo cho hãng hàng không để có biện pháp giải quyết thích hợp.

3. Khi phát hiện vật phẩm nguy hiểm không tuân thủ các điều kiện bảo đảm vận chuyển an toàn bằng đường hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay hướng dẫn hành khách bỏ lại hoặc hướng dẫn hành khách thực hiện thủ tục vận chuyển theo quy định hoặc từ chối hoàn thành thủ tục kiểm tra an ninh hàng không và yêu cầu hãng hàng không, đại diện hợp pháp của người gửi hàng, hành khách tuân thủ các điều kiện vận chuyển.

4. Khi phát hiện vũ khí, vật liệu nổ trong người hành khách, phải nhanh chóng bằng biện pháp thích hợp khống chế, ngăn chặn để xử lý; phát hiện vũ khí, vật liệu nổ trong hành lý xách tay của hành khách phải cách ly ngay hành khách với hành lý, khống chế hành khách để xử lý.

Điều 63. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không khu vực cách ly

1. Khu vực cách ly phải được kiểm tra an ninh hàng không trước khi đưa vào khai thác hàng ngày và giám sát an ninh chặt chẽ, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

2. Khi không hoạt động, tất cả cửa vào, cửa ra của khu vực cách ly phải được khóa hoặc có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không canh gác, bảo vệ.

3. Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với khu vực cách ly phải được quy định cụ thể, chi tiết tại quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.

Mục 4
BẢO ĐẢM AN NINH CHO TÀU BAY VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

Điều 64. Bảo vệ tàu bay tại sân đỗ tàu bay

1. Tàu bay đỗ tại sân đỗ tàu bay phải được bảo vệ bằng các biện pháp thích hợp nhằm phát hiện, ngăn chặn người, phương tiện tiếp cận, đưa đồ vật lên, xuống hoặc để lại trên tàu bay một cách trái phép.

2. Tàu bay không khai thác phải được thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau:

a) Cầu thang, cầu ống dẫn khách, băng chuyền và các phương tiện phục vụ khác phải được di dời khỏi tàu bay;

b) Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm đóng, khóa cửa tàu bay; niêm phong cửa tàu bay; tàu bay đỗ ban đêm phải được chiếu sáng.

3.[41] Tàu bay đang khai thác phải được thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này và người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm tổ chức kiểm soát người, đồ vật lên, xuống tàu bay.

Điều 65. Kiểm tra an ninh hàng không, lục soát an ninh tàu bay

1.[42] Trách nhiệm kiểm tra an ninh hàng không

a) Đối với tàu bay đang khai thác, trường hợp không đổi tổ bay và có sự kiểm soát liên tục người, đồ vật lên xuống khỏi tàu bay của tổ bay, trước khi tiếp nhận hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi lên tàu bay, người khai thác tàu bay phải kiểm tra an ninh hàng không tàu bay theo danh mục của từng loại tàu bay nhằm phát hiện các vật phẩm nguy hiểm có thể được cất giấu hoặc người trốn trên tàu bay.

b) Đối với tàu bay đang khai thác, trường hợp đổi tổ bay hoặc không có sự kiểm soát liên tục người, đồ vật lên xuống khỏi tàu bay của tổ bay, trước khi tiếp nhận hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi lên tàu bay và sau khi hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi xuống hết khỏi tàu bay, người khai thác tàu bay phải kiểm tra an ninh hàng không tàu bay theo danh mục của từng loại tàu bay nhằm phát hiện các vật phẩm nguy hiểm có thể được cất giấu hoặc người trốn trên tàu bay.

c) Đối với tàu bay không khai thác, khi đưa vào khai thác, trước khi tiếp nhận hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi lên tàu bay, người khai thác tàu bay phải kiểm

---

[41] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 40 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[42] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 41 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

tra an ninh hàng không tàu bay theo danh mục của từng loại tàu bay nhằm phát hiện các vật phẩm nguy hiểm có thể được cất giấu hoặc người trốn trên tàu bay.

d) Người khai thác tàu bay phải quy định chi tiết quy trình, thủ tục kiểm tra an ninh hàng không tàu bay trong chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

2. Kiểm tra, lục soát an ninh tàu bay phải được tiến hành theo danh mục. Trên mỗi tàu bay phải có danh mục kiểm tra an ninh hàng không, lục soát an ninh tàu bay và nội dung danh mục kiểm tra an ninh hàng không phải được quy định trong chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

Điều 66. Bảo vệ buồng lái

1. Trong suốt thời gian tàu bay đang bay, cửa buồng lái phải được khóa từ bên trong và có phương thức trao đổi thông tin bí mật giữa tiếp viên với tổ lái khi phát hiện nghi ngờ hoặc có dấu hiệu uy hiếp an ninh hàng không trong khoang hành khách.

2. Tàu bay có trọng lượng cất cánh tối đa từ 45.500 kilôgam trở lên hoặc có sức chở từ 60 hành khách trở lên phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Cửa buồng lái tàu bay có khả năng chống lại vũ khí hạng nhẹ, mảnh lựu đạn hoặc việc sử dụng vũ lực để vào buồng lái trái phép;

b) Có trang bị, thiết bị để tổ lái giám sát toàn bộ khu vực bên ngoài cửa buồng lái tàu bay nhằm nhận biết những người có yêu cầu vào buồng lái, phát hiện những hành vi nghi ngờ hoặc nguy cơ đe dọa tiềm ẩn.

3. Người khai thác tàu bay phải đảm bảo sau khi các cửa của tàu bay được đóng để khởi hành, không ai được phép vào buồng lái cho đến khi các cửa của tàu bay được mở ra để hành khách rời khỏi tàu bay ngoại trừ những đối tượng sau đây nếu người chỉ huy tàu bay đồng ý:

a) Thành viên tổ bay đang làm nhiệm vụ;

b) Người được người khai thác tàu bay cho phép;

c) Người được phép vào buồng lái theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên tổ lái không được phép rời buồng lái khi chưa được người chỉ huy tàu bay cho phép. Trong buồng lái phải luôn có mặt 02 người là thành viên tổ lái. Trong trường hợp bất khả kháng, chỉ có 01 thành viên tổ lái thì bắt buộc phải có mặt thêm 01 tiếp viên.

Điều 67. Bảo đảm an ninh hàng không trên chuyến bay

1. Khi hành khách lên tàu bay, hãng hàng không chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đối chiếu giấy tờ về nhân thân, thẻ lên tàu bay của hành khách để đảm bảo đúng người, đúng chuyến bay. Biện pháp kiểm tra phải được quy định chi tiết trong chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

2. Trước khi cho tàu bay khởi hành, người chỉ huy tàu bay phải có trách nhiệm tổ chức đối chiếu tổng số hành khách đã được cấp thẻ lên tàu bay với tổng số hành khách thực có trên tàu bay bằng biện pháp thích hợp; nếu không có sự trùng khớp phải làm rõ lý do mới được phép khởi hành.

3. Trong thời gian tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh hàng không, duy trì trật tự, kỷ luật trên tàu bay; được áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, vi phạm các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, hành vi gây rối, vi phạm trật tự kỷ luật, không tuân thủ yêu cầu, hướng dẫn của tổ bay theo quy định pháp luật; tổ chức bàn giao người vi phạm, tang vật và biên bản hoặc báo cáo vi phạm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay. Người chỉ huy tàu bay tổ chức việc giám sát an ninh hàng không, duy trì trật tự kỷ luật trên tàu bay trong suốt chuyến bay.

4. Thành viên tổ bay phải tuân thủ mệnh lệnh, sự chỉ huy, điều hành của người chỉ huy tàu bay; thường xuyên quan sát khoang hành khách để kịp thời phát hiện hành vi bất thường của hành khách, thông báo cho người chỉ huy tàu bay biết để xử lý; phối hợp với nhân viên an ninh trên không giải quyết và xử lý các trường hợp tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp.

5. Cục Hàng không Việt Nam là đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Bộ Công an, nhà chức trách có thẩm quyền của nước ngoài và các hãng hàng không trong việc bố trí nhân viên an ninh trên không đi trên các chuyến bay.

Điều 68. Vận chuyển hành khách là bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã

1. Việc vận chuyển đối tượng tiềm ẩn uy hiếp an ninh hàng không phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, có người áp giải, trên một chuyến bay chỉ được vận chuyển không quá 05 người thuộc đối tượng này trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này. Chuyến bay chuyên cơ thuê khoang không vận chuyển hành khách là bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã.

2. Đối với chuyến bay từ nước ngoài về Việt Nam, trong trường hợp quy định của pháp luật của nước sở tại khác với quy định tại khoản 1 của Điều này, Cục Hàng không Việt Nam đánh giá và quyết định giới hạn chuyên chở.

3. Chỗ ngồi của đối tượng bị áp giải được chỉ định ở các hàng ghế xa cửa lên, xuống, xa cửa thoát hiểm. Nhân viên áp giải ngồi ghế cạnh lối đi, đối tượng bị áp giải ngồi ghế trong, trường hợp số nhân viên áp giải gấp hai lần số đối tượng bị áp giải, đối tượng bị áp giải ngồi ghế giữa hai nhân viên áp giải.

4. Đối tượng bị áp giải phải được người áp giải giám sát trong suốt chuyến bay kể cả khi vào phòng vệ sinh, đối tượng bị áp giải có thể được sử dụng đồ ăn, uống trên tàu bay với sự đồng ý của người áp giải. Người áp giải và đối tượng bị áp giải không được sử dụng các loại chất kích thích hoặc dung dịch có cồn.

5. Không được khóa tay hoặc chân đối tượng bị áp giải vào bất cứ bộ phận nào của tàu bay.

6. Hãng hàng không phải bố trí cho người áp giải và người bị áp giải lên trước và rời khỏi tàu bay sau cùng so với các hành khách khác.

7. Việc vận chuyển hành khách bị trục xuất tự nguyện trở về với số lượng nhiều hơn quy định tại khoản 1 của Điều này được thực hiện khi đủ khả năng bảo đảm an ninh. Hãng hàng không chịu trách nhiệm đánh giá và quyết định.

Điều 69. Vận chuyển vũ khí, dụng cụ chiến tranh, vật liệu phóng xạ và các vật phẩm nguy hiểm khác trên tàu bay

1. Việc vận chuyển vũ khí, dụng cụ chiến tranh, vật liệu phóng xạ và các vật phẩm nguy hiểm khác trên tàu bay vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Danh mục các vật phẩm nguy hiểm mà hành khách, tổ bay không được mang theo người, hành lý xách tay, hành lý ký gửi lên tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam ban hành.

3. Đối với vật phẩm nguy hiểm là hàng nguy hiểm khi vận chuyển phải được đại diện của hãng hàng không chấp nhận vận chuyển trên tàu bay theo đúng quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải niêm yết danh mục các vật phẩm nguy hiểm không được mang theo người, hành lý xách tay, hành lý ký gửi tại điểm kiểm tra an ninh hàng không; thông báo bằng hình thức thích hợp tại nhà ga danh mục các vật phẩm nguy hiểm không được mang lên tàu bay.

5. Hãng hàng không phải tổ chức niêm yết danh mục các vật phẩm nguy hiểm không được mang theo người, hành lý xách tay, hành lý ký gửi tại nơi bán vé, quầy làm thủ tục hàng không.

Điều 70. Thủ tục, trình tự tiếp nhận, quản lý, vận chuyển, bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ

1. Người mang vũ khí, công cụ hỗ trợ trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này phải làm thủ tục đi tàu bay tại quầy thủ tục như sau:

a) Xuất trình vũ khí, công cụ hỗ trợ và các loại giấy phép liên quan cho nhân viên hàng không kiểm tra khi làm thủ tục đi tàu bay;

b) Trường hợp mang súng theo người lên tàu bay, phải hoàn thành tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp ký gửi súng, đạn, phải hoàn thành tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nhân viên làm thủ tục của hãng hàng không thông báo cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không để kiểm tra các loại giấy phép liên quan đến vũ

khí, công cụ hỗ trợ. Trường hợp là súng, đạn, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không kiểm tra nội dung khai báo và ký xác nhận vào tờ khai.

3. Trường hợp hành khách là sỹ quan, chiến sỹ cảnh vệ đi cùng đối tượng cảnh vệ, phải hoàn thành tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này và đưa tờ khai cho nhân viên thủ tục hàng không của chuyến bay trước khi lên tàu bay, chịu trách nhiệm về sự an toàn của súng, đạn, công cụ hỗ trợ mang theo.

4. Quy định về tiếp nhận, vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ:

a) Người có súng phải tháo rời hộp tiếp đạn khỏi súng; tháo rời hoặc ngắt nguồn điện của công cụ hỗ trợ; bảo đảm chắc chắn vũ khí, công cụ hỗ trợ trong trạng thái an toàn;

b) Đạn phải được đóng gói và chất xếp theo đúng quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm. Đại diện hãng hàng không ký xác nhận vào tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Nhân viên phục vụ mặt đất vận chuyển súng, đạn từ điểm làm thủ tục lên tàu bay phải có nhân viên an ninh hàng không giám sát, hộ tống;

d) Vũ khí, công cụ hỗ trợ phải để ở nơi hành khách không thể tiếp cận được trong suốt chuyến bay.

5. Người chỉ huy tàu bay phải được thông báo về số lượng súng, đạn được vận chuyển trên chuyến bay.

6. Tại cảng hàng không, sân bay đến, quy trình bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ như sau:

a) Hãng hàng không phải thông báo bằng hình thức thích hợp cho đại diện của hãng tại cảng hàng không, sân bay đến để tiếp nhận, giám sát và thông báo các thông tin liên quan đến chuyến bay có vận chuyển ký gửi vũ khí, công cụ hỗ trợ (số hiệu chuyến bay, thời gian hạ cánh, vị trí hạ cánh) cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không;

b) Nhân viên phục vụ mặt đất có trách nhiệm vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ từ tàu bay vào khu vực trả hành lý; đối chiếu giấy tờ về nhân thân, thẻ lên tàu bay với thẻ hành lý ký gửi; bàn giao vũ khí, đạn, công cụ hỗ trợ cho hành khách tại nơi trả hành lý ký gửi;

c) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không có trách nhiệm giám sát quá trình vận chuyển, bàn giao, đăng ký vào sổ và giám sát việc hành khách mang vũ khí, công cụ hỗ trợ ra khỏi khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay.

7. Quy trình, thủ tục tiếp nhận, quản lý, vận chuyển, bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ phải được quy định chi tiết trong chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không và người khai thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 71. Mang chất lỏng, chất đặc sánh, dung dịch xịt (chất lỏng) theo người và hành lý xách tay đối với chuyến bay quốc tế

1. Khi qua điểm kiểm tra an ninh hàng không vào khu vực cách ly quốc tế, mỗi hành khách, thành viên tổ bay chỉ được mang không quá 01 lít chất lỏng theo người và hành lý xách tay; dung tích của mỗi chai, lọ, bình chứa chất lỏng không quá 100 mi-li-lít, đồng thời phải được đóng kín hoàn toàn.

2. Không áp dụng khoản 1 Điều này đối với chất lỏng là thuốc chữa bệnh, sữa, thức ăn cho trẻ em nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Thuốc chữa bệnh có kèm theo đơn thuốc trong đó ghi rõ họ tên, địa chỉ của người kê đơn thuốc, họ tên người sử dụng thuốc phù hợp với họ tên trên thẻ lên tàu bay hành khách;

b) Sữa, thức ăn dành cho trẻ em, trẻ sơ sinh phải có trẻ em, trẻ sơ sinh đi cùng.

3. Chất lỏng mua tại cửa hàng trong khu cách ly quốc tế, trên chuyến bay quốc tế được phép mang theo người và hành lý xách tay không giới hạn dung tích với điều kiện phải đựng trong túi nhựa an ninh được dán kín.

Mục 5
BẢO ĐẢM AN NINH CHO HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG

Điều 72. Bảo đảm an ninh đối với tàu bay hoạt động hàng không chung

1. Bảo đảm an ninh đối với tàu bay hoạt động hàng không chung được thực hiện như đối với tàu bay vận chuyển hàng không thương mại.

2. Bảo đảm an ninh đối với tàu bay hoạt động hàng không chung đỗ ngoài cảng hàng không, sân bay thực hiện như sau:

a) Người khai thác tàu bay phải xây dựng quy định về bảo vệ tàu bay phù hợp với hoạt động khai thác của mình; phối hợp, hiệp đồng với chính quyền địa phương tổ chức bảo vệ tàu bay; bố trí lực lượng canh gác tàu bay liên tục nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời người, phương tiện tiếp cận và lên tàu bay trái phép; thiết lập hệ thống hàng rào, chiếu sáng ban đêm thích hợp quanh khu vực tàu bay đỗ;

b) Cửa tàu bay phải được khóa hoặc niêm phong.

3. Người khai thác tàu bay hoạt động hàng không chung chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra an ninh hàng không đối với tàu bay trước khi cho người, đồ vật lên tàu bay và bảo đảm an ninh trong khi bay.

4. Tàu bay hoạt động hàng không chung có trọng lượng cất cánh tối đa trên 5.700 kg phải được bảo đảm an ninh như tàu bay vận chuyển hàng không thương mại.

5. Hãng hàng không thực hiện hoạt động hàng không chung vì mục đích thương mại phải xây dựng chương trình an ninh hàng không cho hoạt động khai thác của hãng. Nội dung chương trình phải quy định chi tiết các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không, bảo vệ tàu bay của hãng trong và ngoài phạm vi cảng hàng không, sân bay; thiết lập, duy trì bộ phận bảo đảm an ninh hàng không của hãng và chỉ định người chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác bảo đảm an ninh của hãng theo hệ thống độc lập, không kiêm nhiệm.

Điều 73. Kiểm tra, giám sát an ninh người, đồ vật đưa lên chuyến bay hoạt động hàng không chung

1. Việc kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, đồ vật đưa lên tàu bay hoạt động hàng không chung được thực hiện bằng biện pháp thích hợp và được quy định cụ thể trong chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

2. Tàu bay xuất phát từ một cảng hàng không, sân bay, người khai thác tàu bay phải gửi danh sách người, đồ vật đưa lên tàu bay cho người khai thác cảng hàng không, sân bay để thực hiện kiểm tra, giám sát an ninh hàng không trước chuyến bay.

3. Tàu bay xuất phát từ nơi nằm ngoài cảng hàng không, sân bay, người khai thác tàu bay phải tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với người, đồ vật đưa lên tàu bay.

Mục 6
BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG TẠI SÂN BAY CHUYÊN DÙNG CÓ HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 74. Tổ chức bảo đảm an ninh hàng không tại sân bay chuyên dùng do Bộ Quốc phòng quản lý, khai thác

1. Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Quốc phòng hướng dẫn bảo đảm an ninh, an toàn sân bay chuyên dùng; thực hiện quy chế phối hợp trong kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của sân bay chuyên dùng.

2. Đối với các vụ việc vi phạm quy định về an ninh hàng không tại sân bay chuyên dùng, lực lượng làm nhiệm vụ bảo đảm duy trì an ninh, trật tự tại sân bay xử lý ban đầu, thông báo và bàn giao cho chính quyền địa phương xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 75. Sân bay chuyên dùng không do Bộ Quốc phòng quản lý, khai thác

Đối với các vụ việc vi phạm quy định về an ninh hàng không tại sân bay chuyên dùng, lực lượng làm nhiệm vụ bảo đảm duy trì an ninh, trật tự tại sân

bay xử lý ban đầu, thông báo và bàn giao cho chính quyền địa phương xử lý theo quy định của pháp luật.

Mục 7
BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG TĂNG CƯỜNG

Điều 76. Thu thập thông tin về nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan thu thập, đánh giá thông tin về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của khủng bố, các tổ chức phản động và các loại tội phạm, âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng để quyết định áp dụng biện pháp kiểm soát an ninh tăng cường cho từng cấp độ theo quy định của pháp luật.

2.[43] Cục Hàng không Việt Nam, cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không công bố số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận các thông tin liên quan đến âm mưu tấn công can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

Điều 77. Phạm vi áp dụng kiểm soát an ninh hàng không tăng cường[44]

1. Căn cứ thông tin về tình hình, nguy cơ đe doạ, rủi ro an ninh hàng không, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam quyết định áp dụng, hủy bỏ cấp độ kiểm soát an ninh hàng không tăng cường trên phạm vi toàn quốc hoặc tại một cảng hàng không, sân bay cụ thể.

2. Cục Hàng không Việt Nam xem xét việc chấp thuận áp dụng các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường thay thế có tác dụng tương tự của các nước khác đối với các chuyến bay, đường bay quốc tế đến Việt Nam.

3. Cục Hàng không Việt Nam xem xét áp dụng các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường theo yêu cầu của nhà chức trách nước ngoài phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

---

[43] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 42 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[44] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 43 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Điều 78. Các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường

1. Quy trình triển khai các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường áp dụng cho từng cấp độ phải được quy định cụ thể trong chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp, đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không trên cơ sở nội dung quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quyết định áp dụng biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường phải được Cục Hàng không Việt Nam và các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm nêu trong quyết định triển khai ngay đến các cơ quan, đơn vị liên quan theo phân cấp bằng hình thức thích hợp trong thời gian sớm nhất để thực hiện, đồng thời được báo cáo ngay Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công an.

Mục 8

CUNG CẤP, SỬ DỤNG THÔNG TIN VỀ HÀNH KHÁCH, HÀNG HÓA VÀ AN NINH HỆ THỐNG THÔNG TIN CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG

Điều 79. Nguyên tắc sử dụng, cung cấp thông tin về nhân thân hành khách, người gửi, người nhận hàng hóa

1. Chỉ hãng hàng không liên quan đến việc vận chuyển hành khách, hàng hóa được phép khai thác, sử dụng thông tin về nhân thân hành khách, người gửi, người nhận hàng hóa, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hãng hàng không có trách nhiệm bảo mật thông tin cá nhân của hành khách; chỉ cung cấp thông tin về nhân thân hành khách, người gửi, người nhận hàng hóa cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu vì mục đích phục vụ công tác quản lý nhà nước về an ninh, an toàn hàng không dân dụng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và các tội phạm hình sự khác.

Điều 80. Bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không

1. Đơn vị chủ quản hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải xây dựng và ban hành các quy định về bảo vệ, quản lý, sử dụng để chống lại hành vi truy cập, can thiệp trái phép gây mất an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng, đánh cắp và làm sai lệch thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Việc bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải được thực hiện từ giai đoạn lựa chọn nhà cung cấp và trong quá trình thiết kế lắp đặt, sử dụng hệ thống. Các biện pháp bảo vệ bao gồm:

a) Quản trị hệ thống thông qua việc ban hành tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục an ninh; lựa chọn và đào tạo cán bộ, đặc biệt là những người có quyền quản trị

hệ thống; đánh giá mối đe dọa và rủi ro để xác định các lỗ hổng của hệ thống và khả năng bị tấn công; kiểm tra và thử nghiệm; bảo đảm an ninh chuỗi cung ứng;

b) Kiểm soát bằng tường lửa; mã hóa dữ liệu; sử dụng hệ thống phát hiện xâm nhập mạng và hệ thống chống vi-rút;

c) Bảo vệ hệ thống, đặc biệt là các máy chủ, phải nằm trong khu vực mà việc vào, ra và hoạt động trong khu vực đó được kiểm soát và hạn chế; chỉ những người có thẩm quyền được truy cập vào hệ thống bằng phương pháp đăng nhập sinh trắc học, mật khẩu; hạn chế số lượng người có quyền truy cập; kiểm soát và giám sát liên tục việc truy cập vào hệ thống; sử dụng hệ thống sao lưu đề phòng trường hợp hệ thống chính bị trục trặc; ghi lưu các hoạt động để phục vụ kiểm tra, đánh giá và cảnh báo khi có hoạt động bất thường.

3. Chương trình, quy chế an ninh hàng không, phương án khẩn nguy, phương án ứng phó không lưu của các doanh nghiệp ngành hàng không phải quy định cụ thể về bảo vệ thông tin và hệ thống công nghệ thông tin, phương án phòng ngừa, đảm bảo an ninh thông tin, phương án ứng phó khi bị tấn công can thiệp bất hợp pháp bằng kỹ thuật điện tử.

4. Đơn vị chủ quản hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải thực hiện việc đánh giá nguy cơ uy hiếp an ninh, an toàn hàng không, mức độ thiệt hại nếu bị tấn công, can thiệp bất hợp pháp vào các thiết bị, hệ thống thông tin của đơn vị mình để có biện pháp bảo vệ thích hợp. Việc đánh giá dựa trên tiêu chí sau:

a) Mức độ uy hiếp trực tiếp đến hoạt động điều hành bay và tàu bay đang bay;

b) Mức độ uy hiếp trực tiếp đến tính mạng hành khách, nhân viên tại cảng hàng không, sân bay;

c) Mức độ uy hiếp trực tiếp đến hoạt động bình thường của các thiết bị điều hành bay, hệ thống cơ sở hạ tầng, thiết bị bảo đảm an ninh hàng không.

5. Đơn vị chủ quản hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông để bảo vệ, chống hành vi truy cập, can thiệp trái phép gây mất an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng và đánh cắp, làm sai lệch thông tin, dữ liệu; tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh thông tin.

Mục 9
KIỂM SOÁT AN NINH NỘI BỘ

Điều 81. Nguyên tắc thực hiện kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không

1. Kiểm soát an ninh nội bộ được thực hiện thông qua việc xây dựng, duy trì, thực hiện tiêu chuẩn vị trí việc làm; nội quy, kỷ luật của cơ quan, đơn vị và công tác phối hợp với cơ quan chức năng trong phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và thẩm tra xác minh nhân thân.

2. Kiểm soát an ninh nội bộ phải được thực hiện trong tất cả quy trình tuyển dụng, huấn luyện, đào tạo, quản lý, giám sát, xử lý vi phạm, đánh giá, nhận xét, bổ nhiệm, điều động của mỗi cơ quan, đơn vị; phải kết hợp chặt chẽ công tác kiểm soát an ninh nội bộ với công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

3. Khi tuyển dụng lao động, hồ sơ dự tuyển phải có phiếu lý lịch tư pháp hoặc ý kiến của cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú về việc chấp hành pháp luật của người dự tuyển; cơ quan, đơn vị tuyển dụng tổ chức thẩm tra, xác minh lý lịch và nhân thân tại nơi cư trú và nơi họ đã làm việc trước khi quyết định tuyển dụng nếu cần. Đơn vị quản lý, sử dụng lao động định kỳ hàng năm phải đánh giá người lao động về việc chấp hành nội quy, kỷ luật lao động, pháp luật nhà nước. Khi người lao động có biểu hiện bất thường về phẩm chất đạo đức, sinh hoạt, kinh tế, ý thức chấp hành kỷ luật, nội quy của cơ quan, đơn vị, phải xác minh làm rõ.

Điều 82. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác kiểm soát an ninh nội bộ

1. Cục Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác kiểm soát an ninh nội bộ đối với các cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không dân dụng; tạm đình chỉ hoạt động của nhân viên hàng không có dấu hiệu vi phạm pháp luật, uy hiếp an ninh, an toàn hàng không hoặc theo yêu cầu của cơ quan an ninh có thẩm quyền; chỉ đạo các doanh nghiệp ngành hàng không dân dụng trong việc phối hợp với các cơ quan công an liên quan thực hiện công tác kiểm soát an ninh nội bộ.

2. Doanh nghiệp quản lý, sử dụng nhân viên hàng không phải ban hành quy định về kiểm soát an ninh nội bộ bảo đảm đủ và đúng các nội dung sau:

a) Xác minh và định kỳ hàng năm thực hiện đánh giá nhân thân đối với nhân viên hàng không theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Thông tư này và giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của nhân viên thuộc đơn vị mình;

b) Nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật, phẩm chất đạo đức của cán bộ, nhân viên trong cơ quan, đơn vị;

c) Kiểm soát chặt chẽ việc đi lại, mang đồ vật ra, vào khu vực hạn chế, lên, xuống tàu bay; hoạt động thực hiện nhiệm vụ của nhân viên trong các khu vực hạn chế;

d) Quy định người hoặc bộ phận chuyên trách hoặc kiêm nhiệm bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát an ninh nội bộ, lập hồ sơ quản lý nhân viên; phối hợp chặt chẽ với cơ quan công an, chính quyền địa phương để trao đổi, nắm bắt thông tin liên quan đến người lao động; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm kỷ luật lao động, vi phạm pháp luật và khắc phục thiếu sót;

đ) Xây dựng các tiêu chí để tuyển dụng, bố trí sắp xếp phù hợp đối với từng loại nhân viên hàng không; phối hợp với cơ quan an ninh có thẩm quyền để kiểm tra nhân thân đối với nhân viên hàng không là người nước ngoài.

3.[45] Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng người lao động vào và hoạt động trong khu vực hạn chế, công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm nếu người lao động do mình quản lý có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình làm việc.

Chương III

XỬ LÝ VỤ VIỆC VI PHẠM AN NINH HÀNG KHÔNG VÀ ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

Mục 1

XỬ LÝ VỤ VIỆC VI PHẠM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 83. Nguyên tắc xử lý vi phạm

1. Mọi vụ việc vi phạm an ninh hàng không phải được xử lý kịp thời, nhanh chóng, không để vi phạm lan rộng và hạn chế tới mức thấp nhất hậu quả xảy ra.

Việc xử lý phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm do hành vi vi phạm gây ra và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Việc lên tàu bay của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để trấn áp, cưỡng chế, áp giải đối tượng vi phạm được thực hiện theo yêu cầu của người chỉ huy tàu bay hoặc Cảng vụ hàng không trừ trường hợp đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

2. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không bố trí nơi xử lý, giải quyết vụ việc vi phạm; bảo đảm việc xử lý vi phạm nhanh chóng, an toàn, thuận tiện và

[45] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 44 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

hạn chế đến mức tối thiểu việc gây ách tắc làm ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay và chuyến bay.

3. Cảng vụ hàng không chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoạt động tại cảng hàng không, sân bay để thống nhất những vấn đề cụ thể trong phối hợp xử lý vi phạm về an ninh hàng không, trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay và giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không phối hợp với công an, chính quyền địa phương trong xử lý vi phạm về an ninh hàng không xảy ra tại khu vực nằm ngoài cảng hàng không, sân bay trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp.

4. Cảng vụ hàng không, các đơn vị, doanh nghiệp có lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải tổ chức trực ban 24 giờ trong ngày và trong cả tuần, công bố số máy điện thoại trực để tiếp nhận thông tin và xử lý kịp thời vụ việc vi phạm an ninh hàng không, trật tự công cộng.

5. Hồ sơ, thủ tục, biên bản, quyết định xử lý vi phạm phải được lập và lưu giữ theo quy định của pháp luật.

Điều 84. Trách nhiệm, quy trình xử lý đối với vụ việc vi phạm an ninh hàng không

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không chịu trách nhiệm xử lý ban đầu các vụ việc vi phạm an ninh hàng không, trật tự công cộng xảy ra tại cảng hàng không, sân bay thuộc quyền quản lý. Quy trình xử lý như sau:

a) Ngăn chặn hành vi vi phạm; tạm giữ đối tượng vi phạm;

b) Kiểm tra, lục soát, thu giữ tang vật, chứng cứ;

c) Đưa người, tang vật vi phạm về nơi quy định để giải quyết, xử lý vi phạm;

d) Thông báo ngay vụ việc cho Cảng vụ hàng không, cơ quan công an (nếu vụ việc có dấu hiệu hình sự) và các cơ quan, đơn vị liên quan tại cảng hàng không, sân bay;

đ) Bảo vệ hiện trường nếu xét thấy cần thiết;

e) Lập hồ sơ ban đầu (biên bản vi phạm theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư này) và bàn giao hồ sơ, bằng chứng, tang vật, người vi phạm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu của Cảng vụ hàng không.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không trong quá trình xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

3. Đối với tàu bay đang khai thác, tàu bay đang bay quy trình xử lý vi phạm thực hiện theo khoản 2, 3, 4, 5 Điều 59 của Thông tư này. Nhân viên an ninh

trên không hoạt động bí mật, không tham gia xử lý vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

4. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không làm nhiệm vụ tại cơ sở nằm ngoài cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm xử lý ban đầu đối với vụ việc vi phạm an ninh hàng không xảy ra tại cơ sở do mình quản lý; quy trình xử lý theo quy định tại các điểm a, b, c và đ của khoản 1 Điều này; lập hồ sơ ban đầu (biên bản vi phạm theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư này), bàn giao hồ sơ, bằng chứng, tang vật, người vi phạm cho cơ quan chức năng tại địa phương và phối hợp xử lý tiếp theo đối với các vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

5. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm cử người trực tiếp đến ngay địa điểm đang giải quyết vi phạm ngay sau khi nhận được thông báo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này để giám sát việc xử lý ban đầu, đánh giá tính chất, mức độ vi phạm, thẩm quyền giải quyết vụ việc và quyết định việc xử lý tiếp theo như sau:

a) Trường hợp vi phạm xét thấy chưa tới mức xử phạt hành chính thì tiếp nhận vụ việc và có văn bản yêu cầu cơ quan có người vi phạm xem xét, xử lý kỷ luật đối với người vi phạm và thông báo kết quả xử lý cho Cảng vụ hàng không;

b) Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt hành chính của Cảng vụ hàng không, Thanh tra hàng không, Cục Hàng không Việt Nam, Thanh tra Bộ Giao thông vận tải thì Cảng vụ hàng không nhận bàn giao và tiến hành các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật để xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc chuyển giao cho người, cơ quan có thẩm quyền;

c) Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt hành chính của cơ quan công an, vi phạm có dấu hiệu hình sự thì yêu cầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không bàn giao cho cơ quan công an. Cảng vụ hàng không tiếp tục theo dõi, phối hợp với cơ quan công an trong quá trình xử lý để đảm bảo việc xử lý đạt hiệu quả;

d) Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt hành chính của cơ quan hải quan hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thì yêu cầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý; Cảng vụ hàng không tiếp tục theo dõi, phối hợp với cơ quan thụ lý vụ việc trong quá trình xử lý để đảm bảo việc xử lý đạt hiệu quả;

đ) Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều cơ quan thì Giám đốc Cảng vụ hàng không phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật.

6. Khi bàn giao vụ việc cho Cảng vụ hàng không, công an, hải quan hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không lập biên bản bàn giao theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV ban hành kèm theo

Thông tư này và phối hợp thực hiện các biện pháp dẫn giải, giữ người, phương tiện, tang vật vi phạm khi được yêu cầu.

7.[46] Cảng vụ hàng không, các doanh nghiệp có lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải trang bị máy ghi hình, máy ghi âm, máy ảnh, ống nhòm và các thiết bị hỗ trợ phù hợp khác để ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm và ghi nhận, thu thập lại toàn bộ diễn biến của vụ việc vi phạm một cách chính xác, đầy đủ, phục vụ cho việc xử lý được nhanh chóng, đúng người, đúng tính chất, mức độ vi phạm và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

8. Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và các doanh nghiệp khác hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải trang bị máy điện thoại có chức năng hiển thị, lưu số gọi đến, gọi đi và ghi âm với thời gian tối thiểu 03 giờ đồng hồ cho các số điện thoại trực ban, trực khẩn nguy, đường dây nóng, giải đáp thông tin cho hành khách. Các đơn vị phải sử dụng dịch vụ thông báo nhanh số máy gọi đi, gọi đến các số máy điện thoại của đơn vị để kịp thời tra cứu khi nhận được thông tin đe dọa qua điện thoại; thiết lập hòm thư tiếp nhận các thông tin về các vụ việc vi phạm, các hành vi can thiệp bất hợp pháp.

Điều 85. Giảng bình, rút kinh nghiệm vụ việc vi phạm

1. Vụ việc vi phạm an ninh hàng không phải được rút kinh nghiệm, giảng bình để khắc phục những sơ hở, thiếu sót:

a) Căn cứ tính chất, mức độ của từng vụ việc vi phạm xảy ra tại cảng hàng không, sân bay, Cảng vụ hàng không quyết định giao cho cơ quan, đơn vị thích hợp chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình cấp cơ sở hoặc Cảng vụ hàng không chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình cấp Cảng vụ hàng không hoặc đề nghị Cục Hàng không Việt Nam chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình;

b) Đơn vị chủ quản cơ sở nằm ngoài cảng hàng không chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình đối với vụ việc vi phạm xảy ra tại cơ sở của mình;

c) Cục Hàng không Việt Nam chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình cấp Cục đối với vụ việc vi phạm nghiêm trọng, phức tạp hoặc theo yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia.

2. Thời gian tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình phải được tiến hành sớm nhất có thể, chậm nhất không quá 05 ngày làm việc đối với cấp cơ sở, 07 ngày làm việc đối với cấp Cảng vụ và 10 ngày làm việc đối với cấp Cục kể từ ngày xảy ra vi phạm hoặc nhận được báo cáo về vụ việc vi phạm.

3. Nội dung rút kinh nghiệm, giảng bình tối thiểu phải bao gồm:

---

[46] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 45 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

a) Biện pháp, quy trình xử lý của đơn vị, cá nhân liên quan trong quá trình xử lý vụ việc vi phạm: đúng, sai, nguyên nhân;

b) Công tác phối hợp xử lý vụ việc vi phạm của đơn vị, cá nhân liên quan: đúng, sai, nguyên nhân;

c) Những bất cập trong các quy định của pháp luật, chương trình, quy chế an ninh hàng không và các văn bản có liên quan cần phải được bổ sung, sửa đổi;

d) Những sơ hở, thiếu sót của từng đơn vị, cá nhân liên quan, nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

MỤC 2
ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

Điều 86. Quy định chung

1. Việc đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng thực hiện theo các quy định của pháp luật và tuân thủ phương án khẩn nguy đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng do cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Khi nhận được thông tin về một hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu liên quan có trách nhiệm phân tích, đánh giá sơ bộ về tính chất của thông tin để xem xét triển khai phương án khẩn nguy thích hợp; báo cáo ngay thông tin, kết quả đánh giá và kiến nghị biện pháp đối phó đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị mình tổ chức đối phó ban đầu theo quy định; trường hợp cần thiết, Cục Hàng không Việt Nam trực tiếp chỉ đạo các lực lượng hàng không thực hiện phương án khẩn nguy ban đầu.

3. Mọi biện pháp đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng phải ưu tiên bảo đảm an toàn cho tàu bay và tính mạng con người. Đối với tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu liên quan ưu tiên trợ giúp tối đa để bảo đảm an toàn cho tàu bay trong vùng trời của Việt Nam, vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.

4. Sau khi kết thúc việc đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm nhanh chóng thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo đưa cảng hàng không, sân bay trở lại hoạt động bình thường; bố trí cho hành khách tiếp tục hành trình trong thời gian sớm nhất có thể.

Điều 87. Kế hoạch khẩn nguy

1. Kế hoạch khẩn nguy đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp của cảng hàng không, sân bay do người khai thác cảng hàng không, sân bay xây dựng trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt phải phù hợp với Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp do Thủ tướng Chính phủ ban hành và Phương án khẩn nguy của Ban chỉ huy khẩn nguy hàng không cấp tỉnh, thành phố, huyện đảo.

2.[47] Doanh nghiệp chủ quản cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay xây dựng kế hoạch khẩn nguy của cơ sở bảo đảm hoạt động bay. Kế hoạch khẩn nguy phải phù hợp với phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp do Thủ tướng Chính phủ ban hành và phương án khẩn nguy của Ban chỉ huy khẩn nguy hàng không cấp tỉnh, thành phố, huyện đảo.

3.[48] ***(được bãi bỏ)***

4.[49] ***(được bãi bỏ)***

Điều 88. Quản lý thông tin và họp báo

Việc cung cấp thông tin, phát ngôn và họp báo liên quan đến hành vi can thiệp bất hợp pháp và công tác đối phó thực hiện theo Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Điều 89. Chế độ báo cáo về đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, đơn vị chủ quản của khu vực hạn chế ngoài cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm báo cáo ban đầu bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp; báo cáo 02 lần trên 01 ngày trong thời gian đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; báo cáo sơ bộ trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc việc đối phó.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải bằng văn bản trong trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm nhận được báo cáo của đơn vị về công tác đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp.

---

[47] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 46 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[48] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 47 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[49] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 48 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Điều 90. Thông báo cho quốc gia liên quan và báo cáo cho ICAO

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo những thông tin về tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp hạ cánh trong lãnh thổ Việt Nam cho nhà chức trách hàng không của quốc gia liên quan trong thời gian sớm nhất có thể.

Thông tin bao gồm: loại tàu bay, số hiệu chuyến bay, đường bay, số lượng hành khách, tổ bay trên chuyến bay và những yêu cầu đề nghị các quốc gia liên quan trợ giúp. Thông báo được gửi tới:

a) Quốc gia nơi tàu bay đăng ký;

b) Quốc gia của nhà khai thác tàu bay;

c) Quốc gia có các công dân bị chết, bị thương hoặc bị giữ do hành vi can thiệp bất hợp pháp;

d) Quốc gia có công dân là hành khách trên tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp;

đ) ICAO.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm báo cáo ICAO về các hành vi can thiệp bất hợp pháp như sau:

a) Báo cáo sơ bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 30 ngày kể từ ngày vụ việc xảy ra;

b) Báo cáo chính thức theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIII ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 60 ngày kể từ ngày vụ việc xảy ra.

Điều 91. Diễn tập đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Cục Hàng không Việt Nam chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan trong và ngoài ngành hàng không tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp ngành tối thiểu 03 năm một lần tại 01 cảng hàng không hoặc 01 cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu.

2.[50] Cục Hàng không Việt Nam chỉ đạo người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp chủ quản cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức diễn tập cấp cơ sở tại mỗi cảng hàng không, mỗi hãng hàng không, mỗi cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu tối thiểu 02 năm 01 lần.

3. Cơ quan, tổ chức nước ngoài có thể được mời tham quan diễn tập đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

4. Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải về kế hoạch tổ chức diễn tập cấp ngành.

---

[50] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 49 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Chương IV

HỆ THỐNG TỔ CHỨC BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA NGÀNH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 92. Các cơ quan, đơn vị chuyên trách bảo đảm an ninh hàng không của ngành hàng không dân dụng

1. Cơ quan, đơn vị tham mưu, giúp việc về an ninh hàng không của Nhà chức trách hàng không.

2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc về an ninh hàng không của các doanh nghiệp hàng không.

3. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.

Điều 93. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không là lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh hàng không có chức năng thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không và cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không thực hiện nhiệm vụ tham mưu, quản lý, giám sát và trực tiếp thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không, phòng ngừa, đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp và vụ việc vi phạm an ninh hàng không theo quy định, bao gồm:

a) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không;

b) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu;

c) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay;

d) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung;

đ) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không.

2. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không có nhiệm vụ và quyền hạn chung theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về an ninh hàng không.

3. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn việc bố trí lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không, xử lý vi phạm, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không. Cơ cấu tổ chức của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không được quy định cụ thể trong chương

trình an ninh hàng không, quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp, đơn vị có lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.

4. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải được đào tạo huấn luyện nghiệp vụ phù hợp với chức danh, nhiệm vụ công việc được giao theo quy định về đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 94. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không là người trực tiếp thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không, phòng ngừa, đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp và xử lý vụ việc vi phạm an ninh hàng không đủ tiêu chuẩn, được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không theo quy định. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không bao gồm các nhóm sau: nhân viên an ninh kiểm soát, nhân viên an ninh soi chiếu, nhân viên an ninh cơ động

2. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không bao gồm: nhân viên an ninh kiểm soát, nhân viên an ninh soi chiếu, nhân viên an ninh cơ động.

3. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung được tổ chức phù hợp chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp.

4. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không có tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giao thông vận tải về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không.

Điều 95. Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không

1. Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không là tổ chức được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật về các ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng; có chức năng thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không, cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không tại các cảng hàng không, sân bay, cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay ngoài cảng hàng không, sân bay.

2. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phụ trách chuyên môn, nghiệp vụ về an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bộ phận tham mưu, giúp việc về chuyên môn, nghiệp vụ an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu chi nhánh trực thuộc đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không phải đáp ứng tiêu chuẩn sau:

a) Là công dân Việt Nam;

b) Có kiến thức về hàng không, an ninh hàng không và có thời gian công tác liên tục tối thiểu 05 năm trong lĩnh vực an ninh hàng không; trường hợp chuyển ngành, biệt phái từ công an, quân đội phải có thời gian công tác liên tục tối thiểu 01 năm trong lĩnh vực an ninh hàng không.

c) Tốt nghiệp đại học ngành an ninh hoặc tốt nghiệp đại học khác và được đào tạo một trong các ngành liên quan đến an ninh hàng không, luật, quản lý hành chính nhà nước hoặc tốt nghiệp đại học về các lĩnh vực an ninh, quốc phòng do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đào tạo;

d) Có chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học trong nước hoặc quốc tế về bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý an ninh hàng không.

Điều 96. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không; doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung

1. Chức năng

a) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không trên tàu bay và hoạt động khai thác tàu bay bên ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay;

b) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu thực hiện bảo đảm an ninh hàng không tại khu vực hạn chế của doanh nghiệp;

c) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay thực hiện bảo đảm an ninh hàng không tại cơ sở sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay;

d) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không thực hiện việc bảo đảm an ninh hàng không tại các khu vực hạn chế thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp.

2. Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu phụ trách chuyên môn, nghiệp vụ về an ninh hàng không của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải đáp ứng tiêu chuẩn sau:

a) Là công dân Việt Nam, có kiến thức, về hàng không, an ninh hàng không và có thời gian công tác liên tục tối thiểu 02 năm trong lĩnh vực an ninh hàng không;

b) Tốt nghiệp đại học ngành an ninh hoặc tốt nghiệp đại học khác và được đào tạo một trong các ngành liên quan đến an ninh hàng không, luật, quản lý hành chính nhà nước; hoặc tốt nghiệp đại học về các lĩnh vực an ninh, quốc phòng do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đào tạo;

c) Có chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học trong nước hoặc quốc tế về bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý an ninh hàng không.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải được quy định trong chương trình, quy chế an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay, doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung.

Điều 97. Hệ thống quản lý an ninh hàng không của các doanh nghiệp hàng không[51]

1. Hệ thống quản lý về an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay, doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Độc lập về chức năng, nhiệm vụ; cơ quan tham mưu, giúp việc về an ninh hàng không không kiêm nhiệm các nhiệm vụ khác và có chức trách, thẩm quyền về mặt hành chính tương đương với các cơ quan tham mưu, giúp việc khác trong cùng doanh nghiệp;

b) Người đứng đầu hệ thống quản lý về an ninh hàng không là người chịu trách nhiệm chính trước ban điều hành doanh nghiệp (đối với cảng hàng không là ban điều hành của người khai thác cảng hàng không, sân bay) về an ninh hàng không;

c) Hãng hàng không Việt Nam khai thác các chuyến bay thường lệ ở nước ngoài phải chỉ định người chịu trách nhiệm chính về công tác bảo đảm an ninh hàng không của hãng tại quốc gia đó và phải quy định trong chương trình an ninh hàng không của người khai thác tàu bay;

d) Người chịu trách nhiệm chính về an ninh hàng không, cấp phó của người chịu trách nhiệm chính về an ninh hàng không, chuyên viên, giám sát viên an ninh hàng không của hệ thống quản lý an ninh hàng không phải phù hợp với quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ hàng không và được đào tạo huấn luyện nghiệp vụ phù hợp với chức danh, nhiệm vụ công việc được giao theo quy định tại chương trình đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành;

đ) Người chịu trách nhiệm chính về an ninh hàng không phải có đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm, nguồn lực để triển khai thực hiện hiệu quả chương trình, quy chế an ninh hàng không và được quy định cụ thể trong Điều lệ tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp;

---

[51] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 50 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

e) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có chương trình, quy chế an ninh hàng không quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của hệ thống quản lý an ninh hàng không, bảo đảm hệ thống quản lý an ninh hàng không có đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm, nguồn lực để triển khai thực hiện hiệu quả chương trình, quy chế an ninh hàng không.

2. Các hãng hàng không nước ngoài khai thác các chuyến bay thường lệ đến Việt Nam phải chỉ định và thông báo bằng văn bản cho Cục Hàng không Việt Nam người chịu trách nhiệm chính về an ninh hàng không của hãng tại Việt Nam.

Điều 98. Cấp giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi thực hiện nhiệm vụ phải có giấy phép và năng định còn hiệu lực do Cục Hàng không Việt Nam cấp.

2.[52] Giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không có hiệu lực là 08 năm. Thời hạn hiệu lực của năng định nhân viên an ninh soi chiếu là 12 tháng; nhân viên an ninh cơ động, nhân viên an ninh kiểm soát là 24 tháng. Trường hợp không làm công việc được năng định trong thời gian trên 06 tháng liên tục, năng định được cấp sẽ mất hiệu lực, khi trở lại làm việc phải qua kỳ thi phục hồi năng định.

3. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được cấp giấy phép và năng định khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tiêu chuẩn nhân viên hàng không và nhân viên kiểm soát an ninh hàng không theo quy định; có chứng chỉ chuyên môn phù hợp; có thời gian thực tập nghiệp vụ chuyên môn phù hợp tối thiểu là 01 tháng do cơ quan chủ quản xác nhận;

b) Tham dự kỳ thi cấp giấy phép và năng định chuyên môn về an ninh hàng không do Hội đồng kiểm tra cấp giấy phép, năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam tổ chức đạt từ 85 điểm trở lên và không bị điểm 0 (không).

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lần đầu, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép, năng định cho nhân viên của cơ quan, đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nộp bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp;

---

[52] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 51 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVTngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

c) 01 ảnh màu chụp chính diện, mắt nhìn thẳng, rõ vành tai, kích thước 03 cen-ti-mét x 04 cen-ti-mét (chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).

5. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, mất, hỏng bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép cho nhân viên của cơ quan, đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính giấy phép trong trường hợp giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, bị hỏng. Trường hợp mất giấy phép phải có văn bản xác nhận của thủ trưởng đơn vị;

c) 01 ảnh màu chụp chính diện, mắt nhìn thẳng, rõ vành tai, kích thước 03 cen-ti-mét x 04 cen-ti-mét (chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).

6. Hồ sơ đề nghị gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định bao gồm:

a) Văn bản đề nghị gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên của cơ quan, đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao kết quả huấn luyện định kỳ phù hợp với năng định đề nghị gia hạn, phục hồi;

c) Bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao xuất trình bản chính văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp để đối chiếu với trường hợp bổ sung năng định;

d) Bản chính giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh.

7. Thủ tục cấp giấy phép, năng định:

a) Hồ sơ đề nghị cấp lần đầu, cấp lại giấy phép, gia hạn, bổ sung phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam;

b) Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và cấp, cấp lại giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc đối với cấp giấy phép lần đầu, cấp lại giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định; tối đa 07 ngày làm việc đối với cấp lại giấy phép bị mất, hỏng kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản về những nội dung chưa đầy đủ, yêu cầu người đề nghị bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ hoặc thông báo việc từ chối cấp và nêu rõ lý do.

8. Giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không bị Cục Hàng không Việt Nam đình chỉ hiệu lực hoặc thu hồi (không áp dụng đối với nhân viên kiểm soát an ninh hàng không đã bị tước giấy phép theo quy định tại Nghị định về xử

phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng) trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi khi người được cấp giấy phép không còn đủ điều kiện để được cấp giấy phép theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hiệu lực giấy phép trong thời gian tối đa 01 tháng trong các trường hợp: bị kỷ luật khiển trách; có sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ nhưng chưa gây ra hậu quả mất an ninh, an toàn;

c) Đình chỉ hiệu lực giấy phép trong thời gian tối đa 03 tháng đối với các trường hợp kỷ luật khiển trách lần thứ 02 hoặc cảnh cáo;

d) Đình chỉ hiệu lực giấy phép trong thời gian tối đa 06 tháng đối với các trường hợp thực hiện nhiệm vụ không đúng với nghiệp vụ chuyên môn được cấp phép, năng định;

đ) Thu hồi trong trường hợp khi người được cấp giấy phép: sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ gây ra hậu quả mất an toàn, an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay; có hành vi che dấu lỗi vi phạm quy định về an toàn, an ninh hàng không.

9.[53] Người bị thu hồi giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không quy định tại khoản 8 Điều này khi trở lại làm việc phải qua sát hạch cấp lại giấy phép, năng định nhân viên hàng không.

Điều 99. Đánh giá chất lượng nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Hàng năm, thủ trưởng đơn vị quản lý nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải đánh giá bằng văn bản nhân viên kiểm soát an ninh về các nội dung sau đây:

a) Năng lực chuyên môn nghiệp vụ;

b) Chấp hành nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị;

c) Trách nhiệm, thái độ phục vụ trong công việc.

2. Đánh giá quy định tại khoản 1 của Điều này là căn cứ để xếp loại nhân viên kiểm soát an ninh hàng không ở 4 mức độ: xuất sắc, tốt, trung bình, kém. Kết quả phân loại là cơ sở để bố trí sắp xếp nhân viên và đào tạo, huấn luyện bổ sung nhân viên kiểm soát an ninh hàng không. Trường hợp xếp loại kém phải đưa ra biện pháp và thời hạn khắc phục hoặc đưa ra khỏi lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.

3. Văn bản đánh giá và xếp loại nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải được lưu giữ tại đơn vị chủ quản.

---

[53] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 52 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

4. Đơn vị quản lý nhân viên kiểm soát an ninh hàng không xây dựng hướng dẫn chi tiết về việc đánh giá chất lượng nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trong chương trình, quy chế an ninh hàng không.

Chương V

CÔNG TRÌNH, TRANG BỊ, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN VÀ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ PHỤC VỤ BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 100. Yêu cầu an ninh đối với việc thiết kế, xây dựng cảng hàng không, sân bay, công trình hàng không

1. Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp, sửa chữa công trình hàng không, kết cấu hạ tầng cảng hàng không khi lập dự án, khảo sát, thiết kế xây dựng phải tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn về an ninh hàng không được quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình hàng không, kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay phải thẩm định các yêu cầu, tiêu chuẩn về an ninh hàng không bảo đảm tuân thủ quy định tại Thông tư này.

Điều 101. Các công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không[54]

1. Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không của nhà ga, sân bay bao gồm:

a) Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không sân bay: hàng rào an ninh hàng không ngăn cách khu vực hạn chế và khu vực khác, đường tuần tra, hệ thống cảnh báo xâm nhập, hệ thống chiếu sáng, bốt gác, cổng, cửa, điểm kiểm tra an ninh hàng không, hệ thống đèn chiếu sáng vị trí đỗ của tàu bay ban đêm;

b) Cổng, cửa, điểm kiểm tra an ninh hàng không tại lối đi giữa khu vực hạn chế sử dụng riêng và khu vực hạn chế không sử dụng riêng; lối đi từ khu vực khác vào khu vực hạn chế;

c) Trung tâm khẩn nguy; vị trí đỗ biệt lập cho tàu bay; hầm xử lý bom mìn, vật phẩm nguy hiểm; khu vực tập kết hành khách, hành lý, hàng hóa trong trường hợp tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp;

d) Hệ thống ca-me-ra giám sát an ninh toàn bộ nhà ga, sân đỗ tàu bay, đường giao thông liền kề nhà ga và phòng giám sát điều khiển hệ thống ca-me-ra;

đ) Điểm (khu vực) kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa gồm cả phòng lục soát, kiểm tra trực quan tại nhà ga;

---

[54] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 53 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

e) Phòng trực ban của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, Cảng vụ hàng không tại nhà ga; phòng quản lý hành khách bị từ chối nhập cảnh tại nhà ga quốc tế.

2. Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không nằm ngoài nhà ga, sân bay bao gồm:

a) Hệ thống đèn chiếu sáng vành đai; hệ thống ca-me-ra giám sát an ninh toàn bộ các khu vực hạn chế; hàng rào an ninh hàng không ngăn cách khu vực hạn chế với khu vực khác;

b) Bốt gác, cổng, cửa, điểm kiểm tra an ninh hàng không tại lối vào khu vực hạn chế từ khu vực khác.

3. Yêu cầu đối với công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không:

a) Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không phải được kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật và phải có đầy đủ hồ sơ; khi có hư hỏng phải khắc phục kịp thời;

b) Hàng rào an ninh hàng không giữa khu vực hạn chế với khu vực khác phải có khả năng ngăn chặn, cảnh báo việc xâm nhập qua hàng rào;

c) Số lượng cổng, cửa vào khu vực hạn chế từ khu vực khác phải hạn chế ở mức tối thiểu cần thiết;

d) Bảo đảm sự tách biệt giữa hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi đã được kiểm tra an ninh hàng không với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi chưa kiểm tra an ninh hàng không;

đ) Vị trí trung tâm khẩn nguy; vị trí đỗ biệt lập cho tàu bay; hầm xử lý bom mìn, vật phẩm nguy hiểm; khu vực tập kết hành khách, hành lý, hàng hóa trong trường hợp tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp phải thuận tiện cho việc xử lý các tình huống khẩn cấp và thực hiện kế hoạch khẩn nguy;

e) Bảo đảm tách biệt luồng hành khách đi, đến, nối chuyến và quá cảnh; luồng hành khách, hàng hóa quốc tế và nội địa;

g) Khu vực bố trí điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý phải có đủ diện tích để tránh gây ùn tắc và bảo đảm thuận lợi cho việc kiểm tra, soi chiếu hành khách, hành lý;

h) Khu vực cách ly phải được ngăn cách với khu vực không phải khu vực hạn chế bằng vật liệu bền vững; ngăn cách với khu vực hạn chế khác bằng vật liệu phù hợp;

i) Sử dụng nguyên vật liệu phù hợp nhằm giảm thiểu tối đa những tổn thất, thiệt hại đối với người, thiết bị của nhà ga, sân bay khi xảy ra cháy, nổ;

k) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, các cảng hàng không, sân bay đã xây dựng nhưng chưa có công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không phù hợp phải đáp ứng đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Yêu cầu, tiêu chuẩn về hàng rào an ninh hàng không, cổng, cửa, rào chắn, hệ thống chiếu sáng, hệ thống ca-me-ra giám sát, bốt gác, đường tuần tra tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không được quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 102. Thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không

1. Thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không bao gồm:

a)[55] Máy soi tia X, cổng từ, thiết bị soi chiếu cơ thể, ca-me-ra giám sát an ninh hàng không, thiết bị cảnh báo xâm nhập, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay; thiết bị, dụng cụ chuyên dụng phát hiện chất nổ, vũ khí, vật phẩm nguy hiểm;

b) Phương tiện sử dụng cho tuần tra; thiết bị ghi âm, ghi hình, quan sát, nhận dạng, phát hiện giấy tờ, tài liệu giả chuyên dụng; thiết bị sử dụng cho việc cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

c) Phương tiện, thiết bị thông tin liên lạc phục vụ chỉ huy, điều hành, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; mũ, áo giáp và các trang bị, công cụ chuyên dụng cho đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; hầm, thiết bị phục vụ xử lý bom, mìn, vật phẩm nguy hiểm;

d) Dụng cụ, thiết bị sử dụng cho thử nghiệm, đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không; vũ khí, công cụ hỗ trợ.

2. Yêu cầu đối với thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không:

a) Thiết bị, phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật;

b)[56] Máy soi tia X, cổng từ, thiết bị soi chiếu cơ thể, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay phải có bộ mẫu thử phù hợp với tính năng kỹ thuật và hướng dẫn của nhà sản xuất;

c) Hệ thống thiết bị sử dụng cho việc cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong toàn ngành;

d) Thiết bị, phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này phải có đầy đủ hồ sơ, lý lịch; hệ thống máy soi tia X phải được cấp phép an toàn bức xạ của cơ quan có thẩm quyền;

---

[55] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 54 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[56] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 55 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

đ)[57] Khi đầu tư mới thiết bị an ninh hàng không, phải đảm bảo thiết bị đáp ứng công nghệ tiên tiến trên thế giới. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 các điểm kiểm tra an ninh hàng không cần có thiết bị soi chiếu cơ thể phải được trang bị đầy đủ theo quy định.

3. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn cụ thể về yêu cầu, danh mục trang thiết bị, phương tiện, công cụ, dụng cụ bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 103. Quy định về khai thác, bảo trì thiết bị, phương tiện an ninh hàng không

1. Khai thác, quản lý, bảo trì thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không phải tuân thủ theo quy định của nhà sản xuất và đơn vị khai thác, sử dụng thiết bị, phương tiện; phải có sổ sách theo dõi các hỏng hóc và việc sửa chữa, bảo trì thiết bị, phương tiện.

2. Dữ liệu hình ảnh từ máy soi tia X, ca-me-ra giám sát an ninh phải được lưu giữ tối thiểu 45 ngày.

3.[58] Máy soi tia X, cổng từ, thiết bị soi chiếu cơ thể, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay phải được kiểm tra bằng bộ mẫu thử phù hợp với tính năng kỹ thuật và hướng dẫn của nhà sản xuất.

a) Đối với máy soi tia X: yêu cầu kiểm tra, các bước tiến hành kiểm tra, ghi chép kết quả kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với cổng từ: yêu cầu kiểm tra, cách thức kiểm tra, ghi chép kết quả kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với thiết bị phát hiện kim loại cầm tay: yêu cầu kiểm tra, cách thức kiểm tra, ghi chép kết quả kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Đối với thiết bị soi chiếu cơ thể: yêu cầu kiểm tra, cách thức kiểm tra, ghi chép kết quả kiểm tra theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

4.[59] Máy soi tia X, cổng từ, thiết bị soi chiếu cơ thể, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, thiết bị phát hiện chất nổ, ca-me-ra giám sát an ninh, hệ thống cảnh báo xâm nhập phải định kỳ bảo dưỡng theo quy định của nhà sản xuất để bảo

---

[57] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 56 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[58] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 57 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[59] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 58 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

đảm các thiết bị hoạt động ổn định. Thiết bị an ninh hàng không khi kiểm tra không đạt tiêu chuẩn phải ngừng khai thác sử dụng. Sổ kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa đột xuất phải được ghi chép rõ ràng, chính xác và phải có các thông tin sau:

a) Tên thiết bị, vị trí, người, thời gian lắp đặt;

b) Ngày, tháng, năm tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng; nội dung, kết quả kiểm tra, bảo dưỡng; tên nhân viên kỹ thuật tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng.

5.[60] Các cơ quan, đơn vị quản lý khai thác thiết bị an ninh hàng không có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng không Việt Nam về công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không theo quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

d) Tần xuất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày ngày 20 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Đơn vị quản lý khai thác thiết bị an ninh hàng không chịu trách nhiệm ban hành quy trình quản lý, vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị an ninh hàng không.

Điều 104. Quản lý, trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ

1. Những đối tượng dưới đây được trang bị, sử dụng vũ khí quân dụng khi làm nhiệm vụ:

a) Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp xảy ra tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay;

---

[60] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

b) Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi làm nhiệm vụ trong thời gian thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không tăng cường cấp độ 1, cấp độ 2 và cấp độ 3;

c) Cán bộ cấp tổ, đội của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không;

d) Nhân viên an ninh cơ động, nhân viên kiểm soát an ninh làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác ban đêm;

đ) Nhân viên an ninh trên không khi thực hiện nhiệm vụ được trang bị súng và đạn phù hợp sử dụng trên tàu bay.

2.[61] Đối tượng được phép trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ:

a) Đối tượng nêu tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều này được trang bị, sử dụng một hoặc một số công cụ hỗ trợ sau: mũ chống đạn, áo chống đạn; lá chắn, găng tay điện; lựu đạn hơi cay; súng bắn hơi cay, súng bắn đạn nhựa, cao su; các loại phương tiện xịt hơi cay, gây mê; dùi cui điện, dùi cui cao su, khóa số tám;

b) Cán bộ cấp tổ, đội, nhân viên an ninh kiểm soát khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, canh gác tại khu vực đường cất hạ cánh, đường lăn, cổng, cửa vào, ra tiếp giáp sân bay, khu vực hạn chế, khu vực công cộng (nhà ga, bãi đỗ xe) được trang bị, sử dụng một hoặc một số công cụ hỗ trợ sau: súng bắn hơi cay, súng bắn đạn nhựa, cao su; dùi cui điện, dùi cui cao su, khóa số tám;

c) Cán bộ cấp tổ, đội, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không thực hiện nhiệm vụ tăng cường đảm bảo an ninh cho chuyến bay, cưỡng chế, áp giải hành khách gây rối, hành khách bị từ chối nhập cảnh được trang bị, sử dụng một hoặc một số công cụ hỗ trợ sau: súng bắn hơi cay, súng bắn đạn nhựa, cao su; dùi cui điện, dùi cui cao su, khóa số tám;

d) Trưởng ca trực khi thực hiện nhiệm vụ tại điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa được trang bị, sử dụng một hoặc một số công cụ hỗ trợ sau: súng bắn hơi cay; dùi cui điện, dùi cui cao su;

đ) Cán bộ cấp tổ, đội, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, áp tải hàng hóa ngoài phạm vi cảng hàng không, sân bay được trang bị, sử dụng một hoặc một số công cụ hỗ trợ sau: dùi cui điện, dùi cui cao su.

3. Bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ:

a) Cán bộ cấp tổ, đội, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ khi làm nhiệm vụ phải nghiêm chỉnh chấp hành chế độ kiểm tra, bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ được trang bị. Khi hoàn thành nhiệm vụ hoặc kết thúc ca trực phải bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ cho

---

[61] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 59 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

người có trách nhiệm để quản lý hoặc bàn giao cho người trực ca sau. Việc bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ phải đảm bảo chặt chẽ và cập nhật vào sổ, có chữ ký của người nhận và người giao;

b) Đối với vũ khí, công cụ hỗ trợ sử dụng thường xuyên, đơn vị được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ phải có tủ đựng vũ khí, công cụ hỗ trợ riêng biệt, duy trì chế độ bảo dưỡng hàng ngày và tổ chức kiểm tra chất lượng bảo quản vào cuối tuần;

c) Đối với vũ khí, công cụ hỗ trợ không sử dụng thường xuyên phải bố trí người chuyên trách bảo quản, phải có kho, tủ riêng để bảo quản. Kho bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật an toàn phòng, chống cháy, nổ, có nội quy ra, vào kho; vũ khí, công cụ hỗ trợ bảo quản trong kho phải được bôi dầu, mỡ thường xuyên; phải sắp xếp hợp lý, để riêng từng chủng loại, nhãn hiệu. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị phải thực hiện việc kiểm tra kỹ thuật, tiến hành bảo dưỡng theo đúng định kỳ và quy trình bảo dưỡng của nhà sản xuất;

d) Người được giao chuyên trách bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ phải có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm; đã qua lớp đào tạo, huấn luyện cơ bản về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ; chấp hành nghiêm chỉnh chế độ kiểm tra, bảo quản và có sổ sách theo dõi việc bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ.

4. Người được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ phải có chứng chỉ hoặc chứng nhận về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền cấp.

5.[62] Các cơ quan, đơn vị được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ tổng hợp có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng không Việt Nam về công tác quản lý vũ khí và công cụ hỗ trợ và đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác quản lý vũ khí và công cụ hỗ trợ và đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến công tác quản lý vũ khí và công cụ hỗ trợ và đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày ngày 20 tháng 12 hàng năm;

---

[62] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Đối tượng được trang bị sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ phải chấp hành các quy định chuyên ngành về quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra, bảo dưỡng vũ khí, công cụ hỗ trợ. Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ chịu trách nhiệm ban hành quy định quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra, bảo dưỡng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong chương trình, quy chế an ninh hàng không.

Chương VI

QUẢN LÝ RỦI RO AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 105. Quản lý rủi ro về an ninh hàng không

1. Rủi ro an ninh hàng không là xác suất thực hiện thành công hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng đối với mục tiêu cụ thể, dựa trên đánh giá về đe dọa, hậu quả và yếu điểm hoặc hạn chế.

2. Báo cáo rủi ro an ninh hàng không là văn bản xác định mức độ rủi ro an ninh hàng không, bao gồm bối cảnh, các mối đe dọa, các yếu điểm hoặc hạn chế, hậu quả tác hại của các kịch bản khủng bố, can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng và đề xuất các giải pháp giảm thiểu nếu rủi ro an ninh hàng không ở mức không thể chấp nhận được.

3. Quản lý rủi ro về an ninh hàng không là mô hình tổng thể trong hệ thống các hoạt động hàng không nhằm giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất, bao gồm: đánh giá rủi ro, thực hiện các biện pháp an ninh phòng ngừa và điều chỉnh các biện pháp đã được áp dụng.

4. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được pháp luật quy định có trách nhiệm trong công tác bảo đảm an ninh hàng không phải thực hiện quản lý rủi ro an ninh hàng không trong phạm vi trách nhiệm của mình; xây dựng báo cáo đánh giá rủi ro an ninh hàng không, định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất (khi phát hiện các mối đe dọa, các hạn chế, yếu kém trong công tác bảo đảm an ninh hàng không tiềm ẩn nguy cơ cao), rà soát, sửa đổi, bổ sung báo cáo đánh giá rủi ro và phổ biến báo cáo đến cơ quan, đơn vị được đề cập trong báo cáo để áp dụng biện pháp giảm thiểu phù hợp.

5. Việc xây dựng, áp dụng các giải pháp, quy trình, thủ tục, quy chuẩn, tiêu chuẩn về an ninh hàng không hoặc xây dựng các kế hoạch, phương án trong bảo đảm an ninh hàng không, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng phải căn cứ kết quả đánh giá rủi ro an ninh hàng không.

6. Cục Hàng không Việt Nam chỉ đạo tổ chức công tác quản lý rủi ro an ninh hàng không đối với các cơ quan, đơn vị ngành hàng không; tổ chức trao đổi với các cơ quan liên quan, thu thập thông tin, xây dựng báo cáo đánh giá, thực hiện quản lý rủi ro an ninh hàng không. Kết quả đánh giá rủi ro an ninh hàng không phải báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia theo quy định.

7. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá và xác định mức độ rủi ro an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay định kỳ 06 tháng một lần hoặc đột xuất.

8. Cục Hàng không Việt Nam thành lập hội đồng đánh giá rủi ro an ninh hàng không của ngành hàng không. Người khai thác cảng hàng không, sân bay thành lập hội đồng đánh giá rủi ro an ninh hàng không ở các cảng hàng không, sân bay. Các thành viên của hội đồng đánh giá rủi ro về an ninh hàng không hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Chương VII

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 106. Quy định chung về kiểm soát chất lượng an ninh hàng không[63]

1. Cục Hàng không Việt Nam thực hiện kiểm tra, đánh giá, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra tại tất cả các cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không, hãng hàng không và các phương tiện, trang bị, thiết bị hoạt động hàng không dân dụng trong cả nước. Cảng vụ hàng không thực hiện giám sát thường xuyên, kiểm tra, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra tại các cảng hàng không, hãng hàng không, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không và các phương tiện, trang bị, thiết bị hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi quản lý. Người khai thác cảng hàng không, sân bay thực hiện kiểm tra, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra nội bộ tại cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý của mình. Các doanh nghiệp có chương trình, quy chế an ninh hàng không thực hiện kiểm tra, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra nội bộ và đánh giá theo quy định.

2. Hoạt động giám sát thường xuyên, kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không được thực hiện theo kế hoạch hoạt động kiểm soát chất lượng hàng năm hoặc đột xuất. Không thực hiện thử nghiệm đối với tàu bay đang bay hoặc chuyến bay chuyên cơ.

3. Kế hoạch hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không hàng năm bao gồm các hoạt động giám sát thường xuyên, kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá được xây

---

[63] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 60 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

dựng căn cứ vào đánh giá rủi ro an ninh hàng không, nguồn lực của cơ quan, đơn vị và phải bảo đảm tính thống nhất không chồng chéo trong toàn ngành, tính bí mật đối với hoạt động thử nghiệm bí mật. Việc xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

a) Hàng năm trước ngày 15 tháng 10, Cảng vụ hàng không xây dựng kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh hàng không năm sau, gửi Cục Hàng không Việt Nam;

b) Hàng năm trước ngày 30 tháng 10, Cục Hàng không Việt Nam ban hành kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh hàng không năm sau của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không, gửi các đơn vị và doanh nghiệp có chương trình, quy chế an ninh hàng không;

c) Hàng năm trước ngày 30 tháng 11, căn cứ kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không và doanh nghiệp có chương trình, quy chế an ninh hàng không xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh hàng không nội bộ, gửi Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không để giám sát.

4. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá và hoạt động điều tra đột xuất do người có thẩm quyền quyết định khi xét thấy cần thiết.

5. Cục Hàng không Việt Nam ban hành sổ tay kiểm soát chất lượng an ninh hàng không để triển khai thực hiện hiệu quả, thống nhất trong toàn ngành.

6. Cơ quan, đơn vị quản lý người có hành vi vi phạm, quản lý thiết bị không đảm bảo tiêu chuẩn an ninh hàng không chịu trách nhiệm đình chỉ hoạt động của người vi phạm, thiết bị không bảo đảm tiêu chuẩn theo yêu cầu của trưởng đoàn kiểm tra, thử nghiệm, điều tra.

7. Thông qua hoạt động giám sát thường xuyên, kiểm tra, thử nghiệm, điều tra an ninh hàng không và dữ liệu trao đổi, báo cáo của các cơ quan, đơn vị, cảng vụ hàng không thực hiện thống kê, tổng hợp, phân tích dữ liệu kiểm soát chất lượng để cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu an ninh hàng không theo quy định tại Điều 112 Thông tư này với tần suất 01 tháng 01 lần hoặc khi phát sinh hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không.

Điều 107. Yêu cầu đối với hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không[64]

1.[65] Yêu cầu đối với hoạt động kiểm tra, đánh giá, thử nghiệm, điều tra của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không:

---

[64] Tên điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 61 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[65] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 62 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

a) Có quyết định thành lập đoàn của người có thẩm quyền. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá, thử nghiệm, điều tra phải được người ra quyết định thành lập đoàn phê duyệt;

b) Trưởng đoàn chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá, thử nghiệm, điều tra và báo cáo kết quả thực hiện với người ra quyết định thành lập đoàn chậm nhất 10 ngày làm việc tính từ ngày kết thúc các hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, điều tra;

c) Hoạt động kiểm tra, thử nghiệm an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam và các cảng vụ hàng không đối với các doanh nghiệp được thực hiện với tần suất theo quy định tại điểm d, đ khoản này, trừ trường hợp đột xuất;

d) Kiểm tra đối với người khai thác cảng hàng không, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không được thực hiện tối thiểu một năm một lần;

đ) Thử nghiệm đối với người khai thác cảng hàng không được thực hiện tối thiểu một năm một lần; hãng hàng không Việt Nam tối thiểu hai năm một lần.

2.[66] Yêu cầu đối với hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, điều tra, đánh giá của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không và các doanh nghiệp khác có chương trình, quy chế an ninh hàng không:

a) Phải có kế hoạch kiểm tra, thử nghiệm, điều tra, đánh giá được người đứng đầu tổ chức bảo đảm an ninh hàng không phê duyệt. Nội dung kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với rủi ro an ninh hàng không;

b) Hoạt động đánh giá của các hãng hàng không Việt Nam tại các cảng hàng không nước ngoài do hãng hàng không chịu chi phí phải có sự tham gia của Cục Hàng không Việt Nam. Hoạt động đánh giá tại Việt Nam của nhà chức trách, hãng hàng không nước ngoài phải được Cục Hàng không Việt Nam cho phép, sau khi kết thúc đánh giá phải gửi kết quả về Cục Hàng không Việt Nam;

c) Người khai thác cảng hàng không, sân bay thực hiện kiểm tra và thử nghiệm tối thiểu một quý một lần, trừ trường hợp đột xuất;

d) Doanh nghiệp có lực lượng kiểm soát an ninh hàng không khác thực hiện kiểm tra và thử nghiệm nội bộ tối thiểu một năm một lần, trừ trường hợp đột xuất.

3.[67] Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không và các doanh nghiệp có chương trình, quy chế an ninh hàng không có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng không Việt Nam về kết quả thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không, chi tiết báo cáo như sau:

---

[66] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 63 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[67] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến kết quả thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không theo quy định tại Phụ lục XXX ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày ngày 20 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục Phụ lục XXX ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Hồ sơ, tài liệu hoạt động kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không phải được quản lý, lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 108. Thử nghiệm an ninh hàng không

1. Thử nghiệm bí mật phải bảo đảm bí mật nội dung, thời gian, địa điểm, kế hoạch, phương án và toàn bộ quá trình thử nghiệm, chỉ thành viên trong đoàn mới được phổ biến. Thử nghiệm công khai phải thông báo trước nội dung, thời gian, địa điểm thử nghiệm cho đơn vị là đối tượng chịu sự thử nghiệm. Căn cứ kế hoạch thử nghiệm được phê duyệt, trưởng đoàn thử nghiệm xây dựng phương án thực hiện cho từng thử nghiệm cụ thể.

2. Phải bảo đảm an ninh, an toàn cho người, tài sản, các hoạt động của người thử nghiệm và đối tượng chịu sự thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm. Khi thử nghiệm bí mật bị phát hiện, người thử nghiệm phải xuất trình ngay quyết định thử nghiệm cùng với thẻ giám sát viên an ninh hàng không hoặc giấy tờ về nhân thân có ảnh của người thử nghiệm cho đối tượng chịu sự thử nghiệm biết, đối tượng chịu sự thử nghiệm phải hợp tác và bảo đảm an ninh, an toàn cho người, phương tiện, đồ vật thử nghiệm.

3. Ngay sau cuộc thử nghiệm kết thúc, người thử nghiệm phải tiến hành lập biên bản ghi nhận kết quả cuộc thử nghiệm và yêu cầu đối tượng chịu sự thử nghiệm ký vào biên bản. Kết thúc cuộc thử nghiệm, trưởng đoàn thử nghiệm phải tổ chức họp với các thành phần liên quan tại đơn vị chịu sự thử nghiệm để rút kinh nghiệm, giảng bình và thông báo sơ bộ về kết quả của cuộc thử nghiệm với người đứng đầu hoặc đại diện được ủy quyền của đơn vị chịu sự thử nghiệm.

4. Thử nghiệm bí mật được phép sử dụng người trong lực lượng công an, quân đội hoặc hành khách có nhân thân tốt và đủ độ tin cậy để bảo đảm yếu tố bí mật và hiệu quả của hoạt động thử nghiệm.

Điều 109. Khắc phục sơ hở, thiếu sót qua kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra

1. Trong khi kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra xét thấy những sơ hở, thiếu sót cần phải khắc phục ngay nếu không sẽ gây mất an ninh, an toàn, trưởng đoàn lập biên bản yêu cầu phải khắc phục ngay hoặc chuyển giao cho người có thẩm quyền đình chỉ hoạt động để bảo đảm an ninh, an toàn.

2. Đơn vị được kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra, sau khi nhận được kết luận, trong đó bao gồm các kiến nghị khắc phục sơ hở, thiếu sót phải xây dựng kế hoạch khắc phục gửi đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động kiểm soát chất lượng; trường hợp có những kết luận, kiến nghị chưa chính xác thì có văn bản phản hồi gửi đến tổ chức thực hiện đánh giá và Cục Hàng không Việt Nam.

3. Thời gian, nội dung tổ chức khắc phục sơ hở, thiếu sót qua hoạt động kiểm soát chất lượng của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không

a) Trong 15 ngày làm việc tính từ ngày kết thúc các hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra, người ra quyết định thành lập đoàn phải có văn bản kết luận, trong đó nêu rõ những sơ hở, thiếu sót và yêu cầu, khuyến cáo khắc phục, nếu có;

b) Trong 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận được kết luận kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra, đơn vị chịu sự kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra phải gửi kế hoạch khắc phục sơ hở, thiếu sót trong đó nêu cụ thể biện pháp khắc phục, cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm khắc phục và thời gian hoàn thành việc khắc phục;

c) Trong 05 ngày làm việc tính từ ngày nhận được kế hoạch khắc phục, người ra quyết định thành lập đoàn phải có văn bản phản hồi về kế hoạch khắc phục sơ hở, thiếu sót gửi đơn vị, trong đó nêu rõ việc chấp thuận hay không chấp thuận với từng nội dung.

4. Thời gian, nội dung tổ chức khắc phục sơ hở, thiếu sót qua hoạt động kiểm soát chất lượng của đơn vị có chương trình, quy chế an ninh hàng không

a) Trong 10 ngày làm việc tính từ ngày kết thúc kiểm tra, khảo sát, điều tra, thử nghiệm nội bộ, đánh giá phải ban hành kết luận và kế hoạch khắc phục sơ hở, thiếu sót sau kiểm tra, khảo sát, điều tra, trong đó nêu cụ thể biện pháp khắc phục, cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm khắc phục và thời gian hoàn thành việc khắc phục, nếu có;

b) Trong 15 ngày, kết luận kiểm tra, khảo sát, điều tra, thử nghiệm và kế hoạch khắc phục sơ hở, thiếu sót phải gửi Cục Hàng không Việt Nam và Cảng

vụ hàng không quản lý. Đối với kết luận của hoạt động đánh giá phải được gửi đến các đơn vị chịu sự đánh giá, Cảng vụ hàng không quản lý và Cục Hàng không Việt Nam.

5. Bộ phận kiểm soát chất lượng an ninh hàng không của cơ quan thực hiện hoạt động kiểm soát chất lượng có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra đánh giá thực tế việc thực hiện kế hoạch khắc phục, báo cáo kết quả cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

6. Trường hợp không khắc phục đúng theo kế hoạch đã được chấp thuận, bộ phận kiểm soát chất lượng của cơ quan thực hiện hoạt động kiểm soát chất lượng xem xét kiến nghị áp dụng hình thức xử lý để bảo đảm việc khắc phục.

Điều 110. Quy định về giám sát viên an ninh hàng không, giám sát viên an ninh nội bộ và người được cấp thẻ, giấy phép của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia

1. Giám sát viên an ninh hàng không là người thuộc Cảng vụ hàng không và Cục Hàng không Việt Nam thực hiện các hoạt động kiểm soát chất lượng và các hoạt động giám sát an ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam bổ nhiệm và cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không. Mẫu thẻ giám sát viên an ninh hàng không theo quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư này. Yêu cầu về bổ nhiệm giám sát viên an ninh hàng không như sau:

a) Giám sát viên an ninh hàng không được bổ nhiệm theo lĩnh vực hoặc địa bàn hoặc đơn vị được giao giám sát;

b) Quyết định bổ nhiệm phải được thông báo đến đối tượng giám sát;

c) Trong quyết định bổ nhiệm phải ghi rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của giám sát viên theo nguyên tắc giám sát viên chỉ được sử dụng quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều này để thực hiện trách nhiệm đối với lĩnh vực chuyên môn hoặc địa bàn hoặc đơn vị được giao giám sát;

d) Nhiệm kỳ của giám sát viên an ninh hàng không không quá 03 năm.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của giám sát viên an ninh hàng không:

a) Thực hiện hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không theo quy định của thông tư này, khi thực hiện nhiệm vụ độc lập, không được phép thử nghiệm bí mật;

b) Được phép tiếp cận, lên tàu bay, vào bất cứ khu vực hạn chế nào tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không, công trình, trang thiết bị, phương tiện;

c) Được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật có liên quan; thu giữ giấy phép, thẻ kiểm soát an ninh hàng không có liên quan của nhân viên vi phạm; đình chỉ hoạt động của trang thiết bị, phương tiện vi phạm gây uy hiếp an ninh hàng không;

d) Yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện ngay các biện pháp khắc phục có thể; lập biên bản vi phạm, chuyển cho người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

đ) Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm soát chất lượng độc lập, nếu phát hiện thiếu sót, sai phạm trong công tác bảo đảm an ninh hàng không, giám sát viên an ninh hàng không được quyền trực tiếp khuyến cáo đơn vị, người vi phạm nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm và yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan có hành động khắc phục hậu quả, giảm thiểu rủi ro an ninh hàng không; sau khi đưa ra khuyến cáo phải báo cáo với cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý mình; giám sát viên an ninh hàng không có quyền đưa ra và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các đánh giá, kết luận, khuyến cáo khi thực hiện nhiệm vụ độc lập;

e) Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm soát chất lượng theo đoàn, giám sát viên an ninh hàng không phải tuân thủ sự phân công nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền, các đề xuất về đánh giá, kết luận, khuyến cáo phải gửi đến trưởng đoàn kiểm soát chất lượng để tổng hợp chung; trưởng đoàn kiểm soát chất lượng chịu trách nhiệm cao nhất trong đoàn công tác về kết quả thực hiện nhiệm vụ của đoàn; trong trường hợp kết luận của trưởng đoàn khác với ý kiến của giám sát viên an ninh hàng không, giám sát viên an ninh hàng không có quyền bảo lưu ý kiến trong hồ sơ báo cáo cấp thành lập đoàn công tác.

3. Giám sát viên an ninh nội bộ là người của doanh nghiệp, đơn vị có chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không do doanh nghiệp thực hiện việc bổ nhiệm, cấp thẻ và quy định về quyền hạn và trách nhiệm cho giám sát viên an ninh nội bộ. Mẫu thẻ giám sát viên an ninh nội bộ phải được thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không liên quan.

4. Thành viên Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia được cấp thẻ; phương tiện của cơ quan, đơn vị phục vụ trực tiếp thành viên Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia được cấp giấy phép có quyền hạn, nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh hàng không quốc gia tại các cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không;

b) Tiếp cận và vào các khu vực hạn chế, phương tiện, thiết bị, tàu bay thuộc phạm vi giám sát an ninh hàng không theo quy định trong chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không; ra, vào Trung tâm chỉ huy khẩn nguy, khu vực hiện trường các vụ can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

c) Sử dụng thẻ, giấy phép đúng mục đích, nhiệm vụ có liên quan đến công tác bảo đảm an ninh hàng không; xuất trình thẻ còn hiệu lực khi thực hiện nhiệm vụ tại các khu vực hạn chế thuộc ngành hàng không dân dụng;

d) Phương tiện có giấy phép Ủy ban An ninh hàng không quốc gia ra, vào khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay được miễn các khoản thu khi thực hiện nhiệm vụ.

5. Giám sát viên an ninh hàng không, giám sát viên an ninh nội bộ, người được cấp thẻ của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia khi thực hiện nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm về những việc làm của mình; sử dụng thẻ đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

6. Tiêu chuẩn của giám sát viên an ninh hàng không:

a) Có kiến thức, kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực được bổ nhiệm;

b) Có thời gian làm việc trong lĩnh vực an ninh hàng không tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 02 năm đối với trường hợp đã công tác trong lực lượng công an, quân đội;

c) Đã hoàn thành khóa học nghiệp vụ giám sát viên an ninh hàng không và được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận theo quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện an ninh hàng không.

7. Tiêu chuẩn giám sát viên an ninh nội bộ:

a) Có thời gian làm việc trong lĩnh vực an ninh hàng không tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 năm đối với trường hợp đã công tác trong lực lượng công an, quân đội;

b) Đã hoàn thành khóa học nghiệp vụ giám sát viên an ninh hàng không và được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận theo quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện an ninh hàng không.

8. Giám sát viên an ninh hàng không, giám sát viên an ninh nội bộ được đào tạo, huấn luyện theo quy định về đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 111. Công tác báo cáo, thống kê an ninh hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam thiết lập, hướng dẫn hệ thống báo cáo, thống kê về công tác bảo đảm an ninh hàng không đối với các cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức sau đây có trách nhiệm báo cáo về Cục Hàng không Việt Nam theo quy định tại khoản 1, Điều này:

a) Cảng vụ hàng không;

b) Các hãng hàng không;

c) Người khai thác cảng hàng không, sân bay;

d) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; sửa chữa bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay;

đ) Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không;

e) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

3. Khi xảy ra các vụ việc vi phạm an ninh hàng không nghiêm trọng, tiềm ẩn nguy cơ uy hiếp an ninh, an toàn hàng không hoặc có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này phải báo cáo về Cục Hàng không Việt Nam như sau: báo cáo ban đầu ngay khi vụ việc xảy ra bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác và báo cáo bằng văn bản trong vòng 24 giờ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư này. Định kỳ hàng tháng các tổ chức quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều này phải báo cáo về Cục Hàng không Việt Nam các vụ việc vi phạm an ninh hàng không đã được ghi nhận trong hệ thống quản lý an ninh hàng không.

4. Đối với vụ việc khẩn nguy, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, đơn vị thực hiện báo cáo như quy định tại Điều 89 Thông tư này.

5. Việc báo cáo được thực hiện thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu an ninh hàng không, qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác hoặc bằng dịch vụ bưu chính.

Điều 112. Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu an ninh hàng không[68]

1. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu an ninh hàng không thống nhất trong toàn ngành hàng không dân dụng. Cơ sở dữ liệu an ninh hàng không phải được bảo vệ, tránh truy cập trái phép; chỉ những tổ chức, cá nhân được Cục Hàng không Việt Nam cho phép mới được truy cập và khai thác.

2. Cơ sở dữ liệu về an ninh hàng không gồm thông tin về:

a) Các hành vi can thiệp bất hợp pháp và các vụ việc vi phạm an ninh hàng không;

b) Đối tượng phải kiểm tra trực quan hàng không bắt buộc, bị từ chối vận chuyển vì lý do an ninh, cấm vận chuyển bằng đường hàng không;

c) Các sơ hở, thiếu sót qua hoạt động giám sát và các cuộc thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không;

d) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

đ) Hệ thống kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị, vũ khí, công cụ hỗ trợ;

e) Hệ thống tổ chức, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

---

[68] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 64 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

3. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức quản trị cơ sở dữ liệu an ninh hàng không; Cảng vụ hàng không, các doanh nghiệp có chương trình, quy chế an ninh hàng không phải thường xuyên thống kê, cập nhật các nội dung nêu tại khoản 2 của Điều này vào cơ sở dữ liệu.

4. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn về việc thống kê, báo cáo, cập nhật, khai thác, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu an ninh hàng không..

Chương VIII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 113. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà chức trách hàng không đối với công tác bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật.

2. Phê duyệt, chấp thuận và giám sát thực hiện chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay.

3. Ban hành, công nhận và giám sát việc thực hiện:

a) Tiêu chuẩn cơ sở, quy trình, chỉ thị, hướng dẫn, tài liệu nghiệp vụ, khuyến cáo về an ninh hàng không;

b) Huấn lệnh, các biện pháp khẩn cấp bao gồm cả việc tạm ngừng hoạt động bay tại sân bay, đình chỉ chuyến bay và hoạt động của phương tiện, thiết bị, nhân viên hàng không, hoạt động của người khai thác tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay để bảo đảm an ninh hàng không;

c) Giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận chuyên môn cho cán bộ an ninh hàng không, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không;

d) Danh mục các vật phẩm nguy hiểm bị cấm hoặc hạn chế mang theo người và hành lý lên tàu bay bảo đảm tuân thủ theo hướng dẫn kỹ thuật và yêu cầu của ICAO.

4. Tổ chức thực hiện, giám sát công tác cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, thẻ giám sát viên an ninh hàng không.

5. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị thay đổi mẫu, nội dung thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không khi đánh giá có nguy cơ về an ninh hàng không.

6. Tham gia thẩm định, đánh giá về việc áp dụng các tiêu chuẩn và yêu cầu an ninh hàng không trong việc thiết kế xây dựng, cải tạo cảng hàng không, sân bay.

7. Tổ chức điều tra, xác minh và chỉ đạo xử lý các vụ việc vi phạm, uy hiếp an ninh hàng không; giám sát việc thực hiện các biện pháp khẩn cấp bao gồm việc đình chỉ chuyến bay và hoạt động của phương tiện, thiết bị, nhân viên hàng không để bảo đảm an ninh hàng không.

8. Tổ chức chỉ đạo các đơn vị trong ngành hàng không dân dụng thực hiện các biện pháp đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, thực hiện các biện pháp khẩn cấp phục vụ an ninh, quốc phòng, khẩn nguy quốc gia; đánh giá lại các biện pháp, thủ tục an ninh sau khi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp và đưa ra các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa các hành vi tương tự tái diễn.

9. Chỉ đạo các đơn vị trong ngành hàng không dân dụng về công tác bảo đảm an ninh hàng không, bao gồm:

a) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng; các biện pháp khẩn cấp phục vụ an ninh, quốc phòng, khẩn nguy quốc gia;

b) Diễn tập khẩn nguy về an ninh hàng không, kiểm soát chất lượng an ninh hàng không;

c) Tổ chức lực lượng chuyên ngành bảo đảm an ninh hàng không trong ngành hàng không dân dụng đáp ứng tiêu chuẩn của ICAO;

d) Kiểm soát an ninh nội bộ, an ninh thông tin; xử lý, rút kinh nghiệm, giảng bình vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

10. Chỉ đạo Cảng vụ hàng không thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về an ninh hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay.

11. Kiểm tra, sát hạch, cấp, đình chỉ, thu hồi giấy phép và năng định chuyên môn cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không; cấp, thu hồi thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Thông tư này; bổ nhiệm, đình chỉ và cấp, thu hồi thẻ giám sát viên an ninh hàng không.

12. Thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, điều tra, khảo sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh hàng không đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động hàng không dân dụng; ban hành các khuyến cáo, chỉ thị cần thiết nhằm phòng ngừa, ngăn chặn sự cố an ninh hàng không; xử phạt vi phạm hành chính đối với các vụ việc vi phạm an ninh hàng không; kiểm tra, giám sát việc xử lý, khắc phục, giảng bình vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

13. Thiết lập hệ thống báo cáo, thu thập thông tin, phân tích và đánh giá nguy cơ đe dọa đến an ninh hàng không; quyết định áp dụng các biện pháp, quy trình, thủ tục phòng ngừa an ninh hàng không phù hợp với nguy cơ đe dọa.

14. Tổ chức đánh giá và quyết định không cho phép thực hiện các chuyến bay dân dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Tại cảng hàng không, sân bay của Việt Nam không đảm bảo các yêu cầu của pháp luật về bảo đảm an ninh hàng không;

b) Chuyến bay của hãng hàng không không tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh hàng không;

c) Chuyến bay xuất phát từ cảng hàng không, sân bay nước ngoài không đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn của ICAO về an ninh hàng không.

15. Là đầu mối quan hệ, hợp tác quốc tế về an ninh hàng không của Việt Nam với ICAO, các tổ chức quốc tế liên quan, các quốc gia, chịu trách nhiệm:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan của Việt Nam trong các hoạt động hợp tác quốc tế về an ninh hàng không;

b) Tiếp nhận, cung cấp, trao đổi thông tin, tài liệu, kinh nghiệm về an ninh hàng không với ICAO, các quốc gia, tổ chức, hãng hàng không nước ngoài;

c) Quyết định thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh khi các quốc gia, hãng hàng không nước ngoài có yêu cầu, kể cả việc khảo sát, đánh giá an ninh hàng không;

d) Thông báo cho ICAO các khác biệt giữa pháp luật Việt Nam về an ninh hàng không với các tiêu chuẩn của ICAO.

16. Chấp thuận miễn kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa và chịu trách nhiệm trong những trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

17. Đánh giá và xem xét việc quyết định tạm dừng khai thác các chuyến bay dân dụng đến Việt Nam từ cảng hàng không, sân bay nước ngoài không tuân thủ các tiêu chuẩn của ICAO về an ninh hàng không.

18. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng:

a) Tổ chức đào tạo, huấn luyện, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không;

b) Tiếp nhận, trao đổi, xử lý thông tin về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của đối tượng khủng bố, các loại tội phạm; âm mưu can thiệp bất hợp pháp; đánh giá rủi ro và đe dọa đối với hoạt động hàng không dân dụng;

c) Bảo đảm an ninh chuyến bay khai thác thương mại có đối tượng chuyên cơ theo quy định của chuyến bay chuyên cơ;

d) Thực hiện các quy định của pháp luật về an ninh quốc gia, quốc phòng, công an nhân dân, phòng, chống khủng bố và pháp luật khác có liên quan đến bảo đảm an ninh hàng không;

đ) Ký kết và triển khai thực hiện các quy chế phối hợp trong công tác bảo đảm an ninh hàng không;

e) Phối hợp với cơ quan an ninh có thẩm quyền của Bộ Công an để kiểm soát nhân thân của nhân viên hàng không nhằm kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật, uy hiếp an ninh, an toàn hàng không.

19. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao:

a) Giải quyết các vấn đề liên quan trong trường hợp tàu bay mang quốc tịch Việt Nam bị can thiệp bất hợp pháp tại nước ngoài; tàu bay mang quốc tịch nước ngoài bị can thiệp bất hợp pháp tại Việt Nam;

b) Trao đổi, xử lý thông tin có yếu tố nước ngoài liên quan đến can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

20. Phối hợp với Ban chỉ huy khẩn nguy hàng không tỉnh, thành phố, huyện đảo tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp ngành; cấp quốc gia theo quy định.

21. Phối hợp với Tổng cục Hải quan trong việc thực hiện bảo đảm an ninh hàng không và phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép trên các chuyến bay quốc tế; chỉ đạo việc bố trí thiết bị soi chiếu chung giữa lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và hải quan.

22. Phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai thực hiện các quy định của pháp luật đối với công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Điều 114. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng không

1.[69] Thực hiện kiểm soát chất lượng an ninh hàng không theo thẩm quyền. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh hàng không, các chương trình, quy chế an ninh hàng không, việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không và cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay, việc xử lý vụ việc vi phạm an ninh hàng không, trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay. Tham gia đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay theo quy định. Tham gia thẩm định chương trình, quy chế an ninh hàng không theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam.

---

[69] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 65 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

2. Quyết định đình chỉ chuyến bay, yêu cầu tàu bay hạ cánh trong trường hợp chuyến bay vi phạm các quy định về an ninh hàng không, phát hiện chuyến bay có dấu hiệu bị uy hiếp an ninh, an toàn hàng không; cho phép tàu bay bị đình chỉ tiếp tục thực hiện chuyến bay; tạm giữ tàu bay trong trường hợp không khắc phục vi phạm quy định về an ninh hàng không; căn cứ tính chất, mức độ của hành vi vi phạm để đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, thu hồi hoặc kiến nghị cơ quan, đơn vị cấp thẻ, giấy phép thu hồi thẻ kiểm soát an ninh hàng không, giấy phép nhân viên hàng không của nhân viên hàng không vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh hàng không.

3. Xử phạt hành vi vi phạm hành chính xảy ra tại cảng hàng không, sân bay theo thẩm quyền trong lĩnh vực an ninh hàng không; chuyển giao vụ việc vi phạm không thuộc thẩm quyền cho các cơ quan chức năng liên quan.

4. Tổ chức cấp, quản lý thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay trong phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng không.

5. Chủ trì phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động tại cảng hàng không, sân bay giải quyết các vướng mắc phát sinh, bảo đảm an ninh, trật tự và hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay. Chủ trì tổ chức đánh giá các vấn đề về bảo đảm an ninh tại cảng hàng không, sân bay trong các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức hoạt động tại cảng hàng không, sân bay. Giám đốc Cảng vụ hàng không xem xét quyết định và chịu trách nhiệm về những vấn đề về bảo đảm an ninh hàng không phát sinh mà các cơ quan quản lý nhà nước liên quan tại cảng hàng không, sân bay không thống nhất cách giải quyết và báo cáo ngay cho Cục Hàng không Việt Nam.

6. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trao đổi, nắm tình hình về an ninh, trật tự, tội phạm và vi phạm pháp luật khác có liên quan đến cảng hàng không, sân bay.

Điều 115. Trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Tổ chức hệ thống bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của Thông tư này. Bảo đảm an ninh hàng không đối với các hoạt động thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý.

2. Xây dựng chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt. Cung cấp chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay được phê duyệt cho Cảng vụ hàng không liên quan, cung cấp phần thích hợp của chương trình cho các hãng hàng không, cơ quan, doanh nghiệp liên quan hoạt động tại cảng hàng không, sân bay theo yêu cầu. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không theo quy định.

3. Xây dựng kết cấu hạ tầng, bố trí thiết bị cần thiết cho việc bảo đảm an ninh hàng không, bảo vệ cảng hàng không, sân bay và duy trì trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay trong phạm vi trách nhiệm.

4. Chủ trì, phối hợp với bộ phận kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không quyết định số lượng, vị trí, thời gian hoạt động của các điểm kiểm tra, bốt kiểm soát, vị trí tuần tra, mục tiêu bảo vệ an ninh hàng không tại nhà ga, sân bay.

5. Phối hợp với các cơ quan chức năng thu thập thông tin, tình hình liên quan công tác bảo đảm an ninh hàng không. Chủ trì đánh giá rủi ro tại cảng hàng không, sân bay. Đề xuất với Cục Hàng không Việt Nam, Ban chỉ huy khẩn nguy hàng không tỉnh, thành phố, huyện đảo về tăng cường các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không thích hợp.

6. Xây dựng Trung tâm khẩn nguy cảng hàng không, sân bay phục vụ chỉ huy điều hành việc phòng ngừa, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay. Xây dựng kế hoạch khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay. Tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp cơ sở, tham gia diễn tập cấp ngành, cấp tỉnh, cấp quốc gia theo quy định.

7. Bảo đảm các yêu cầu, tiêu chuẩn về an ninh hàng không được áp dụng khi thiết kế, xây dựng, cải tạo các công trình thuộc cảng hàng không, sân bay.

8. Tổ chức hệ thống kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình an ninh cảng hàng không, việc thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không; hệ thống kiểm tra, giám sát an ninh nội bộ trong việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục an ninh hàng không để khắc phục kịp thời những sơ hở, thiếu sót trong công tác bảo đảm an ninh hàng không.

9. Chủ trì, phối hợp với bộ phận kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không tổ chức ký kết các quy chế phối hợp về công tác bảo đảm an ninh hàng không, an ninh trật tự, an toàn xã hội với chính quyền địa phương, đơn vị công an, quân đội trên địa bàn cảng hàng không, sân bay và các cơ quan, đơn vị liên quan.

10. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện kiến thức an ninh hàng không cho cán bộ, nhân viên có liên quan theo quy định pháp luật.

11.[70] Chấp hành quy định về cấp, quản lý thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không. Trường hợp doanh nghiệp cảng hàng không đã cập nhật thông tin cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không vào hệ thống cơ sở dữ liệu an ninh hàng không trong vòng 05 ngày kể từ khi cấp thẻ, giấy phép thì không cần

[70] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 66 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

gửi danh sách thẻ, giấy phép đã cấp bằng văn bản đến cảng vụ hàng không theo các quy định tại khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 23 và khoản 3 Điều 24 Thông tư này.

12. Xây dựng quy định về kiểm soát an ninh nội bộ và thực hiện trong tất cả các quy trình tuyển dụng, huấn luyện, đào tạo, quản lý, giám sát, xử lý vi phạm, đánh giá, nhận xét, bổ nhiệm, điều động của đơn vị; đề nghị cấp phép, năng định chuyên môn và định kỳ thực hiện đánh giá đối với cán bộ, nhân viên thuộc quyền.

13. Xây dựng quy định về bảo vệ thông tin và hệ thống công nghệ thông tin hàng không được sử dụng trong hoạt động hàng không dân dụng chống lại hành vi truy cập, can thiệp trái phép gây mất an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng và đánh cắp thông tin cần được bảo mật.

14. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cán bộ, nhân viên thuộc doanh nghiệp mình ý thức chấp hành, tuân thủ các quy định về an ninh hàng không; tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin tại cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay các quy định về an ninh hàng không trừ tài liệu an ninh hàng không hạn chế.

15. Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam.

16. Thực hiện các biện pháp bảo vệ đối với công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

17. Phối hợp với đơn vị được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không để tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật.

Điều 116. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không

1. Thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không, xử lý ban đầu các vụ việc vi phạm về an ninh hàng không và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay.

2. Cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật.

3. Xây dựng lực lượng kiểm soát an ninh hàng không chuyên nghiệp, đáp ứng các quy định của pháp luật.

4. Xây dựng trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và triển khai thực hiện quy chế an ninh hàng không sau khi được phê duyệt.

5. Phối hợp với Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay ký kết các quy chế phối hợp về công tác bảo đảm an ninh hàng không,

an ninh trật tự, an toàn xã hội với chính quyền địa phương, đơn vị công an, quân đội trên địa bàn cảng hàng không, sân bay và các cơ quan, đơn vị liên quan.

6. Đánh giá và đề xuất với người khai thác cảng hàng không, sân bay trong việc đầu tư, xây dựng, cải tạo các công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không bảo đảm tính hiệu quả, đồng bộ và thống nhất.

7. Thực hiện công tác kiểm soát an ninh nội bộ, bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không của đơn vị.

8. Tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh, trật tự tại cảng hàng không, sân bay. Kiểm tra, soi chiếu, giám sát người, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, phương tiện, nhiên liệu, suất ăn và các vật phẩm khác khi đưa vào khu vực hạn chế, lên tàu bay; kiểm soát, giám sát người, phương tiện, đồ vật ra, vào, hoạt động trong các khu vực hạn chế. Tổ chức giám sát, bảo vệ tàu bay khi tàu bay đỗ tại sân bay; thực hiện lục soát an ninh hàng không.

9.[71] Thực hiện áp tải, áp giải đối với các đối tượng là người, phương tiện đặc biệt, tiềm ẩn nguy cơ uy hiếp an ninh theo quy định hoặc khi được yêu cầu. Quản lý, giám sát hành khách bị từ chối nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường khi áp dụng các cấp độ tăng cường theo quy định. Triển khai thực hiện các biện pháp đối phó khi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp theo kế hoạch, phương án được phê duyệt.

11. Thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không đối với chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay hoạt động hàng không chung theo quy định của pháp luật.

12. Tổ chức công tác đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, tập huấn về an ninh hàng không cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không và các đối tượng liên quan thuộc phạm vi trách nhiệm.

13. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cán bộ, nhân viên của Công ty về ý thức chấp hành, tuân thủ các quy định về an ninh hàng không; thông tin, tuyên truyền cho hành khách biết và thực hiện quy định về bảo đảm an ninh hàng không khi đi tàu bay.

14. Thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo, thống kê, quản lý, lưu trữ hồ sơ tài liệu trong lĩnh vực an ninh hàng không; rút kinh nghiệm, giảng bình các vụ việc liên quan đến an ninh hàng không xảy ra trên địa bàn theo quy định; cập nhật, lưu trữ tất cả các tài liệu, quy định có liên quan của trong nước và nước ngoài về an ninh hàng không để nghiên cứu, triển khai thực hiện.

---

[71] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 67 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

15. Thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không nội bộ theo quy định của pháp luật.

16. Bảo vệ hiện trường khi xảy ra các vụ việc vi phạm an ninh, an toàn hàng không dân dụng, trật tự công cộng và can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay trong những trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật.

17. Tham gia thẩm định các tiêu chuẩn, yêu cầu an ninh hàng không trong quy hoạch, thiết kế xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng, trang thiết bị nghiệp vụ phục vụ công tác đảm bảo an ninh hàng không của cảng hàng không, sân bay.

18. Tổ chức khai thác có hiệu quả hệ thống hạ tầng, máy móc thiết bị an ninh của người khai thác cảng đầu tư trang bị. Phối hợp chặt chẽ, kịp thời với người khai thác cảng trong việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa trong quá trình sử dụng.

19. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan:

a) Phối hợp với người khai thác cảng hàng không sân bay xây dựng chương trình an ninh hàng không, kế hoạch khẩn nguy (bao gồm kế hoạch khẩn nguy sân bay và kế hoạch khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp) của cảng hàng không; triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi trách nhiệm khi chương trình an ninh, kế hoạch khẩn nguy cảng hàng không, sân bay được phê duyệt;

b) Quản lý, bảo quản, khai thác, sử dụng hệ thống công trình, máy móc, thiết bị phục vụ bảo đảm an ninh hàng không;

c) Phối hợp với các cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh, quốc phòng thực hiện các biện pháp phòng chống tội phạm tại địa bàn hoạt động; triển khai thực hiện công tác an ninh, quốc phòng theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với công an, chính quyền địa phương và đơn vị quân đội trong việc tuần tra khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy định;

đ) Phối hợp với Cảng vụ hàng không, cơ quan công an tại địa bàn, người khai thác cảng hàng không, sân bay và các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá rủi ro an ninh hàng không theo quy định; phát hiện, ngăn chặn, xử lý các vụ việc vi phạm về an ninh hàng không và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp;

e) Phối hợp với Giám đốc Cảng vụ hàng không, Thanh tra hàng không, cơ quan chức năng trong việc đình chỉ thực hiện chuyến bay nhằm ngăn chặn khả năng uy hiếp an ninh, an toàn đối với chuyến bay;

g) Phối hợp thực hiện các biện pháp bảo vệ đối với công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật;

h) Phối hợp với cơ quan công an trong công tác dẫn giải tội phạm.

20. Thông báo kịp thời đến người khai thác cảng hàng không, sân bay các vụ việc gây gián đoạn đến hoạt động khai thác, gây mất an ninh trật tự công cộng, gây thiệt hại đến tài sản, công trình, phương tiện tại cảng hàng không hoặc hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

21. Hộ tống hành khách mất khả năng làm chủ hành vi khi có yêu cầu.

22. Tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp cơ sở tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật.

Điều 117. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không

1. Xây dựng quy chế an ninh hàng không bao gồm phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt; cung cấp quy chế an ninh hàng không được phê duyệt cho Cảng vụ hàng không và người khai thác cảng hàng không, sân bay. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá, thử nghiệm, khảo sát an ninh hàng không của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

2.[72] Tổ chức việc bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của Thông tư này; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không, doanh nghiệp bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không làm công tác bảo đảm an ninh hàng không tại các khu vực thuộc phạm vi trách nhiệm của doanh nghiệp.

3. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại các cơ sở cung cấp dịch vụ nằm ngoài khu vực cảng hàng không theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, cơ quan công an, quân đội, chính quyền địa phương có liên quan trong việc giải quyết, xử lý các vụ việc, hành vi vi phạm an ninh hàng không tại các khu vực hạn chế của doanh nghiệp.

5. Thu thập thông tin, tình hình, đánh giá và xác định mức độ của các mối đe dọa tiềm ẩn đối với công tác bảo đảm an ninh hàng không tại cơ sở để tham mưu cho Cục Hàng không Việt Nam, Ban chỉ huy khẩn nguy hàng không tỉnh, thành phố, huyện đảo về tăng cường các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không thích hợp.

6. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát, thử nghiệm, khảo sát, điều tra an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không theo quy

---

[72] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 68 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

định của pháp luật và Thông tư này. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công tác bảo đảm an ninh hàng không cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

7. Trong phạm vi nội bộ do mình quản lý, chịu trách nhiệm:

a) Xác định khu vực hạn chế của doanh nghiệp nằm ngoài cảng hàng không, sân bay. Cấp, quản lý thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ theo quy định;

b) Kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không. Tổ chức hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ;

c) Bảo vệ thông tin và hệ thống công nghệ thông tin hàng không dân dụng do mình quản lý chống lại hành vi truy cập, can thiệp trái phép gây mất an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng và đánh cắp thông tin cần được bảo mật theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện kiểm soát chất lượng an ninh nội bộ theo quy định;

đ) Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện kiến thức an ninh hàng không cho cán bộ, nhân viên có liên quan theo quy định của pháp luật;

e) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cán bộ, nhân viên của mình ý thức chấp hành, tuân thủ các quy định về an ninh hàng không; tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng các quy định về an ninh hàng không, trừ tài liệu an ninh hàng không hạn chế.

8. Tổ chức ký kết các văn bản phối hợp về công tác bảo đảm an ninh hàng không, an ninh trật tự, an toàn xã hội với chính quyền, công an địa phương, đơn vị quân đội liên quan nơi có cơ sở cung cấp dịch vụ.

9. Tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp cơ sở, tham gia diễn tập cấp ngành, cấp quốc gia theo quy định.

10. Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam.

11. Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu có công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia phải thực hiện các biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật.

12. Phối hợp với đơn vị được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không trong công tác bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật.

Điều 118. Trách nhiệm của hãng hàng không, người khai thác tàu bay

1. Xây dựng chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không trình Cục Hàng không Việt Nam và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt, chấp thuận; cung cấp toàn bộ chương trình an ninh đã được phê duyệt, chấp thuận cho Cảng vụ hàng không để kiểm tra, giám sát việc tuân thủ.

2. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện về an ninh hàng không cho cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không và những vi phạm khác liên quan đến tàu bay trong thời gian tàu bay đang khai thác, không khai thác. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công tác bảo đảm an ninh hàng không theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không quản lý cảng hàng không liên quan đến hoạt động của hãng hàng không, người khai thác tàu bay.

4. Thực hiện kiểm tra an ninh hàng không tàu bay trước chuyến bay, phối hợp lục soát an ninh tàu bay khi có thông tin đe dọa theo quy định của pháp luật. Bảo đảm an ninh, duy trì trật tự kỷ luật trên tàu bay đang bay.

5. Hãng hàng không, người khai thác tàu bay Việt Nam:

a) Tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không, duy trì an ninh, trật tự kỷ luật trên tàu bay và bảo đảm an ninh cho hoạt động khai thác tàu bay ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay;

b)[73] Tổ chức hệ thống quản lý an ninh hàng không theo quy định tại Điều 92, Điều 93, Điều 96 và Điều 97 Thông tư này;

c) Tổ chức khảo sát, đánh giá công tác bảo đảm an ninh hàng không đối với hoạt động của hãng tại cảng hàng không, sân bay trong và ngoài nước; bảo đảm kinh phí cho Cục Hàng không Việt Nam tham gia hoạt động khảo sát, đánh giá của hãng tại cảng hàng không nước ngoài;

d) Phối hợp thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định. Tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp cơ sở; tham gia diễn tập cấp ngành, cấp quốc gia theo quy định;

đ) Xác định ranh giới khu vực hạn chế thuộc phạm vi quản lý nằm ngoài cảng hàng không, sân bay. Cấp, quản lý thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ, thẻ nhận dạng tổ bay theo quy định;

e) Bố trí chỗ ngồi trên chuyến bay cho nhân viên an ninh trên không đi làm nhiệm vụ trên chuyến bay theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

g) Thực hiện công tác kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không theo quy định;

---

[73] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 69 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

h) Bảo vệ thông tin và hệ thống công nghệ thông tin hàng không của hãng chống lại hành vi truy cập, can thiệp trái phép gây mất an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng và đánh cắp thông tin cần được bảo mật bao gồm cả thông tin cá nhân của hành khách;

i) Phổ biến, giáo dục cán bộ, nhân viên của mình ý thức chấp hành, tuân thủ các quy định về an ninh hàng không; tuyên truyền, phổ biến các quy định về an ninh hàng không bằng các hình thức thích hợp cho hành khách đi tàu bay;

k)[74] Báo cáo Cục Hàng không Việt Nam các khác biệt trong chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không trình nhà chức trách hàng không nước ngoài so với pháp luật Việt Nam. Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam.

6. Hãng hàng không nước ngoài phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về an ninh hàng không trong hoạt động khai thác của hãng tại Việt Nam; chỉ định và thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam người chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về bảo đảm an ninh hàng không trong hoạt động khai thác của hãng tại Việt Nam.

7.[75] Khi làm thủ tục bán vé đi tàu bay, hãng hàng không phải yêu cầu hành khách cung cấp thông tin cá nhân theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này. Khi làm thủ tục tiếp nhận đăng ký vận chuyển hàng hóa, bưu gửi, hãng hàng không phải thông báo cho khách hàng chính sách khác biệt của hãng đối với việc vận chuyển các vật phẩm đặc biệt quy định tại Điều 52 của Thông tư này hoặc vận chuyển vật phẩm nguy hiểm, túi thư ngoại giao, túi lãnh sự (nếu có).

8. Phối hợp với đơn vị được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không trong công tác bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật.

Điều 119. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định của Thông tư này, chương trình an ninh của người khai thác cảng hàng không, sân bay khi hoạt động tại cảng hàng không, sân bay. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát, điều tra, thử nghiệm, khảo sát, đánh giá an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không liên quan và lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.

---

[74] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 70 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[75] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 71 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

2. Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay:

a) Bảo vệ cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị, bảo đảm an ninh hàng không, trật tự cho các hoạt động của mình thông qua việc giao kết hợp đồng dịch vụ bảo đảm an ninh với người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Phối hợp với Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không và trật tự xảy ra trong phạm vi quản lý của mình;

c) Đảm bảo cho những cán bộ, nhân viên có liên quan được huấn luyện về an ninh hàng không theo quy định của pháp luật;

d) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cán bộ, nhân viên thuộc doanh nghiệp mình ý thức chấp hành, tuân thủ các quy định về an ninh hàng không;

đ) Các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm có chứa chất lỏng, chất đặc sánh, dung dịch xịt, hãng hàng không phải cung cấp túi nhựa an ninh để đựng chất lỏng, chất đặc sánh, dung dịch xịt (kèm theo phiếu mua hàng) khi bán cho hành khách tại các cửa hàng trong khu vực cách ly quốc tế, trên chuyến bay quốc tế. Phiếu mua hàng có ghi các nội dung: ngày bán hàng (ngày/tháng/năm); mã quốc tế nơi bán (quốc gia, cảng hàng không, hãng hàng không); số chuyến bay; tên hành khách (nếu có); số lượng và danh sách hàng trong túi.

3. Hành khách, người gửi hàng phải thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của Thông tư này. Hành khách phải tuyệt đối chấp hành các chỉ dẫn về an ninh, trật tự của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, mệnh lệnh của thành viên tổ bay. Trong trường hợp không tuân thủ thì căn cứ vào tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Hành khách phải biết nội dung và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với hành lý mang theo người hoặc ký gửi lên tàu bay; tổ chức, cá nhân gửi hàng hóa, bưu gửi phải biết nội dung của hàng hóa, bưu gửi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với hàng hóa, bưu gửi lên tàu bay.

4. Nhân viên hàng không phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của Thông tư này và quy định pháp luật về an ninh hàng không; trong khi thực hiện nhiệm vụ không được uống rượu, bia; nếu vi phạm sẽ bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, căn cứ tính chất, mức độ vụ việc vi phạm sẽ bị thu hồi thẻ kiểm soát an ninh hàng không, giấy phép nhân viên hàng không.

Điều 120. Kinh phí bảo đảm an ninh hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam căn cứ nhiệm vụ được giao hàng năm xây dựng dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, trình Bộ Giao thông vận tải và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Các doanh nghiệp tự bảo đảm toàn bộ kinh phí cho công tác bảo đảm an ninh hàng không thuộc trách nhiệm của mình được quy định trong Thông tư này và các quy định khác của pháp luật.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[76]

Điều 121. Hiệu lực thi hành[77]

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2019. Điểm d khoản 1 Điều 96 của Thông tư này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 2 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết chương trình an ninh hàng không Việt Nam và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không, Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, Thông tư số 02/2018/TT-BGTVT ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định ngưng hiệu lực một phần Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT và bãi bỏ Quyết định số 1281/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

---

[76] Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020, quy định như sau:

"Điều 6. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.".

[77] Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021, quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

2. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không, xăng dầu hàng không chưa tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không theo quy định do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 phải hoàn thành việc tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không trước ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.".

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 01 /VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2021

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT (để đăng tải);
- Lưu: Văn thư, PC (2).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

Phụ lục I

ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG CẢNG HÀNG KHÔNG

... (tên cảng hàng không)

Mục lục

Danh mục sửa đổi, bổ sung chương trình

Danh sách phân phối tài liệu

Chữ viết tắt

Chương I. Tổ chức công tác bảo đảm an ninh hàng không

1.1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ.

1.2. Căn cứ pháp lý.

1.3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan.

1.3.1. Nhà chức trách an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

1.3.2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay;

1.3.3. Bộ phận tham mưu, giúp việc về an ninh hàng không (của người khai thác cảng hàng không, sân bay);

1.3.4. Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không;

1.3.5. Đơn vị công an, quân đội tại cảng hàng không;

1.3.6. Đơn vị cứu hỏa, y tế khẩn nguy;

1.3.7. Các cơ quan nhà nước khác tại cảng hàng không;

1.3.8. Hãng hàng không, người khai thác tàu bay;

1.3.9. Các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không;

1.3.10. Cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi ngoài cảng hàng không;

1.3.11. Đơn vị cung cấp dịch vụ không lưu.

1.4. Sơ đồ mô tả trách nhiệm tương ứng của các bên liên quan (có thể đưa vào phụ lục).

1.5. Ủy ban An ninh hàng không cảng hàng không.

1.5.1. Xem xét các mối đe dọa đối với an ninh cảng hàng không, sân bay;

1.5.2. Phối hợp giữa các bên liên quan trong công tác bảo đảm an ninh cảng hàng không, sân bay; trao đổi thông tin về các vấn đề an ninh hàng không;

1.5.3. Tham vấn ý kiến xây dựng chương trình, kế hoạch, phương án trong bảo đảm an ninh hàng không;

1.5.4. Đánh giá kết quả của quy trình kiểm soát chất lượng nội bộ và kiểm soát chất lượng của cơ quan có thẩm quyền, đánh giá của các đối tác;

1.5.5. Đánh giá tính liên tục và hiệu quả của chương trình an ninh hàng không;

1.6. Quản lý, sử dụng thông tin, tài liệu an ninh hàng không hạn chế.

Chương II. Kết cấu hạ tầng và hoạt động tại cảng hàng không, sân bay

(Các thông tin khái quát về cảng hàng không, đặc điểm, chức năng, ranh giới các khu vực và hoạt động của nó để liên hệ đến những vấn đề an ninh hàng không).

2.1. Giới thiệu về cảng hàng không, sân bay.

Các nội dung cơ bản cần có gồm: tên cảng hàng không, địa chỉ, liên hệ, mã cảng hàng không...

2.2. Kết cấu hạ tầng và các khu chức năng.

Cách trình bày: sơ đồ và văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

2.2.1. Sân bay;

2.2.1.1. Sân đỗ tàu bay (diện tích, số lượng vị trí đỗ, ký hiệu các vị trí đỗ, chiếu sáng tại các vị trí đỗ);

2.2.1.2. Đường hạ cất cánh, đường lăn (số lượng, chiều dài, ký hiệu, hệ thống đèn đêm);

2.2.1.3. Hàng rào phục vụ công tác bảo đảm an ninh hàng không (chiều dài, chiều cao, loại hàng rào đặc điểm, tính chất của hàng rào, ca-me-ra, hệ thống chiếu sáng hàng rào và các thiết bị gắn với hàng rào, cảnh báo đột nhập), đường công vụ;

2.2.1.4. Vị trí đỗ biệt lập;

2.2.1.5. Hầm xử lý bom;

2.2.1.6. Nhà ga hành khách (mô tả khái quát tổng diện tích, các khu vực hạn chế, khu vực công cộng, số lượng quầy làm thủ tục hàng không, xuất nhập cảnh, hải quan, trực ban an ninh, nơi lưu giữ hành khách từ chối nhập cảnh, nơi làm việc của Cảng vụ hàng không; số lượng cổng, cửa từ khu vực nhà ga ra sân đỗ tàu bay, từ khu vực công cộng vào khu vực hạn chế của nhà ga; số lượng, vị trí các điểm kiểm tra an ninh hàng không trong nhà ga, số lượng luồng hành khách ra tàu bay, luồng đi dành cho hành khách, nhân viên nội bộ, các khu vực thương mại, ăn uống, hàng lưu niệm...);

2.2.1.7. Nhà ga hàng hóa (mô tả tương tự nhà ga hành khách);

2.2.1.8. Các công trình khẩn nguy: Trung tâm khẩn nguy, trạm xe cứu hỏa...;

2.2.1.9. Trạm điện, nước, hệ thống thông gió, điều hòa;

2.2.1.10. Bãi đỗ xe (diện tích, sức chứa, ô tô, xe máy, các điểm kiểm soát an ninh hàng không ở khu vực công cộng);

2.2.1.11. Hệ thống giao thông (mô tả khái quát hệ thống giao thông tại khu vực cảng);

2.2.1.12. Các cơ sở xử lý hàng hóa bưu gửi, cơ sở sản xuất suất ăn, xăng dầu, sửa chữa bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay, cơ sở bảo đảm hoạt động bay (mô tả khái quát vị trí, kiến trúc, công năng...);

2.2.1.13. Khu vực văn phòng các cơ quan, đơn vị liên quan (mô tả khái quát vị trí, kiến trúc, công năng... Trường hợp đã được mô tả ở các phần trên thì không cần mô tả lại ở phần này).

Căn cứ thực tế, các nội dung trên có thể được điều chỉnh từ mục này sang mục khác, phù hợp với đặc điểm từng cảng hàng không, sân bay.

2.3. Hoạt động hàng không.

Cách trình bày: văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

2.3.1. Thời gian khai thác;

2.3.2. Loại tàu bay đang khai thác;

2.3.3. Số hãng hàng không đang khai thác;

2.3.4. Lưu lượng hành khách, hàng hóa, số lượng chuyến bay, giờ cao điểm, thấp điểm...

Chương III. Các biện pháp an ninh phòng ngừa

Cách trình bày: văn xuôi, sơ đồ.

Nội dung cơ bản: *phần này mô tả cách thức mà các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không được thiết kế và thực hiện tại cảng hàng không, sân bay theo phương pháp phân định ba vòng tròn đồng tâm (03 lớp kiểm soát an ninh). Vòng tròn bên ngoài bao gồm các biện pháp kiểm soát an ninh, duy trì trật tự công cộng. Vòng tròn thứ hai bao gồm các biện pháp kiểm soát an ninh ở ranh giới giữa khu vực công cộng và khu vực hạn chế (hàng rào an ninh, điểm kiểm tra an ninh, cổng, cửa, cảnh báo xâm nhập, hệ thống giám sát an ninh, thẻ kiểm soát an ninh và các biện pháp hạn chế người, phương tiện, đồ vật vào khu vực hạn chế. Vòng tròn trong cùng là các biện pháp kiểm soát an ninh trong khu vực hạn chế, khu vực cách ly. Phần này cũng cần mô tả khái quát tổ chức chịu trách nhiệm, đơn vị trực tiếp thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không, trật tự công cộng.*

3.1. Biện pháp kiểm soát an ninh khu vực công cộng.

3.1.1. Biện pháp để giảm thiểu rủi ro của kịch bản sử dụng phương tiện giao thông đường bộ (có thể chứa thiết bị nổ) để tấn công vào nhà ga, công trình hàng không;

3.1.2. Biện pháp bảo đảm an ninh, duy trì trật tự khu vực đón, trả khách (khu vực công cộng) và trước cửa nhà ga;

3.1.3. Biện pháp giám sát và tuần tra các khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay;

3.1.4. Quy định về quản lý, bảo vệ vé, thẻ lên tàu bay, thẻ hành lý, giấy tờ đi tàu bay và các tài liệu khác;

3.1.5. Các biện pháp tăng cường kiểm soát an ninh đối với các chuyến bay, hành khách được đánh giá là có rủi ro an ninh hàng không cao hơn;

3.1.6. Biển, bảng thông báo, cảnh báo an ninh, thông tin cảnh báo an ninh đối với hành khách.

3.2. Biện pháp kiểm soát an ninh khu vực hạn chế, ranh giới khu vực hạn chế và khu vực công cộng, kiểm soát ra, vào khu vực hạn chế.

3.2.1. Xác định các khu vực hạn chế

Cách trình bày: văn xuôi, sơ đồ.

Nội dung cơ bản*: xác định và mô tả rõ các khu vực hạn chế, xác định ranh giới cụ thể của từng khu vực hạn chế với khu vực công cộng, trong đó lưu ý các khu vực hạn chế sử dụng riêng, khu vực cách ly, làm cơ sở kiểm soát ra, vào và bảo đảm người, phương tiện hoạt động ở đúng khu vực hạn chế được ghi trong thẻ kiểm soát an ninh hàng không.*

3.2.2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

Cách trình bày: văn xuôi, hình ảnh về mẫu thẻ, giấy phép (nếu có).

Nội dung cơ bản*: Bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:*

3.2.2.1. Quy định về cấp thẻ, giấy phép;

3.2.2.2. Các loại thẻ, giấy phép có giá trị sử dụng tại cảng hàng không;

3.2.2.3. Thiết kế thẻ, giấy phép (mẫu, công nghệ kiểm soát sử dụng, giải pháp bảo mật);

3.2.2.4. Thủ tục cấp, quản lý, thu hồi và một số quy định liên quan khác.

3.2.3. Thủ tục giám sát, hộ tống

Cách trình bày: văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

3.2.3.1. Thủ tục giám sát, hộ tống người, phương tiện được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn;

3.2.3.2. Thủ tục giám sát, hộ tống người phạm tội, đối tượng trục xuất, từ chối nhập cảnh...;

3.2.3.3. Thủ tục hướng dẫn, bảo vệ khách quan trọng (nếu có).

3.2.4. Các biện pháp kiểm soát an ninh khu vực ranh giới khu vực công cộng và khu vực hạn chế

Cách trình bày: văn xuôi kết hợp sơ đồ.

Nội dung cơ bản:

3.2.4.1. Hàng rào an ninh hàng không, đường tuần tra;

3.2.4.2. Chiếu sáng;

3.2.4.3. Biển cảnh báo;

3.2.4.4. Thiết bị cảnh báo xâm nhập;

3.2.4.5. Ca-me-ra giám sát an ninh (CCTV).

(Cần đặc biệt lưu ý các hành lang, lối đi nội bộ có thể đi từ khu vực công cộng vào khu vực hạn chế).

3.2.4.6. Quy định nguyên tắc về phân chia cổng, cửa, người, phương tiện được phép ra, vào (vị trí, thời gian hoạt động), trong đó có các cổng, cửa khẩn nguy, nội dung chi tiết được tham chiếu về mục 3.2.9 và mục 3.2.10

3.2.4.7. Các điểm kiểm tra an ninh

Cách trình bày: văn xuôi kết hợp sơ đồ.

Nội dung cơ bản: *phần này sẽ mô tả các quy trình thiết lập (nguyên tắc thiết lập các điểm kiểm tra an ninh) các điểm kiểm tra vào khu vực hạn chế đối với người, hành lý, hàng hóa, đồ vật và phương tiện. Bảo đảm người, đồ vật, hành lý, hàng hóa, phương tiện đi đúng cổng, cửa, luồng di chuyển, đúng khu vực hạn chế phù hợp với thẻ, giấy phép. Trong trường hợp có ứng dụng công nghệ tự động hoặc sinh trắc học, loại thông tin nhân thân cần để kiểm soát cũng được xác định ở mục này nếu có.*

a) Quy định về kiểm soát tại điểm kiểm tra an ninh hàng không có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không (nêu khái quát, tập trung trách nhiệm thiết lập điểm kiểm tra, trách nhiệm của người, phương tiện, đồ vật lưu thông qua điểm kiểm tra; quy trình chi tiết và các hướng dẫn nghiệp vụ đối với nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được quy định trong quy chế an ninh của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không).

b) Quy định về kiểm soát tại cổng, cửa, kiểm soát bằng công nghệ tự động, sinh trắc học (nếu có) của người, phương tiện lưu thông.

3.2.5. Điểm kiểm soát an ninh, tuần tra (hỗ trợ việc kiểm soát xâm nhập trái phép vào khu vực hạn chế).

3.2.6. Hệ thống kiểm soát cổng, cửa tự động (nếu có).

Cách trình bày: văn xuôi.

Nội dung cơ bản: *phần này sẽ mô tả tổng quát hệ thống điều khiển khóa tự động được sử dụng liên quan đến khóa bảo mật; tổ chức chịu trách nhiệm quản lý; thông số kỹ thuật tối thiểu cho khóa và chìa khóa (các thông tin đặc biệt nhạy cảm, cần bảo mật cao được quy định tại tài liệu hướng dẫn sử dụng của đơn vị quản lý, khai thác cổng, cửa)*.

3.2.7. Kiểm soát an ninh bên trong các khu vực hạn chế

3.2.7.1. Phân chia các khu vực hạn chế

Cách trình bày: văn xuôi kết hợp sơ đồ.

Nội dung cơ bản: tham chiếu mục 3.2.1, phụ lục này, có chia nhỏ từng khu vực hạn chế theo công năng của từng khu vực trên cơ sở quy định tại khoản 1, Điều 31, Thông tư này.

Tại mỗi khu vực hạn chế được phân loại ở mục này, quy định các nội dung sau:

3.2.7.2. Biện pháp bảo đảm an ninh ở từng khu vực hạn chế...

Cách trình bày: văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

a) Các biện pháp kiểm soát bổ sung khi người, phương tiện, đồ vật di chuyển giữa các khu vực hạn chế (ngoài các biện pháp kiểm soát người, phương tiện, đồ vật từ khu vực công cộng vào khu vực hạn chế đã nêu ở các điểm 3.2.4, 3.2.5, 3.2.6, 3.2.7, phụ lục này).

(Ví dụ: kiểm soát người, phương tiện, đồ vật di chuyển từ khu vực hạn chế xử dụng riêng của cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay vào sân bay...).

b) Các biện pháp tuần tra, giám sát, bảo vệ mục tiêu, kiểm tra an ninh khu vực, lục soát an ninh...

3.2.8. Kiểm tra an ninh hàng không đối với nhân viên nội bộ

Cách trình bày: văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

3.2.8.1. Cơ sở pháp lý (điểm, khoản, Điều...)

3.2.8.2. Quy định cụ thể

a) Số lượng và vị trí của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không ở các điểm kiểm tra, bao gồm cả các điểm kiểm tra đối với hành khách (chuyển thành 01 phụ lục dạng bảng liệt kê);

b) Quá trình kiểm tra;

c) Miễn trừ kiểm tra nếu có;

d) Đồ vật, hàng hóa bị cấm hoặc hạn chế;

e) Quy định về kiểm tra đồ vật mang theo.

3.2.8.3. Phát hiện vật cấm, vật phẩm nguy hiểm hoặc vật nghi ngờ khi kiểm tra an ninh hàng không

3.2.9. Kiểm tra an ninh hàng không đối với phương tiện

Cách trình bày: văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

3.2.9.1. Cơ sở pháp lý (điểm, khoản, Điều...)

3.2.9.2. Quy định cụ thể

a) Số lượng và vị trí của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không ở các điểm kiểm tra (chuyển thành 01 Phụ lục dạng bảng liệt kê)

b) Quá trình kiểm tra;

c) Miễn trừ kiểm tra nếu có;

d) Đồ vật, hàng hóa bị cấm hoặc hạn chế;

e) Quy định về kiểm tra người, đồ vật mang theo phương tiện.

3.2.9.3. Phát hiện vật cấm, vật phẩm nguy hiểm hoặc vật nghi ngờ khi kiểm tra an ninh hàng không

3.2.10. Kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, phi hành đoàn, hành lý xách tay

Cách trình bày: văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

3.2.10.1. Kiểm tra xác nhận đúng đối tượng

a) Đối với hành khách:

- Địa điểm, người kiểm tra;

- Cách thức kiểm tra (*quy định cách thức kiểm tra để đạt (1) mục đích kiểm tra - nhằm xác định đúng hành khách và (2) nội dung kiểm tra - kiểm tra đối chiếu giấy tờ đi tàu bay với thẻ lên tàu bay và người thực, đặc biệt lưu ý quy định về kiểm tra thẻ lên tàu bay tự làm thủ tục, quy định trường hợp khách chuyển tiếp, nối chuyến*).

b) Đối với tổ bay:

- Địa điểm, người kiểm tra;

- Cách thức kiểm tra (*quy định cách thức kiểm tra cụ thể để đạt (1) mục đích kiểm tra - nhằm xác định đúng tổ bay và (2) nội dung kiểm tra - kiểm tra đối chiếu thẻ thành viên tổ bay, người thực và danh sách tổ bay*).

c) Quy định về tách biệt hành khách, phi hành đoàn đã qua kiểm tra an ninh và hành khách, tổ bay chưa qua kiểm tra an ninh

(Cách thức, người chịu trách nhiệm bảo đảm việc hành khách, phi hành đoàn đã qua kiểm tra an ninh không bị chộn lẫn với hành khách, tổ bay chưa qua kiểm tra an ninh).

3.2.10.2. Kiểm tra, soi chiếu an ninh

a) Vị trí điểm kiểm tra an ninh và giờ hoạt động;

b) Yêu cầu kiểm tra;

c) Miễn kiểm tra, nếu có;

d) Quá trình kiểm tra;

đ) Quy định kiểm tra khách quan trọng hoặc hành khách có nhu cầu đặc biệt (nếu có); các thỏa thuận đặc biệt đối với kiểm tra tổ bay, nếu có;

e) Quy định kiểm tra trực quan ngẫu nhiên, kiểm tra lại, lục soát.

3.2.10.3. Quy định kiểm tra

Ghi như sau: "Quy định kiểm tra an ninh hàng không hành khách, tổ bay và hành lý xách tay được quy định cụ thể tại quy chế an ninh hàng không của... (*Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không*), bảo đảm các nội dung sau:

a) Mục đích kiểm tra;

b) Các thủ tục, tiêu chuẩn để kiểm tra soi chiếu, kiểm tra trực quan hành khách xuất phát;

c) Các thủ tục, tiêu chuẩn để kiểm tra soi chiếu, kiểm tra trực quan hành khách quá cảnh, nối chuyến;

d) Danh sách, danh mục những người được miễn kiểm tra an ninh;

đ) Thủ tục, tiêu chuẩn để kiểm tra an ninh hành lý xách tay;

e) Các biện pháp, thủ tục kiểm tra an ninh cho tổ bay, người thực thi pháp luật và các cơ quan chính phủ khác (nếu có);

g) Xử lý hành khách hoặc hành lý xách tay nghi ngờ;

h) Kiểm soát di chuyển của hành khách;

i) Biện pháp đối với hành khách đặc biệt;

k) Các thủ tục đối với người từ chối kiểm tra an ninh;

l) Xử lý khi có hành vi vi phạm, khi phát hiện vật phẩm nguy hiểm không khai báo;

m) Xử lý và ghi lại các đồ vật bị để lại;

n) Các biện pháp đối với các thiết bị điện, điện tử, chất lỏng...

3.2.10.3. Thiết bị kiểm tra, soi chiếu an ninh

(*Phần này sẽ bao gồm mô tả chung về thiết bị được sử dụng trong việc kiểm tra hành khách và hành lý xách tay, bao gồm cổng từ (WTMD), máy dò kim loại cầm tay (HHMD), thiết bị soi chiếu tia X, hệ thống phát hiện thiết bị nổ (EDS), hệ thống phát hiện vi vết chất nổ (ETD). Việc bảo quản, sử dụng, hiệu chuẩn, kiểm tra khả năng vận hành và bảo trì các thiết bị... được quy định trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không*).

3.2.10.4. Nhân viên kiểm tra, soi chiếu an ninh

Ghi như sau: "Nhân viên kiểm tra, soi chiếu an ninh được quy định cụ thể tại quy chế an ninh hàng không của... (*Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không*)".

3.2.11. Vật phẩm nguy hiểm

(Quản lý, kiểm soát, danh mục vật phẩm nguy hiểm mang lên tàu bay; vật phẩm nguy hiểm mang vào khu vực hạn chế).

3.2.12. Kiểm soát vũ khí, công cụ hỗ trợ

3.2.12.1. Căn cứ pháp lý (liệt kê tên điểm, khoản, Điều...);

3.2.12.2. Kiểm soát vũ khí, công cụ hỗ trợ đi;

3.2.12.3. Kiểm soát vũ khí, công cụ hỗ trợ đến.

3.2.13. Túi thư ngoại giao.

3.2.14. Hành khách bị trực xuất, từ chối nhập cảnh, người bị áp giải.

3.2.15. Hành khách, phi hành đoàn hoạt động hàng không chung.

3.2.16. Hành lý ký gửi

Cách trình bày: Văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

3.2.16.1. Căn cứ pháp lý về thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra

(Trích dẫn căn cứ pháp lý về thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra, đơn vị kiểm tra);

3.2.16.2. Quy định chung kiểm tra an ninh hành lý ký gửi

a) Mục đích của các biện pháp kiểm tra an ninh;

b) Mô tả dây truyền kiểm tra sơ cấp và thứ cấp (nếu có, có thể mô tả dây truyền dạng sơ đồ quá trình);

c) Quy trình và thủ tục kiểm tra hành lý ký gửi đã qua kiểm tra an ninh ngoài cảng hàng không, sân bay (nếu có);

d) Quy trình và thủ tục kiểm tra hành lý quá cảnh, chuyển tiếp, nối chuyến;

đ) Quy trình và thủ tục kiểm tra hành lý quá khổ;

e) Kiểm soát an ninh hành lý sau khi kiểm tra, xác nhận hành lý đã qua kiểm tra;

g) Quy trình và biện pháp để bảo vệ hành lý ký gửi đã qua kiểm tra an ninh di chuyển ngoài khu vực hạn chế.

3.2.16.3. Thủ tục kiểm tra an ninh hành lý ký gửi

Ghi như sau: "Các nội dung sau được tham chiếu, quy định cụ thể tại quy chế an ninh hàng không của... (*Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không*):

a) Loại hệ thống/công nghệ thiết bị kiểm tra được sử dụng;

b) Thủ tục khi phát hiện nghi ngờ, có cảnh báo;

c) Thủ tục kiểm tra hành lý đi kèm;

d) Thủ tục kiểm tra hành lý thất lạc, không có người đi cùng...;

đ) Thủ tục kiểm tra hành lý của tổ bay (nếu khác);

e) Thủ tục phát hiện vật thể nguy hiểm;

g) Các biện pháp đối với đồ điện và điện tử;

h) Miễn trừ, nếu có;

i) Thủ tục khi phát hiện vũ khí hoặc thiết bị nổ.

3.2.16.4. Thiết bị kiểm tra an ninh hành lý ký gửi

(*Phần này sẽ bao gồm mô tả chung về thiết bị được sử dụng trong việc kiểm tra hành lý ký gửi, bao gồm loại, công nghệ của hệ thống, tính năng cơ bản của hệ thống, khả năng phát hiện vi vết chất nổ, cảnh báo thiết bị nổ... Việc bảo quản, sử dụng, hiệu chuẩn, kiểm tra khả năng vận hành và bảo trì các thiết bị... được quy định trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không*).

3.2.16.5. Nhân viên kiểm tra, soi chiếu an ninh

Ghi như sau: "Nhân viên kiểm tra, soi chiếu an ninh được quy định cụ thể tại quy chế an ninh hàng không của... (*Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không*)".

3.2.16.6. Đồng bộ hành khách hành lý

(*Việc đồng bộ hành khách, hành lý là trách nhiệm của hãng hàng không, tuy nhiên, với vai trò cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, để bảo đảm kiểm soát chặt chẽ, giảm thiểu các rủi ro về an ninh hàng không, hãng hàng không, người khai thác cảng hàng không và đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm soát an ninh hàng không cần kịp thời trao đổi các thông tin liên quan để thực hiện quy định về đồng bộ hóa hành lý, hành khách (nếu có hành khách vi phạm phải xử lý, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải thông báo cho hãng hàng không biết để có quyết định tương ứng, phù hợp đối với chuyến bay dự kiến của hành khách).*

3.2.16.7. Bảo vệ và giám sát các khu vực lưu giữ, chất xếp hành lý

(*Các khu vực lưu giữ, chất xếp hành lý thường được xác định là một phần của khu vực hạn chế và được bảo vệ bằng các biện pháp được mô tả tại các mục nêu trên của chương trình an ninh. Tuy nhiên, nên có các biện pháp bổ sung dành riêng cho khu vực hành lý để giảm thiểu nguy cơ tác động trái phép, rủi ro an ninh đối với hành lý ký gửi. Các biện pháp này được mô tả trong phần này*).

3.2.16.8. Hành lý, đồ vật chưa xác định hoặc không xác nhận được chủ

(Phần này xác định đơn vị chịu trách nhiệm xử lý hành lý, đồ vật chưa xác nhận hoặc không xác định được chủ và mô tả các yêu cầu liên quan đến việc kiểm tra an ninh và lưu trữ hành lý, đồ vật trong khi chờ xử lý).

3.2.17. Hàng hóa, đồ vật mang vào bán, sử dụng trong khu vực hạn chế

3.2.17.1. Căn cứ pháp lý về thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra

(Trích dẫn căn cứ pháp lý về thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra, đơn vị kiểm tra).

3.2.17.2. Quy định chung kiểm tra hàng hóa, đồ vật mang vào bán, sử dụng trong khu vực hạn chế

(Quy định chung về quy trình kiểm tra, bao gồm: yêu cầu và mục đích của các biện pháp an ninh, địa điểm kiểm tra và giờ kiểm tra).

3.2.17.3. Quy định kiểm tra

Ghi như sau: "Các nội dung sau được tham chiếu/quy định cụ thể tại quy chế an ninh hàng không của... (*Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không*):

3.2.18. Hàng hóa, bưu gửi lên tàu bay

3.2.18.1. Quy định kiểm tra an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi tại điểm kiểm tra an ninh của cảng hàng không, sân bay

Trích dẫn (điều, khoản, điểm cụ thể) căn cứ pháp lý về thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra, đơn vị kiểm tra, thông thường được chia ra: hàng hóa được kiểm tra tại cảng hàng không, sân bay, hàng hóa được kiểm tra ngoài cảng hàng không, sân bay; trách nhiệm của hãng hàng không, doanh nghiệp khai thác ga hàng hóa, người khai thác cảng hàng không....

3.2.18.2. Đối với hàng hóa, bưu gửi kiểm tra an ninh tại cảng hàng không, sân bay

3.2.18.3. Đối với hàng hóa, bưu gửi kiểm tra an ninh ngoài cảng hàng không, sân bay

a) Địa điểm và giờ hoạt động của khu vực tiếp nhận hàng hóa, bưu gửi tại sân bay;

b) Danh sách các đơn vị xử lý hàng hóa, bưu gửi ngoài cảng hàng không;

3.2.18.4. Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, nối chuyến....

Chương IV. Đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng

Thực hiện theo kế hoạch khẩn nguy cảng hàng không, sân bay.

Chương V. Đào tạo, huấn luyện

5.1. Đào tạo, huấn luyện cho cán bộ, nhân viên của người khai thác cảng hàng không.

5.2. Đào tạo, huấn luyện bảo quản, sử dụng trang thiết bị ANHK cho ASV (đối với trường hợp người khai thác cảng đầu tư, mua sắm).

Chương VI. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không

6.1. Trách nhiệm.

6.2. Các biện pháp kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

6.3. Giám sát viên an ninh nội bộ.

Phụ lục

Các phụ lục cung cấp thông tin bổ sung, làm rõ, cụ thể hóa nội dung chính của chương trình an ninh hàng không hoặc trích dẫn các văn bản quy định liên quan, bao gồm (nhưng không giới hạn) các nội dung chính sau:

a) Sơ đồ và kế hoạch, phương án;

b) Trích dẫn văn bản, quy định liên quan;

c) Các quy trình, thủ tục, quy chế, nội quy;

d) Thống kê, số liệu thông tin kỹ thuật;

e) Các biểu mẫu, mẫu và các tài liệu liên quan khác.

Phụ lục II

ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG, NGƯỜI KHAI THÁC TÀU BAY VIỆT NAM

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*)

CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG
HÃNG HÀNG KHÔNG/NGƯỜI KHAI THÁC TÀU BAY VIỆT NAM

... (tên hãng hàng không/người khai thác tàu bay)

Mục lục

Danh mục sửa đổi, bổ sung chương trình

Danh sách phân phối tài liệu

Chữ viết tắt

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích, phạm vi áp dụng.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ xây dựng chương trình.

3. Giải thích từ ngữ.

4. Chính sách an ninh hàng không của hãng.

5. Xây dựng, sửa đổi, phân phối, sử dụng và kiểm soát chương trình.

6. Phân loại, quản lý tài liệu an ninh hàng không hạn chế.

7. Mô tả tổ chức và hoạt động của hãng hàng không.

Khái quát về hoạt động của hãng hàng không, đặc điểm, trụ sở, các văn phòng đại diện, số lượng tàu bay, đường bay, hành khách vận chuyển... và hoạt động của hãng để liên hệ đến những vấn đề an ninh hàng không.

Chương II. TỔ CHỨC VÀ TRÁCH NHIỆM BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

1. Hệ thống tổ chức bảo đảm an ninh hàng không

1.1. Mô tả hệ thống tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của hãng.

1.2. Tiêu chuẩn cán bộ, nhân viên an ninh hàng không của hãng.

1.3. Sơ đồ tổ chức, danh sách hệ thống tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của hãng.

2. Trách nhiệm bảo đảm an ninh hàng không

2.1. Người chịu trách nhiệm trực tiếp chuyên trách bảo đảm an ninh hàng không.

2.2. Phòng (ban) an ninh hàng không

- Trưởng phòng (ban), Phó Trưởng phòng (ban) an ninh hàng không.

- Các chuyên viên, cán sự, nhân viên thuộc phòng (ban) an ninh hàng không.

- Sơ đồ tổ chức của phòng (ban) an ninh hàng không.

2.3. Tổ bay

- Người chỉ huy tàu bay.

- Thành viên tổ bay khác.

2.4. Đại diện của hãng tại cảng hàng không.

2.5. Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

3. Công tác báo cáo, thống kê an ninh hàng không.

4. Kinh phí bảo đảm an ninh hàng không.

Chương III. CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT AN NINH PHÒNG NGỪA

1. Hệ thống thẻ kiểm soát an ninh nội bộ

1.1. Hệ thống thẻ nhận dạng tổ bay.

1.2. Hệ thống thẻ nhận dạng cấp cho cán bộ, nhân viên của hãng.

2. Bảo đảm an ninh các khu vực hạn chế do hãng quản lý, hoạt động

2.1. Các tiêu chuẩn đối với an ninh sân bay.

2.2. Các khu vực hạn chế tại sân bay.

2.3. Các khu vực hạn chế của hãng.

2.4. Giám sát an ninh khai thác của hãng tại sân bay.

3. Bảo đảm an ninh tàu bay

3.1. Quy định chung.

3.2. Kiểm soát tiếp cận, vào tàu bay.

3.3. Tuần tra, giám sát và bảo vệ tàu bay.

3.4. Niêm phong an ninh tàu bay.

3.5. Biện pháp phòng ngừa cho chuyến bay.

3.6. Kiểm tra, lục soát an ninh tàu bay.

3.7. Biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường.

3.8. Biện pháp bảo đảm an ninh đối với chuyến bay bị đe dọa.

3.9. Thiết bị an ninh hàng không trang bị trên tàu bay.

4. Bảo đảm an ninh tài liệu

4.1. Bảo đảm an ninh tài liệu của chuyến bay.

4.2. Bảo đảm an ninh tài liệu của hãng.

4.3. Bảo đảm an ninh thông tin hành khách.

4.4. Xử lý, kiểm soát tài liệu an ninh nhận từ bên ngoài.

5. Bảo đảm an ninh dịch vụ vệ sinh tàu bay

6. Bảo đảm an ninh suất ăn, đồ phục vụ trên tàu bay

6.1. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với suất ăn.

6.2. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với đồ phục vụ.

7. Bảo đảm an ninh nhiên liệu hàng không

8. Bảo đảm an ninh hành khách, hành lý xách tay

8.1. Quy định chung.

8.2. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách và hành lý xách tay.

8.3. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với túi ngoại giao, túi lãnh sự.

8.4. Vận chuyển vũ khí, đạn, công cụ hỗ trợ.

8.5. Vận chuyển đối tượng tiềm ẩn uy hiếp an ninh hàng không.

9. Bảo đảm an ninh hàng lý ký gửi

9.1. Kiểm tra an ninh hàng không đối với hành lý ký gửi.

9.2. Giám sát an ninh hàng không đối với hành lý ký gửi.

9.3. Vận chuyển hành lý ký gửi là phụ tùng, vật tư tàu bay.

9.4. Vận chuyển đồng bộ hành khách và hành lý.

9.5. Lưu giữ hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận.

10. Bảo đảm an ninh hàng hóa, bưu gửi

10.1. Kiểm tra an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi.

10.2. Giám sát an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi.

10.3. Vận chuyển hàng hóa, bưu gửi chuyển tiếp tàu bay.

10.4. Vận chuyển hàng hóa có giá trị cao.

10.5. Vận chuyển hàng hóa, bưu gửi của khách hàng quen.

10.6. Vận chuyển hàng hóa, bưu gửi của khách hàng lạ.

10.7. Lưu giữ hàng hóa thất lạc, hàng hóa không có người nhận.

11.[78] Bảo đảm an ninh chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay liên doanh, liên danh, hoạt động thuê tàu bay không có tổ bay, thuê tàu bay có tổ bay; chuyến bay hàng không chung, có điểm đỗ ngoài cảng hàng không, sân bay.

11.1. Các nguyên tắc, quy định chung, các yêu cầu cho công tác bảo đảm an ninh hàng không khi khai thác.

11.2. Triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh đối với chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay liên doanh, liên danh, hoạt động thuê tàu bay không có tổ bay, thuê tàu bay có tổ bay, chuyến bay hàng không chung.

---

[78] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 72 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

11.3. Quy trình bảo đảm an ninh canh gác, giám sát, bảo vệ tàu bay khi đang khai thác, kiểm soát tiếp cận, lên tàu bay, kiểm tra, lục soát an ninh tàu bay.

11.4. Quy trình bảo đảm an ninh hành khách, hành lý.

11.5. Quy trình canh gác, giám sát, bảo vệ tàu bay khi không khai thác, niêm phong an ninh hàng không.

12. Bảo đảm an ninh hệ công nghệ thông tin

12.1. Mục đích, nguyên tắc bảo đảm an ninh công nghệ thông tin.

12.2. Biện pháp bảo đảm an ninh công nghệ thông tin.

12.3. Trách nhiệm bảo đảm an ninh công nghệ thông tin.

12.4. Báo cáo an ninh công nghệ thông tin.

13. Kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không

13.1. Mục đích, nguyên tắc, phương châm kiểm soát an ninh nội bộ.

13.2. Đối tượng kiểm soát an ninh nội bộ.

13.3. Trách nhiệm, nội dung, biện pháp kiểm soát an ninh nội bộ.

Chương IV. CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN AN NINH HÀNG KHÔNG

1. Chính sách huấn luyện an ninh hàng không.

2. Trách nhiệm huấn luyện an ninh hàng không.

3. Bồi dưỡng nghiệp vụ lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của hãng.

4. Huấn luyện kiến thức an ninh hàng không.

5. Huấn luyện nhận thức về an ninh hàng không.

6. Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện an ninh hàng không.

Chương V. PHƯƠNG ÁN KHẨN NGUY AN NINH HÀNG KHÔNG

1. Quy định chung về phương án khẩn nguy an ninh hàng không.

2. Phương án đối phó đe dọa bom tàu bay.

3. Phương án đối phó cướp tàu bay.

4. Phương án đối phó vật, chất nghi vũ khí sinh hóa học.

5. Diễn tập khẩn nguy an ninh hàng không.

6. Trực ban an ninh hàng không.

Chương VI. ĐIỀU TRA, XỬ LÝ VỤ VIỆC VI PHẠM AN NINH HÀNG KHÔNG [79]

1. Nguyên tắc điều tra, xử lý.

2. Mục đích và yêu cầu điều tra, xử lý.

3. Quy trình điều tra, xử lý.

4. Trách nhiệm xử lý.

5. Báo cáo.

6. Giảng bình, rút kinh nghiệm.

7. Lưu trữ hồ sơ.

Chương VII. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG

1. Quy định chung về kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

2. Yêu cầu đối với hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không**.**

3. Trách nhiệm kiểm soát chất lượng an ninh hàng không**.**

4. Quy định về giám sát viên an ninh nội bộ.

5. Đánh giá, khảo sát an ninh hàng không.

6. Thử nghiệm an ninh hàng không.

7. Kiểm soát chất lượng các đơn vị cung cấp dịch vụ cho hãng.

9. Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu an ninh hàng không.

Chương VIII. QUẢN LÝ RỦI RO AN NINH HÀNG KHÔNG[80]

---

[79] Chương này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 73 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[80] Chương này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 74 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

1. Quy định chung về quản lý rủi ro.

2. Tổ chức công tác đánh giá rủi ro.

3. Báo cáo kết quả đánh giá rủi ro.

4. Sử dụng báo cáo rủi ro.

5. Lưu giữ hồ sơ quản lý rủi ro.

Chương IX. CÁC PHỤ LỤC[81]

[81] Chương này được bổ sung theo quy định tại khoản 75 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Phụ lục III

ĐỀ CƯƠNG QUY CHẾ AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÔNG LƯU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY CHẾ AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÔNG LƯU

Mục lục

Danh mục sửa đổi, bổ sung quy chế

Danh sách phân phối tài liệu

Chữ viết tắt

Chương I. Quy định chung

1.1. Mục đích, phạm vi, đối tượng áp dụng.

1.2. Căn cứ xây dựng quy chế.

1.3. Giải thích từ ngữ.

1.4. Mô tả khái quát cơ cấu tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp.

Chương II. Hệ thống tổ chức đảm bảo an ninh hàng không

2.1. Sơ đồ hệ thống tổ chức đảm bảo an ninh hàng không.

2.2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân.

2.3. Trách nhiệm phối hợp đảm bảo an ninh hàng không.

Chương III. Các biện pháp an ninh phòng ngừa

3.1. Quy định chung

3.1.1. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không.

a) Các loại thẻ, giấy phép;

b) Hồ sơ thủ tục cấp thẻ, giấy phép;

c) Quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép.

3.1.2. Kiểm soát người, phương tiện, đồ vật ra, vào khu vực hạn chế.

3.1.3. Giám sát, kiểm tra, lục soát an ninh khu vực hạn chế.

3.1.4. Kiểm soát vật phẩm nguy hiểm trong khu vực hạn chế.

3.1.5. Quản lý tài liệu an ninh hàng không.

3.1.6. Quy chế kiểm soát an ninh nội bộ.

- Kiểm tra lý lịch, nhân thân của cán bộ, nhân viên trước khi tuyển dụng;

- Kiểm soát an ninh nội bộ trong bố trí, sắp xếp, quản lý, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ;

- Kiểm soát an ninh nội bộ hàng năm; đề nghị cấp phép, năng định chuyên môn đối với nhân viên;

- Nhận xét, đánh giá.

3.1.6. Bảo đảm an ninh hệ thống thông tin chuyên ngành chống lại can thiệp bất hợp pháp vào điều hành bay.

3.1.7. Cấp độ kiểm soát an ninh hàng không tăng cường.

3.2. Các biện pháp an ninh phòng ngừa đối với từng cơ sở cụ thể

Viết cụ thể cho từng cơ sở, nơi có công trình, trang bị, thiết bị phục vụ hoạt động bay, bao gồm các nội dung sau:

3.2.1. Mô tả khái quát cơ cấu tổ chức, hoạt động của cơ sở.

3.2.2. Thiết lập các khu vực hạn chế.

3.2.3. Hàng rào, cổng, cửa, thiết bị an ninh hàng không.

a) Hàng rào bao quanh khu vực doanh nghiệp;

b) Các cổng cửa ra vào khu vực doanh nghiệp;

c) Hệ thống chiếu sáng;

d) Hệ thống ca-me-ra giám sát và hệ thống phát hiện đột nhập khác;

đ) Hệ thống biển báo, cảnh báo;

e) Sơ đồ về các hệ thống hàng rào, chiếu sáng, giám sát và cổng cửa.

3.2.4. Tuần tra, canh gác.

3.2.5. Kiểm soát khu vực công cộng (nếu có), khu vực lân cận của các công trình, thiết bị phục vụ hoạt động bay ngoài khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay.

3.2.6. Tổ chức lực lượng an ninh hàng không tại cơ sở.

- Sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ và danh sách người đứng đầu của từng bộ phận từ cấp tổ và tương đương trở lên;

- Sơ đồ bố trí lực lượng tại các điểm kiểm tra an ninh hàng không, giám sát an ninh và lực lượng tuần tra;

- Chế độ trực.

Chương IV. Trang phục, công cụ hỗ trợ của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không

Chương V. Công tác báo cáo

Chương VI. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không

6.1. Hệ thống tổ chức của bộ phận kiểm soát chất lượng.

Trách nhiệm, quyền hạn, quy định về tiêu chuẩn và việc bổ nhiệm giám sát viên nội bộ.

6.2. Nội dung các biện pháp kiểm soát chất lượng, kinh phí cho hoạt động.

- Kiểm tra;

- Đánh giá;

- Khảo sát;

- Thử nghiệm công khai, bí mật;

- Điều tra nội bộ.

6.3. Kế hoạch kiểm soát chất lượng.

Nội bộ trong hoạt động của doanh nghiệp.

6.4. Quản lý cơ sở dữ liệu về an ninh hàng không, quản lý rủi ro về an ninh hàng không.

6.5. Hồ sơ lưu trữ.

Chương VII. Tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện an ninh, diễn tập chống can thiệp bất hợp pháp

7.1. Tuyển dụng.

7.2. Đào tạo ban đầu.

a) Trách nhiệm;

b) Đối tượng;

c) Cơ sở đào tạo.

7.3. Chương trình thực tập cho nhân viên mới tuyển dụng.

7.4. Đào tạo, huấn luyện định kỳ.

a) Trách nhiệm về đào tạo, huấn luyện định kỳ;

b) Đối tượng đào tạo, huấn luyện định kỳ;

c) Cơ sở đảm bảo cho công tác đào tạo, huấn luyện định kỳ.

- Giảng viên;

- Tài liệu;

- Phòng học, trang thiết bị.

7.5. Các khóa đào tạo, huấn luyện, tập huấn khác.

7.6. Diễn tập.

Chương VIII. Phương án khẩn nguy (kế hoạch khẩn nguy cơ sở)

8.1. Quy định chung.

a) Phương châm chỉ đạo;

b) Phân loại tình huống khẩn nguy;

c) Hệ thống chỉ huy;

d) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trực thuộc;

đ) Lực lượng tham gia phương án;

e) Trách nhiệm phối hợp;

g) Cơ chế thông tin, báo cáo, chế độ trực khẩn nguy;

h) Phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ phương án khẩn nguy;

i) Kinh phí;

k) Đào tạo, huấn luyện.

8.2. Phương án điều hành tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp.

CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục IV

ĐỀ CƯƠNG QUY CHẾ AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mục lục

Danh mục sửa đổi, bổ sung quy chế

Danh sách phân phối tài liệu

Chữ viết tắt

Chương I. Phần quy định chung

1.1. Mục đích, phạm vi, đối tượng áp dụng.

1.2. Căn cứ xây dựng quy chế.

1.3. Giải thích từ ngữ.

Chương II. Thông tin chung về doanh nghiệp

2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, liên hệ.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ.

2.2.1. Chức năng.

2.2.2. Nhiệm vụ.

2.2.3. Nhiệm vụ phối hợp bảo đảm an ninh hàng không.

2.3. Cơ cấu tổ chức.

2.3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức chung.

2.3.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức tại từng cảng hàng không.

2.4. Trách nhiệm, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trực thuộc.

Chương III. Các quy trình, thủ tục, biện pháp kiểm tra, giám sát an ninh hàng không

(Chia theo địa bàn: khu vực công cộng, danh giới, khu vực công cộng và khu vực hạn chế, trong khu vực hạn chế).

3.1. Khu vực hạn chế.

3.2. Kiểm tra an ninh hành khách, hành lý xách tay.

3.2.1. Quy trình chung.

3.2.2. Kiểm tra giấy tờ, thẻ đi tàu bay.

3.2.3. Hướng dẫn hành khách.

3.2.4. Kiểm tra, soi chiếu tia X.

3.2.5. Kiểm tra bằng cổng từ, thiết bị soi chiếu cơ thể người, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay.

3.2.6. Kiểm tra bằng máy ngửi, thiết bị phát hiện vi vết chất nổ.

3.2.7. Kiểm tra trực quan.

3.2.8. Lục soát.

3.2.9. Hành khách, hành lý xách tay quá cảnh, nối chuyến.

3.2.10. Xử lý khi có vụ việc vi phạm, hành khách từ chối hoàn thành thủ tục kiểm tra an ninh.

3.2.11. Kíp trưởng.

3.3. Kiểm tra an ninh hành lý ký gửi.

3.3.1. Kiểm tra bằng máy soi chiếu tia X.

3.3.2. Kiểm tra bằng máy ngửi, thiết bị phát hiện vi vết chất nổ.

3.3.3. Kiểm tra trực quan.

3.3.4. Hành lý ký gửi quá cảnh, nối chuyến.

3.3.5. Xử lý khi có vụ việc vi phạm, hành khách từ chối hoàn thành thủ tục kiểm tra an ninh.

3.3.6. Kíp trưởng.

3.4. Kiểm tra an ninh hàng hóa, bưu gửi.

3.4.1. Kiểm tra đối chiếu giấy tờ.

3.4.2. Kiểm tra bằng máy soi chiếu tia X.

3.4.3. Kiểm tra bằng máy ngửi, thiết bị phát hiện vi vết chất nổ.

3.4.4. Kiểm tra trực quan.

3.4.5. Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, nối chuyến.

3.4.6. Hàng hóa, bưu gửi kiểm tra an ninh ngoài cảng hàng không, sân bay.

3.4.7. Xử lý khi có vụ việc vi phạm, hành khách từ chối hoàn thành thủ tục kiểm tra an ninh.

3.4.8. Kíp trưởng.

3.5. Kiểm tra an ninh phương tiện, người, đồ vật trên phương tiện.

3.5.1. Kiểm tra giấy phép, giấy tờ cần thiết khác (nếu có).

3.5.2. Kiểm tra trực quan.

3.5.3. Kiểm tra bằng thiết bị.

3.5.4. Xử lý khi có vụ việc vi phạm, hành khách từ chối hoàn thành thủ tục kiểm tra an ninh.

3.5.5. Kíp trưởng.

3.6. Kiểm tra an ninh suất ăn, xăng dầu, đồ vật phục vụ trên tàu bay.

3.7. Kiểm tra an ninh người, đồ vật mang theo người đối với nhân viên nội bộ.

3.7.1. Kiểm tra thẻ, giấy tờ cần thiết khác (nếu có).

3.7.2. Kiểm tra bằng máy soi chiếu tia X.

3.7.3. Kiểm tra bằng cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, thiết bị soi chiếu cơ thể người.

3.7.4. Kiểm tra bằng thiết bị phát hiện chất nổ.

3.7.5. Kiểm tra trực quan.

3.7.6. Lục soát an ninh hàng không.

3.7.7. Xử lý khi có vụ việc vi phạm, nhân viên từ chối hoàn thành thủ tục kiểm tra an ninh.

3.7.8. Kíp trưởng.

3.8. Kiểm tra an ninh chuyên cơ, ưu tiên (phục vụ các đoàn khách quốc tế, có sự chủ trì của Bộ Tư lệnh Cảnh vệ).

3.9. Các trường hợp đặc biệt.

3.9.1. Túi thư ngoại giao.

3.9.2. Hành khách tàn tật, đau ốm.

3.9.3. Hài cốt, tro cốt, xương cốt.

3.9.4. Động vật, hàng tươi sống.

3.9.5. Mang vũ khí lên tàu bay.

3.10. Giám sát an ninh hàng không.

3.10.1. Sử dụng ca-me-ra giám sát an ninh hàng không.

3.10.2. Trực tiếp giám sát an ninh hàng không.

3.11. Tuần tra.

3.12. Điểm kiểm tra an ninh hàng không.

3.13. Điểm kiểm soát an ninh hàng không.

3.14. Bảo vệ mục tiêu trọng điểm.

Chương IV. Các quy trình, thủ tục, biện pháp xử lý khi có tình huống, vụ việc an ninh hàng không

Chương V. Tăng cường bảo đảm an ninh hàng không

Chương VI. Phương án thực hiện kế hoạch khẩn nguy cảng hàng không, đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp

(Nguyên tắc chung, bảo đảm tuân thủ kế hoạch khẩn nguy cảng hàng không).

Chương VII. Trách nhiệm bảo vệ an ninh thông tin chuyên ngành

Chương VIII. Công tác chỉ huy, điều hành bảo đảm an ninh hàng không

8.1. Mối quan hệ thực hiện nhiệm vụ (cấp trên, cấp dưới, quan hệ phối hợp)

8.2. Chỉ huy, điều hành thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

8.2.1. Trực điều hành

8.2.2. Trực ban

8.3. Công tác báo cáo

8.4. Chế độ hội họp, giao ban chuyên môn

Chương IX. Kiểm soát an ninh nội bộ

(Thực hiện Mục 8, Chương II, Thông tư này).

Chương X. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không nội bộ

Chương XI. Quản lý rủi ro an ninh hàng không

Chương XII. Đào tạo, huấn luyện

Chương XIII. Quản lý, bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang bị, thiết bị, công cụ bảo đảm an ninh hàng không

Các Phụ lục.

Phụ lục V

ĐỀ CƯƠNG QUY CHẾ AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY; DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT, SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG TÀU BAY, THIẾT BỊ TÀU BAY; DOANH NGHIỆP XỬ LÝ HÀNG HÓA, BƯU GỬI ĐỂ ĐƯA LÊN TÀU BAY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY CHẾ AN NINH HÀNG KHÔNG
CỦA... (tên đơn vị xây dựng quy chế)

Mục lục

Danh mục sửa đổi, bổ sung quy chế

Danh sách phân phối tài liệu

Chữ viết tắt

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt.

3.1. Trong quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

3.2. Các từ ngữ viết tắt.

4. Cơ sở pháp lý và tài liệu viện dẫn:

Nêu thứ tự từ Luật - Nghị định - Thông tư - Tài liệu viện dẫn.

CHƯƠNG II. PHÂN PHỐI, KIỂM SOÁT, QUẢN LÝ VÀ SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT QUY CHẾ

1. Phân phối quy chế.

2. Quản lý và kiểm soát quy chế.

3. Sửa đổi, cập nhật quy chế.

4. Hủy quy chế.

5. Danh mục các trang có hiệu lực.

6. Thông tin tóm tắt về lần sửa đổi sau cùng.

7. Danh mục các lần sửa đổi.

CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, TRÁCH NHIỆM ĐẢM BẢO AN NINH HÀNG KHÔNG

1. Giới thiệu chung về hoạt động của công ty.

1.1. Giới thiệu chung về công ty.

1.2. Giới thiệu về các hoạt động của công ty.

2. Hệ thống tổ chức đảm bảo an ninh hàng không.

3. Trách nhiệm đảm bảo an ninh hàng không.

(Trong phần này nêu rõ trách nhiệm của các tổ chức cá nhân có liên quan đến công tác đảm bảo an ninh hàng không tại công ty).

4. Chế độ báo cáo công tác đảm bảo an ninh.

4.1. Báo cáo đột xuất.

4.2. Báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý;

b) Báo cáo định kỳ 06 tháng, năm.

5. Kinh phí công tác đảm bảo an ninh.

6. Phạm vi quản lý và khu vực hạn chế của công ty.

6.1. Phạm vi quản lý;

6.2. Khu vực hạn chế và cách ly;

6.3. Sơ đồ khu vực hạn chế, cách ly.

CHƯƠNG IV. RANH GIỚI KHU VỰC HẠN CHẾ CỦA CÔNG TY VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO AN NINH

A. ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP XỬ LÝ HÀNG HÓA, BƯU GỬI ĐỂ ĐƯA LÊN TÀU BAY

1. Phạm vi quản lý và khu vực hạn chế, cách ly của doanh nghiệp.

2. Hệ thống cổng, hàng rào an ninh, thiết bị bảo vệ và công cụ hỗ trợ.

2.1. Hệ thống hàng rào quanh khu vực doanh nghiệp;

2.2. Cổng, cửa ra, vào khu vực công cộng và khu vực hạn chế doanh nghiệp;

2.3. Hệ thống chiếu sáng;

2.4. Hệ thống ca-me-ra giám sát và hệ thống phát hiện đột nhập;

2.5. Hệ thống biển báo, biển cảnh báo tại khu vực hạn chế, khu vực cách ly;

2.6. Hệ thống thông tin liên lạc;

2.7. Công cụ hỗ trợ;

2.8. Sơ đồ về các hàng rào, chiếu sáng, giám sát và cổng, cửa.

3.[82] Tổ chức lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh hàng không và công tác tuần tra, canh gác tại doanh nghiệp..

4. Quy định chung về việc ra, vào, hoạt động tại khu vực hạn chế, cách ly hàng hóa.

5. Kiểm soát ra, vào đối với người, phương tiện tại cổng doanh nghiệp.

6. Kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa, bưu gửi.

7. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển.

8. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi nhập khẩu.

9. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hàng hóa là hàng đặc biệt.

10. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hàng hóa là túi ngoại giao, túi lãnh sự.

11. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hàng hóa là vũ khí, đạn dược do cơ quan có thẩm quyền cấp.

12. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với thi thể, hài cốt.

---

[82] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 76 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

13. Tái kiểm tra an ninh hàng không.

14. Quản lý vật phẩm nguy hiểm, trang thiết bị trong khu vực hạn chế, khu vực cách ly.

15. Xử lý các trường hợp vi phạm.

16. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác bảo đảm an ninh.

B. ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT, BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA TÀU BAY, THIẾT BỊ TÀU BAY

1. Phạm vi quản lý và khu vực hạn chế của doanh nghiệp.

2. Hệ thống cổng, hàng rào an ninh, thiết bị bảo vệ và công cụ hỗ trợ

2.1. Hệ thống hàng rào quanh khu vực doanh nghiệp;

2.2. Cổng, cửa ra, vào khu vực công cộng và khu vực hạn chế doanh nghiệp;

2.3. Hệ thống chiếu sáng;

2.4. Hệ thống ca-me-ra giám sát và hệ thống phát hiện đột nhập;

2.5. Hệ thống biển báo, biển cảnh báo tại khu vực hạn chế, khu vực cách ly;

2.6. Hệ thống thông tin liên lạc;

2.7. Công cụ hỗ trợ;

2.8. Sơ đồ về các hàng rào, chiếu sáng, giám sát và cổng, cửa.

3.[83] Tổ chức lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh hàng không và công tác tuần tra, canh gác tại doanh nghiệp.

4. Kiểm soát ra, vào và công tác đảm bảo an ninh hàng không tại khu vực hạn chế.

5. Kiểm soát ra, vào và công tác đảm bảo an ninh hàng không tại khu vực bảo dưỡng tàu bay.

6. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với vật tư, thiết bị, phụ tùng tàu bay.

7. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không khi thực hiện công tác bảo dưỡng ngoại trường.

---

[83] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 76 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

8. Kiểm tra, giám sát đối với tàu bay.

9. Quản lý vật phẩm nguy hiểm trong khu vực hạn chế.

10. Xử lý các trường hợp vi phạm.

11. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác bảo đảm an ninh.

C. ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CUNG ỨNG SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG

1. Phạm vi quản lý và khu vực hạn chế, cách ly của doanh nghiệp.

2. Hệ thống cổng, hàng rào an ninh, thiết bị bảo vệ và công cụ hỗ trợ:

2.1. Hệ thống hàng rào quanh khu vực doanh nghiệp;

2.2. Cổng, cửa ra, vào khu vực công cộng và khu vực hạn chế doanh nghiệp;

2.3. Hệ thống chiếu sáng;

2.4. Hệ thống ca-me-ra giám sát và hệ thống phát hiện đột nhập;

2.5. Hệ thống biển báo, biển cảnh báo tại khu vực hạn chế, khu vực cách ly;

2.6. Hệ thống thông tin liên lạc;

2.7. Công cụ hỗ trợ;

2.8. Sơ đồ về các hàng rào, chiếu sáng, giám sát và cổng, cửa.

3.[84] Tổ chức lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh hàng không và công tác tuần tra, canh gác tại doanh nghiệp.

4. Kiểm tra, giám sát đối với người, phương tiện ra, vào doanh nghiệp, hoạt động trong khu vực hạn chế.

5. Kiểm tra, giám sát đối với người, phương tiện ra, vào và hoạt động tại khu vực sản xuất, chế biến suất ăn.

6. Kiểm tra, giám sát đối với nguyên liệu đầu vào.

7. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không trong quá trình sản xuất.

---

[84] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 76 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021

8. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với suất ăn, thực phẩm, nguyên liệu trong quá trình lưu kho.

9. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không tại khu vực chất xếp lên xe suất ăn.

10. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không trong quá trình vận chuyển và cung ứng suất ăn lên tàu bay.

11. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với đồ vật thu hồi sau chuyến bay.

12. Quản lý vật phẩm nguy hiểm, trang thiết bị trong khu vực hạn chế.

13. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với suất ăn phục vụ chuyến bay chuyên cơ.

14. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với đồ vật phục vụ trên tàu bay (nếu có).

15. Xử lý các trường hợp vi phạm.

16. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác bảo đảm an ninh.

D. ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CUNG CẤP NHIÊN LIỆU HÀNG KHÔNG

1. Phạm vi quản lý và các khu vực hạn chế của doanh nghiệp.

2. Hệ thống cổng, hàng rào an ninh, thiết bị bảo vệ và công cụ hỗ trợ tại các kho nhiên liệu bay, kho sân bay:

2.1. Hệ thống hàng rào quanh khu vực doanh nghiệp;

2.2. Cổng, cửa ra, vào khu vực công cộng và khu vực hạn chế doanh nghiệp;

2.3. Hệ thống chiếu sáng;

2.4. Hệ thống ca-me-ra giám sát và hệ thống phát hiện đột nhập;

2.5. Hệ thống biển báo, biển cảnh báo tại khu vực hạn chế, khu vực cách ly;

2.6. Hệ thống thông tin liên lạc;

2.7. Công cụ hỗ trợ;

2.8. Sơ đồ về các hàng rào, chiếu sáng, giám sát và cổng, cửa.

3.[85] Tổ chức lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh hàng không và công tác tuần tra, canh gác tại doanh nghiệp.

4. Quy định chung về việc ra, vào, hoạt động tại khu vực hạn chế.

5. Kiểm tra, giám sát đối với người, phương tiện ra, vào hoạt động tại khu vực hạn chế tại các kho nhiên liệu bay, kho sân bay.

6. Kiểm tra, giám sát an ninh trong kho nhiên liệu, kho sân bay.

7. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, phương tiện vận chuyển xăng dầu tại khu vực công cộng.

8. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không trong quá trình nhập xăng dầu hàng không.

9. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không trong quá trình xuất xăng dầu hàng không.

10. Bảo đảm an ninh đối với xe tra nạp trên đường đi làm nhiệm vụ tra nạp cho tàu bay.

11. Kiểm tra, giám sát an ninh tại nơi tra nạp cho tàu bay.

12. Quản lý vật phẩm nguy hiểm, trang thiết bị an ninh trong khu vực hạn chế.

13. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với xăng dầu hàng không phục vụ chuyến bay chuyên cơ.

14. Xử lý các trường hợp vi phạm.

15. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác bảo đảm an ninh.

Đ. ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP PHỤC VỤ MẶT ĐẤT

1. Phạm vi hoạt động trong khu vực hạn chế, cách ly của doanh nghiệp.

2. Hệ thống thiết bị an ninh hàng không.

2.1. Hệ thống thông tin liên lạc;

2.2. Hệ thống ca-me-ra giám sát;

---

[85] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 76 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

2.3. Sơ đồ lắp đặt hệ thống ca-me-ra giám sát.

3. Quy định về việc ra, vào, hoạt động tại khu vực hạn chế.

4. Quy định về việc mang vật phẩm nguy hiểm ra, vào khu vực hạn chế.

5. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành khách và hành lý xách tay xuất phát.

6. Hành khách gây rối, có khả năng gây rối, hành khách bị mất khả năng làm chủ hành vi.

6.1. Quy trình xử lý đối với hành khách gây rối.

6.2. Quy trình xử lý đối với hành khách mất khả năng làm chủ hành vi.

7. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách là bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã.

8. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách bị từ chối nhập cảnh.

9. Quy định về chất lỏng theo người và hành lý xách tay lên tàu bay.

10. Kiểm tra an ninh hàng không đối với vũ khí, đạn dược, công cụ hỗ trợ.

11. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành khách và hành lý xách tay quá cảnh, nối chuyến, tạm dừng nội địa.

12. Quy định làm thủ tục đối với hành khách theo nhóm.

13. Kiểm tra an ninh hàng không đối với hành lý ký gửi.

14. Giám sát an ninh đối với hành lý ký gửi.

15. Vận chuyển đồng bộ hành khách và hành lý.

16. Xử lý đối với hành lý, đồ vật có nghi vấn, hành lý, đồ vật vô chủ.

17. Những đồ vật cấm để trong hành lý ký gửi.

18. Hành lý ký gửi không đi cùng với khách (bị thất lạc hoặc chuyển nhầm địa chỉ).

19. Xử lý hành lý ký gửi khi hành khách không lên tàu bay.

20. Kiểm soát hàng hóa.

21. Tiếp nhận, bàn giao và sử dụng hòm an ninh trên tàu bay (nếu có).

22. Kiểm soát thông tin và tài liệu chuyến bay.

23. Kiểm soát an ninh đối với người lên tàu bay làm nhiệm vụ.

24. Kiểm soát an ninh phương tiện hoạt động trên sân đỗ.

25. Kiểm soát vật tư, đồ dùng đưa lên tàu bay.

26. Kiểm soát an ninh thông tin đối với hệ thống làm thủ tục và các loại thẻ phụ trợ.

27. Quy định về công tác phối hợp phục vụ chuyến bay chuyên cơ.

28. Xử lý các trường hợp vi phạm.

29. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác bảo đảm an ninh.

E. ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KHÁC

Căn cứ vào hoạt động của từng doanh nghiệp để xây dựng các biện pháp đảm bảo an ninh hàng không cho phù hợp.

CHƯƠNG V. HỆ THỐNG THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH VÀ NIÊM PHONG AN NINH NỘI BỘ

1. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ.

2. Cấp, phát, thu hồi, cấp lại, đổi thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ.

3. Hồ sơ thủ tục cấp, đổi thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ.

4. Quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép cảng hàng không, sân bay; thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ.

5. Niêm phong an ninh.

CHƯƠNG VI. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH NỘI BỘ

1. Quy định chung về kiểm soát chất lượng an ninh nội bộ.

2. Trách nhiệm kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra và đánh giá an ninh nội bộ.

3. Quy định về giám sát viên an ninh nội bộ.

4. Kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh nội bộ.

5. Phạm vi và đối tượng kiểm tra, đánh giá.

6. Phương pháp tiến hành kiểm tra, đánh giá.

7. Quy trình kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra và đánh giá.

8. Biện pháp khắc phục sơ hở, thiếu sót phát hiện qua hoạt động kiểm soát chất lượng.

9. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra, đánh giá.

CHƯƠNG VII. CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN AN NINH HÀNG KHÔNG

1. Mục tiêu huấn luyện.

2. Đối tượng huấn luyện.

3. Tổ chức huấn luyện.

3.1. Huấn luyện ban đầu;

3.2. Huấn luyện định kỳ.

4. Nội dung và chương trình huấn luyện.

5. Hồ sơ liên quan đến công tác huấn luyện an ninh hàng không.

CHƯƠNG VIII. BẢO VỆ HỆ THỐNG THÔNG TIN CHUYÊN NGÀNH

1. Danh mục hệ thống thông tin chuyên ngành.

2. Các biện pháp bảo vệ chống lại sự can thiệp trái phép.

CHƯƠNG IX. PHƯƠNG ÁN ĐỐI PHÓ KHẨN NGUY, SỰ CỐ

1. Nguyên tắc chung.

2. Đe dọa bom, mìn.

2.1. Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin;

2.2. Quy trình xử lý;

2.3. Lục soát và truy tìm bom, mìn.

3. Phát hiện vật đáng ngờ.

3.1. Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin;

3.2. Quy trình xử lý.

4. Quy trình xử lý khi phát hiện cháy.

5. Xâm nhập vào khu vực hạn chế và khu vực cách ly trái phép.

6. Hệ thống kiểm soát ra, vào bị hỏng.

7. Hệ thống điện bị hỏng.

8. Quy trình, phương án xử lý hệ thống ca-me-ra phát hiện đột nhập bị hỏng.

9. Quy trình và phương án xử lý hệ thống thông tin liên lạc bị hỏng.

10. Biểu tình, gây rối trật tự, hủy hoại tài sản.

11. Cấp độ tăng cường đảm bảo an ninh hàng không.

CHƯƠNG X. KIỂM SOÁT AN NINH NỘI BỘ

1. Kiểm soát an ninh nội bộ.

2. Quy trình kiểm soát an ninh nội bộ.

3. Kiểm tra, xác minh lý lịch, nhân thân của cán bộ và nhân viên trước khi tuyển dụng.

4. Tuyển dụng.

5. Đánh giá.

6. Bố trí, sắp xếp.

7. Quản lý.

8. Sàng lọc.

CHƯƠNG XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện.

2. Khen thưởng, kỷ luật.

3. Hiệu lực thi hành.

PHỤ LỤC VÀ CÁC BIỂU MẪU

Phụ lục VI

MẪU CÔNG VĂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

Số (Number):...../..... ... (location), ngày (date)... tháng (month)... năm (year)...
V/v (Subject):.....

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không)....., (tên cơ quan/đơn vị đề nghị)..... giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: [(1)].....

Details of issue and subject and its justification.

[(1)] Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit and writing by rule.

2. Nội dung đề nghị:.....

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:
(Recipients)
- Như trên;
(As above)
- ...;
- Lưu...
(Save)

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached.

Phụ lục VII

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN

Kính gửi:.....

Số TT	*Họ và tên*	*Chức danh*	*Đơn vị*	*Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu*	*Số thẻ đã cấp (nếu có)*	*Thời hạn cấp*	*Khu vực được cấp*						*Ghi chú*

Ghi chú: nếu danh sách có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ[86]

(Ký tên, đóng dấu)

[86] Phần này được bổ sung theo quy định tại khoản 77 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Phụ lục VIII

MẪU TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

Ảnh màu Color photo 04 cm x 06 cm (dấu giáp lai đóng kèm) (the joint-page-seal attached)

..., ngày... tháng... năm...

..., date... month... year...

Kính gửi:.....

To:.....

TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH

CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN

(APPLICATION FOR AIRPORT SECURITY CONTROL BADGE WITH LONG-TERM USE)

Số:.....[1]

No:.....

1. Họ và tên *(Full Name)*:..... 2. Giới tính *(Gender)*:.....

3. Ngày, tháng, năm sinh *(Date of birth)*:.../.../... 4. Dân tộc *(Ethnic group)*:.....

5. Quê quán *(Hometown)*:..... 6. Tôn giáo *(Religion)*:.....

7. Quốc tịch *(Nationality)*:.....

8. Chức vụ *(Position)*:..... 9. Điện thoại liên lạc *(Tel)*:.....

10. Chỗ ở hiện nay *(Present address)*:.....

11. Số Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân *(National ID card)*/Hộ chiếu *(Passport No)*:.....

12. Ngày cấp *(Date of issue)*:..... Nơi cấp *(Place of issue)*:.....

13. Tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị hiện đang công tác *(Working place)*:.....

14. Thời hạn làm việc *(Length of work)*:

14.1. Biên chế nhà nước *(Permanent)* ☐

14.2. Hợp đồng không xác định thời hạn *(Undefined-term contract)* ☐

14.3. Hợp đồng xác định thời hạn *(Definite-term contract)* ☐

Thời hạn từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

Contract from date... month... year... to date... month... year...

14.4. Hợp đồng mùa vụ, công việc *(Seasonal Contract)* ☐

Thời hạn từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

Contract from date... month... year... to date... month... year...

15. Đặc điểm nhận dạng *(Identity)*:.....

(Kê khai theo đặc điểm nhận dạng của giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân) (*provide identity characteristics based on the national ID cards*)

16. Tóm tắt lịch sử bản thân 5 năm trở lại đây (*Brief personal background for the last five years*):

Thời gian *(Time)*	Đơn vị công tác *(Working place)*	Chức vụ, công việc *(Positions and duties)*

17. Kỷ luật *(Discipline)*:.....

18. Tiền án, tiền sự *(Previous convictions)*:.....

19. Số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay đã cấp (nếu có)/*Security permit number (if any)*:.....

20. Mô tả nhiệm vụ tại khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay *(Description of activities and duties at the airport/aerodrome restricted areas)*:.....

20.1. Mức độ công việc tại khu vực hạn chế (*Levels of activities in restricted areas*):

- Thường xuyên *(Regular)* ☐
- Không thường xuyên *(Irregular)* ☐

20.2. Công việc làm trong khu vực hạn chế (*Activities in restricted areas*)

Phục vụ hành khách, hành lý, hàng hóa *(Passenger, baggage and cargo handling)*	☐
Sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh tàu bay *(Aircraft maintenance, repair and cleaning)*	☐
Cung ứng suất ăn, nhiên liệu... cho tàu bay *(Aircraft catering, refueling...)*	☐
Tuần tra, canh gác, kiểm soát an ninh tại nhà ga, sân bay *(Aviation security patrol, guard and control at the terminal/airport)*	☐
Kiểm tra, giám sát an ninh, an toàn, khai thác tại nhà ga, sân bay (*Security, safety and operation inspection, monitoring and supervision at the terminal/airport*)	☐
Bảo dưỡng trang thiết bị của nhà ga, sân bay *(Airport/terminal equipment maintenance)*	☐
Kinh doanh, phục vụ trong nhà ga *(Providing business and services at the terminal)*	☐
Làm các công việc khác phục vụ chuyến bay *(Providing other services for flights)*	☐
Phục vụ chuyên cơ *(VVIP flights)*	☐
Làm thủ tục visa cho khách du lịch	☐

(Assisting visa for tourists)	
Đón, tiễn khách của cơ quan, đơn vị *(Welcoming and seeing off company's visitors)*	☐
Công tác nghiệp vụ của công an, quân đội, hải quan *(Performing duties of the police, army and customs)*	☐
Công tác nghiệp vụ của cơ quan chức năng khác *(Professional tasks of competent authorities)*	☐
Sửa chữa, xây dựng công trình trong nhà ga *(Terminal facilities construction and repair)*	☐
Sửa chữa, xây dựng công trình trong sân bay *(Airport facilities construction and repair)*	☐
Công việc khác (*Other activities*)	☐

20.3. Mô tả chi tiết công việc đã đánh dấu tại mục 20.2 trên *(Detailed description of the activities selected at sub-paragraph 20.2 above)*:.....

.....

20.4. Đề nghị được cấp vào khu vực nào (*Which area(s) do you apply for?*):

Khu vực từ điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách đến cửa làm thủ tục lên tàu bay (khu vực cách ly) (*Area from the passenger security check point to the boarding gate (sterile area*)	☐
Khu vực sân đỗ tàu bay (*Aircraft parking area*)	☐
Khu vực đường hạ cất cánh, đường lăn (*Runways and taxiways*)	☐
Khu vực phân loại, chất xếp hành lý ký gửi đưa lên tàu bay (*Baggage sorting and loading area*)	☐

Khu vực quá cảnh, nối chuyến (*Transit/transfer area*)	☐
Khu vực phân loại, chất xếp hàng hóa bưu gửi đưa lên tàu bay (*Cargo and mail sorting and loading area*)	☐
Khu vực nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ (*VVIP Flight Lounges*)	☐
Khu vực nhận hành lý ký gửi tại ga đến (*Baggage reclaim area at Arrival Terminal*)	☐
Khu vực làm thủ tục cho hành khách đi tàu bay (*Passenger check-in area*)	☐
Khu vực tiếp nhận, lưu giữ hàng hóa, bưu gửi (*Cargo and mail accepting and holding area*)	☐
Trạm cấp điện, nước của cảng hàng không, sân bay (*Airport/aerodrome water and electricity supply area*)	☐
Các khu vực khác (*Other areas*)	☐

20.5. Đề nghị cấp thẻ vào những cảng hàng không nào *Which airports do you apply for? (Specify the name of each airport)*:

Nội Bài	☐	Điện Biên	☐	Cát Bi	☐	Thọ Xuân	☐
Vinh	☐	Đồng Hới	☐	Đà Nẵng	☐	Phú Bài	☐
Chu Lai	☐	Pleiku	☐	Phù Cát	☐	Tuy Hòa	☐
Cam Ranh	☐	Buôn Ma Thuột	☐	Liên Khương	☐	Côn Sơn	☐
Cần Thơ	☐	Rạch Giá	☐	Cà Mau	☐	Phú Quốc	☐
Tân Sơn Nhất	☐					Vân Đồn	☐

21. Cam kết của người đề nghị cấp thẻ (*Applicant's declaration*):

21.1. Những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý. *(I hereby declare that the above statements are true; otherwise, I would take full responsibility and bear all forms of punishment).*

21.2. Tôi đã đọc và hiểu rõ các quy định về sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không. Khi được cấp thẻ, tôi cam kết tuân thủ các quy định và chịu những hình thức xử phạt nếu vi phạm *(I have read and understood the regulations on the use of aviation security control badge. When granted the badge, I am committed to complying with the provisions and subject to sanctions for violations).*

Người khai ký và ghi rõ họ tên
(Signature and full name of applicant)

22. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị người xin cấp thẻ. *(Certified by the Head of the Applicant's Organization/Unit).*

22.1. Tôi xác nhận Ông, bà:..... là người của cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ đúng như mô tả tại mục 20. *(I hereby certify that Mr./Mrs..... is our employee who is assigned with the duties as described at paragraph 20 above).*

22.2. Tôi xác nhận đơn vị đã kiểm tra án tích tại cơ quan tư pháp, ông (bà)..... không có án tích (Phiếu lý lịch tư pháp số... ngày... tháng... năm... do Sở Tư pháp... cấp); các mục từ 01 đến 21 khai là đúng sự thật. *(I confirm that the Applicant's criminal record has been verified at the Justice Agency and that Mr/Mrs..... has no previous convictions or offences (Criminal Record No.... dated..... issued by the Justice Department); Statements in paragraphs from 01 to 21 are true and correct.*

22.3. Tôi xác nhận tất cả các nội dung trong bản khai này của ông (bà)..... là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu xử phạt theo quy định *(I certify that all information provided in this application are true and correct, otherwise I would take full responsibility.)*

Ngày... tháng... năm...
(MM/DD/YY)
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(HEAD OF ORGANIZATION/UNIT)
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú/(Note)[87]:

- Bản khai phải ghi đầy đủ tất cả các nội dung được yêu cầu trong 22 mục; nếu ghi không đầy đủ sẽ là Bản khai không hợp lệ và không được xem xét để cấp thẻ (All fields in paragraph 22 must be filled, otherwise the application will be rejected).

- Mục 22.2 chỉ áp dụng đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 14 của Thông tư này khi đề nghị cấp mới hoặc khi đề nghị cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác cơ quan, đơn vị.

(Only subjects specified at the points a, b and c in clause 1, Article 14 of this Circular subjected to provisions at Session 22.2 for the new issuance of airport security permits).

- Đối với tờ khai đề nghị người khai thác cảng hàng không, sân bay cấp thẻ, người xác nhận chỉ đóng dấu nếu có dấu.

(For the personal form request the airport permit issued by the airport operator, the stamp is subjected to availability of the office's seal).

- Đóng dấu giáp lai các trang của Tờ khai.

[87] Phần Ghi chú này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 78 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Phụ lục IX

MẪU DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN/NGẮN HẠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

ĐƠN VỊ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**[88]

Số:..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm 20...

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN

(Kèm theo công văn số...../..... ngày..... tháng..... năm..... của (tên cơ quan/đơn vị đề nghị).....)

Số TT	Tên phương tiện	Biển kiểm soát(1)/ Biển số của phương tiện(2)	Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường giao thông(1)	Thời hạn cấp	Khu vực đề nghị	Cổng vào	Cổng ra
1							
2							
...							

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với phương tiện có tham gia giao thông ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.

(2) Đối với phương tiện chuyên dùng hoạt động trong khu bay.

Yêu cầu: nộp kèm bản sao các tài liệu đã khai. Nếu danh sách phương tiện có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

---

[88] Mẫu Danh sách này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 79 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Phụ lục X

MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG NGẮN HẠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG NGẮN HẠN

(Kèm theo công văn số...../..... ngày..... tháng..... năm..... của (tên cơ quan/đơn vị đề nghị).....)

STT	Họ và tên	Nam/ Nữ	Số chứng minh nhân dân/Hộ chiếu	Chức vụ	Khu vực hạn chế hoạt động	Hạn sử dụng của thẻ kiểm soát an ninh	Ghi chú
1							
2							
3							
.....							
.....							
....							
.....							
TỔNG CỘNG							

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Nếu danh sách có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Phụ lục XI

THÔNG BÁO MẤT THẺ, GIẤY PHÉP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(Đơn vị cấp thẻ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /
V/v: thông báo mất thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

Kính gửi: - (Ghi tên các đơn vị nhận)

(Đơn vị cấp thẻ) thông báo thẻ/giấy phép kiểm soát an ninh do (đơn vị cấp thẻ) đã cấp, bị mất như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Số thẻ/Giấy phép Kiểm soát an ninh đã bị mất	Số thẻ, giấy phép Kiểm soát an ninh cấp lại/ngày tháng năm cấp

(Đơn vị cấp thẻ) yêu cầu:

1. Lực lượng an ninh hàng không của các cảng hàng không trong quá trình kiểm tra, kiểm soát chú ý phát hiện và ngăn chặn kịp thời việc sử dụng thẻ, giấy phép đã mất để vào khu vực hạn chế tại các cảng hàng không.

2. Khi phát hiện, thu hồi thẻ, giấy phép thông báo cho (đơn vị cấp thẻ) theo số điện thoại... và xử lý người vi phạm theo quy định hiện hành./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

(Xem tiếp Công báo số 315 + 316)

VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 02.03.2021 16:15:12 +07:00

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGTVT ngày 04 tháng 02 năm 2021 hợp nhất Thông tư quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 313 + 314)

Phụ lục XII

CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI HÀNG RÀO, CỔNG, CỬA, RÀO CHẮN, HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG, CA-ME-RA GIÁM SÁT, BỐT GÁC, ĐƯỜNG TUẦN TRA TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY, CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Yêu cầu chung về hàng rào an ninh hàng không

1.1. Hàng rào an ninh hàng không (sau đây gọi tắt là hàng rào) phải được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể của cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ đảm bảo hoạt động bay và các công trình hàng không khác.

1.2. Hàng rào phải bảo đảm các yêu cầu chung sau đây:

a) Khó leo trèo; không dễ bị uốn cong, bẻ gãy, ngăn chặn được người, gia súc xâm nhập qua hàng rào; không làm nhiễu loạn tín hiệu điều hành bay của các đài, trạm phục vụ hoạt động bay tại cảng hàng không, sân bay;

b) Chiều cao của hàng rào từ mặt đất tối thiểu là 2,45 mét. Trong đó phần thân hàng rào cao tối thiểu là 2,15 mét, phần ngọn cao tối thiểu 0,30 mét. Trong trường hợp chiều cao hàng rào ảnh hưởng đến an toàn bay, chiều cao hàng rào có thể được xây dựng thấp hơn nhưng phải có biện pháp kiểm soát an ninh bổ sung để đảm bảo yêu cầu về bảo đảm an ninh;

c) Hàng rào ngăn cách giữa khu vực công cộng và khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay; cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu; cơ sở sửa chữa bảo dưỡng tàu bay phải có hệ thống cảm biến phát hiện, cảnh báo xâm nhập, hệ thống ca-me-ra giám sát an ninh hàng không và hệ thống đèn chiếu sáng;

d) Đối với mương, cống thoát nước xuyên qua hàng rào: phải lắp đặt lưới kim loại, bảo đảm việc tiêu nước và ngăn cản được người và gia súc xâm nhập vào sân bay;

đ) Bên trong hàng rào ngăn cách giữa khu vực công cộng và khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay có khoảng trống tối thiểu là 03 mét sử dụng làm đường tuần tra, trừ trường hợp bất khả kháng; trường hợp đường tuần tra làm bên trong hàng rào, bên ngoài hàng rào có khoảng trống tối thiểu là 02 mét;

e) Căn cứ vào các yêu cầu về an ninh và mỹ quan của cảng hàng không, sân bay hay khu vực cần bảo vệ, có thể sử dụng một hoặc kết hợp nhiều loại, một hoặc nhiều lớp hàng rào khác nhau cho thích hợp;

g) Không bị che khuất tầm nhìn bởi các loại chướng ngại vật.

2. Các loại hàng rào

2.1. Hàng rào dây kim loại bao gồm hàng rào lưới dây kẽm gai và hàng rào lưới dây kim loại trơn (lưới B40).

2.2. Hàng rào tường xây bằng các loại vật liệu như gạch, đá, bê tông áp dụng cho những khu vực của cảng hàng không, sân bay tiếp giáp với khu dân cư, nhà xưởng.

2.3. Hàng rào song sắt áp dụng cho những khu vực cần mỹ quan; phần tiếp xúc với mặt đất xây bằng gạch, bê tông hoặc đá, phần trên là song sắt.

3. Yêu cầu kỹ thuật hàng rào

3.1. Hàng rào dây kim loại

3.1.1. Dây kim loại làm hàng rào có đường kính tối thiểu là 2,5 mi-li-mét. Các dây đan với nhau hình vuông hoặc mắt cáo, kích thước các lỗ của hàng rào tối đa không quá 12 cen-ti-mét x 12 cen-ti-mét.

3.1.2. Chân hàng rào xây bằng gạch, bê tông hoặc đá. Cột trụ bằng sắt hoặc bê tông cốt thép khoảng cách giữa hai cột trụ không quá 03 mét. Thân hàng rào là các tấm lưới đan gắn vào các cột trụ. Phần ngọn hàng rào sử dụng dây kẽm gai đơn, lưới kẽm gai hoặc các cuộn dây kẽm gai, nghiêng 45^{o} hướng ra phía ngoài.

3.2. Hàng rào tường xây

3.2.1. Phần thân là tường xây, đối với trụ bê tông rộng tối thiểu 20 cen-ti-mét, hàng rào cao tối thiểu 2,15 mét. Phần ngọn cao tối thiểu 0,30 mét là dây kẽm gai đơn hoặc các cuộn dây kẽm gai, nghiêng 45^o hướng ra phía ngoài.

3.2.2. Phần ngọn hàng rào là dây kẽm gai đơn, lưới hoặc cuộn có đường kính dây tối thiểu là 2,5 mi-li-mét.

3.3. Hàng rào song sắt

3.3.1. Khoảng cách giữa hai song sắt tối đa không quá 15 cen-ti-mét. Chiều cao phần thân tối thiểu là 2,15 mét. Phần ngọn của song sắt nhọn hình mũi mác cao tối thiểu 0,30 mét, nghiêng 45^o hướng ra phía ngoài.

3.3.2. Kích thước song sắt

a) Loại sắt đặc tròn: đường kính tối thiểu 14 mi-li-mét;

b) Loại sắt đặc vuông: kích thước tối thiểu 14 mi-li-mét x 14 mi-li-mét;

c) Loại sắt hộp: kích thước tối thiểu là 20 mi-li-mét x 20 mi-li-mét.

3.4. Hàng rào chắn mương, cống thoát nước: khoảng cách giữa hai thanh sắt tối đa không quá 15 cen-ti-mét; kích thước thanh sắt đường kính tối thiểu 14 mi-li-mét.

4. Bốt gác, đường tuần tra

4.1. Bốt gác.

4.1.1. Bốt gác được bố trí tại các cổng ra, vào và dọc theo hàng rào vành đai cảng hàng không, sân bay, cơ sở bảo đảm hoạt động bay và các khu vực hạn chế khác, trừ khu vực hạn chế trong nhà ga. Khoảng cách giữa hai bốt gác liền kề bảo đảm cho nhân viên tại hai bốt gác có thể quan sát khép kín và kiểm soát được tình hình ở những đoạn hàng rào chuyển hướng.

4.1.2. Khi thiết kế, xây dựng bốt gác phải bảo đảm hạn chế được tác động xấu của thời tiết đối với sức khỏe của nhân viên làm nhiệm vụ canh gác tại đó.

4.1.3. Bốt gác phải có cửa quan sát được tất cả các hướng, có thể lắp kính trong suốt để chắn được mưa, gió. Bốt gác được đặt thấp hoặc cao tùy theo địa hình của cảng hàng không, sân bay, cơ sở bảo đảm hoạt động bay, khu vực hạn chế khác và yêu cầu bảo vệ.

a) Bốt gác đặt thấp: sàn của bốt gác cao tối thiểu 50 cen-ti-mét so với mặt đất;

b) Bốt gác đặt cao: sàn của bốt gác cao tối thiểu 2,13 mét so với mặt đất.

4.2. Đường tuần tra: chiều rộng của mặt đường tuần tra tối thiểu 03 mét và liền kề với hàng rào (áp dụng cho hàng rào an ninh hàng không sân bay, trừ trường hợp bất khả kháng).

5. Cổng, rào chắn, cửa

5.1. Hạn chế tối đa cổng, cửa dành cho phương tiện hoặc người vào, ra các khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và các khu vực hạn chế khác.

5.2. Cổng ra, vào khu vực hạn chế phải bảo đảm các yêu cầu sau:

5.2.1. Cổng dùng cho phương tiện: trụ cổng phải xây bảo đảm vững chắc; cánh cổng làm bằng kim loại hoặc vật liệu bền vững khác và ngăn cản được việc đối tượng sử dụng phương tiện lao qua cổng, chiều cao của cánh cổng tối thiểu phải cao bằng chiều cao của hàng rào.

5.2.2. Cổng dành cho người ra, vào khu vực hạn chế: bố trí hệ thống thiết bị kiểm tra, soi chiếu (áp dụng đối với cảng hàng không quốc tế).

5.2.3.[89] Có giám sát của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của cơ quan, doanh nghiệp hoặc giám sát bằng thiết bị.

5.3. Rào chắn: cổng ra, vào khu vực hạn chế dùng cho phương tiện trong trường hợp không có cánh cổng phải có rào chắn. Trụ rào chắn phải xây bảo đảm vững chắc. Rào chắn phải làm bằng ống kim loại với đường kính tối thiểu 60 mi-li-mét. Chiều cao từ mặt đất đến mép trên của rào chắn là 01 mét.

5.4. Cửa ra, vào khu vực hạn chế phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

5.4.1. Các cửa từ nhà ga thông ra sân đỗ tàu bay: trụ và cánh cửa phải chắc chắn, có khóa an toàn bảo đảm độ kín, khít; bảo đảm không có dụng cụ hỗ trợ không thể phá được cửa.

5.4.2. Cửa dành cho nhân viên nội bộ ra, vào các khu vực hạn chế của nhà ga: bố trí hệ thống thiết bị kiểm tra, soi chiếu; (áp dụng đối với cảng hàng không quốc tế).

5.5. Cổng, cửa từ khu vực công cộng vào khu vực hạn chế phải có hệ thống đèn chiếu sáng và hệ thống ca-me-ra giám sát.

---

[89] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 80 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

6. Hệ thống chiếu sáng, ca-me-ra giám sát

6.1. Hệ thống chiếu sáng hàng rào và các cổng, cửa ra, vào phải bố trí hợp lý, độ chiếu sáng phải đủ để kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện và phát hiện đột nhập vào ban đêm nhưng không làm chói lóa gây khó khăn cho việc quan sát khi tuần tra và cho các hoạt động khác.

6.2. Độ rọi tối thiểu của ánh sáng tại mặt đất là:

6.2.1. Phía bên ngoài của những cơ sở quan trọng và những điểm trọng yếu là 10 lux; hàng rào ngay cạnh những khu vực hoạt động là 04 lux, ở khu vực tách biệt với khu vực hoạt động là 02 lux.

6.2.2. Cổng sử dụng cho phương tiện ra, vào là 10 lux; cổng sử dụng cho người ra, vào là 20 lux.

6.3. Hệ thống chiếu sáng hàng rào, cổng, cửa phải có nguồn điện dự trữ đề phòng sự cố mất điện.

6.4. Hệ thống ca-me-ra giám sát phải đáp ứng các yêu cầu:

a) Quan sát cả ban ngày, ban đêm và khi thời tiết xấu;

b) Ghi và lưu lại hình ảnh rõ nét;

c) Quan sát được ngay lập tức khi có thông tin cảnh báo xâm nhập, vi phạm;

d) Không có điểm bị che khuất tầm quan sát.

6.5. Các cảng hàng không, sân bay phải có hệ thống ca-me-ra bao quát được toàn bộ hàng rào vành đai; các điểm kiểm tra an ninh hàng không; các khu vực hạn chế; khu vực công cộng tại nhà ga; đường giao thông ngay trước cửa nhà ga.

6.6. Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở bảo dưỡng sửa chữa tàu bay, cơ sở sản xuất, cung cấp suất ăn, cơ sở cung cấp nhiên liệu cho tàu bay, cơ sở xử lý hàng hóa bưu gửi đưa lên tàu bay phải có hệ thống ca-me-ra bao quát được toàn bộ các điểm kiểm tra an ninh hàng không; các khu vực hạn chế.

Phụ lục XIII
NIÊM PHONG AN NINH HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Niêm phong an ninh hàng không được thực hiện bằng: tem niêm phong an ninh hàng không hoặc dây niêm phong an ninh hàng không.

II. Nội dung ghi trên tem, dây niêm phong an ninh hàng không

1. Tem niêm phong an ninh hàng không

a) Biểu tượng của đơn vị sử dụng tem;

b) Tên đơn vị sử dụng;

c) Ký hiệu kiểm tra an ninh

- Đối với tàu bay: hàng chữ "AIRCRAFT SECURITY CHECKED" bằng tiếng Anh và "Đã kiểm tra an ninh hàng không tàu bay" bằng tiếng Việt;

- Đối với hàng hóa: hàng chữ "SECURITY CHECKED" bằng tiếng Anh và "Đã kiểm tra an ninh hàng không" bằng tiếng Việt;

- Đối với suất ăn: hàng chữ "CATERING SECURITY CHECKED" bằng tiếng Anh và "Đã kiểm tra an ninh hàng không suất ăn" bằng tiếng Việt;

- Đối với đồ vật khác: hàng chữ "SECURITY CHECKED" bằng tiếng Anh và "Đã kiểm tra an ninh hàng không" bằng tiếng Việt.

d) Mã số ký hiệu ghi trên tem.

2. Dây niêm phong an ninh hàng không

a) Biểu tượng của đơn vị sử dụng;

b) Tên đơn vị sử dụng;

c) Mã số ký hiệu ghi trên dây niêm phong.

III. Tiêu chuẩn tem, dây niêm phong an ninh hàng không

1. Tem niêm phong an ninh hàng không được làm bằng giấy hoặc các loại vật liệu bền khác và chỉ sử dụng một lần, mặt sau tem có lớp hóa chất kết dính, khi bóc tem khỏi giấy bảo vệ tem không bị rách. Khi niêm phong, tem sẽ bị hủy hoặc có dấu hiệu nhận biết khi đã được bóc khỏi điểm niêm phong.

2. Dây niêm phong an ninh hàng không được làm bằng nhựa hoặc vật liệu bền, sử dụng một lần, một đầu dây niêm phong có lỗ tra xỏ dây một chiều. Khi tra, xỏ một đầu dây vào lỗ không thể rút ra.

IV. Quản lý, sử dụng mẫu tem, dây niêm phong an ninh hàng không

1. Căn cứ nhu cầu sử dụng hàng năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị lập kế hoạch mua tem, dây niêm phong an ninh.

2.[90] Tem, dây niêm phong an ninh hàng không khi nhập từ nhà cung cấp về, đơn vị phải lập sổ sách quản lý theo dõi và được bảo quản khoa học, đảm bảo không bị thất thoát, hư hại.

3. Mọi công tác giao, nhận, xuất tem, dây niêm phong an ninh hàng không phải được ghi nhận trong sổ sách.

4. Khi xuất tem, dây niêm phong cho nhân viên để sử dụng, cán bộ các đội phải lập sổ giao nhận ghi rõ nội dung giao nhận như số lượng, số sê-ri từ số bắt đầu đến số cuối khi giao cho từng cá nhân.

5. Chỉ những cán bộ, nhân viên được giao nhiệm vụ niêm phong tại các vị trí công tác trong mỗi ca trực mới được phép thực hiện việc niêm phong an ninh, nghiêm cấm nhờ người khác hoặc nhân viên không trong ca trực niêm phong hộ.

6. Cuối mỗi ca trực hoặc giao ca, nhân viên được giao nhiệm vụ niêm phong an ninh ở các vị trí công tác phải mang toàn bộ số tem, dây niêm phong an ninh hàng không còn lại giao cho nhân viên trực ca sau hoặc cấp trên nhận, ký sổ và ghi rõ lý do nộp lại, số lượng phát ra đã sử dụng hết bao nhiêu, còn lại bao nhiêu, số lượng hỏng không sử dụng được. Số sê-ri ghi trên tem, dây niêm phong an ninh hàng không đã sử dụng phải trùng khớp với số sê-ri còn lại chưa sử dụng và phải trùng với số lượng ban đầu đã được phát ra.

7. Các cơ quan, đơn vị sử dụng loại niêm phong an ninh phù hợp với từng đối tượng cần phải niêm phong an ninh.

---

[90] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 81 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Phụ lục XIV
THÔNG TIN CÁ NHÂN BẮT BUỘC KHI MUA VÉ TÀU BAY; GIẤY TỜ VỀ NHÂN THÂN, VÉ, THẺ LÊN TÀU BAY[91]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Giấy tờ về nhân thân

1. Hành khách khi làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay quốc tế phải xuất trình hộ chiếu hoặc giấy thông hành hoặc giấy tờ khác có giá trị xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật như thị thực rời, thẻ thường trú, thẻ tạm trú, thẻ căn cước công dân (nếu Việt Nam và quốc gia liên quan ký kết điều ước hoặc thỏa thuận quốc tế cho phép công dân nước ký kết được sử dụng thẻ căn cước công dân thay cho việc sử dụng hộ chiếu trên lãnh thổ của nhau)... (sau đây gọi chung là giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh theo quy định); trường hợp trẻ em không có hộ chiếu riêng thì họ tên, ngày, tháng, năm sinh và ảnh của trẻ em được ghi và dán vào hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, bao gồm: cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi hoặc người giám hộ.

2. Hành khách từ đủ 14 tuổi trở lên khi làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay nội địa phải xuất trình:

a)[92] Đối với hành khách mang quốc tịch nước ngoài: hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy thông hành, thị thực rời; chứng minh thư ngoại giao do Bộ Ngoại giao cấp cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế; thẻ thường trú, thẻ tạm trú; giấy phép lái xe ô tô, mô tô; thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay loại có giá trị sử dụng dài hạn; thẻ nhận dạng của các hãng hàng không Việt Nam. Trong trường hợp hành khách mất hộ

---

[91] Tên Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 82 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[92] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 83 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

chiếu phải có công hàm của cơ quan ngoại giao, lãnh sự của quốc gia hành khách mang quốc tịch hoặc công văn của sở ngoại vụ (có xác nhận của cơ quan công an địa phương nơi hành khách mất hộ chiếu) xác nhận nhân thân và việc mất hộ chiếu của hành khách, có dán ảnh, dấu giáp lai. Công hàm, công văn xác nhận có giá trị sử dụng 30 ngày kể từ ngày xác nhận;

b) Đối với hành khách mang quốc tịch Việt Nam phải xuất trình một trong các loại giấy tờ sau: hộ chiếu hoặc giấy thông hành, thị thực rời, thẻ thường trú, thẻ tạm trú, chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân; giấy chứng minh, chứng nhận của công an nhân dân, quân đội nhân dân; thẻ Đại biểu Quốc hội; thẻ Đảng viên; thẻ Nhà báo; giấy phép lái xe ô tô, mô tô; thẻ của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia; thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay loại có giá trị sử dụng dài hạn; thẻ nhận dạng của các hãng hàng không Việt Nam; giấy xác nhận nhân thân do công an phường, xã nơi thường trú hoặc tạm trú xác nhận (giấy xác nhận có các thông tin thể hiện các nội dung sau: cơ quan xác nhận, người xác nhận; ngày, tháng, năm xác nhận; họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quê quán, nơi thường trú của người được xác nhận; lý do xác nhận. Giấy xác nhận có dán ảnh, đóng dấu giáp lai và chỉ có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày xác nhận); giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền chứng nhận hành khách là người vừa chấp hành xong bản án.

3. Hành khách chưa đủ 14 tuổi không có hộ chiếu riêng hoặc kèm hộ chiếu của cha mẹ khi làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay nội địa phải xuất trình một trong các loại giấy tờ sau:

a) Giấy khai sinh; trường hợp dưới 01 tháng tuổi chưa có giấy khai sinh thì phải có giấy chứng sinh;

b) Giấy xác nhận của tổ chức xã hội đối với trẻ em do tổ chức xã hội đang nuôi dưỡng (chỉ có giá trị sử dụng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày xác nhận).

4. Hành khách là phạm nhân, bị can, người đang bị di lý, dẫn độ, trục xuất khi làm thủ tục đi tàu bay chỉ cần có giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền chứng minh việc áp giải; hành khách là người áp giải xuất trình các loại giấy tờ theo quy định tại các khoản 1 và 2 mục I của Phụ lục này.

5. Giấy tờ của hành khách sử dụng khi đi tàu bay quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 của Phụ lục này phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Là bản chính và còn giá trị sử dụng;

b) Đối với giấy khai sinh, giấy chứng sinh phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật;

c) Không chấp nhận giấy tờ tại các khoản 1, 2, 3, 4 Phụ lục này nếu giấy tờ không có ảnh hoặc ảnh không theo quy định của pháp luật, trừ giấy khai sinh, giấy chứng sinh, giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền chứng minh việc áp giải.

6.[93] Tại các điểm bán vé cho hành khách và làm thủ tục hàng không và trên trang mạng của hãng hàng không phải niêm yết công khai quy định về các thông tin cá nhân của hành khách cần khai báo khi mua vé đi tàu bay và các loại giấy tờ về nhân thân của hành khách sử dụng đi tàu bay.

II. Vé, thẻ lên tàu bay[94]

1. Khi mua vé đi tàu bay, hành khách phải cung cấp các thông tin cá nhân sau:

a) Họ và tên;

b) Ngày tháng năm sinh.

2. Hành khách khi làm thủ tục đi tàu bay phải xuất trình vé, thẻ lên tàu bay của hãng hàng không phát hành.

3. Vé, thẻ lên tàu bay tối thiểu phải có các thông tin sau:

a) Số vé hoặc mã (code) của từng hành khách.

b) Họ và tên hành khách;

c) Số hiệu chuyến bay;

d) Chặng bay.

---

[93] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 84 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[94] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 85 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Phụ lục XV

MẪU TỜ KHAI MANG SÚNG THEO NGƯỜI LÊN TÀU BAY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TỜ KHAI MANG SÚNG THEO NGƯỜI LÊN TÀU BAY

DECLARATION FOR CARRYING PISTOL ON BOARD AIRCRAFT

Họ và tên hành khách: Số ghế:

(Passenger's full name) (*Seat No.*)

Chuyến bay: Từ: Đến:

(Flight No.) (*From*) (*To*)

Giấy phép trang bị súng số: Nơi cấp:

(Pistol License number) *(Place of issue)*

Giấy phép mang vũ khí theo người số:

(License to carry arms number)

Hành khách thuộc đối tượng được phép mang súng theo người lên tàu bay theo quy định của chương trình an ninh hàng không Việt Nam là:

(According to provisions of the National civil aviation security Programme of Vietnam, the following passengers are authorized to carry pistol on board the aircraft)

☐ Cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ của Việt Nam thực hiện nhiệm vụ tiếp cận, bảo vệ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, khách quốc tế trên các chuyến bay của Việt Nam;

(Officers of the High Command of Guard who are on duty to protect leaders of Communist Party of Vietnam and leaders of the State, international visitors of the State on board Vietnam's flights)

☐ Nhân viên an ninh trên không thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trên chuyến bay.

(In-flight security officers performing inflight security tasks.)

TÔI CAM KẾT THỰC HIỆN TRONG QUÁ TRÌNH CHỜ LÊN TÀU BAY VÀ TRONG SUỐT THỜI GIAN BAY:

BEFORE BOARDING AND DURING THE FLIGHT, I AM COMMITTED:

1. Không để lộ súng cho người khác biết.

Not to disclose the pistol to other people;

2. Không yêu cầu phục vụ đồ uống có cồn trong suốt chuyến bay.

Not to require alcoholic beverages during the flight;

3. Tuân thủ yêu cầu của người chỉ huy tàu bay khi ở trên tàu bay.

To comply with the instructions of the pilot-in-command while on board.

TÔI ĐÃ XUẤT TRÌNH GIẤY TỜ CHỨNG MINH ĐƯỢC PHÉP MANG VŨ KHÍ VÀ ĐANG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHO CƠ QUAN CHỨC NĂNG.

I HAVE PRESENTED THE PERMISSION TO CARRY ARMS AND I AM ON DUTY FOR THE ABOVE COMPETENT AUTHORITIES.

Chữ ký xác nhận của hành khách
Passenger's signature and full name

_____

NGƯỜI KIỂM TRA:

(PISTOL INSPECTOR)

Tôi tên là:

My name is:

Đơn vị:

Department:

Tôi đã kiểm tra giấy phép sử dụng vũ khí và giấy tờ của Ông (bà):..... chứng minh việc được phép mang vũ khí theo người lên tàu bay tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

I have checked the Arms License and documents presented by Mr/Mrs:..... to certify that he/she has been authorized to carry arms on board the aircraft in accordance with the applicable laws and regulations.

Ngày tháng năm

Date month year

Ký tên

(Pistol inspector's signature and full name)

Ghi chú (note):

- Nhân viên phục vụ mặt đất: đính kèm bản gốc vào thẻ lên tàu, một bản sao vào tài liệu chuyến bay và một bản sao cho hành khách. Trường hợp hành khách là sỹ quan, chiến sỹ cảnh vệ đi cùng đối tượng cảnh vệ ra thẳng tàu bay, nhân viên phục vụ mặt đất đính kèm bản gốc vào thẻ lên tàu bay; nhân viên kiểm soát an ninh hàng không không thực hiện kiểm tra vũ khí, công cụ hỗ trợ, không phải ký xác nhận vào tờ khai (*Ground service personnel: Attach the original document to the boarding pass, a copy to the flight document and provide a copy to the passenger. In case the passenger is an officer or a bodyguard accompanying the client that is permitted to go straight to the aircraft, the ground service personnel attaches the original document to the boarding pass. Aviation security control personnel do not perform checking of weapons and support tools. There is no need to sign a confirmation on the declaration form*).

- Tiếp viên: thu lại bản gốc, bí mật thông báo chỗ ngồi của hành khách được mang vũ khí theo người trên chuyến bay cho người chỉ huy tàu *bay (Flight attendant: collect the original document, discreetly inform the flight commander of the seat of the passenger who carries weapons)*.

Phụ lục XVI

MẪU TỜ KHAI KÝ GỬI SÚNG, ĐẠN TRÊN CHUYẾN BAY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TỜ KHAI KÝ GỬI SÚNG, ĐẠN TRÊN CHUYẾN BAY

DECLARATION FOR CONSIGNMENT PISTOL ON BOARD AIRCRAFT

1. Họ và tên hành khách (*Passenger's full name*):.....

Số ghế (*Seat No.*):.....

Chuyến bay (*Flight No.*):..... Từ (*From*):..... Đến (*To*):.....

Loại súng (*Pistol type*):.....

Số súng (*Pistol number*):.....

Số giấy phép sử dụng (*Pistol License number*).....

Ngày cấp (*date of issue*):..... Nơi cấp (*place of issue*):.....

.....

2. Tôi cam kết các điều kiện sau đây đã được thực hiện (*I commit to the following conditions that have been implemented*):

a) ☐ Đã khai báo và xuất trình những giấy tờ liên quan tới vũ khí với hãng chuyên chở khi làm thủ tục (*Declared and presented weapons related documents to the carrier when carrying out procedures*);

b) ☐ Súng không nạp đạn (*Guns are not loaded*).

Ngày (*date*)..... tháng (*month*)..... năm (year).....

Hành khách ký tên (*Passenger's signature and full name*)

.....

_____

3. Họ và tên người kiểm tra (*Full name of the inspector*):.....

Đơn vị (*Department)*:.....

Tôi đã tiến hành kiểm tra (*I have checked)*:

- Hành khách có đủ giấy phép sử dụng súng theo quy định của pháp luật (*Passengers have enough permits to use guns according to the provisions of law*).

- Súng không nạp đạn (*Guns are not loaded*).

☐ Đạn đã được tháo rời và giao cho nhà chuyên chở, số lượng (*Bullets have been disassembled and delivered to the carrier, amout of bullets*):..... viên (*Bullets*).

☐ Súng của hành khách không có đạn mang theo (*There are no bullets to carry in gun*).

Ngày (*date*):..... tháng (*month*):..... năm (year):.....

Người kiểm tra ký tên (*Checker's signature and full name*)

---

4. Họ và tên đại diện hãng hàng không (*Full name of Airline representative*)

Đơn vị (*Department)*:

Xác nhận (*Confirm*):

☐ Súng của hành khách để trong hộp an ninh (*Passenger gun in a security box*).

☐ Súng của hành khách gửi rời để tại (*Gun of sending passengers left to stay*)...

.....

(Đánh dấu √ xác định nội dung là đúng, dấu X xác định nội dung là sai (*Mark √ to determine that the content is correct, X indicates that the content is wrong*)).

☐ Đạn đã được đóng gói, chất xếp theo quy định vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, số lượng (*Bullets have been packed and loaded according to regulations on dangerous goods transportation, amout of bullets*):..... viên (*Bullets*).

☐ Súng của hành khách không có đạn mang theo (*There are no bullets to carry in gun*).

(Đánh dấu √ xác định nội dung là đúng, dấu X xác định nội dung là sai (*Mark √ to determine that the content is correct, X indicates that the content is wrong*)).

Ngày (*date*):..... tháng (*month*):..... năm (year):.....

Đại diện hãng hàng không ký tên (*Airline representative's signature and full name)*:

- Bản chính gửi cho nơi làm thủ tục cho hành khách lên tàu bay (*The original is sent to the place of procedure for passengers boarding the aircraft*).

- Bản sao thứ nhất đưa vào tài liệu chuyến bay (*The first copy is included in the flight document*).

- Bản sao thứ hai giao cho hành khách (*The second copy is delivered to the passenger*).

Phụ lục XVII
CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG TĂNG CƯỜNG TƯƠNG ỨNG VỚI TỪNG CẤP ĐỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Lĩnh vực	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Đơn vị thực hiện
1	Khu vực hạn chế	1.1.[95] Tăng cường số lượng nhân viên kiểm soát an ninh hàng không làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát khu vực hạn chế.	2.1. Thực hiện như điểm 1.1; 1.3 Phụ lục này	3.1.[96] Tăng cường nhân viên kiểm soát an ninh hàng không làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thêm 10%.	Các đơn vị có khu vực hạn chế. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.
		1.2. Kiểm tra người bằng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay và kiểm tra trực quan 07% đối với người, đồ vật (trừ hành khách, hành lý thực hiện như mục 2 Phụ lục này) phương tiện vào khu vực hạn chế.	2.2. Kiểm tra người bằng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay và kiểm tra trực quan 20% đối với người, đồ vật (trừ hành khách, hành lý thực hiện như mục 2 Phụ lục này) phương tiện vào khu vực hạn chế.	3.2. Kiểm tra trực quan 100% đối với người, đồ vật, phương tiện (trừ hành khách, hành lý thực hiện như mục 2 Phụ lục này) vào khu vực hạn chế.	Các đơn vị có khu vực hạn chế. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.

[95] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 86 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[96] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 86 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

STT	Lĩnh vực	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Đơn vị thực hiện
		1.3. Không cho người vào khu vực hạn chế đón tiễn khách, trừ đối tượng quy định tại điểm c, d, e, khoản 4, Điều 14 của Thông tư này	2.3. Thực hiện như điểm 1.3 Phụ lục này	3.3. Chỉ những người làm việc thường xuyên hoặc đối tượng quy định tại điểm c, d, e, khoản 4, Điều 14 của Thông tư này tại cảng hàng không, sân bay mới được phép vào khu vực hạn chế.	Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không. Cảng vụ hàng không liên quan.
2	Làm thủ tục hàng không; kiểm tra soi chiếu hành khách, hành lý xách tay	1.4. Tăng cường phỏng vấn, đối chiếu giấy tờ nhân thân khi làm thủ tục hàng không. Tăng cường phỏng vấn hành khách khi làm thủ tục kiểm tra an ninh hàng không. Hành khách phải tháo giầy, áo khoác đưa qua máy soi tia X.	2.4. Thực hiện theo quy định tại điểm 1.4 Phụ lục này	3.4. Thực hiện theo quy định tại điểm 1.4 Phụ lục này	Nhân viên làm thủ tục hành khách. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.
		1.5. Kiểm tra trực quan ngẫu nhiên 15% hành khách đã qua cổng từ mà không có báo động; 15% hành lý xách tay, ký gửi qua máy soi	2.5. Kiểm tra trực quan ngẫu nhiên 30% hành khách, hành lý xách tay đã qua cổng từ, máy soi tia X mà không có báo động, hình ảnh	3.5. Kiểm tra trực quan 100% hành khách, hành lý xách tay trước khi cho hành khách lên tàu bay (tại cửa ra tàu bay). Sử	Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.

STT	Lĩnh vực	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Đơn vị thực hiện
		tia X mà không có hình ảnh nghi vấn.	nghi vấn. Sử dụng chó nghiệp vụ để phát hiện chất nổ hành lý ký gửi đã qua máy soi tia X.	dụng chó nghiệp vụ để phát hiện vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, hành lý ký gửi đã qua máy soi tia X trước khi chất xếp lên tàu bay.	
3	Làm thủ tục hàng không; kiểm tra, soi chiếu hàng hóa, bưu gửi	1.6. Tăng cường phỏng vấn khách hàng khi làm thủ tục chấp nhận. Kiểm tra trực quan 10% hàng hóa đã qua soi chiếu.	2.6. Tăng cường phỏng vấn khách hàng khi làm thủ tục chấp nhận. Kiểm tra trực quan 15% hàng hóa đã qua soi chiếu. Hàng hóa, bưu gửi phải lưu kho tối thiểu 24 giờ mới đưa lên tàu bay. Kiểm tra ngẫu nhiên 10% bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ hoặc chó nghiệp vụ trước khi chất xếp lên tàu bay.	3.6. Thực hiện theo quy định tại điểm 1.6. Kiểm tra 100% hàng hóa, bưu gửi, bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ hoặc chó nghiệp vụ trước khi chất xếp lên tàu bay.	Nhân viên làm thủ tục hàng không. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.
				3.7. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không áp tải hàng hóa, bưu gửi, trên đường vận chuyển từ kho hàng ra tàu bay.	Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.

STT	Lĩnh vực	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Đơn vị thực hiện
4	Bảo vệ tàu bay tại sân đỗ.	1.8. Tàu bay đỗ ban đêm tại những khu vực có chiếu sáng. Giám sát liên tục bằng ca-me-ra.	2.8. Thực hiện theo quy định tại điểm 1.8 Phụ lục này và tăng cường tổ chức tuần tra thường xuyên, liên tục sẵn sàng xử lý tình huống phát sinh tại khu vực đỗ tàu bay.	3.8. Thực hiện như điểm 1.8 Phụ lục này và tăng cường tổ chức tuần tra thường xuyên, liên tục sẵn sàng xử lý tình huống phát sinh tại khu vực đỗ tàu bay.	Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không. Doanh nghiệp sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay. Hãng hàng không liên quan.
		1.9. Khi tàu bay đang khai thác, tăng cường tổ chức tuần tra thường xuyên, liên tục sẵn sàng xử lý tình huống phát sinh tại khu vực đỗ tàu bay; việc tổ chức tuần tra phải được quy định trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.	2.9. Thực hiện theo quy định tại điểm 1.9 Phụ lục này và tất cả người, đồ vật đưa lên phục vụ trên tàu bay phải được kiểm tra trực quan (trừ hành khách, hành lý, hàng hóa, suất ăn).	3.9. Thực hiện theo quy định tại điểm 2.9 Phụ lục này	Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không. Doanh nghiệp sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay. Hãng hàng không liên quan.
5	Hành lý ký gửi không có người đi cùng	1.10. Kiểm tra trực quan, sau khi đã được soi chiếu trước khi đưa lên tàu bay.	2.10. Không chuyên chở trên tàu bay hành lý không có người đi cùng	3.10. Thực hiện theo quy định tại điểm 2.10 Phụ lục này	Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không. Hãng hàng không liên quan.

STT	Lĩnh vực	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Đơn vị thực hiện
6	Bảo vệ hành lý ký gửi	1.11. Giám sát bằng ca-me-ra hoặc nhân viên phục vụ hành lý, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không giám sát hành lý ký gửi từ khi nhận đến khi đưa lên tàu bay.	2.11. Thực hiện theo quy định tại điểm 1.11 Phụ lục này	3.11. Thực hiện theo quy định tại điểm 1.11 Phụ lục này và hành lý phải được chuyên chở trong các công-ten-nơ có niêm phong.	Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không. Hãng hàng không liên quan. Công ty phục vụ mặt đất liên quan.
7	Suất ăn và hàng dự trữ của tàu bay	1.12. Kiểm tra trực quan ngẫu nhiên 2% suất ăn, đồ dự trữ tại điểm kiểm tra an ninh hàng không trước khi vào sân bay.	2.12. Thực hiện theo quy định tại điểm 1.12 Phụ lục này và suất ăn, đồ dự trữ phải để trong công-ten- nơ có niêm phong có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không áp tải ra tàu bay.	3.12. Tất cả suất ăn và đồ dự trữ của tàu bay phải được chuẩn bị dưới sự giám sát trực tiếp của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của cảng hàng không, sân bay và thực hiện theo quy định tại điểm 1.12 Phụ lục này	Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không. Doanh nghiệp cung cấp suất ăn trên tàu bay.
8	Khu vực công cộng	1.13. Tăng cường tần suất tuần tra khu vực công cộng, tăng cường tần suất phát thanh trên hệ thống phát thanh yêu cầu hành khách không được rời xa hành lý.	2.13. Thực hiện theo quy định tại điểm 1.13, 1.14, 1.15 Phụ lục này	3.13. Thực hiện theo quy định tại các điểm 1.13, 1.14, 1.15, 2.14, 2.15 Phụ lục này	Người khai thác cảng hàng không, sân bay. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.

STT	Lĩnh vực	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Đơn vị thực hiện
		1.14. Giám sát khu vực công cộng của nhà ga bằng ca-me-ra và tăng cường nhân viên kiểm soát an ninh hàng không giám sát.	2.14. Không cho xe đưa đón khách dừng trước cửa nhà ga.		Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.
		1.15. Hạn chế người và phương tiện hoạt động tại khu vực công cộng của nhà ga hành khách.	2.15. Thường xuyên kiểm tra các thùng rác, khu vực vệ sinh, bụi cây và những nơi khuất.	3.15. Xem xét việc đóng cửa các khu vực công cộng gần những khu vực hoạt động của tàu bay và những khu vực khác. Hạn chế phương tiện vào cảng hàng không.	Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.
9	Ca-me-ra giám sát an ninh hàng không	1.16. Tăng cường giám sát liên tục các mục tiêu trọng yếu, nhạy cảm	2.16. Thực hiện như 1.16 Phụ lục này	3.16. Thực hiện như 1.16 Phụ lục này	Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.
10	Trực sẵn sàng làm	1.17.[97] Tăng cường thông tin.	2.17.[98] Các đơn vị trong ngành phải	3.17.[99] Các đơn vị phải tổ chức	Các cơ quan, đơn vị liên quan.

[97] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 86 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[98] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 86 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[99] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 86 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

STT	Lĩnh vực	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Đơn vị thực hiện
	nhiệm vụ, thông tin báo cáo	báo cáo nội bộ. Thực hiện báo cáo nhanh qua đường dây nóng hàng ngày từ các đơn vị về Cục Hàng không Việt Nam. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tổ chức bổ sung 20% quân số so với kíp trực thông thường để trực sẵn sàng làm nhiệm vụ	tổ chức trực ban 24/24 và thực hiện chế độ báo cáo 12 giờ một lần và báo cáo ngay khi cần xin ý kiến chỉ đạo về Cục Hàng không Việt Nam. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không bổ sung 30% quân số so với kíp trực thông thường để trực sẵn sàng làm nhiệm vụ.	trực ban 24/24 và thực hiện chế độ báo cáo 04 giờ một lần và báo cáo ngay khi cần xin ý kiến chỉ đạo về Cục Hàng không Việt Nam. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tổ chức trực 100% quân số.	

Phục lục XVIII
KIỂM TRA ĐỐI VỚI MÁY SOI TIA X

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Yêu cầu

1. Máy soi chiếu tia X đảm bảo có mẫu thử để kiểm tra và đảm bảo tình trạng hoạt động bình thường của máy.

2. Bộ mẫu thử bao gồm những mẫu vật chất hữu cơ, vô cơ, các mẫu vật nhằm kiểm tra sự phân giải và xuyên thấu của máy soi tia X.

3. Mỗi ngày 01 lần và khi bị mất điện sử dụng bộ mẫu thử tiến hành kiểm tra tính năng cảnh báo trước khi sử dụng máy để soi chiếu hành lý, hàng hóa. Kíp trưởng hoặc nhân viên chịu trách nhiệm kiểm tra và ghi lại kết quả vào sổ theo dõi. Qua kiểm tra nếu đáp ứng được yêu cầu mới sử dụng để soi chiếu, trường hợp không đáp ứng phải yêu cầu bộ phận kỹ thuật xem xét.

4. Mỗi tháng 01 lần sử dụng Bộ mẫu thử tiến hành kiểm tra 1a (độ phân giải), 1b (độ xuyên thấu hữu ích), 2 (phân biệt chất liệu), 3 (độ xuyên thấu đơn), 4 (phân giải không gian), 5 (tạo ảnh kim loại mỏng) để xác định tất cả các tính năng có trên máy soi tia X. Kíp trưởng hoặc nhân viên chịu trách nhiệm kiểm tra và ghi lại kết quả vào bảng kiểm tra (Log sheet). Qua kiểm tra nếu bị lỗi một số hoặc tất cả các mẫu kiểm tra phải yêu cầu bộ phận kỹ thuật sửa chữa và ghi lại sự cố.

5. Nếu qua kiểm tra thấy chất lượng của máy kém hơn so với lần kiểm tra trước hoặc có nghi ngờ một chức năng nào đó không đáp ứng được, thông báo ngay cho thợ kỹ thuật và ghi lại sự cố vào sổ theo dõi cùng với các bước đã thực hiện để tăng cường khả năng của máy.

6. Người khai thác phải lưu giữ sổ theo dõi, bảng kiểm tra trong 02 năm kể từ ngày nộp lưu và xuất trình khi được Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu.

7. Khi đặt mẫu thử lên băng chuyền đưa qua máy soi tia X phải để ở vị trí đảm bảo có được hình ảnh tốt nhất (phụ thuộc vào việc bố trí nguồn phát tia X trong máy soi tia X).

II. Các bước kiểm tra (Test) đối với máy soi tia X

1. Kiểm tra (Test) 1a: độ phân giải

Yêu cầu: hình ảnh sợi dây cỡ 33 gauge phải hiển thị, nhìn được rõ nét

Kiểm tra này xác định khả năng của hệ thống hiển thị một dây đơn mảnh, cỡ 33 SWG (cỡ dây chuẩn 0,254 mi-li-mét). Thành phần của dây cần phải là dây đồng được tráng thiếc không vỏ bọc cách điện. Bộ mẫu thử CTP (Combine test peices) có các cỡ dây 25 SWG (0,508 mi-li-mét), 33 SWG (0,254 mi-li-mét), 36 SWG (0,193 mi-li-mét), và 40 SWG (0,122 mi-li-mét) để kiểm tra liệu khả năng phân giải dây đơn của máy X quang có đáp ứng được so với yêu cầu không hay năng lực của máy đã suy giảm theo thời gian. Các dây được uốn theo những đường cong chữ "S".

2. Kiểm tra (Test) 1b: độ xuyên thấu hữu ích

Yêu cầu: hình ảnh sợi dây 25 gauge phải hiển thị, nhìn thấy được dưới tầm chèn thứ 2 (5/16").

Kiểm tra này xác định mức chi tiết như thế nào cần phải được quan sát thấy đằng sau một độ dày của một chất liệu đã biết. Bộ mẫu thử CTP có các cỡ dây khác nhau đằng sau những độ dày khác nhau của nhôm.

3. Kiểm tra (Test) 2: phân biệt chất liệu

Yêu cầu: phải nhìn thấy được mẫu chất vô cơ và hữu cơ hiển thị các màu khác nhau.

Kiểm tra này nhằm đảm bảo máy phân biệt được các chất liệu hữu cơ và vô cơ. Việc sử dụng các mẫu đường và muối đóng gói trong bộ kiểm tra cũng như nhiều chất liệu khác được sử dụng trong xây dựng bộ mẫu thử CTP, sẽ kiểm tra chức năng phân biệt chất liệu. Các màu khác nhau sẽ được gán cho các loại chất liệu khác nhau. Kiểm tra này chỉ có thể áp dụng đối với những máy có chức năng phân biệt chất vô cơ và hữu cơ.

4.[100] Kiểm tra (Test) 3: độ xuyên thấu đơn

Yêu cầu: hình ảnh tấm chì phải hiển thị, nhìn thấy được dưới tấm thép dày 14 mi-li-mét.

---

[100] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 87 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Kiểm tra này nhằm xác định khả năng máy có thể xuyên qua độ dày của thép như thế nào. Các tấm thép trên bộ mẫu thử CTP bắt đầu với độ dày từ 12 mi-li-mét, với các mức tăng dần 02 mi-li-mét mỗi mức lên tới 24 mi-li-mét. Một tấm chì chạy dưới chiều dài của các tấm thép để kiểm tra khả năng của máy.

5. Kiểm tra (Test) 4: phân giải không gian

Yêu cầu: hình ảnh khe hở trên tấm đồng phải hiển thị, nhìn thấy được cả ở chiều ngang và chiều dọc.

Kiểm tra này xác định khả năng của máy phân biệt và hiển thị những đối tượng ở sát cạnh nhau khoảng cách 01 mi-li-mét và 1,5 mi-li-mét. Bộ mẫu thử CTP kiểm tra khả năng này sử dụng tấm đồng có 16 khe hở song song với nhau ở 04 ô (cửa sổ), mỗi ô 04 khe.

6. Kiểm tra (Test) 5: tạo ảnh kim loại mỏng

Yêu cầu: hình ảnh lá thép có độ dày 0,1 mi-li-mét phải hiển thị nhìn thấy được.

Kiểm tra này nhằm xác định khả năng tạo hình ảnh kim loại mỏng của máy.

III. Bảng ghi chép kết quả kiểm tra máy soi tia X (Log sheet)

(Kết quả kiểm tra: đạt yêu cầu đánh dấu √ không đạt yêu cầu đánh dấu **X**)

Số lần kiểm tra:	Ghi chú
1	
2	
3	

Chữ ký:

Thời gian kiểm tra:.....giờ..... phút..... ngày..... tháng..... năm.....

Loại máy:

Số máy:

Vị trí của máy:

Điền kết quả kiểm tra vào bảng kiểm tra tương ứng với thông số của mẫu thử đưa ra, tham khảo bảng dưới đây:

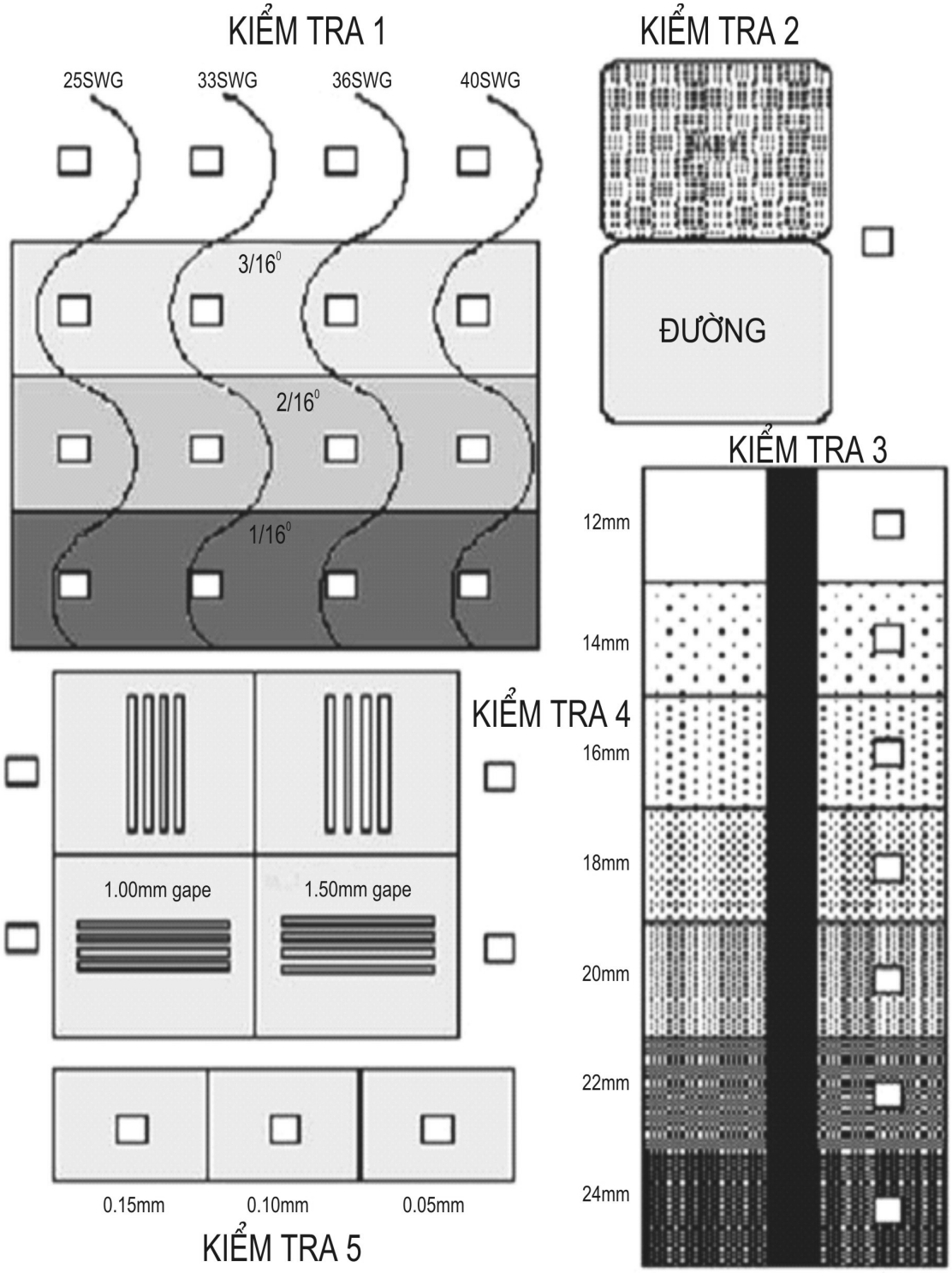

Họ và tên người kiểm tra:.....

Phụ lục XIX
KIỂM TRA ĐỐI VỚI CỔNG TỪ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Người khai thác thiết bị phải tiến hành khảo sát vị trí trước khi lắp đặt cổng từ, chỉ lắp đặt ở vị trí không có các nguồn từ trường gây nhiễu loạn ảnh hưởng đến độ nhạy của cổng từ. Sau khi lắp đặt mới hoặc lắp đặt lại một cổng từ, người khai thác phải tiến hành theo dõi kiểm tra trong thời gian đầu đưa vào hoạt động, ghi lại kết quả, lưu giữ và trình Cục Hàng không Việt Nam khi được yêu cầu.

2. Mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không phải có ít nhất một bộ mẫu thử (Operational Test Pieces - OTP) của nhà cung cấp hoặc đơn vị vận hành khai thác. Sau khi cổng từ được lắp đặt xong, cài đặt chỉ số độ nhạy mà nhà sản xuất khuyến nghị cho mỗi loại cổng từ và sử dụng bộ mẫu thử để kiểm tra trong thời gian đầu đưa vào hoạt động theo cách thức như khoản 3 dưới đây.

3. Cách thức kiểm tra:

a) Đặt mẫu thử tại 4 vị trí dưới đây trên cơ thể:

- Nách bên phải;

- Hông bên phải;

- Vòng eo ở giữa lưng;

- Bên trong mắt cá chân bên phải.

b) Tại mỗi vị trí đặt mẫu thử phải đi qua cổng tối thiểu 10 lần, 05 lần theo chiều thuận và 05 lần theo chiều ngược lại. Người kiểm tra phải bỏ hết kim loại trong người ra ngoài. Trong quá trình kiểm tra không được thay đổi độ nhạy đã cài đặt.

c) Mẫu thử phải báo động ít nhất 08 trong 10 lần đi qua (tại chỉ số độ nhạy khuyến nghị) tại mỗi vị trí trên cơ thể. Nếu khả năng phát hiện không thỏa đáng phải tăng độ nhạy lên cho tới khi đạt được yêu cầu trên.

4. Trong thời gian đầu đưa vào hoạt động, trường hợp tỉ lệ hành khách bị báo động quá cao, có thể điều chỉnh giảm độ nhạy xuống từ từ, nhưng không được giảm dưới mức tối thiểu đã được xác định cho cổng từ và phải sử dụng bộ mẫu thử để kiểm tra sau khi đã giảm độ nhạy, trường hợp đã giảm độ nhạy

nhưng tỉ lệ báo động vẫn quá cao không thể chấp nhận được phải thông báo cho bộ phận kỹ thuật để xử lý. Ghi chép lại, lưu giữ và trình Cục Hàng không Việt Nam khi được yêu cầu.

5. Trường hợp phải đặt độ nhạy cao hơn độ nhạy khuyến nghị để đạt được mức phát hiện mẫu thử theo yêu cầu, nhưng tỉ lệ báo động quá cao không thể chấp nhận được, không được giảm độ nhạy mà phải thông báo cho bộ phận kỹ thuật để xử lý. Ghi chép lại, lưu giữ và trình Cục Hàng không Việt Nam khi được yêu cầu.

6. Các khía cạnh của từng cổng từ trong thời gian đầu đưa vào hoạt động phải ghi chép lại bao gồm các chỉ số độ nhạy đã được cài đặt thử nghiệm và số liệu phát hiện ghi nhận được tương ứng, tỉ lệ phát hiện mẫu thử tại mỗi vị trí; lưu giữ và trình Cục Hàng không Việt Nam khi được yêu cầu.

7. Ghi chép tỉ lệ hành khách có báo động khi qua cổng từ là chỉ số rất hữu ích biểu hiện năng lực hoạt động của cổng từ. Người khai thác phải ghi chép lại con số này định kỳ tuần một lần.

8. Kíp trưởng hoặc nhân viên kiểm soát an ninh hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra cổng từ khi đưa vào sử dụng lại sau một thời gian không sử dụng. Trường hợp cổng từ hoạt động liên tục (không tắt nguồn) thì phải được kiểm tra ít nhất 01 lần mỗi ngày trước khi sử dụng để kiểm tra hành khách của ca làm việc đầu tiên trong ngày. Quy trình kiểm tra như sau:

a) Bỏ hết kim loại trong người ra và đi qua cổng từ, sau đó đặt mẫu thử tại vùng eo;

b) Giữ tư thế thẳng đứng đi qua cổng từ ít nhất 05 lần. Cổng từ phải báo động tối thiểu 04 lần mới được đưa vào sử dụng kiểm tra hành khách;

c) Nếu thấy cổng từ phát hiện mẫu thử dưới 04 lần hoặc kém hơn so với lần trước, kíp trưởng phải tăng độ nhạy lên cho tới khi khả năng phát hiện của cổng từ đáp ứng được yêu cầu. Nếu vẫn không đáp ứng được yêu cầu phải ngưng sử dụng và thông báo cho bộ phận kỹ thuật để sửa chữa;

d) Ghi chép kết quả kiểm tra vào vào bảng kết quả kiểm tra quy định tại mục 10, lưu giữ và trình Cục Hàng không Việt Nam khi được yêu cầu.

9. Mỗi tuần phải kiểm tra 01 lần với mẫu thử tại 04 vị trí trên cơ thể theo quy định tại điểm a khoản 3 của Phụ lục này. Tại mỗi vị trí đặt mẫu thử đi qua cổng từ

05 lần. Ghi chép kết quả kiểm tra vào bảng kết quả kiểm tra quy định tại mục 11, lưu giữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và trình Cục Hàng không Việt Nam khi được yêu cầu.

10. Bảng ghi kết quả kiểm tra cổng từ hàng ngày.

LOẠI:			SỐ XÊRI:					ĐỊA ĐIỂM:		
CÀI ĐẶT CỤ THỂ CHO CỔNG TỪ			KHUYẾN NGHỊ		TỐI THIỂU			GHI CHÚ BỘ OTP PHẢI ĐẶT TRONG HÕM NHỎ Ở LƯNG. NGƯỜI KIỂM TRA ĐI QUA CỔNG TỪ ÍT NHẤT 5 LẦN THEO HƯỚNG ĐI THÔNG THƯỜNG.		
			NGƯỠNG	ĐỘ NHẠY	NGƯỠNG	ĐỘ NHẠY				
NGÀY	CÀI ĐẶT CỔNG TỪ		KẾT QUẢ KIỂM TRA √ = BÁO ĐỘNG **X** = KHÔNG					KHUYẾN NGHỊ HIỆU CHỈNH	TÊN NGƯỜI GIÁM SÁT	NGƯỜI GIÁM SÁT KÝ TÊN
	NGƯỠNG	ĐỘ NHẠY								

11. Bảng ghi kết quả kiểm tra cổng từ hàng tuần.

LOẠI:			SỐ XÊRI.:				ĐỊA ĐIỂM:				
CÀI ĐẶT CỤ THỂ CHO CỔNG TỪ		KHUYẾN NGHỊ			TỐI THIỂU			THỰC TẾ KIỂM TRA			
		NGƯỠNG	ĐỘ NHẠY		NGƯỠNG	ĐỘ NHẠY		NGƯỠNG	ĐỘ NHẠY		
VỊ TRÍ CỦA OTP	HƯỚNG ĐI	KẾT QUẢ OTP √= BÁO ĐỘNG X = KHÔNG					KHUYẾN NGHỊ HIỆU CHỈNH				
	□										
	□										
	□										
	□										
	□										
	□										
	□										
	□										
TÊN NGƯỜI GIÁM SÁT:					NGƯỜI GIÁM SÁT KÝ TÊN: NGÀY:						

Phụ lục XX

KIỂM TRA ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT HIỆN KIM LOẠI CẦM TAY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Kiểm tra thiết bị phát hiện kim loại cầm tay một lần mỗi khi giao ca, nhằm duy trì khả năng phát hiện ở mức tiêu chuẩn.

2. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không kiểm tra thiết bị phát hiện kim loại cầm tay và ghi chép lại kết quả vào sổ kiểm tra. Sổ kiểm tra được lưu giữ tối thiểu 01 năm.

3. Mẫu thử để kiểm tra là đồng tiền bằng kim loại đặt trong hộp nhựa có độ sâu là 03 cen-ti-mét.

4. Quy trình kiểm tra tiến hành như sau:

Bước 1: bật công tắc kiểm tra nguồn điện, đảm bảo nguồn điện của thiết bị phát hiện kim loại cầm tay đủ và ổn định.

Bước 2: đưa thiết bị phát hiện kim loại cầm tay lên nắp hộp nhựa đựng mẫu thử:

* Máy phát tín hiệu báo động, điều chỉnh độ nhạy, tín hiệu báo động cho phù hợp và sử dụng kiểm tra hành khách.

* Máy không phát tín hiệu báo động dừng sử dụng.

Bước 3: ghi chép kết quả vào sổ kiểm tra thiết bị phát hiện kim loại cầm tay.

Phục lục XXI
MẪU THẺ GIÁM SÁT VIÊN AN NINH HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Thẻ giám sát viên an ninh hàng không có kích thước thẻ 8,5 cen-ti-mét x 5,3 cen-ti-mét, nền thẻ có hoa văn trắng, xanh, biểu tượng Cục Hàng không Việt Nam ở giữa; phần tiêu đề trên cùng mầu xanh.

2. Mặt trước thẻ có ảnh, họ và tên, ngày tháng năm sinh, đơn vị công tác của giám sát viên; số thẻ; thời gian hiệu lực và chữ ký của người được cấp thẻ (tiếng Việt và tiếng Anh).

3. Mặt sau của thẻ ghi quyền hạn của người được cấp thẻ (tiếng Việt và tiếng Anh); có dấu và chữ ký của Thủ trưởng cơ quan cấp thẻ.

A. Mặt trước thẻ

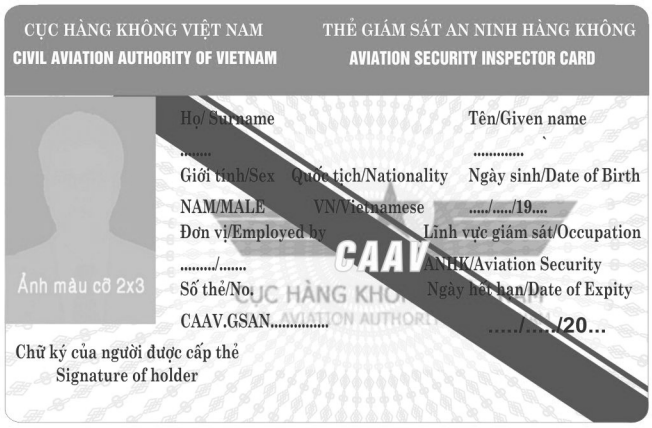

B. Mặt sau thẻ

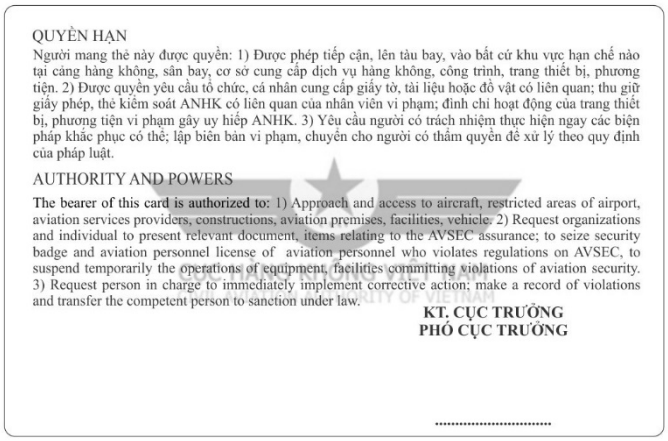

Phục lục XXII

BÁO CÁO SƠ BỘ VỀ HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Các thông tin cung cấp trong báo cáo này là hạn chế và chỉ phổ biến cho những người có thẩm quyền

BÁO CÁO SƠ BỘ

Về hành vi can thiệp bất hợp pháp

Hồ sơ số:.....

Thời gian báo cáo:.....

(ngày/tháng/năm)

a) Hành vi chiếm đoạt tàu bay bất hợp pháp ☐

b) Hành vi định chiếm đoạt tàu bay bất hợp pháp ☐

c) Hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn hàng không dân dụng ☐

d) Hành vi bất hợp pháp dự định chống lại an toàn hàng không dân dụng ☐

e) Các hành vi can thiệp bất hợp pháp khác ☐

A. Các thông tin chung

1. Quốc gia cung cấp báo cáo.....

2. Thời gian xảy ra sự việc.....

(Ngày/tháng/năm)

3. Thời điểm xảy ra sự việc.....

(giờ địa phương tính theo 24 giờ)

4. Khoảng thời gian xảy ra sự việc.....

B. Các chi tiết của hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Thông tin về chuyến bay

Ngày khởi hành của chuyến bay.....

(ngày/tháng/năm)

Giờ khởi hành của chuyến bay.....

(giờ địa phương - tính theo 24 giờ)

Số hiệu chuyến bay.....

Loại tàu bay.....

Nhà khai thác.....

Số lượng hành khách.....

Số lượng tổ bay.....

Nhân viên an ninh trên không được bố trí chuyến bay (nếu có)

Số lượng kẻ phạm tội.....

Loại chuyến bay (thường lệ, thuê chuyến v.v..).....

Sân bay khởi hành:

Tên..... Quốc gia.....

Nơi đến theo dự định:

Tên..... Quốc gia.....

Nơi bay tránh (bao gồm cả nơi đến cuối cùng)

Tên..... Quốc gia.....

Tên..... Quốc gia.....

Tên..... Quốc gia.....

Tên..... Quốc gia.....

2. Sân bay mà ở đó thiết bị, chất phá hoại (được cho rằng) đã đưa lên tàu bay.....

3. Các tòa nhà và trang thiết bị của sân bay chịu ảnh hưởng.....

4. Tóm tắt sự việc xảy ra (gồm vị trí của sự việc thời gian và thời điểm).....

5. Các hành động để đảm bảo giải phóng hành khách và tổ bay, bao gồm các biện pháp để làm tạo thuận lợi cho việc tiếp tục hành trình của họ (nếu có).....

6. Hành động trả lại tàu bay và hàng hóa cho những người có quyền sở hữu hợp pháp (nếu có).....

7. Các kẻ phạm pháp đã phá vỡ các biện pháp an ninh tại chỗ như thế nào, bằng cách sử dụng:

Vũ lực ☐ Cách khác ☐

Mô tả tóm tắt:.....

8. Những biện pháp và thủ tục mới nào sẽ được thực hiện dự tính để ngăn chặn sự lặp lại của sự việc tương tự.....

9. Hành động của các cơ quan thẩm quyền được thực hiện để bắt giữ bọn tội phạm và những biện pháp được thực hiện để bảo đảm sự có mặt của chúng.....

C. Các thông tin bổ sung khác

.....

Tên

Chức danh

Cơ quan

- Báo cáo này theo yêu cầu của Phụ ước 17 của ICAO, Mục 11 của Công ước La-hay, Điều 13 của Công ước Mông-rê-an

- Báo cáo này được hoàn thành và gửi tới ICAO trong vòng 30 ngày kể từ khi xảy ra sự việc với các thông tin phù hợp.

Phụ lục XXIII

BÁO CÁO CHÍNH THỨC VỀ HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Các thông tin cung cấp trong báo cáo này là hạn chế và chỉ phổ biến cho những người có thẩm quyền

BÁO CÁO CHÍNH THỨC

Về hành vi can thiệp bất hợp pháp

Hồ sơ số:.....

Ngày...../tháng...../năm.....

a) Hành vi chiếm đoạt tàu bay bất hợp pháp ☐

b) Hành vi định chiếm đoạt tàu bay bất hợp pháp ☐

c) Hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn hàng không dân dụng ☐

d) Hành vi bất hợp pháp dự định chống lại an toàn hàng không dân dụng ☐

e) Hành vi can thiệp bất hợp pháp khác ☐

Phần I: Các thông tin về sự cố

A. Các thông tin chung

1. Quốc gia cung cấp báo cáo

2. Thời gian xảy ra sự cố (ngày/tháng/năm)

3. Thời điểm xảy ra sự cố (giờ địa phương tính theo 24 giờ)

Khoảng thời gian xảy ra sự cố

B. Các chi tiết của hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Thông tin về chuyến bay

Ngày khởi hành của chuyến bay (ngày/tháng/năm)

Giờ khởi hành của chuyến bay (giờ địa phương - tính theo 24 giờ)

Số hiệu chuyến bay

Loại tàu bay

Nhà khai thác

Số lượng hành khách

Số lượng thành viên tổ bay

Nhân viên an ninh trên không được bố trí trên chuyến bay (nếu có)

Số lượng kẻ phạm tội

Loại chuyến bay (thường lệ, thuê chuyến v.v..)

Sân bay khởi hành:

Tên..... Quốc gia.....

Nơi đến theo dự định:

Tên..... Quốc gia.....

2. Tàu bay

Quốc gia đăng ký

Số hiệu đăng ký

Loại tàu bay

Sân bay mà ở đó thiết bị/chất phá hoại (được cho rằng) đã đưa lên tàu bay

3. Các công trình hoặc trang thiết bị của sân bay bị ảnh hưởng

C. Sự việc	Trên mặt đất	☐
1. Vị trí của tàu bay	Đang bay	☐
2. Trang thiết bị mặt đất	Trong sân bay	☐
	Ngoài sân bay	☐

3. Vũ khí/thiết bị	Mô tả	Thật	Giả
Vũ khí 1		☐	☐
Vũ khí 2		☐	☐
Vũ khí 3		☐	☐
Vũ khí 4		☐	☐
Vũ khí 5		☐	☐
Thuốc nổ		☐	☐
Chất cháy		☐	☐
Loại khác (mô tả)		☐	☐

4. Thông tin liên lạc

4.1. Nguồn đe dọa

Thông báo viết tay ☐

Gọi điện thoại ☐

Cách khác (mô tả)

4.2. Người nhận tin

Tổ bay ☐

Tổ tiếp viên ☐

Nhân viên mặt đất của hãng hàng không ☐

Hành khách ☐

Người khác (mô tả)

	Có	Không
4.3. Những đòi hỏi cụ thể?	☐	☐

4.4. Người truyền đạt các đòi hỏi đến nhà chức trách ở mặt đất

Phi công?	☐	☐
Kẻ tội phạm?	☐	☐

Người khác (mô tả)

	Có	Không
5. Các biện pháp ứng phó	☐	☐

5.1. Có nỗ lực nào ngăn chặn hành động của kẻ tội phạm không?

5.2. Nếu có, thì bằng cách nào?

Thương lượng ☐ Vũ lực ☐ Cách khác ☐

5.3. Kết quả

Thành công ☐ Không thành công ☐

	Có	Không
5.4. Kẻ tội phạm có vào buồng lái không?	☐	☐

Nếu có, mô tả.....

	Có	Không
5.5. Các thành viên của tổ bay có danh mục kiểm tra bom không?	☐	☐

5.6. Thành viên của tổ bay có quen thuộc với vị trí đặt bom ít bị hư hại nhất không ? ☐ ☐

5.7. Kẻ tội phạm có:

- Kiến thức kỹ thuật về hoạt động của tàu bay không? ☐ ☐
- Quen thuộc với thiết kế của tàu bay? ☐ ☐
- Kiến thức về sân bay hoặc các phương tiện dẫn đường chính? ☐ ☐

Nếu có yêu cầu giải thích.....

6. Nơi tránh của tàu bay (yêu cầu trả lời chỉ khi tàu bay bay tránh)

6.1. Thống kê các sân bay theo thứ tự về thời gian

Sân bay	Nước điểm đến	Thời gian và thời điểm đi	Thời gian và thời điểm hạ cánh	Được phép	
				Có	Không
a/.....				☐	☐
b/.....				☐	☐
c/.....				☐	☐
d/.....				☐	☐
e/.....				☐	☐

6.2. Có đủ nhiên liệu để đến tất cả các nơi đã được phép? liệt kê dưới đây

	Có	Không
a/.....	☐	☐
b/.....	☐	☐
c/.....	☐	☐
d/.....	☐	☐
e/.....	☐	☐

Nếu có, mô tả.....

6.3. Tổ lái có các bản đồ cần thiết phù hợp của các nơi đến?

Thống kê dưới đây	Có	Không
a/.....	☐	☐
b/.....	☐	☐
c/.....	☐	☐

d/..... ☐ ☐

e/..... ☐ ☐

Nếu có, mô tả.....

6.4. Có hành khách nào được phép rời tàu bay tại một sân bay nào đó không?

Thống kê sân bay theo thứ tự thời gian

Sân bay	Có	Không
a/.....	☐	☐
b/.....	☐	☐
c/.....	☐	☐
d/.....	☐	☐
e/.....	☐	☐

Nếu có, mô tả.....

6.5. Có hành động tại sân bay nào đó để giải quyết sự cố không ?

Thống kê dưới đây

Sân bay	Có	Không
a/.....	☐	☐
b/.....	☐	☐
c/.....	☐	☐
d/.....	☐	☐
e/.....	☐	☐

Nếu có, mô tả.....

6.6. Có tiến hành bảo dưỡng tại sân bay nào đó không?

Thống kê dưới đây:

Sân bay	Có	Không
a/.....	☐	☐
b/.....	☐	☐
c/.....	☐	☐
d/.....	☐	☐
e/.....	☐	☐

Nếu có, mô tả.....

D. Những kẻ tội phạm

Tổng số những kẻ tội phạm.....

1. Tên..... (nam/nữ)

Bí danh.....

Ngày sinh..... Nơi sinh..... Quốc tịch.....

(ngày/tháng/năm)

Sân bay lên tàu bay.....

Tên Nước

Kẻ tội phạm vào được tàu bay, công trình như thế nào?

.....

.....

2. Tên..... (nam/nữ)

Bí danh.....

Ngày sinh..... Nơi sinh..... Quốc tịch.....

(ngày/tháng/năm)

Sân bay lên tàu bay.....

Tên Nước

Kẻ tội phạm vào được tàu bay/công trình như thế nào?

.....

.....

3. Tên..... (nam/nữ)

Bí danh.....

Ngày sinh..... Nơi sinh..... Quốc tịch.....

(ngày/tháng/năm)

Sân bay lên tàu bay.....

Tên Nước

Kẻ tội phạm vào được tàu bay, công trình như thế nào?

.....

E. An ninh sân bay

	Có	Không
1. Sân bay nơi kẻ tội phạm lên tàu bay có chương trình an ninh sân bay?	☐	☐

2. Chương trình an ninh có quy định sự bảo vệ đối với khu bay (như hàng rào, người bảo vệ, cổng được khóa, tuần tra, hệ thống nhận diện...) không?	☐	☐
3. Có các thẻ nhận dạng được cấp cho các nhân viên mặt đất và các dịch vụ bổ trợ có được xem xét thường xuyên không?	☐	☐
4. Kiểm tra, soi chiếu hành khách, tổ lái và hành lý xách tay:	☐	☐
a) Tất cả hành khách và hành lý xách tay có phải chịu sự kiểm tra, soi chiếu đối với tất cả các chuyến bay quốc tế không?	☐	☐
b) Tất cả hành khách và hành lý xách tay có phải chịu sự kiểm tra, soi chiếu đối với tất cả các chuyến bay trong nước không?	☐	☐
c) Các thành viên của tổ lái có chịu sự kiểm tra an ninh hàng không không?	☐	☐
d) Tất cả hành khách và hành lý xách tay của họ đã qua kiểm tra, soi chiếu có được kiểm tra lại trước khi lên tàu bay nếu chúng để lẫn hoặc tiếp xúc với những người chưa qua kiểm tra, soi chiếu không?	☐	☐
5. Hệ thống kiểm tra, soi chiếu được sử dụng.		
Soi chiếu tại cửa (lối vào trực tiếp đến tàu bay)	☐	☐
Soi chiếu khu cách ly nhỏ trước khi lên tàu bay	☐	☐
Soi chiếu phòng chờ lớn	☐	☐
6. Hệ thống kiểm tra an ninh hàng không được sử dụng:		
Thiết bị phát hiện kim loại:		
Cổng từ	☐	☐
Thiết bị cầm tay	☐	☐
Thiết bị soi chiếu tia X	☐	☐
Kiểm tra bằng tay	☐	☐
Loại khác	☐	☐
7. Hoạt động của các thiết bị phát hiện kim loại và các máy soi tia X gần đây có được kiểm tra sử dụng đồ vật thử nghiệm không?	☐	☐

8. Có huấn luyện đều đặn với các nhân viên kiểm soát an ninh hàng không sử dụng máy phát hiện kim loại và máy soi tia X không?	☐	☐
9. Đối chiếu hành lý:		
a) Có thực hiện việc cân đối số lượng hành khách đã làm thủ tục với số lượng hành lý được đưa lên tàu bay không?	☐	☐
b) Có thủ tục ở như điểm a trên đối với các hành khách nối chuyến và các hành lý ký gửi liên chặng của họ không?	☐	☐
10. Những kẻ tội phạm có chống lại các biện pháp an ninh tại chỗ bằng cách sử dụng:		
Sức mạnh	☐	☐
Cách khác	☐	☐

Mô tả tóm tắt.....

11. Các biện pháp và thủ tục mới nào sẽ được thực hiện hoặc dự tính sẽ thực hiện để ngăn chặn sự cố tương tự tái diễn?

.....

F. Kết thúc sự cố

1. Vị thế của người thương lượng (giải thích nếu người đàm phán có quyền quyết định hoặc chỉ hành động như người trung gian)

.....

2. Sân bay, tàu bay

Số lượng những người bị ảnh hưởng:

	Bị chết	Bị thương
Tổ lái	.....	.....
Hành khách	.....	.....
Tội phạm	.....	.....
Những người khác	.....	.....

3. Hoàn cảnh chết và bị thương

.....

4. Thiệt hại đối với tàu bay, trang thiết bị sân bay (mô tả sơ lược bao gồm giá trị tổn thất, thời gian đã mất, và các chuyến bay bị ảnh hưởng)

.....

5. Cung cấp bất cứ thông tin bổ sung nào liên quan đến sự đối phó với các thủ tục an ninh trong quá trình xảy ra sự cố.

.....

Phần II: Các thông tin liên quan đến các hành động đã thực hiện để giải phóng hành khách và tổ lái và trả lại tàu bay, nếu có thể

1. Hành động đã thực hiện để giải phóng hành khách và tổ lái:

.....

2. Hành động đã thực hiện để tạo điều kiện cho việc tiếp tục cuộc hành trình của hành khách và tổ lái càng sớm càng tốt:

.....

3. Hành động đã thực hiện để trả lại tàu bay và hàng hóa của nó, không chậm trễ, cho những người có quyền sở hữu hợp pháp:

.....

Phần III: Thông tin liên quan đến các biện pháp được thực hiện đối với những kẻ tội phạm

1. Hành động của các cơ quan có thẩm quyền trong việc bắt giữ những kẻ tội phạm và những biện pháp được thực hiện khác để bảo đảm có sự hiện diện của kẻ tội phạm:

.....

2. Hành động được thực hiện để tiến hành các thủ tục dẫn độ hoặc đệ trình trường hợp này đến các cơ quan có thẩm quyền để truy tố; thông báo về kết quả của các thủ tục như vậy (nếu có), (mặt khác, cung cấp các thông tin như vậy một cách riêng rẽ, sớm nhất).

.....

Phần IV: Các thông tin bổ sung có liên quan khác

.....

Tên.....

Chức danh.....

Cơ quan

- Báo cáo này theo yêu cầu của Phụ lục 17, Mục 11 của Công ước La-hay, Điều 13 Công ước Mông-rê-an.

- Báo cáo này được hoàn thành và gửi tới ICAO trong vòng 60 ngày kể từ khi xảy ra sự cố với các thông tin liên quan.

Phụ lục XXIV

CÁC MẪU BIÊN BẢN VI PHẠM, BÁO CÁO AN NINH HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

A. MẪU BIÊN BẢN VI PHẠM AN NINH HÀNG KHÔNG

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /.....	(Địa danh.....), ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN VI PHẠM

về.....

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....

I. Chúng tôi gồm:

1. Họ và tên:..... Chức vụ:.....

2. Họ và tên..... Chức vụ:.....

II. Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà)..... Nghề nghiệp/chức vụ.....

- Địa chỉ thường trú (tạm trú):.....

- Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

2. Ông (bà)..... Nghề nghiệp/chức vụ:.....

- Địa chỉ thường trú:.....;

- Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

III. Tiến hành lập biên bản vi phạm đối với:

1. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:..... Giới tính.....;

- Địa chỉ thường trú (tạm trú):.....;

- Đơn vị công tác.....

- Sinh ngày..... tháng..... năm.....

- Chứng minh nhân dân số (hộ chiếu)..... Cấp ngày..... tại.....

- Quốc tịch.....

IV. Nội dung sự việc vi phạm:

- Ghi rõ nội dung vi phạm, các hành vi vi phạm, diễn biến sự việc vi phạm

- Ghi rõ các thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra, người, cơ quan bị thiệt hại, họ tên, địa chỉ của họ

- Liệt kê tang vật, phương tiện vi phạm, các loại tài liệu và giấy tờ liên quan bị tạm giữ

V. Theo yêu cầu của Cảng vụ hàng không..... để xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật, [*tên người ra quyết định*] quyết định chuyển giao người, phương tiện, tang vật vi phạm cho..... để giải quyết theo thẩm quyền.

Biên bản gồm..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau, một bản được giữ lại.....[1], một bản giao cho người vi phạm, một bản giao cho Cảng vụ hàng không..... một bản giao cho.....[2]

Biên bản này đã được đọc lại cho người vi phạm, người làm chứng cùng nghe và đồng ý, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận (lưu ý ký vào từng trang biên bản, trong trường hợp có ý kiến khác thì ghi bảo lưu bên dưới biên bản).

Người vi phạm	**Người chứng kiến**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cảng vụ hàng không
(Ký ghi rõ họ tên)

- Người vi phạm không ký biên bản vì:.....
- Người làm chứng không ký biên bản vì:.....
- Ý kiến bảo lưu.....

Người lập biên bản
(Ký, ghi rõ họ tên)

[1] "Bộ phận an ninh hàng không (Trung tâm, Phòng, Ban, Đội...)"[101] đối với biên bản do lực lượng kiểm soát an ninh hàng không lập; đối với các doanh nghiệp khác thì ghi "Đơn vị, Phòng hoặc Đội, Tổ bảo vệ" theo thực tế tổ chức lực lượng bảo vệ của doanh nghiệp.

[2] Đơn vị nhận bàn giao không phải Cảng vụ, như đồn công an..., hải quan cửa khẩu..., công an phường...

---

[101] Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 88 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

B. MẪU BIÊN BẢN VỤ VIỆC

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /..... Địa danh....., ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN VỤ VIỆC

về.....

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....

I. Chúng tôi gồm:

1. Họ và tên:.....Chức vụ:.....

2. Họ và tên..... Chức vụ:.....

II. Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà)..... Nghề nghiệp/chức vụ.....

- Địa chỉ thường trú (tạm trú):.....
- Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

2. Ông (bà)..... Nghề nghiệp/chức vụ:.....

- Địa chỉ thường trú:.....;
- Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

III. Người trực tiếp liên quan:

1. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:..... Giới tính.....;

- Địa chỉ thường trú (tạm trú):.....;
- Đơn vị công tác.....
- Sinh ngày..... tháng..... năm.....
- Chứng minh nhân dân số (Hộ chiếu)..... Cấp ngày..... tại.....
- Quốc tịch.....

IV. Nội dung vụ việc:

- Ghi rõ nội dung, các hành vi, diễn biến vụ việc

- Ghi rõ các thiệt hại do vụ việc gây ra, người, cơ quan bị thiệt hại, họ tên, địa chỉ của họ

- Liệt kê tang vật, phương tiện, các loại tài liệu và giấy tờ liên quan bị tạm giữ

V. Theo yêu cầu của Cảng vụ hàng không..... để xử lý vụ việc theo đúng quy định của pháp luật, [*tên người ra quyết định*] quyết định chuyển giao người, phương tiện, tang vật vi phạm cho...để giải quyết theo thẩm quyền.

Biên bản gồm..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau, một bản được giữ lại.....[1],... bản giao cho người trực tiếp liên quan, một bản giao cho Cảng vụ hàng không.....một bản giao cho.....[2]

Biên bản này đã được đọc lại cho người trực tiếp liên quan, người làm chứng cùng nghe và đồng ý, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận (lưu ý ký vào từng trang biên bản, trong trường hợp có ý kiến khác thì ghi bảo lưu bên dưới biên bản).

Người trực tiếp liên quan	**Người chứng kiến**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cảng vụ hàng không
(Ký ghi rõ họ tên)

- Người trực tiếp liên quan không ký biên bản vì:.....
- Người làm chứng không ký biên bản vì:.....
- Ý kiến bảo lưu.....

Người lập biên bản

(Ký, ghi rõ họ tên)

[1] "Bộ phận an ninh hàng không (Trung tâm, Phòng, Ban, Đội...)"[102] đối với biên bản do lực lượng kiểm soát an ninh hàng không lập; đối với các doanh nghiệp khác thì ghi "Đơn vị Phòng hoặc Đội, Tổ bảo vệ" theo thực tế tổ chức lực lượng bảo vệ của doanh nghiệp.

[2] Đơn vị nhận bàn giao không phải Cảng vụ, như đồn công an..., hải quan cửa khẩu..., công an phường...

---

[102] Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 88 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

C. MẪU BIÊN BẢN BÀN GIAO

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /BBBG	Địa danh....., ngày tháng năm 20....

BIỂN BẢN BÀN GIAO

Vụ việc:.....

Vào hồi..... giờ..... ngày... tháng..... năm.....

Tại....., theo yêu cầu của Cảng vụ hàng không.....

1. Đại diện bên giao......

- Ông (bà)..... Chức vụ.....
- Đơn vị:.....

2. Đại diện bên nhận......

- Ông (bà)..... Chức vụ.....
- Đơn vị:.....

Hai bên cùng nhau tiến hành bàn giao như sau:

I. Bàn giao người vi phạm:

1. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:..... Giới tính.....;
- Địa chỉ thường trú (tạm trú):.....;
- Đơn vị công tác.....
- Sinh ngày..... tháng..... năm.....
- Chứng minh nhân dân số (Hộ chiếu)..... Cấp ngày..... tại.....
- Quốc tịch.....
- Biểu hiện tình trạng sức khỏe:.....

2. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:..... Giới tính.....;
- Địa chỉ thường trú (tạm trú):.....;
- Đơn vị công tác.....
- Sinh ngày..... tháng..... năm.....
- Chứng minh nhân dân số (Hộ chiếu)..... Cấp ngày..... tại.....
- Quốc tịch.....
- Biểu hiện tình trạng sức khỏe:

3. .....

II. Bàn giao phương tiện, tang vật, tài sản:

Liệt kê theo thứ tự các phương tiện, tang vật, tài sản, tài liệu...

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản gồm..... trang, được lập xong hồi..... giờ..... cùng ngày gồm.... bản có nội dung và giá trị như nhau, một bản được giữ lại..... [1], một bản giao cho Cảng vụ hàng không..... một bản giao cho..... [2]

Biên bản này đã được đọc lại cho đại diện bên giao và bên nhận cùng nghe, đồng ý, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận (lưu ý ký vào từng trang biên bản).

Đại diện bên giao	**Đại diện bên nhận**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cảng vụ[3]

(Ký, ghi rõ họ tên)

[1] "Bộ phận an ninh hàng không (Trung tâm, Phòng, Ban, Đội...)"[103] đối với biên bản do lực lượng kiểm soát an ninh hàng không lập; đối với các doanh nghiệp khác thì ghi "đơn vị, phòng hoặc đội, tổ bảo vệ" theo thực tế tổ chức lực lượng bảo vệ của doanh nghiệp.

[2] Đơn vị nhận bàn giao không phải Cảng vụ hàng không như đồn công an..., hải quan cửa khẩu...,

[3] Cảng vụ ký vào mục này trong trường hợp nơi nhận bàn giao không phải là Cảng vụ, Cảng vụ nhận bàn giao thì ký vào đại diện bên nhận.

---

[103] Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 88 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

D. MẪU BÁO CÁO BAN ĐẦU

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG...** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /.....	Địa danh....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam
(Phòng An ninh hàng không)

BÁO CÁO BAN ĐẦU

Vụ việc:.....

1. Tóm tắt diễn biến vụ việc và hậu quả tác hại:
(Thời gian, địa điểm, trình tự diễn biến sự việc, hậu quả tác hại.....)
.....
2. Đối tượng vi phạm:
- Họ và tên:..... Nam, nữ..... Quốc tịch.....
Địa chỉ thường trú:.....
Hộ chiếu, CMTND..... Số:..... Nơi cấp.....
- Họ và tên:..... Nam, nữ..... Quốc tịch.....
Địa chỉ thường trú:.....
Hộ chiếu, CMTND,..... Số:..... Nơi cấp.....
3. Các biện pháp đã và đang làm:
(Lập biên bản, thu giữ giấy tờ tùy thân, thẻ kiểm soát an ninh hàng không, giấy phép nhân viên hàng không, giữ người, đồ vật, phương tiện vi phạm, lấy lời khai nhân chứng, người vi phạm và những người liên quan...).....
.....
4. Đánh giá nhận xét:
(Về tính chất, mức độ vi phạm; vi phạm vào điều khoản nào của quy định nào; dự kiến xử phạt.....).....
5. Ý kiến đề xuất:.....

Nơi nhận: - ..... - ..... - Lưu.....	**GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ.....**

Đ. MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG...** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /.....	Địa danh....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ

Vụ việc:.....

Tiếp theo báo cáo ban đầu về vụ việc vi phạm số:...../.... ngày... tháng..... năm.... Cảng vụ hàng không..... báo cáo kết quả xử lý cuối cùng như sau:

1. Diễn biến vụ việc sau khi điều tra làm rõ:

(Nếu kết quả điều tra làm rõ như báo cáo ban đầu thì chỉ cần ghi diễn biến như đã nêu trong báo cáo ban đầu. Nếu có những thay đổi thì nêu rõ, cụ thể những thay đổi.....).....

2. Biện pháp xử lý:

(Nêu rõ các biện pháp áp dụng xử lý đối với cá nhân, tổ chức vi phạm như: xử phạt vi phạm hành chính; thu giữ phương tiện, giấy tờ.....)

.....

3. Các khuyến cáo yêu cầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan khắc phục sơ hở, thiếu sót:

(Nêu cụ thể từng nội dung khuyến cáo cá nhân, tổ chức, đơn vị phải thực hiện khắc phục, thời gian khắc phục)

.....

.....

Nơi nhận: - Như trên; - Phòng An ninh hàng không (Cục HKVN); - Thanh tra hàng không (Cục HKVN); - ..... - Lưu.....	**GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ.....**

Phụ lục XXV
TÚI ĐỰNG CHẤT LỎNG ĐƯỢC PHÉP MANG THEO NGƯỜI, HÀNH LÝ XÁCH TAY TRÊN CHUYẾN BAY QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Túi đựng 1000 mi-li-lít chất lỏng hành khách mua ngoài khu vực cách ly

1.1. Túi nhựa trong suốt; kích cỡ túi đựng đủ chứa không quá 10 lọ 100 mi-li-lít (không quá 25 cen-ti-mét x 20 cen-ti-mét).

1.2. Miệng túi có thể mở ra đóng lại được để phục vụ cho việc kiểm tra an ninh hàng không tại điểm kiểm tra an ninh hàng không.

2. Túi nhựa an ninh (Security tamper-evident bag (STEB)) đựng chất lỏng mua tại cửa hàng trong khu vực cách ly quốc tế, trên tàu bay

2.1. Vật liệu để sản xuất túi:

a) Trong suốt (sử dụng chất liệu nhựa pô-ly-me mềm chịu lực tốt hoặc vật liệu tương tự);

b) Kích cỡ tùy theo yêu cầu; độ dày tối thiểu 50 mi-crô-mét.

2.2. Miệng túi: có dải băng dính miệng túi có độ dính cao, rộng tối thiểu 30 mi-li-mét, có các họa tiết chìm; đường lót dải băng dính rộng tối thiểu 40 mi- li-mét; khi bóc dải băng dính sẽ rách hỏng và các hoạ tiết chìm sẽ hiện lên.

2.3. Cạnh và đáy túi: đường viền cạnh và đáy túi màu đỏ, có kích thước trên 15 mi-li-mét, in dòng chữ "Không được mở" hoặc tên cảng hàng không hoặc những thông tin, họa tiết dọc theo đường viền với khổ chữ tối thiểu 5 mi-li-mét.

2.4. Mặt trước túi:

a) Biểu tượng an ninh màu xanh lá cây ở giữa túi;

b) Dòng chữ in màu đỏ ở đáy túi: "Không được mở cho đến hết hành trình - Nếu túi bị hỏng niêm phong, hàng hóa trong túi có thể bị tịch thu";

c) Phía trên miệng túi có 03 chữ VNM đối với túi của cửa hàng miễn thuế; mã quốc tế của hãng hàng không đối với túi bán hàng miễn thuế trên tàu bay;

d) Tên của nhà sản xuất túi hoặc mã của nhà sản xuất đã đăng ký với ICAO;

đ) Số xê-ri kiểm soát.

2.5. Phần túi nhỏ đựng hóa đơn, biên lai có kích cỡ phù hợp với cỡ hóa đơn, biên lai nằm bên trong túi, ở vị trí dễ thấy bên trái phía trên túi (có thể thay bằng một túi nhỏ để rời).

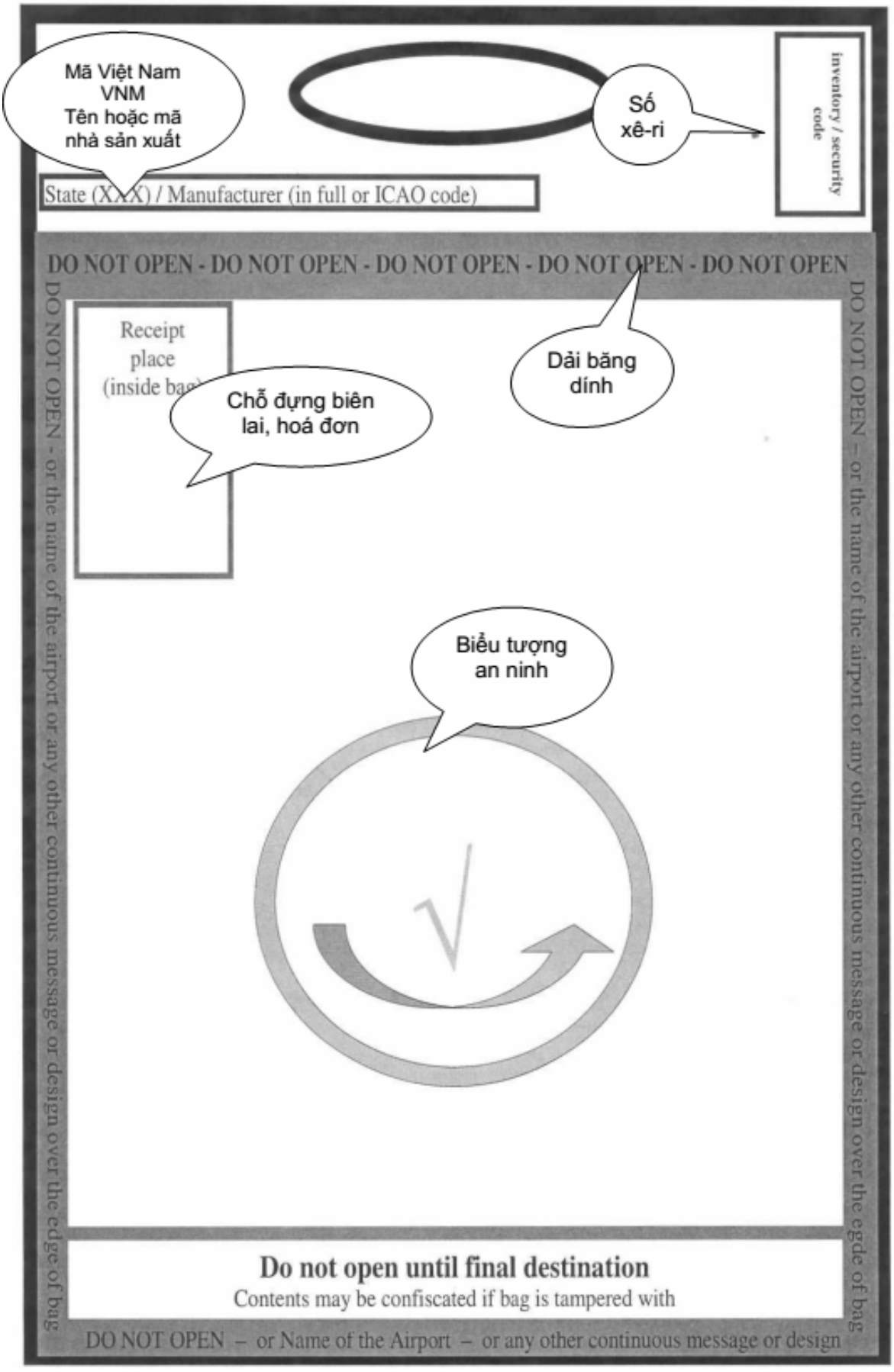
Mã Việt Nam
VNM
Tên hoặc mã
nhà sản xuất
Số
xê-ri
inventory / security code
State (XXX) / Manufacturer (in full or ICAO code)
DO NOT OPEN - DO NOT OPEN - DO NOT OPEN - DO NOT OPEN - DO NOT OPEN
DO NOT OPEN - or the name of the airport or any other continuous message or design over the edge of bag
DO NOT OPEN - or the name of the airport or any other continuous message or design over the egde of bag
Receipt
place
(inside bag)
Chỗ đựng biên
lai, hoá đơn
Dải băng
dính
Biểu tượng
an ninh
Do not open until final destination
Contents may be confiscated if bag is tampered with
DO NOT OPEN – or Name of the Airport – or any other continuous message or design

Phục lục XXVI

MẪU TỜ KHAI MANG ĐỒ VẬT, PHƯƠNG TIỆN VÀO KHU VỰC HẠN CHẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Phần tự khai

Họ và tên:

Số thẻ kiểm soát an ninh hàng không:

Đơn vị công tác:

Nội dung khai báo đồ vật, phương tiện mang vào/ra khu vực hạn chế:

STT	Tên đồ vật, phương tiện	Số lượng		Chủng loại	Mục đích sử dụng	Thời gian		Ghi chú
		Mang vào	Mang ra			Mang vào	Mang ra	
01								
02								
03								

Tôi cam đoan nội dung khai trên là đúng sự thật, không còn mang bất kỳ đồ vật nào khác theo người ngoài nội dung đã khai bảo ở trên.

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

II. Phần xác nhận của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Tôi đã kiểm tra toàn bộ đồ vật mang vào khu vực hạn chế của ông (bà):..... đúng/không đúng với nội dung khai ở trên.

Nhân viên kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

2. Tôi đã kiểm tra toàn bộ đồ vật mang ra khỏi khu vực hạn chế của ông (bà):... đúng/không đúng với nội dung khai ở trên.

(Nếu không đúng) Đã sử dụng:

Mục đích sử dụng:

Nhân viên kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phục lục XXVII

MẪU THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh Cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn (Thẻ dài hạn)

1.1 Chất liệu thẻ bằng nhựa PVC màu trắng, kích thước thẻ 5,3 cen-ti-mét x 8,5 cen-ti-mét.

1.2. Mặt trước thẻ chia làm 5 phần bao gồm:

a) Phần thứ 1: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 1,1 cen-ti-mét nền màu xanh cô ban (C:100; M:0; Y:0; K:0) có các nội dung: tên cơ quan đơn vị cấp thẻ bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

b) Phần thứ 2: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 0,5 cen-ti-mét nền trắng (C:0; M:0; Y:0; K:0), có các nội dung: đơn vị cấp thẻ, số thẻ và thời hạn hiệu lực của thẻ.

c) Phần thứ 3: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 3,4 cen-ti-mét nền hoa văn màu xám (C:0; M:0; Y:0; K:30), chia làm 03 cột có các nội dung: khu vực hạn chế được phép vào hoạt động và ảnh của người được cấp thẻ.

d) Phần thứ 4: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 1,97 cen-ti-mét nền hoa văn màu xám (C:0; M:0; Y:0; K:30), có các nội dung: cảng hàng không được phép vào hoạt động.

đ) Phần thứ 5: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 1,53 cen-ti-mét nền có biểu tượng (logo) Cục Hàng không Việt Nam in chìm mờ T-ram 65% nằm chính giữa, có các nội dung: Họ và tên người được cấp thẻ, chức danh, tên cơ quan đơn vị của người được cấp thẻ.

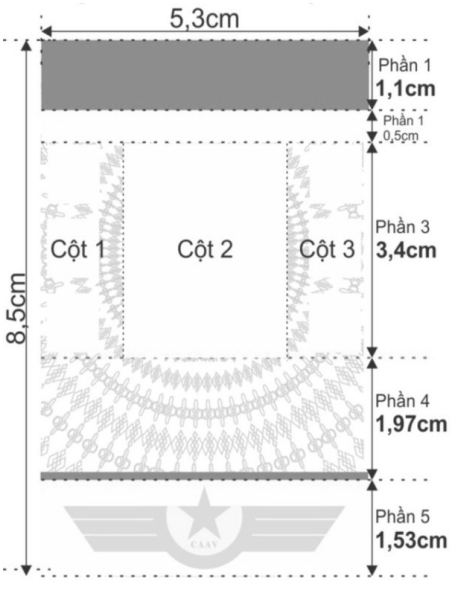

1.3. Mặt sau thẻ nền trắng có các quy định về quản lý, sử dụng thẻ

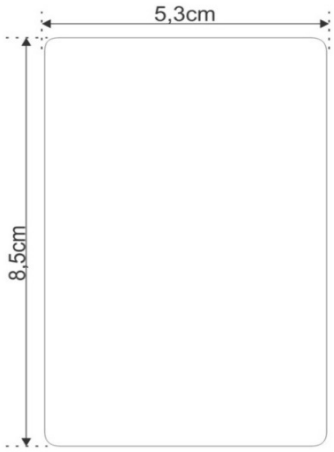

2. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn (Thẻ ngắn hạn)

2.1. Chất liệu thẻ bằng giấy cứng (couche hoặc bristol định lượng từ 250 - 300 g/m^2) màu trắng, kích thước thẻ 8,5 cen-ti-mét x 9,5 cen-ti-mét.

2.2. Mặt trước thẻ chia làm 3 phần bao gồm:

a) Phần thứ 1: kích thước 8,5 cen-ti-mét x 1,8 cen-ti-mét nền màu hồng (C: 0; M:100; Y:0; K:0) có các nội dung: tên cơ quan đơn vị cấp thẻ bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

b) Phần thứ 2: kích thước 8,5 cen-ti-mét x 6,7 cen-ti-mét nền trắng, có logo Cục Hàng không Việt Nam in chìm mờ T-ram 70% ở giữa, có các nội dung: cảng hàng không được phép vào hoạt động, số thẻ, Họ và tên người được cấp thẻ, số Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không sân bay dài hạn hoặc Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ dài hạn, khu vực hạn chế được phép vào hoạt động; thời hạn hiệu lực của thẻ.

c) Phần thứ 3: kích thước 8,5 cen-ti-mét x 1 cen-ti-mét nền màu hồng (C: 0; M:100; Y:0; K:0).

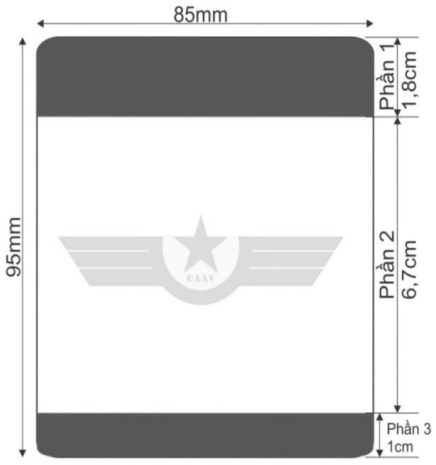

2.3. Mặt sau thẻ chia làm 3 phần bao gồm:

a) Phần thứ nhất: kích thước 8,5 cen-ti-mét x 1 cen-ti-mét nền màu hồng (C: 0; M:100; Y:0; K:0).

b) Phần thứ 2: kích thước 8,5 cen-ti-mét x 8 cen-ti-mét nền trắng có các quy định về quản lý, sử dụng thẻ.

c) Phần thứ 3: kích thước 8,5 cen-ti-mét x 0,5 cen-ti-mét nền màu hồng (C: 0; M:100; Y:0; K:0).

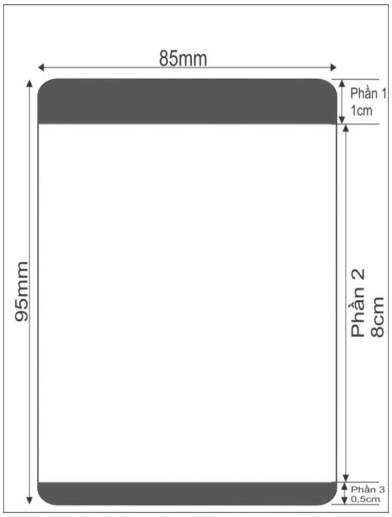

3. Mẫu giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn (Giấy phép dài hạn)

3.1. Chất liệu thẻ bằng giấy cứng (couche hoặc bristol định lượng từ 250-300 g/m^2) màu trắng, kích thước giấy phép 16,5 cen-ti-mét x 12 cen-ti-mét.

3.2. Mặt trước giấy phép

a) Phần thứ nhất: kích thước 16,5 cen-ti-mét x 1,7 cen-ti-mét nền màu đỏ cờ (C:0, M:100, Y:100, K:0) có các nội dung: tên cơ quan đơn vị cấp giấy phép bằng tiếng Việt.

b) Phần thứ 2: kích thước 16,5 cen-ti-mét x 9,3 cen-ti-mét nền màu vàng nhạt (C:0, M:0, Y:40, K:0) với hoa văn trống đồng Đông Sơn màu vàng đậm (C:0, M:5, Y:100, K:0) và logo Cục Hàng không Việt Nam in chìm T-ram 70% ở giữa, có các nội dung: cảng hàng không được phép vào hoạt động, số giấy phép, thời hạn hiệu lực của giấy phép, loại phương tiện; biển kiểm soát của phương tiện; khu vực được phép vào hoạt động; cơ quan, đơn vị chủ quản phương tiện; cổng vào, cổng ra.

c) Phần thứ 3: kích thước 16,5 cen-ti-mét x 1 cen-ti-mét nền màu đỏ cờ (C:0, M:100, Y:100, K:0).

3.3. Mặt sau giấy phép

a) Phần thứ nhất: Kích thước 16,5 cen-ti-mét x 1,5 cen-ti-mét nền màu đỏ cờ (C:0, M:100, Y:100, K:0).

b) Phần thứ 2: Kích thước 16,5 cen-ti-mét x 10 cen-ti-mét nền trắng có các quy định về quản lý, sử dụng giấy phép.

c) Phần thứ 3: Kích thước 16,5 cen-ti-mét x 0,5 cen-ti-mét nền màu đỏ cờ (C:0, M:100, Y:100, K:0).

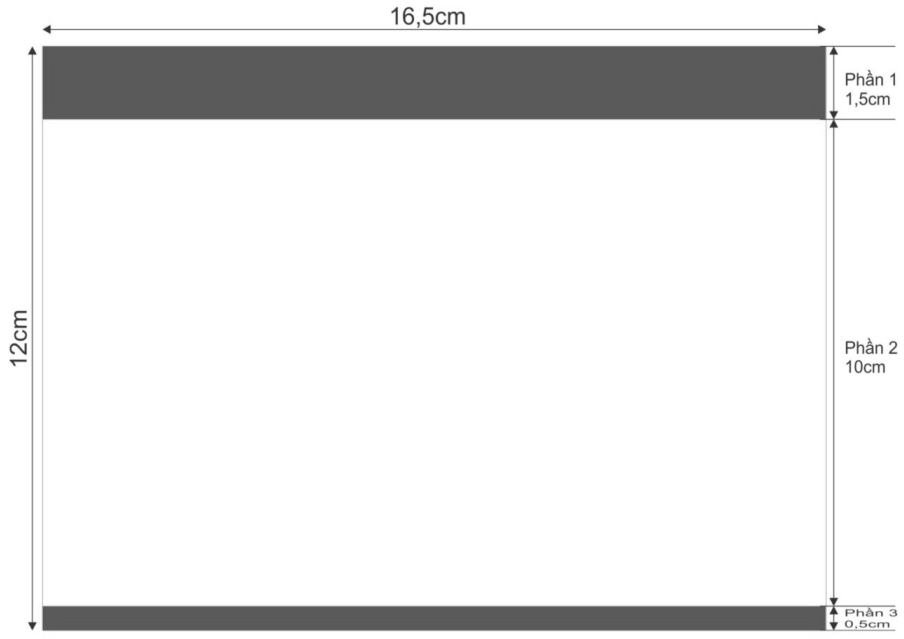

4. Mẫu giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn (Giấy phép ngắn hạn)

4.1. Chất liệu thẻ bằng giấy cứng (couche hoặc bristol định lượng từ 250 - 300 g/m^2) màu trắng, kích thước giấy phép 16,5 cen-ti-mét x 12 cen-ti-mét.

4.2. Mặt trước giấy phép

a) Phần thứ nhất: kích thước 16,5 cen-ti-mét x 1,7 cen-ti-mét nền màu hồng (C:0, M:100, Y:0, K:0) có các nội dung: tên cơ quan đơn vị cấp giấy phép bằng tiếng Việt.

b) Phần thứ 2: Kích thước 16,5 cen-ti-mét x 8,6 cen-ti-mét, nền trắng có biểu tượng logo Cục Hàng không Việt Nam in chìm T-ram 70% ở giữa và các nội dung: cảng hàng không được phép vào hoạt động; số giấy phép; loại phương tiện; biển kiểm soát của phương tiện; khu vực hạn chế được phép vào hoạt động; cơ quan, đơn vị chủ quản phương tiện; thời hạn hiệu lực của giấy phép; cổng ra, cổng vào;

c) Phần thứ 3: kích thước 16,5 cen-ti-mét x 1,7 cen-ti-mét nền màu đỏ cờ (C:0, M:100, Y:100, K:0).

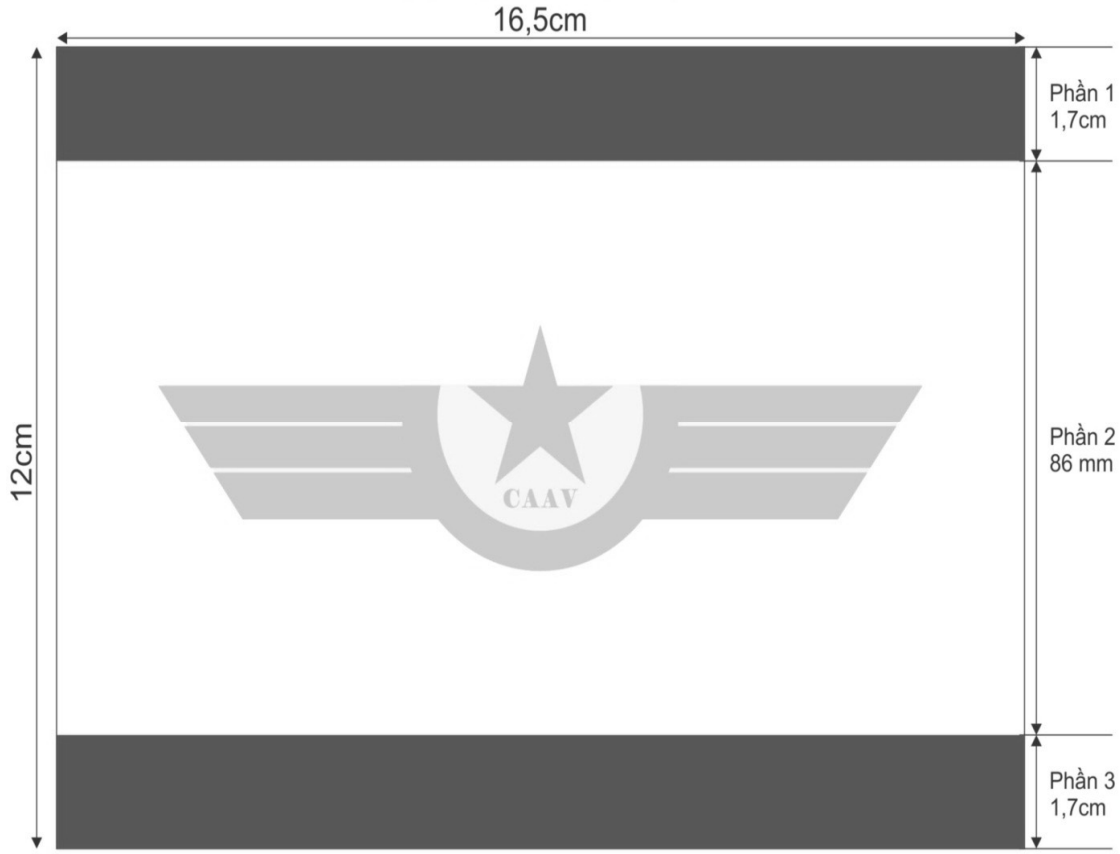

4.3. Mặt sau giấy phép

a) Phần thứ nhất: kích thước 16,5 cen-ti-mét x 1,7 cen-ti-mét nền màu hồng (C:0, M:100, Y:0, K:0).

b) Phần thứ 2: Kích thước 16,5 cen-ti-mét x 9,8 cen-ti-mét nền trắng có các quy định về quản lý, sử dụng giấy phép.

c) Phần thứ 3: kích thước 16,5 cen-ti-mét x 0,5 cen-ti-mét nền màu hồng (C:0, M:100, Y:0, K:0).

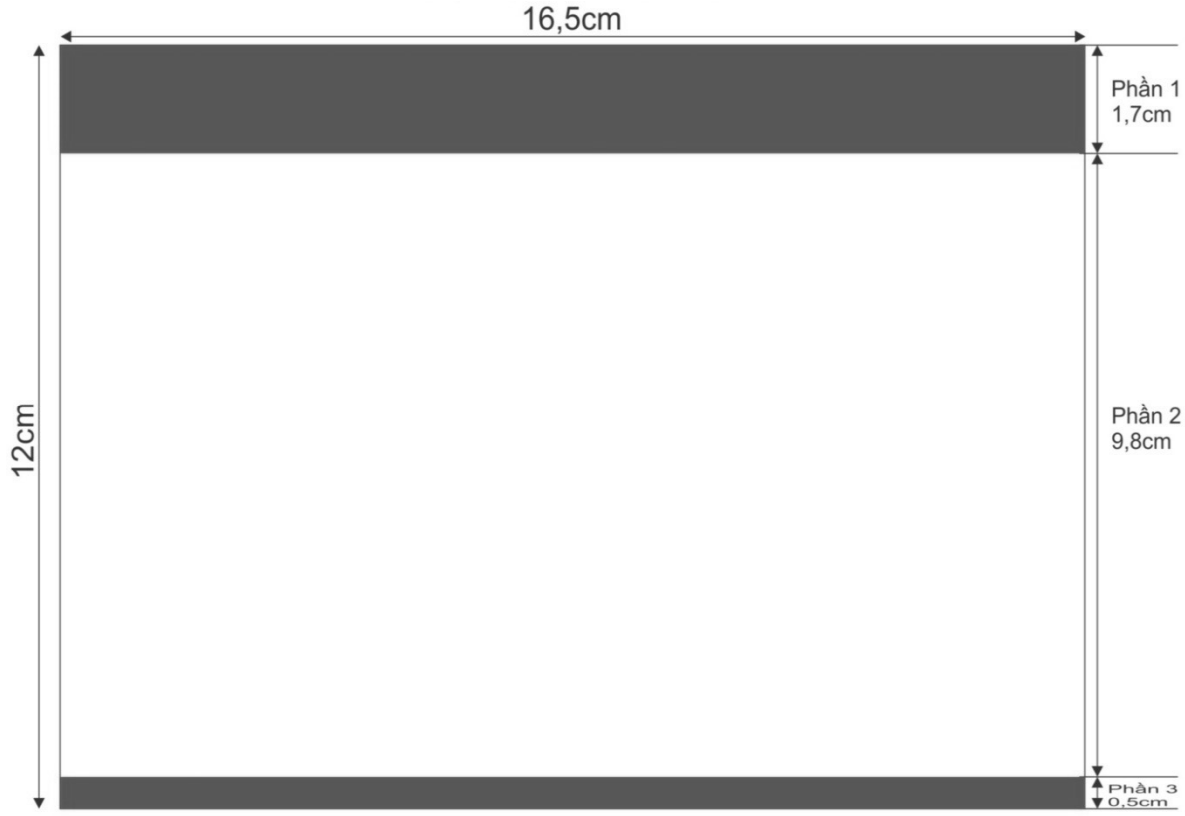

PHỤ LỤC XXVIII[104]

Mẫu đề cương báo cáo công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không năm.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ [1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-...[2]	*...[3]..., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO

Công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THIẾT BỊ AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM...

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không.

2. Thống kê số liệu thiết bị an ninh hàng không:

a) Phân loại về số lượng, chất lượng, thiết bị an ninh hàng không.

b) Cập nhật, bổ sung mới thiết bị an ninh hàng không.

c) Thiết bị an ninh hàng không bị hư hỏng.

d) Thiết bị an ninh hàng không bị tiêu hủy.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

a) Tồn tại, hạn chế

b) Nguyên nhân

4. Đánh giá chung:.....

---

[104] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:.....

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THIẾT BỊ AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không.

2. Công tác duy trì, bảo dưỡng, bổ sung, tiêu hủy thiết bị an ninh hàng không

Nơi nhận:
- .....[4];
- .....;
Lưu: VT,...[5]...[6].

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)
Họ và tên

**** Ghi chú:***

[1] Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

[2] Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

[3] Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;

[4] Nơi nhận báo cáo;

[5] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;

[6] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành

PHỤ LỤC XXIX[105]

Mẫu đề cương báo cáo công tác quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ và đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ năm.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ [1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-...[2]	*...[3]..., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO

Công tác quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ và đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ

2. Thống kê số liệu vũ khí, công cụ hỗ trợ:

a) Phân loại về số lượng, chất lượng vũ khí.

b) Phân loại về số lượng, chất lượng công cụ hỗ trợ.

c) Cập nhật, bổ sung mới vũ khí.

d) Cập nhật, bổ sung mới công cụ hỗ trợ.

đ) Vũ khí bị hư hỏng, tiêu hủy.

e) Công cụ hỗ trợ bị hư hỏng, tiêu hủy.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN VỀ BẢO QUẢN, SỬ DỤNG VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ

---

[105] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không dân dụng có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

2. Thống kê đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khĩ, công cụ hỗ trợ:

a) Đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí; cấp giấy phép sử dụng vũ khí cho lực lượng ANHK

b) Đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng công cụ hỗ trợ; cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ cho lực lượng ANHK.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN:

1. Tồn tại, hạn chế

2. Nguyên nhân

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG:.....

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:.....

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN VỀ BẢO QUẢN, SỬ DỤNG VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ NĂM.....

1. Công tác quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ

2. Công tác đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

Nơi nhận:
- .....[4];
- .....;
Lưu: VT,...[5]...[6].

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)
Họ và tên

**** Ghi chú:***

[1] Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

[2] Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

[3] Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;

[4] Nơi nhận báo cáo;

[5] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;

[6] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

PHỤ LỤC XXX[106]

Mẫu đề cương báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không năm.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ [1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-...[2]	...[3]..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

2. Hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không đã triển khai:

a) Thanh tra an ninh hàng không:

b) Kiểm tra an ninh hàng không toàn diện:

c) Kiểm tra an ninh hàng không hạn chế:

d) Điều tra an ninh hàng không:

đ) Thử nghiệm an ninh hàng không công khai:

e) Thử nghiệm an ninh hàng không bí mật:

g) Khảo sát an ninh hàng không:

h) Đánh giá an ninh hàng không:

i) Công tác lưu trữ hồ sơ hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

---

[106] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không dân dụng ,có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

a) Tồn tại, hạn chế

b) Nguyên nhân

4. Đánh giá chung:.....

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:.....

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

2. Kế hoạch hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

Nơi nhận:
- .....[4];
- .....;
Lưu: VT,...[5]...[6].

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)
Họ và tên

**** Ghi chú:***

[1] Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

[2] Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

[3] Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;

[4] Nơi nhận báo cáo;

[5] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;

[6] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.